NĂM THỨ MƯỜI BA • # 156 • APRIL 2002

# THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky@kicon.com

MỒ HÔI NƯỚC MẮT **ĐẶNG MAI LAN**

PHẤN QUỲ HƯƠNG **TRẦN HUY SAO**

KHI TUỔI TRẺ VỀ NGUỒN

**ĐOÀN XUÂN KIÊN**

# Kim Phú®

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP

1-888-546-7489

# Hổ Sổ Lê 2

Vào Ngày Thứ Hai 3 Tháng 6 Năm 2002

## Giải Đặc Biệt

$500 Đô La tiền mặt để tiêu xài
và 1 vé khứ hồi đi 8 ngày
Bắc Kinh/Thượng Hải/Hàn Châu/
Wuxi/Tô Châu

## Giải Nhì

$300 Đô La tiền mặt để tiêu xài
và tour cho 2 người đi 4 ngày 3 đêm
Hawaii

## Giải Ba

$200 Đô La tiền mặt để tiêu xài
và tour cho 2 người đi 4 ngày 3 đêm
Seattle/Vancouver/Victoria

Travel from June 5 to September 18, 2002 only.
Tour packages được bảo trợ bởi HWA HWA Travel Corp. (714) 891-9999

# TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

# Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

**15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683**

*(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)*

**(714) 839-4311 * (714) 839-4321**

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

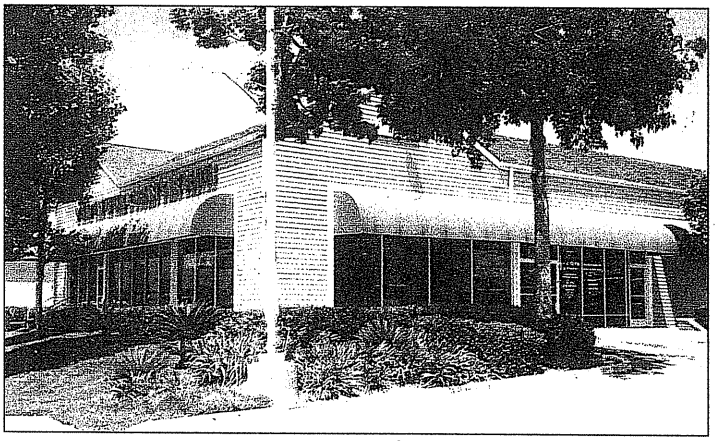

**TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER**

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

***2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER*** (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

***3- MÁY SIÊU ÂM MẦU*** - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

***4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN*** - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

***5- MÁY HITACHI OPEN MRI*** - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

# Quê hương lam lũ, dấu yêu!

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

***Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:***

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

*The Company You Keep*℠

www.newyorklife.com

## NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

| | | | |
|---|---|---|---|
| FOUNTAIN VALLEY: | 17330 Brookhurst St., Ste. 220 | Fountain Valley, CA 92708 | (714) 962-4440 |
| IRVINE: | 2020 S. Main St., Ste. 200 | Irvine, CA 92614 | (949) 797-2400 |
| LONG BEACH: | 6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste.180 | Long Beach, CA 90803 | (562) 493-2571 |
| POMONA: | 3201 Temple Ave., Ste. 200 | Pomona, CA 91768 | (909) 598-2333 |
| BREA: | 3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100 | Brea, CA 92621 | (714) 572-2100 |
| LA PALMA: | 6 Centerpointe Dr., Ste. 600 | La Palma, CA 90623 | (714) 228-2779 |

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành

©2001 New York Life Insurance Company. 51 Madison Avenue. New York. New York 10010. All rights reserved.

MỪNG LỄ PHỤC SINH 2002
HAPPY EASTER's HOLIDAYS

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO Paris by Night 63

chủ đề: DÒNG THỜI GIAN

**Phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2002**

**Thực hiện tại Knott's Berry Farm, Nam Cali**
**trước hơn 4000 khán giả**

*Điều Khiển Chương Trình:*

**NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN**

**Với sự góp mặt của các ca sĩ tên tuổi:**

KHÁNH HÀ - Ý LAN - NHƯ QUỲNH - LƯU BÍCH - PHI NHUNG - LOAN CHÂU
THỦY TIÊN - CHÂU NGỌC - BẢO HÂN - NGỌC HẠ - LYNDA TRANG ĐÀI
TRÚC LAM - TRÚC LINH - TÂM ĐOAN - TÚ QUYÊN - NHƯ LOAN
TUẤN NGỌC - NGUYỄN HƯNG - MẠNH QUỲNH - THẾ SƠN
DON HỒ - TOMMY NGÔ - TRẦN ĐỨC - TRẦN THÁI HÒA
LAY MINH - LƯƠNG TÙNG QUANG
**Ban nhạc Liberty, Vũ đoàn Paris by Night & Tracy Phạm (trình diễn thời trang)**

*Hài kịch "Lộng Giả Thành Chân" với Hồng Đào,*
*Trang Thanh Lan, Trúc Lam, Quang Minh & Calvin Hiệp*

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA : **714-894-5811**

**MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683**
**Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673**
**ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41**
**ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA**
**Tel: (02) 9796-7227**
**Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com**

**Phiếu mua Tạp Chí Thế Kỷ 21**

***Giá áp dụng từ 1- tháng 1- 2002***

# Quà tặng đầy ý nghĩa

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:(  )..... Sở Làm:(  )*.....

***ĐẶT MUA THẾ KỶ 21 :***

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

| | 6 Tháng | | 12 Tháng | | 24 Tháng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Bulk Rate Ground | 1st Class Air mail | Bulk Rate Ground | 1st Class Air mail | Bulk Rate Ground | 1st Class Air mail | Tên Quốc Gia |
| Giá | *US$ 25.00* | *US$32.00* | *US$ 50.00* | *US$68.00* | *US$ 90.00* | *US$120.00* | Hoa kỳ & Canada |
| Giá | | *US$48.00* | | *US$90.00 100 Euro* | | *US$170.00 189 Euro* | Pháp Đức Bỉ Hòa-Lan..Tây âu |
| Giá | | *US$35.00* | | *US$65.00* | | *US$112.00* | Nga, Tiệp, Ba lan.. Đông âu |
| *Giá* | | *US$55.00* | | *US$100.00* | | *US$194.00* | *Á châu, Úcchâu, Việt nam* |

*Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu hoặc bằng thẻ tín dụng để mua báo Tạp Chí **Thế Kỷ 21** theo ba cách:*

. BƯU ĐIỆN: Chi phiếu, ngân phiếu (money order) **xin ghi trả cho Tạp Chí Thế Kỷ 21** và gửi về địa chỉ : 11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA.92840. USA.

Liên lạc Ban trị sự: / Phát hành, gửi báo, báo thất lạc,trả tiền bằng Visa, Master Card.. Phone: (714) 534-9432 (12am-7pm PCT) Fax=714-534-9433 (24/24) Liên Lạc đăng quảng cáo : (714)775-6301 .

Liên Lạc về bài vở tòa soạn: (714) 839-8746 (Chủ bút)

. ĐIỆN THƯ: Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu và FAX về số (714) 534-9433.

. ĐIỆN THOẠI: Gọi Điện Thoại số (714) 839 - 8746 để cung cấp đầy đủ chi tiết ghi trong phiếu.

Họ Tên Người Mua /trả tiền: (như trên -----check vào đây)

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:(  )*.....

*Sở Làm:()*.....

***Sáng kiến đề nghị cùng tạp chí: (714) 585-4666***

**Báo cũ** : Để bổ túc các bộ tạp chí lưu trữ, Tòa soạn cần mua lại một số ấn bản Tạp Chí Thế Kỷ 21 sau đây:

Các số 7, 10, 33&34, 42, 48, 94, và 118&119.

Quí vị nào có dư những số tạp chí nói trên, xin liên lạc về tòa soạn, chúng tôi xin bồi hoàn tiền, hoặc đổi báo mới.

Thường xuyên **giảm giá 15% khi mua để tặng bạn hữu.**

Tạp chí đang mở rộng mạng phát hành, **cần thêm nhiều đại lý. Huê hồng cao.**

*Như thường lệ: Quí vị nào giới thiệu 3 độc giả, xin tặng 9 tháng báo; giới thiệu 5 độc giả mua báo, xin tăng nguyên năm 1st class*

# ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

***Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)***
**Real Estate Broker**

**Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm**
**trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.**
**Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:**

## Alpha Funding & Real Estate

## Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
*(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)*

***Hãy đến với***
**Thanh Thảo** tại **Alpha Funding & Real Estate**
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

**Hãy gọi Thanh Thảo**
**tại (714) 896-9000**
**hoặc số pager: (714) 592-7456**

**ALPHA FUNDING & REAL ESTATE**
**Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!**

# GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

**Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.**

**Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.**

**Có bán Video tự học tiếng Anh.**

**9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683**

***(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)***

## 714 897 9808

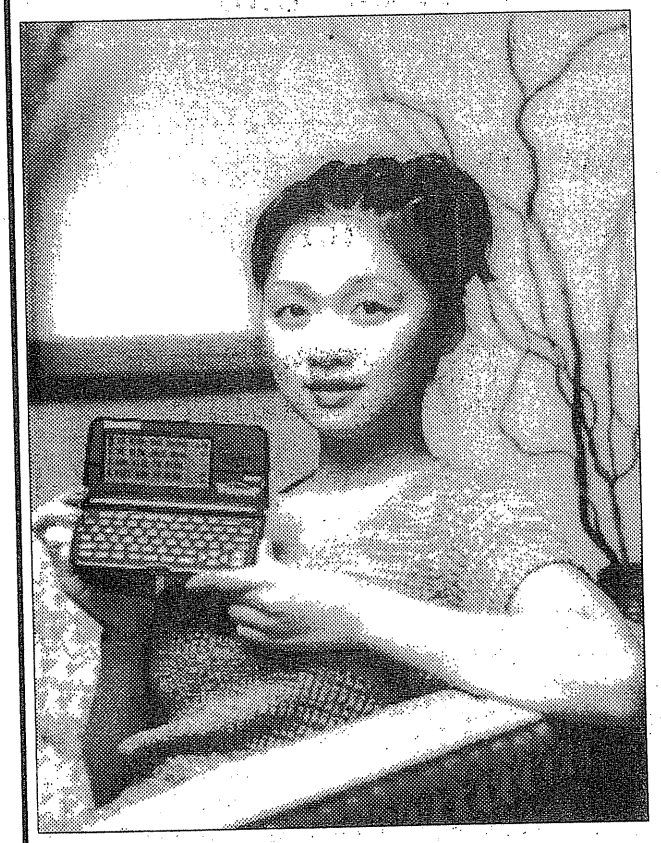

## EV-2001

*3 bộ tự điển căn bản:*

**Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh**

*10 bộ tự điển chuyên ngành:*

**Toán - Kinh Tế - Pháp Luật**
**Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa**
**Kiến Trúc - Thẩm Mỹ**
**Tin Học - Điện Tử**

***7 Đại Tự Điển trong một máy***

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

## EV 586

**Với 2 bộ tự điển chính yếu**
**Anh Việt (200.000 từ)**
**Việt Anh (100.000 từ)**

**Và nhiều tính năng ưu việt không máy nào có được**
**<u>Đặc biệt:</u> Luyện thi TOEFL,**
**Luyện thi nhập tịch Mỹ,**
**Luyện thi thẩm mỹ,...**

# Trung Tâm Quang Tuyến
# MAGNOLIA IMAGING & ADVANCED RADIOLOGY

Trung tâm quang tuyến do những bác sĩ có bằng chuyên môn thực thụ BOARD CERTIFIED rất giỏi, kinh nghiệm, tận tâm phục vụ cộng đồng từ năm 1987. Văn phòng được trang bị máy móc tối tân nhất trong cộng động hiện nay để định bệnh bằng quang tuyến, siêu âm và phóng xạ.

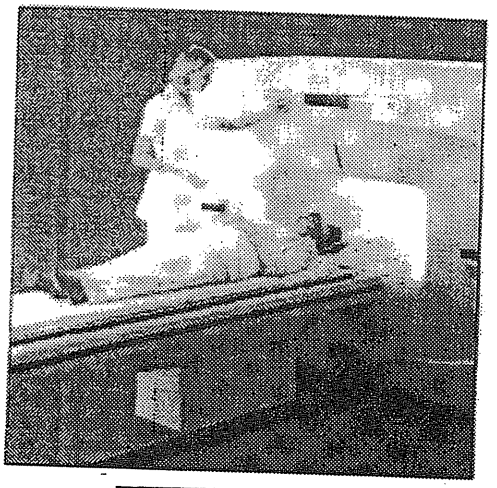

- X-RAY
- COLOR ULTRASOUND
- CAT SCAN
- MRI
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

## ĐẶC BIỆT CHO PHÁI NỮ

Do nữ chuyên viên đảm nhận

- Chụp ngực kỹ thuật mới rất ít phóng xạ
- Có máy siêu âm mầu để rà bướu tử cung và ngực rất rõ ràng tránh định bệnh sai

## ĐẶC BIỆT CHO PHÁI NAM

- Có máy siêu âm mầu đặc biệt chuyên rà ung thư nhiếp hộ tuyến (Prostate)

- Máy mới đặc biệt đo độ sốp xương (BONE DENSITY) chính xác tránh được nhiều bệnh như đau lưng, cụp xương sống, gãy xương do thiếu chất vôi.
- Có máy siêu âm mầu chụp mạch máu cổ để ngừa bị nghẽn gây ra liệt, bán thân bất toại (Tai biến mạch máu não - STROKE)

Máy móc của trung tâm được điều chỉnh, bảo trì và cải tiến thường xuyên, phẩm chất phim ảnh tốt nên rất rõ ràng và chính xác. Chúng tôi đã tìm được nhiều bệnh mà các trung tâm khác không tìm ra và được sự tín nhiệm của rất nhiều bác sĩ

CHÚ Ý: *Quý vị có quyền tự do lựa chọn bác sĩ quang tuyến*

**Giờ mở cửa:**
**Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 6PM**
**Thứ Bảy: 9AM - 3PM**

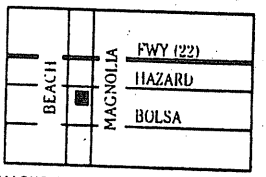


14571 MAGNOLIA #101 WESTMINSTER, CA 92683
Tel (714) 893-1915 Fax: (714) 898-8142

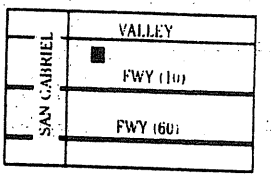


808 E. VALLEY BLVD. SAN GABRIEL, CA 91776
Tel: (626) 280-0431 Fax (626) 280-6840

**NHẬN HẦU HẾT CÁC LOẠI BẢO HIỂM, MEDICAL, MEDICARE, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO QUÝ VỊ TRẢ TIỀN MẶT**

# *Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:*

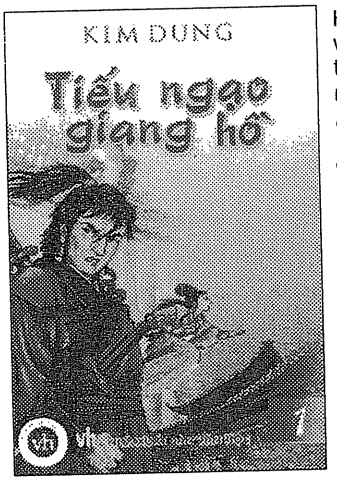


Hai bộ kiếm hiệp danh tiếng của KIM DUNG, sáng tác vào cuối thập niên 50, đầu thập niên 60, được chính tác giả biên tập và sửa chữa lại hoàn toàn vào thập niên 70, đã trở thành những ***siêu tác phẩm hoàn chỉnh nhất, giá trị nhất của tiểu thuyết võ hiệp:***

**TIẾU NGẠO GIANG HỒ**
Bản dịch của **VŨ ĐỨC SAO BIỂN, TRẦN HẢI LINH, LÊ THỊ ANH ĐÀO**
với **Lệnh Hồ Xung, Doanh Doanh**... đã làm say mê bao nhiêu thế hệ độc giả cách đây ngót bốn mươi năm ở miền Nam...Trọn bộ 8 cuốn, giá 79 Mỹ kim.

**ANH HÙNG XẠ ĐIÊU**
Bản dịch của **CAO TỰ THANH**
**Hoàng Dung, Quách Tĩnh**... vẫn tung hoành như xưa, nhưng trong một bộ võ hiệp nhiều chất văn học hơn...Trọn bộ 8 cuốn, giá 69 Mỹ kim.

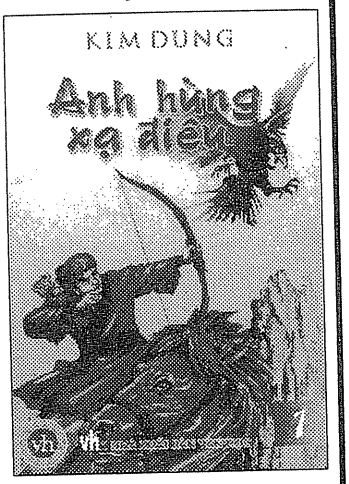

**CHIẾC QUẠT TÔN NỮ**
Tiểu thuyết tình cảm xã hội của
**HỒ TRƯỜNG AN**
Một câu chuyện miệt vườn đầy màu sắc, hương vị của đồng quê miền Nam vào những thập niên đầu thế kỷ 20.
Giá 15 Mỹ kim.

**CHIM BẮC CÀNH NAM**
Truyện của cựu tù nhân chính trị
**VÕ ĐẠI TÔN** - Chuyện kể một mối tình xảy ra trong tù cộng sản giữa một sĩ quan miền Nam và một nữ y sĩ miền Bắc.
Giá 15 Mỹ kim.

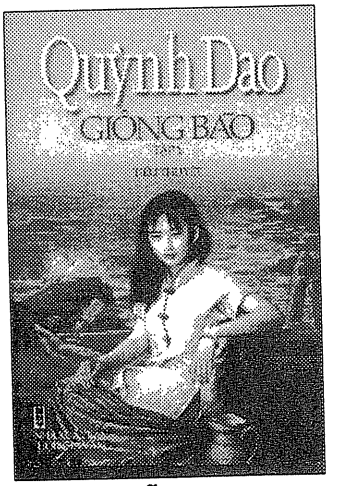


**GIÔNG BÃO**
Tiểu thuyết tình cảm của
**QUỲNH DAO**
Bản dịch của **MINH KHUÊ**
Toàn bộ 2 tập giá 22 Mỹ kim.

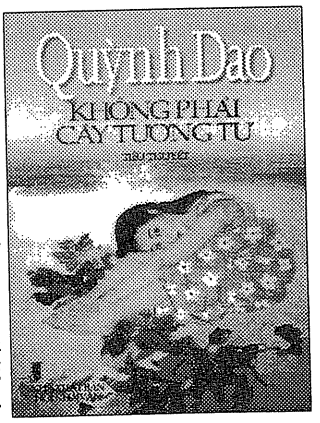


**KHÔNG PHẢI CÂY TƯƠNG TƯ**
Tiểu thuyết tình cảm của **QUỲNH DAO**
Bản dịch của **MINH KHUÊ**
Giá 8 Mỹ kim.

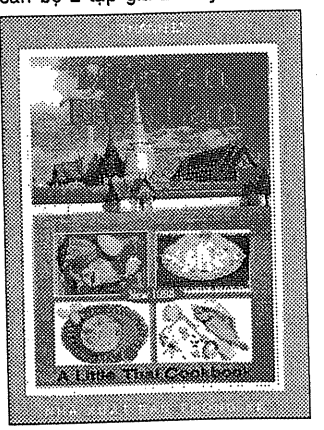

**MÓN ĂN THÁI LAN**
của **THANH LY**
Sách dạy nấu thức ăn Thái , gồm 27 món, với minh họa in trên giấy láng rất mỹ thuật.
Giá 7 Mỹ kim.

**Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.**
**Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290**
**E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com * WWW.TULUC.NET**

***Những ai đã từng trải qua các trại tỵ nạn Bidong, Galang, Palawan, Sikiew, Songkhla, Phanat Nikhom, Bataan, Sungei Besi, White Head... đã từng chứng kiến những giây phút kinh hoàng trên biển cả... đã từng tham dự cuộc bỏ nước ra đi bi tráng chưa từng có trong lịch sử dân tộc...***

*Hãy Tìm Đọc*

# Thiên Sử Thi Của Người Vượt Biển

*của Đào Văn Bình vừa mới xuất bản*

***Tác phẩm đã được nhà thơ Cung Trầm Tưởng nhận xét như sau:***

*"Với một quy mô rộng lớn, nội dung phong phú, ngôn ngữ nhiều sắc vẻ và cấu trúc chương tiết liên hoàn,* ***Thiên Sử Thi Của Người Vượt Biển*** *là một tác phẩm văn chương kiêm sử liệu, soi rọi cho người đọc những khúc mắc chìm nổi của một bi kịch vĩ đại và phi thường của lịch sử Việt Nam nói riêng và lịch sử loài người nói chung."*

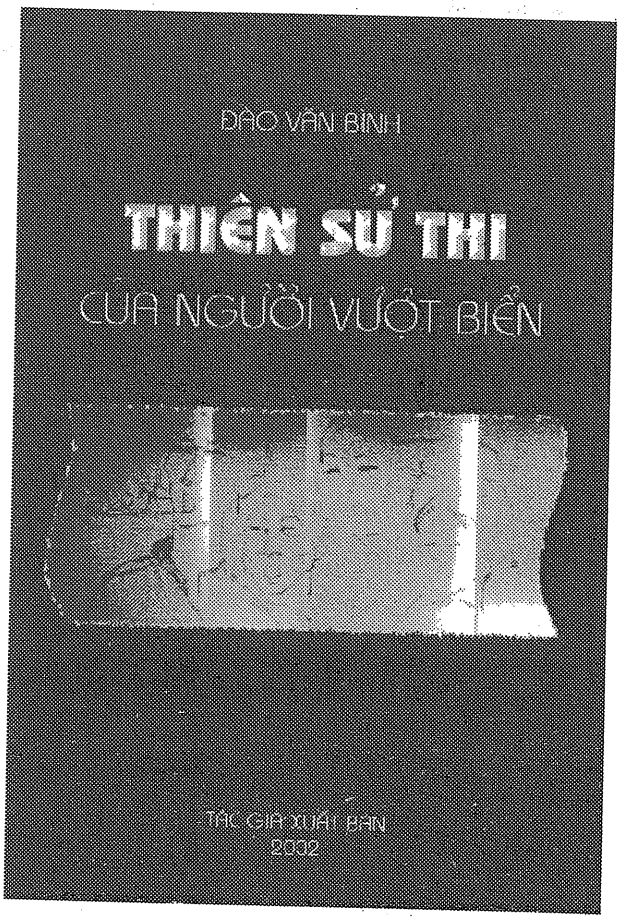


***Giá bán:*** Tại Hoa Kỳ 10 MK - Canada 13 MK
Úc Châu và Âu Châu 18 MK

***Chi phiếu xin đề***: Đào Văn Bình

Và gửi về địa chỉ: P.O. Box 1808 San Jose, CA 95109 - USA

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

**11022 Acacia Parkway #A**
**Garden Grove CA 92840 USA**
**Tel: (714) 839-8746**
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

**Hội Đồng Quản Trị:**
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoàng, Trần Văn Ngô.

**Chủ nhiệm:**
*Đỗ Ngọc Yến* (1989-91)
*Lê Đình Điểu* (1991-96)
*Phạm Phú Minh* (1997-2001)
*Hoàng Ngọc Tuệ* (2001-)

**Chủ bút:**
*Vương Hữu Bột* (1989-2001)
*Phạm Phú Minh* (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

**Tri sự:**
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

**Đại diện phát hành:**
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
*Ph. Thu Hương:* 01 39 84 00 84
**Hòa Lan:** *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
**Đức:** *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
**Canada:** *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
**Western Australia:** *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

**ISSN 1056-4640**

Bìa: *Thác Bản Giốc* ảnh của nhiếp ảnh gia **Phí Văn Trung**
(chụp tháng Năm, 2000)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu

# MỤC LỤC

## Số 156 Tháng Tư 2002

**THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ**
18. Chuyến công du Đông Á của Tổng thống G.W. Bush – **Nguyễn Mạnh Hùng**
21. Tránh thuế lợi tức- **Thanh Thảo**
30. Hai cuộc chiến Việt Nam và Afghanistan – **Vũ Thụy Hoàng**
33. Có hay không hiểm họa mất nước? – **Nguyễn Minh Cần**
42. Dioxin, Việt Nam và Mỹ: giữa tình cảm và khoa học – **Nguyễn Văn Tuấn**
60. Nghĩa vụ bảo vệ bờ cõi Việt Nam – **Nguyễn Đình Sài**

**VĂN HÓA – LỊCH SỬ**
12. Tiến trình chuyển biến văn hóa – **Tôn Thất Thiện**
23. Khi tuổi trẻ về nguồn – **Đoàn Xuân Kiên**
37. Đạo Nho – **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**
54. Tiếng cười của dân Việt – **Võ Thu Tịnh**
73. Ải Nam Quan trong lịch sử – **Trần Gia Phụng**

**PHIẾM LUẬN**
78. Rừng ơi, Yàng ơi – **Tưởng Năng Tiến**
106. Không quen Trịnh Công Sơn, viết về Trịnh Công Sơn – **Vũ Quí Hạo Nhiên**

**VĂN**
81. Mồ hôi nước mắt – **Mai Lan**
85. Yêu dấu, cần chăng, một lời nào, khác, nữa? – **Du Tử Lê**
94. Phấn Quỳ Hương – **Trần Huy Sao**
100. Sợi tóc – **Võ Doãn Nhẫn**
108. Đợi trăng lên – **Nguyễn Hòa Trước**

**THƠ**
57. Mấy kiếp sau – **Chu Vương Miện**. 80. Đêm núi sông chia - **Nguyễn Nam An.** 83. Con sông vẫn chảy, Tịnh xá – **Lý Thừa Nghiệp**. 89. Giấu – **Trần Mộng Tú**. 97. Mùa Xuân – **Trần Huy Sao**. 103. Nghĩ tới ngày về – **Trần Vấn Lệ**

**MỤC THƯỜNG LỆ**
9. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và bạn đọc – **Phạm Phú Minh**
11. Thư trị sự – **Ngô Trúc Linh**
49. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
112. Chân trời Văn học Nghệ thuật – **Anh Thành**
114. Sách báo trong tháng – **Phạm Xuân Đài, Đoàn Thanh Liêm**

## Sao cứ phải là đàn bà

Trong mục Chân Trời Văn Học Nghệ Thuật báo Thế Kỷ 21 số 151, tháng 11, 2001 có ghi lại buổi giới thiệu tác phẩm "Tiếng nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ Ngâm Khúc" của các giáo sư Lê Hữu Mục và Phạm Thị Nhung. Theo bài tường thuật này, trong phần chứng minh bản dịch Chinh Phụ Ngâm là của Đoàn Thị Điểm chứ không phải của Phan Huy Ích, giáo sư Phạm Thị Nhung đã nêu ra mười điểm, và còn lý luận thêm "...giáo sư Nhung nói đến tình yêu trong Chinh Phụ Ngâm Khúc mà theo bà tác giả phải là một người phụ nữ mới có thể lột tả hết tâm trạng của một người đàn bà Việt Nam có chồng tòng quân trong thời chiến."

Chúng tôi chưa được đọc "mười điểm" nhưng có một điểm căn bản mà chúng tôi không đồng ý với giáo sư Nhung, đó là tác giả của Chinh Phụ Ngâm là một người đàn ông chứ đâu phải là đàn bà! Chính ông Đặng Trần Côn đã sáng tác ra những tình ý và tâm trạng của người chinh phụ bằng chữ Hán. Nếu quả bà Đoàn Thị Điểm là dịch giả thì cũng chỉ là... người dịch thôi, đâu phải người sáng tác, nghĩa là không phải là "người quyết định" trình bày những tình ý và tâm trạng của một phụ nữ có chồng đi chiến trận. Cho nên yếu tố phụ nữ ở đây không thể lấy làm luận cứ thuyết phục rằng người dịch Chinh Phụ Ngâm phải là một người đàn bà, và người đó phải là Đoàn Thị Điểm.

**Nguyễn Thị Long An**
*(Redmond WA)*

## Xin thương các kẻ dịch thuật!

Tôi chưa đọc tác phẩm *The Unwanted* bằng tiếng Anh, hay bản dịch tiếng Việt, nhưng trong Thế Kỷ 21, số 155, trên mục Sách Báo Trong Tháng, Phạm Xuân Đài có bình về bản dịch của Nhật Tiến cuốn The Unwanted của Kiên Nguyễn; một bài dài khác thường.

Hai phần ba bài văn trong sáng, lôi cuốn, nhưng một phần ba bài, phần cuối, Phạm Xuân Đài lại viết rối rắm, chán chết đi được. Tại sao? Thưa, tại vì ông không hài lòng với bản dịch của nhà văn Nhật Tiến. Ông vòng vo, thậm chí mâu thuẫn trong lý luận, (có lẽ vì nể trọng), nhưng cuối cùng ông vẫn có can đảm viết được: "Vấn đề còn lại là thể hiện được tính chất Việt Nam trong bản Việt ngữ."

Mà nguyên tắc phổ quát: Để có một bản dịch hay và tốt, người dịch phải (a) biết rành rẽ sinh ngữ gốc của tác phẩm; thấu đáo văn hoá, phong tục, nhất là lời ăn tiếng nói của dân tộc nói ngôn ngữ đó và, nếu cần, của những nhân vật tác giả diễn đạt trong tác phẩm (như trường hợp cuốn Chuông Gọi Hồn Ai của Hemingway, với bối cảnh Tây Ban Nha và những nhân vật Tây Ban Nha thời nội chiến). (b) Những tiêu chuẩn kể trên cũng áp dụng cho ngôn ngữ dùng để dịch, ví dụ, tiếng Việt. (Những nguyên tắc này tôi đọc được trong một cuốn bàn về nghệ thuật dịch; quên béng tựa sách và tác giả.)

Nhà văn Nhật Tiến chắc chắn phải sành sỏi về điểm (b) ; còn điểm (a) tôi không được rõ.

Hoặc là dịch giả Nhật Tiến quá cẩn trọng khi dịch, vì cứ sợ sai ý nguyên bản; hoặc giả vì ông mệt nhọc?

Thiệt không có gì mệt nhọc bằng việc dịch thuật, mà dịch có lương tâm. Sáng tác khoẻ khoắn, vui vẻ hơn nhiều, phải không bác Nhật Tiến?

*Miserere traductoribus!* - Xin thương các kẻ dịch thuật với, bà con ơi!

**Nguyễn Văn Thà** *(Na Uy)*

## Sinh con rồi mới sinh cha?

Con người và CÁI TÔI là một tiến trình sinh động do những kinh nghiệm cá nhân mà thành tựu, không phải là một đồ vật vô tri vô giác như một tấm ảnh chụp. Vì thế, đọc những gì ông Trần Quán Niệm viết, tôi không khỏi bật cười khi thấy ông quá lo xa khi ông viết, "*Cuộc đời thêm rắc rối hơn nữa là khi tôi chết, các con tôi lại tái tạo tôi.*"

Độc giả cũng biết là ông đùa thôi, chứ làm gì có chuyện ấy. Ai cũng biết rằng mỗi chúng ta là tổng hợp của một tiến trình sinh động và "tôi" là tập hợp của những cảm quan và kinh nghiệm của những gì "tôi" đã trải qua, chứ "tôi" không phải là một mớ tế bào với một cấu trúc DNA nào đó. Vì thế, khoa học có thể tạo ra một sinh vật có một cấu trúc nhiễm thể giống như một sinh vật khác đã từng sống, nhưng khoa học sẽ không bao giờ tái tạo được những kinh nghiệm đặc thù của mỗi cá nhân chúng ta. Khoa học có thể tạo ra một cơ thể giống như cơ thể ông Trần Quán Niệm, nhưng sẽ không làm sao tái tạo được những kinh nghiệm và cảm quan của ông Niệm gọi chung là cuộc đời của ông, như kinh nghiệm về chuyện bỏ nước ra đi chẳng hạn. Vì thế mai sau con cháu có thương ông quá mà bỏ ra dăm ba triệu đô-la để tái tạo lại một "ông Niệm con" thì việc ấy chỉ là một việc làm hão huyền vớ vẩn và cái "ông Niệm con" ấy sẽ chẳng bao giờ là ông cả.

Triết lý Phật giáo dạy rằng chúng sinh trong cõi ta bà chỉ là tập hợp của những nhân duyên vô thường và cát bụi, nay hợp mai tan, và cái "tôi" chỉ là một

ảo giác do ngũ uẩn tạo thành. Theo thiển ý, triết lý đó đưa con người đến chỗ thức tỉnh và minh triết, khác với triết lý nhị nguyên của tây phương, điển hình là Descartes, xem "linh hồn" là thứ hằng hữu và bất biến ngoài cơ thể.

**Nguyễn Hùng Vũ**
(*California*)

### Tranh trên gốm cổ

Bài làm cho tôi cảm động nhất trong số Thế Kỷ 21 Xuân vừa rồi lại là một bài nghiên cứu. Đó là bài "Hình ảnh con ngựa vẽ trên gốm cổ vớt tại ngoài khơi Hội An."

Trước hết chính mắt tôi được trông thấy hình ảnh những vật dụng do người Việt Nam sản xuất từ 500 năm nay, thấy nó gần gũi thân yêu lạ thường, dường như lịch sử mấy trăm năm chỉ là một chớp mắt. Tôi nghĩ tại mình là dân một nước chiến tranh liên miên, vừa lớn lên đã nếm mùi chiến trận, chứng kiến quá nhiều mất mát nên tình cảm rất bấp bênh, không tin mình có thể gần gũi được một cái gì lâu bền trường cửu. Những cái đĩa do một lò gốm Việt Nam làm cách đây 500 năm! Nghe lạ lùng như chuyện thần thoại, nhưng mà lại có thật, những hình ảnh ngựa trên đĩa hình như chỉ mới vẽ để trang trí cho số báo xuân năm Nhâm Ngọ này vậy!

Những nét vẽ trên gốm, dù chỉ qua hình ảnh đăng báo, tôi thấy rất điêu luyện và nhất là gần gũi với mình. Những bức họa biểu hiện tâm hồn Việt Nam. Nếu đó là đĩa Tàu hay Nhật thì chắc tôi không thấy gần gũi như vậy, dù là có thể tinh vi hơn. Tôi không giải thích được sự liên quan đường nét của những cái đĩa đó với tình cảm của tôi, tôi chỉ "cảm" thôi, rằng đó là một phần của mình, là phong cách của mình, dù là do ông bà mình vẽ đã năm trăm năm rồi.

Nhưng cũng phải nhận rằng lời giải thích trong bài giúp tôi rất nhiều. Không đọc bài, chỉ xem hình thì hình ảnh thì những con ngựa đối với tôi chỉ là những con vật trang trí không mang một ý nghĩa nào về nghệ thuật cũng như biểu tượng. Tác giả bài báo đúng là một chuyên viên về mỹ thuật cổ, lời giải thích của ông vừa chính xác vừa gợi ý gợi hình rất cao. Bài báo đã giúp tôi hiểu thêm về nghệ thuật và hiểu thêm rất nhiều về Việt Nam.

**Đào Văn** (*Internet*)

### Nên thiết thực hơn

Xin đề nghị: Thế Kỷ 21 mở một vài trang do các chuyên viên viết về **đầu tư** (stock, mutual fund v.v...) để thảo luận, nghiên cứu và tìm hiểu, hoặc là những thắc mắc về Insurance hay luật pháp. Tóm lại đó là một mục liên hệ thực tế đến cuộc sống tại Mỹ. Theo thiển ý những điều này có ích lợi rất thiết thực cho nhiều người, hơn là tin tức tổng quát, chung chung, đọc để mà biết chơi chứ chẳng áp dụng được trong đời sống hàng ngày tại đây. Đó chỉ là một gợi ý mong quý vị xem xét coi có thực hiện được không?

**Nghịch Nhĩ** (*Indiana*)

### Một công dân tỉnh Cao Bằng lên tiếng

Sau đây là trích đoạn lá thư của một người dân tỉnh Cao Bằng về việc đảng CSVN dâng nhượng đất đai và biển cả cho Trung Quốc, mà chúng tôi nhận được từ Internet.

*Tôi là một công nhân Việt Nam đã sinh ra và lớn lên ở huyện Trà Linh, thuộc tỉnh Cao Bằng, nên tôi biết rõ những gì đã xảy ra cho đất nước chúng ta [ở vùng này]. Là một người dân Việt Nam tôi thật ngậm ngùi và đau xót trước những hiệp định* biên giới mà Đảng CSVN đã *nhân nhượng cho Trung Quốc.*

*Tôi đã sinh ra và lớn lên tại huyện Trà Linh, tỉnh Cao Bằng, cách thác Bản giốc 12 cây số, [nên] tôi biết rất rõ địa hình ở đây từ khi tôi vừa mới cắp sách đến trường. Sau cuộc thương thuyết giữa Đảng CSVN và tập đoàn ăn cướp Bắc kinh đã biến thác Bản Giốc thành thuộc về lãnh thổ Trung Quốc, tôi có đi lên tận đó, nhưng đến đồn biên phòng Việt Nam thì không còn thấy thác Bản Giốc nữa, vì nó đã thuộc về trong lãnh thổ Trung Quốc ba cây số rồi. Ôi tiếc thương thay, căm hận thay, [một phần] đất nước của dân tộc ta bây giờ đã về kẻ thù rồi. ... Đảng CSVN đã triều cống cho Bắc Kinh để đổi lấy sự hậu thuẫn chính trị, tiếp tục thống trị nhân dân ta, với những lời hứa hão huyền.*

*... Rồi mai đây, giặc sẽ vào nhà, mà người đã chỉ dẫn cho giặc chính là Đảng CSVN hôm nay đó.*

*Huyện Trà Linh, Tỉnh Cao Bằng ngày 28 tháng 2 năm 2002*
*Ký tên:*
*Nguyễn Văn An*

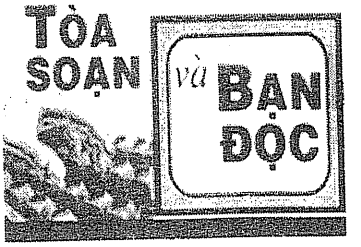


Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Lê Thái Lâm, Trương Sang, Nguyễn Văn Cường, Trương Quang, Lý Thừa Nghiệp, Hứa Hoành, Chu Vương Miện, Sương Mai, Nguyễn Mạnh Hùng, Trần Mộng Tú, Tôn Thất Thiện, Vũ Thụy Hoàng, Nguyễn Văn Tuấn, Tưởng Năng Tiến, Mai Lan, Trần Huy Sao, Vũ Quí Hạo Nhiên, Đỗ Thị Hồi Sinh, Cổ Ngư, Nguyễn Văn Thà.

**Đính chính:**

**I.** Bài *Đình Minh Hương Gia Thạnh* trong Thế Kỷ 21 số 155, tháng Ba, 2002, phần **Ghi Chú** ở cuối bài có những sai sót ở chú thích số 12 và 13. Nay xin đọc lại cả hai chú thích đó như sau:

12. Ông Trịnh Hoài Đức (1765-1825) là một đại thần đời vua Gia Long. Tổ phụ của ông là Trịnh Hội, người tỉnh Phước Kiến, sang lập nghiệp ở Phú Xuân, sau dời vào Trấn Biên (Biên Hòa). Ông sinh năm 1765 tại Trấn Biên, học trò của danh sĩ Võ Trường Toản. Năm Mậu Thân (1788), Chúa Nguyễn Phúc Ánh mở khoa thi tại Gia Định để chọn nhân tài, ông thi đậu và được bổ làm Hàn Lân Viện Chế Cáo, rồi sung chức Điền-tuấn-quan trông coi việc khai khẩn đất đai tại Gia Định. Sau đó, ông lần lượt thăng cấp: Tri Huyện Tân Bình, Ký Lục dinh Trấn Định, Hữu-tham-tri Bộ Hộ. Sau khi vua Gia Long lên ngôi năm 1802, ông thăng Thượng-thơ, lần lượt nắm giữ các Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Lại và Bộ Hình, kiêm nhiệm Phó-Tổng-tài Quốc-sử-quán. Sau đó ông trở về Nam, hai lần giữ chức Hiệp-Tổng-trấn Gia-Định-Thành (1808-1812 và 1816-1820). Ngoài ra ông cũng nhiều lần sung chức Chánh sứ đi sứ sang Trung Hoa. Về mặt văn học, ông cùng một số bạn học (Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh) thành lập Bình Dương Thi Xã và nhóm Sơn Hội (gọi là Sơn Hội vì gồm nhiều vị mà tên tự hoặc hiệu có chữ Sơn, thí dụ, Trịnh Hoài Đức tự là Chỉ Sơn, Ngô Nhơn Tịnh tự là Nhử Sơn, Hoàng Ngọc Uẩn tự là Hối Sơn, Diệp Minh Phụng, hiệu là Kỳ Sơn) để xướng họa văn thơ với nhau. Ba vị Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tịnh được người đồng thời gọi là "Gia Định Tam Gia." Thơ văn của ba vị, về sau được ông Trịnh Hoài Đức góp thành một bộ để in, gọi là "Gia Định Tam Gia Thi Tập." Trịnh Hoài Đức cũng chính là người đã biên soạn bộ Gia Định Thành Thông Chí (1820) là một bộ địa-phương-chí rất quý về Miền Nam cách đây khoảng 200 năm. (Xem thêm: 1/ Nguyễn Huyền Anh. *Việt Nam danh nhân từ điển.* Saigon : Khai Trí, 1972. Tr. 596-597; 2/ *Từ điển Thành phố Saigon - Hồ Chí Minh.* TP HCM : Trẻ, 2001. Tr. 259; 3) Hoài Anh. Về đình Minh Hương Gia Thạnh & Bình Dương Thi Xã, trong *Sài Gòn xưa & nay.* TP HCM : Trẻ, 1998. Tr. 227-230).

13. Ông Ngô Nhơn Tịnh (?-1813) là một đại thần đời vua Gia Long. Ông cùng học danh sĩ Võ Trường Toản với Trịnh Hoài Đức, cùng ra giúp Chúa Nguyễn Phúc Ánh, sung chức Hàn lâm viện Thị độc, sau thăng Hữu-tham-tri Bộ Binh. Ông đi sứ sang Trung Hoa hai lần, một lần làm Phó sứ cho Trịnh Hoài Đức (1802). Năm 1807, ông làm Chánh sứ sang Chân Lạp để phong vương cho Nặc Ông Chân. Năm 1811, ông làm Hiệp Trấn Nghệ An. Năm 1812 ông thăng Thượng-thơ Bộ Công, đồng thời sung chức Hiệp-Tổng-trấn Gia-Định-Thành. Về cuối đời ông bị vua Gia Long nghi ngờ nên buồn phiền mà mất. Về mặt văn học, ông là một vị trong Gia Định Tam Gia nổi tiếng đương thời. (Xem thêm: 1/ Nguyễn Huyền Anh. *Việt Nam danh nhân từ điển.* Saigon : Khai Trí, 1972. Tr. 243-244; 2/ Từ điển Thành phố Saigon - Hồ Chí Minh. TP HCM : Trẻ, 2001. Tr. 183).

**II.** Mục Đời Sống Quanh Ta, Thế Kỷ 21 số 155, bài Đầu Năm Ngựa Nói Chuyện Mèo của Trần Quán Niệm, xin thay câu cuối cùng, trang 65: "Cuộc đời thêm rắc rối ... tái tạo tôi" bằng đoạn sau đây:

*Cuộc đời thêm rắc rối hơn nữa khi tôi đột ngột từ trần. Các con tôi muốn tái tạo tôi. Vì vợ tôi còn trẻ, nên để tiết kiệm tiền thuê người chửa giùm, chúng thuyết phục nàng cho tôi tá túc trong bụng. Chín tháng sau, vợ tôi sanh một bé trai khá khỉnh (rất may không phải là gái). Mẹ tròn con vuông. Đang làm chồng nàng, bây giờ tôi hóa thân làm con nàng. Xin cám ơn khoa học.*

Xin thành thật xin lỗi tác giả và độc giả.

Ngoài ra, cũng xin cáo lỗi cùng độc giả là tháng này mục Sổ Tay tạm nghỉ một kỳ, vì người phụ trách bị bệnh.

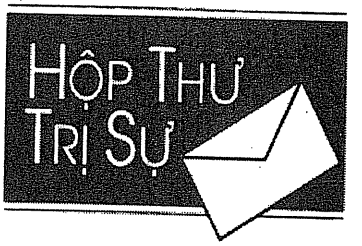


### Độc giả gia hạn và độc giả mới

Nguyen Ngoc Anh (Van Nuys CA), Hoang Van Loi (BELGIUM), Nguyen Dinh Sai (Everett WA), Nguyen Thi Chan Quynh (FRANCE), Jeanne Marie Adams (FRANCE), Le Thi Lan (Austin TX), Phu Van Nguyen(Aloha CA), Phung Huu Le (Houston TX), Nguyen Van Khoa (Phoenix AZ), Bui Duc Lac (San Jose CA), Tran D.Quang (Lowell MA), Ha Son (Dallas TX), Binh Tran (N.Hollywood CA), Lib: Cal State Poly (Pomona CA),Lien Huong Fiedler (Mclean VA), Kim Le (Houston TX), Mien Thuy (HOLLAND).

### Độc giả thay đổi địa chỉ

Phung Huu Le (Houston TX), Bui Vinh Phuc (Tustin CA), Tran Thi Ngoc Dung (Oakland CA), Ket Nguyen (Dorchesster MA), Nguyen V.Huong (Lester PA).

# TIẾN TRÌNH CHUYỂN BIẾN VĂN HOÁ
## Từ "cổ truyền" đến "hiện đại"

TÔN THẤT THIỆN

Những điều tôi viết ra dưới đây không phải là "giáo huấn", "khuyên răn", "kêu gọi". Nó không có tính cách trừu tượng, luận thuyết lông bông, mà chỉ có tính cách hồi ức, thuật lại những chuyện có thật, căn cứ trên kinh nghiệm bản thân tôi, để giúp giới trẻ thấy một số khía cạnh của vấn đề thay đổi văn hoá. Điều này cần thiết trong việc tìm kiếm một hành trình văn hoá cho họ có khả năng thực sự đóng góp một cách hiệu nghiệm vào công cuộc phát triển của xứ sở, nếu họ có ý đó.

*

Ở trên mặt báo này, tôi đã có dịp bàn về vấn đề liên hệ giữa văn hoá và phát triển. Tôi hoàn toàn đồng ý với những người quan niệm rằng văn hoá là yếu tố quyết định của phát triển, và muốn phát triển mau và mạnh phải có một văn hoá thích hợp. Thích hợp đây có nghĩa là thích hợp với thời đại, tạo điều kiện thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần khẩn thiết của toàn dân, đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng lạc hậu, nghèo khổ, thua kém các nước láng giềng.

Điều trên đây đòi hỏi ta xét lại hệ thống giá trị và sự sắp xếp ưu tiên những giá trị này, cùng phương thức tư tưởng và hành động của xã hội chúng ta xem có thích hợp hay không, thích hợp hiểu theo nghĩa trên đây, nghĩa là về phương diện phát triển. Nếu nó không thích hợp thì tất nhiên phải thay đổi. Nhưng, như tôi đã có dịp nhấn mạnh, vấn đề lớn ở đây là: làm thế nào để thực hiện cuộc thay đổi này? Câu hỏi này có hai vế: 1/ thay đổi gì, lấy thứ văn hoá, hệ thống giá trị nào thay thế văn hoá hiện tại – thường được gọi là văn hoá "cổ truyền" với những giá trị "truyền thống" —? 2/ ai là người có thể thực hiện được việc thay đổi này – nghĩa là làm cho dân chúng chấp nhận từ bỏ một cách suy nghĩ, một cách sống đã quá quen, đã thành nếp, thành tật?

Tuy không ảo tưởng rằng việc trên đây là một việc dễ, tôi vẫn tin rằng nó "khả thi" — có thể làm được —. Nhưng nó đòi hỏi thời gian. Thời gian này dài hay ngắn tùy thuộc một số yếu tố, trong đó một chính quyền sáng suốt và quyết tâm, và một hoàn cảnh quốc tế thuận lợi là những yếu tố căn bản. Thời gian là yếu tố thấy rõ nhất, vì thay đổi văn hoá là kết quả của một tiến trình, qua nhiều giai đoạn. Nói đến tiến trình và giai đoạn tất nhiên là nói đến thời gian.

Tôi nhấn mạnh hai điểm "khả thi" và thời gian vì về hai điểm này tôi có những dữ kiện thích hợp với đề tài, cụ thể, chính xác, rút ngay từ kinh nghiệm bản thân của tôi, và tôi nghĩ rằng đó cũng là kinh nghiệm của nhiều người thuộc thế hệ tôi (tôi sinh năm 1924), nghĩa là tôi có thể tra xét lại những gì đã xảy ra cho thế hệ tôi trong 75 năm qua (những người sinh vào thập niên 1920), cộng thêm những gì xảy ra cho thế hệ thân phụ tôi và những người quen thuộc của ông (những người sinh vào thập niên 1880), nghĩa là tiến trình chuyển biến văn hoá của xã hội Việt Nam trong 150 năm qua, từ cuối Triều Tự Đức đến nay, qua các thời đại Triều Đình nhà Nguyễn độc lập (đến 1885), Pháp thống trị (1885-1945), phân hoá Quốc-Cộng 1945-1975, và cộng sản chế ngự, đến nay.

Phân tích chuyển biến văn hoá của Việt Nam trong 150 qua, ta thấy có ba giai đoạn: 1/ giai đoạn "cổ truyền/truyền thống," đến cuối triều Tự Đức (1885), 2/ giai đoạn Pháp bảo hộ (1885-1945), và 3/ giai đoạn 1945-2000.

### Giai đoạn "cổ truyền/truyền thống"

Ở đây, tôi chỉ chú tâm vào khía cạnh giáo dục, và đặc biệt, đến cách học, và chương trình học. Ai có ít nhiều kiến thức về xã hội học đều biết rằng giáo dục là công cụ quan trọng hàng đầu để chuyển đạt kiến thức. Chế độ giáo dục Khổng-Nho đã chuyển đạt những kiến thức gì có ảnh hưởng lớn cho thế hệ cha ông chúng ta trong giai đoạn từ cuối triều Tự Đức đến năm 1920, là năm chế độ đó bị bãi bỏ. Ở đây, tôi lấy ví dụ thân sinh tôi, vì ông ta (sinh năm 1883), và cũng như nhiều

người thuộc thế hệ ông, đã hấp thụ lối giáo dục đó.

Chương trình học vấn thời trên đây luẩn quẩn trong các môn thơ phú, kinh sử đặc biệt là kinh sử Tàu. Các môn truyền đạt kiến thức như Toán, Lý Hoá, Địa dư và Lịch sủ thế giới, được coi là thông thường trong thế hệ tôi (thế hệ 1920-...), họ không được thâu nhận. Nếu có một vài người tò mò hơn, như cụ Phan Bội Châu, được biết đến những luồng tư tưởng mới lạ, thì cũng phải nhờ đọc được các tác phẩm "tân thư", nói đến những tư tưởng của triết gia và học giả Âu châu, mang những tên "Lư Thoa," "Mạnh Đức Tư Cưu," "Mã Khắc Tư" v.v... – qua trung gian người Tàu và chữ Tàu (Hán) phiên âm ra chữ Nho (Hán/Việt) vì các cụ thời đó không biết sinh ngữ nào khác. Xin nói ở đây là khi đọc hồi ký của cụ Phan Bội Châu, thoạt đầu tôi không hiểu ngay là cụ ấy muốn nói đến Rousseau, Montesquieu, Marx...

Pháp ngữ, sinh ngữ sẵn có thời đó, không được coi như một công cụ học hỏi, một cái cửa mở đường vào kho tàng kiến thức thế giới, mà lại bị khước từ, vì thế hệ 1880 cho rằng nó là tiếng của kẻ man rợ hay "của tụi Tây," kẻ thù. Có nhiều người cấm cả con cái họ, nhất là con gái, không được học tiếng Pháp. Ngay cả như cụ Phan Bội Châu, tuy chủ trương "duy tân," nhưng lại không biết tiếng Pháp, mà ngay cả "quốc ngữ" cụ cũng không biết, và chỉ sau khi bị Pháp bắt và quản thúc ở Huế sau 1925 cụ mới học đọc và viết tiếng này.

Một điều đáng để ý là những người hấp thụ chế độ giáo dục đó không được huấn luyện về phương pháp quan sát, phân tích, sưu tầm. Trái lại, họ phải thuộc làu những sách Khổng-Mạnh, và kinh, sử Tàu. Phần khác học chữ Hán phải nhớ mặt chữ, nên cũng phải phải luyện trí nhớ rất gắt.

Kết quả là kiến thức mà thân phụ tôi và những người thuộc thế hệ ông được hấp thụ qua giáo dục thời đó là một kiến thức rất hạn chế, chỉ giúp họ ra làm quan, nhưng không đáp ứng gì được những đòi hỏi của công cuộc phát triển theo chiều hướng hiện đại hoá của cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Nhưng họ lại có một trí nhớ phi thường. Nếu trí nhớ phi thường này được phối hợp với óc biết quan sát, phân tách, sưu khảo, những kiến thức sâu rộng và một môi trường thuận lợi thì nó lại tạo ra được những nhà khoa-kỹ xuất chúng. Đây là trường hợp của một một số người thuộc thế hệ kế tiếp, như nhà bác học Bửu Hội. Tất nhiên có nhiều người khác nữa, nhưng tôi chỉ đề cập đến Giáo sư Bửu Hội vì tôi biết rõ trường hợp này. Nó thuộc về một giai đoạn khác trong tiến trình chuyển biến văn hoá, mà tôi sẽ bàn thêm ở đoạn dưới.

Trở lại giai đoạn 1880-1920, là giai đoạn văn hoá "cổ truyền/truyền thống." Đặc điểm của văn hoá này là nó là một văn hoá "khép." Nhưng văn hoá "cổ truyền/truyền thống" và "khép" này không tồn tại được trong thể thuần túy của nó vì sự đô hộ của Pháp.

## Giai đoạn Pháp bảo hộ: xây cất hạ tầng

Chế độ thuộc địa Pháp có nhiều khía cạnh tiêu cực, nhưng nó cũng có một khía cạnh tích cực, tuy tác động của người Pháp là một tác động gián tiếp, một "fall-out" (không cố tình, không có dự tính).

Sau khi đánh bại tất cả các lực lượng đối kháng Cần Vương (Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng) và củng cố được quyền hành, năm 1895, Pháp đặt chế độ Toàn Quyền Đông Dương. Viên Toàn quyền đầu tiên, Paul Doumer, phát động một kế hoạch phát triển quy mô: xây đắp đường xá, thiết lập hải cảng, đặt hệ thống hỏa xa, xây dựng nhà máy điện, máy nước, xây cất bệnh viện, thiết kế thành thị v.v... Mục đích của họ là xây đặt hạ tầng cơ sở để có đủ tiện nghi hiện đại cho đời sống của họ thoải mái hơn, và nhất là để có thể khai thác tài nguyên dồi dào của Đông Dương, trong đó tất nhiên Việt Nam đứng hàng đầu. Khai thác đây là khai thác cho người Pháp, và do người Pháp.

Cầu cống, đường xá, điện, nước, cao ốc, tàu điện, hỏa xa, ô tô, v.v... bày ra sờ sờ trước mắt người Việt. Dù muốn, dù không, vì sự hiện diện của người Pháp, không những giới sĩ phu, mà toàn thể dân chúng, được, hay phải, tiếp xúc với một văn minh mới, làm cho họ ý thức được sự lạc hậu của Việt Nam, ít nhứt là về phương diện khoa học, kỹ thuật. Dữ kiện này được diễn tả trong một bài hát mà tôi được học ở cấp tiểu học, lúc 10 tuổi, xin nói rõ là vào khoảng năm 1933. Nay tôi không nhớ hết, nhưng đoạn chính như sau:

*Dầy, dậy, dầy mở mắt xem toàn châu,*
*Nền khai hóa rạng khắp hoàn cầu,*
*Ngọn đèn, thông thương ngàn dặm,*
*Xe tàu điện, tàu nước, tàu bay,*
.....

Tôi cũng còn nhớ lúc đó, ở trong thành nội

Huế, cứ vào khoảng chạng vạng tối, trẻ con ồn ra đường, và đợi đèn điện ngoài đường bật lên là đồng thanh hô "Dê, đèn điện đỏ!" Đó là do lúc hệ thống đèn điện vừa được thiết chế. Lúc kỹ sư Pháp làm xong, thử xem có sáng tốt không, và khi được, thì thốt ra tiếng : "Cà y est" ("Được rồi" của tiếng Pháp, đọc là Xay-ê).

Phần khác, tuy những xây cất do người Pháp làm nhằm thỏa mãn nhu cầu của họ, nhưng nó có tác động "fall-out": người Việt Nam cũng được hưởng, và được hưởng nhiều hơn người Pháp, vì ta đông hơn họ. Và sau này, vào những năm 1945 trở đi, lúc chế độ thuộc địa Pháp chấm dứt, Việt Nam có có sẵn cơ sở hạ tầng kiến trúc để xây dựng thêm và dễ dàng hơn. Nhưng quan trọng hơn cả là "ảnh hưởng phô bày" (demonstration effect). Dù rằng chúng ta bắt buộc phải chống Pháp để dành lại độc lập, nhưng thành thực và khách quan mà nói, nếu các vua, quan và giới sĩ phu Khổng Nho tiếp tục lãnh đạo và cai trị Việt Nam từ hồi đó (cuối Triều Tự đức, 1884), vẫn khăng khăng "Khổng tử viết" và cho rằng chỉ có Tàu là "văn minh," còn Tây phương là "man rợ," thì năm 1945 Việt Nam vẫn còn chìm đắm trong tình trạng lạc hậu của thập niên 1880.

Để làm sáng tỏ điểm này, tôi xin nhắc lại đây một bài hát rất ý nghĩa mà sinh viên trường Tiền Tuyến Huế hát hàng ngày trong thời gian tháng 4 đến tháng 8 năm 1945. (Trường này là một trường quân sự trá hình thiết lập sau khi cựu Hoàng Bảo Đại tuyên bố Việt Nam bãi bỏ chế độ Bảo hộ Pháp, ngày 11 tháng 3, năm 1945). Và tưởng cũng cần nói là bài này do ông Tạ Quang Bửu đặt ra. Ông này là một trong những người học ở Pháp về (hồi đó giữ chức Đặc Ủy Viên Bộ Thanh Niên, mà Tổng Trưởng là ông Phan Anh, trong Nội các Trần Trọng Kim). Đoạn đầu của bài hát đó như sau:

*Hai mươi năm nay cơm ta ăn, ta không đi cày,*
*Đường, hầm và cầu ta không đắp, ta không xây,*
*Hai mươi năm nay, ta nhắm mắt ta đi theo thầy*
*Chữ nghĩa dùi mài, đói kẻ khác, ta mâm đầy!*
.....

Đó là nói về tâm trạng của lớp thanh niên trước 1945 không được tham gia xây cất nước non. Nay, năm 1945, họ đứng trước một vận hội mới. Vận hội mới này đến đúng lúc, vì, trước đó, về phương diện giáo dục, trong thời gian Pháp bảo hộ có những thay đổi lớn, đặc biệt là phong trào "Tây du" xuất hiện và dần dần thay thế phong trào "Đông du."

Đầu thế kỷ XX, ngay cả các cụ Nho sĩ trong tổ chức Đông Kinh Nghĩa Thục cũng thấy nhu cầu học hỏi của Tây phương. Các cụ đòi chính quyền bảo hộ mở đại học. Nhưng trước khi có đại học kiểu Tây phương, phải có trung học Tây phương, và phải biết sinh ngữ, tất nhiên ở đây là tiếng Pháp – mà các cụ từ chối học, như đã nói ở trên. Do đó, Toàn quyền Paul Beau, muốn mỉa mai các cụ chẳng hiểu gì cả về điểm này, bèn cho mở một đại học, tất nhiên là dùng tiếng Pháp. Các cụ đến đại học ngơ ngơ ngác ngác chẳng hiểu gì cả. Thế là chỉ sau một thời gian ngắn, "đại học" đầu tiên của Việt Nam đóng cửa.

Nhưng phong trào "Tây hoá" hệ thống giáo dục được tiếp tục. Đầu tiên với sự thành lập trường Quốc học Huế, năm 1905, giảng dạy cả tiếng "Quốc ngữ" lẫn tiếng Pháp. Sự thành lập trường kiểu mới này được một số chức sắc Việt Nam cổ võ. Một trong những người đó là cụ Ngô Đình Khả, thân sinh của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Thế hệ người Việt đầu tiên được học sinh ngữ là thế hệ những người nhập học trường đó. Ngoài Pháp ngữ trường còn dạy một số môn "mới" như Toán học. Có thể nói đây là một cuộc cách mạng về giáo dục. Cuộc cách mạng này có một phần thứ hai nữa, là năm 1918, chế độ thi cử Khổng-Nho học bị hoàn toàn bãi bỏ.

### Giai đoạn Pháp bảo hộ: phong trào Tây du

Dù muốn dù không, và dù rằng quyết định trên đây chung quy là một quuyết định của chính quyền Bảo hộ, nó đánh dấu một sự chuyển hướng lớn và dứt khoát từ Đông sang Tây, từ văn hoá "cổ truyền/truyền thống" sang một văn hoá nếu không hẳn là "Tây", thì cũng không còn thuần túy "Khổng-Mạnh" nữa. Một trong những hậu quả rất quyết định của sự chuyển hướng này là một phong trào "Tây du" ("đi Tây") — sinh viên Việt Nam đi học Pháp – xuất phát từ những năm cuối thập niên 1920-1930. Trong đó có một số được cấp học bổng, một số con nhà có khả năng – hoặc quyền thế, hoặc giàu có — "cậu ấm" hoặc "công tử Bạc Liêu" – . Tất nhiên, đây là một dịp cho một số người Việt tiếp xúc trực tiếp với một nền văn minh và một văn hoá mới, khác với văn hoá Việt Nam.

Trước khi "đi Tây" để học hỏi, tất nhiên sinh viên Việt Nam phải biết tiếng Pháp, và nhất là phải có bằng Tú Tài Pháp. Điều này thực hiện được nhờ chính quyền Bảo hộ Pháp mở trường

trung học theo chương trình Pháp trong những năm 1920-1930. Trước hết là họ mở trường cho con cái họ, như trường Albert Sarraut ở Hà Nội và Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn, nhưng một số học sinh Việt cũng được nhận vào. Và sau đó, họ lại mở thêm trường trung học "indigene" (bản xứ), như trường Bưởi ở Hà Nội và Pétrus Ký ở Sài Gòn. Sau năm 1930, có nhiều trường trung học dạy chương trình trung học Pháp được thiết lập, như những trường Yersin và Couvent des Oiseaux (cho nữ học sinh), ở Đà Lạt, và Thiên Hựu (Providence), hay nâng cấp, như trường Khải Định, ở Huế. Những học giả và chuyên gia – bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, v.v... đầu tiên của Việt Nam xuất thân từ những trường này.

Tưởng cần nói thêm rằng lúc này một số chức sắc Triều đình Huế cũng chủ trương khuyến khích "Tây học," nổi bật trong đó là cụ Nguyễn Hữu Bài. Họ lập lên một Hội Khuyến Học và cấp học bổng cho một số sinh viên xuất sắc đi Pháp. Những người đầu tiên được cấp học bổng đó là các ông Hoàng Xuân Hãn, Tạ Quang Bửu, Ngụy Như Kontum, những nguơi sẽ đóng một vai trò rất quan trọng trong việc hiện đại hóa giáo dục Việt Nam sau 1945. Trong những năm đó, để giới hạn số sinh viên đi Pháp vì sợ họ bị nhiễm tư tưởng phóng khoáng Tây phương, chính quyền Bảo hộ Pháp mở một đại học, duy nhất cho toàn cõi Đông Dương, là Đại học Hà Nội, nhưng đại học này chỉ dạy những môn Y khoa, Dược khoa và Luật khoa.

Nhưng chương trình phát triển Đông Dương cần nhiều nhân viên kỹ thuật cấp trung. Để đáp ứng nhu cầu này, chính quyền Bảo hộ Pháp mở một loạt trường kỹ thuật để đào tạo nhân viên chuyên môn cấp trung (cán sự) về các ngành công chánh, nông lâm súc, y tế , hành chánh, v.v... Những người này sẽ là lứa chuyên viên đầu tiên của Việt Nam sau này. Nhưng muốn được nhận vào những trường này, họ phải có bằng Tú tài.

Trước năm 1940, con em Việt Nam miền Trung muốn thi Tú Tài phải đi Hà Nội hay Sài Gòn, nhưng sau đó thì thi Tú Tài được tổ chức thêm ở Huế. Phần khác, giữa những năm 1940-1945, vì chiến tranh, giao thông giữa Việt Nam và Pháp bị gián đoạn, vì sinh viên không đi Pháp để tiếp tục học được nữa, và vì muốn giới trẻ nghĩ rằng chính quyền Bảo hộ ưu tư về tương lai của họ, đồng thời ngăn chận ảnh hưởng của Nhật, chính quyền Bảo hộ nới rộng thêm hệ thống đại học. Thêm vào các môn Y và Dược khoa và Luật khoa, họ mở thêm các phân khoa Khoa học

Về phương diện chuyển biến văn hoá, những quyết định và dữ kiện trên đây có nhiều hậu quả sâu xa. Một là nó tạo cơ hội cho người Việt tiếp xúc với văn minh và văn hoá Tây phương, nói chung, một văn minh khoa-kỹ cơ giới, và một văn hóa phóng khoáng.

Một số người Việt, ngoài văn hoá cổ truyền Khổng-Nho, biết thêm được một sinh ngữ quốc tế, hấp thụ thêm được một số kiến thức và làm quen với một số giá trị mới. Thân phụ tôi là một trong những người này. Ông thoạt đầu theo hệ thống Nho học, học chữ Hán, vác "lều chõng" đi thi lối xưa: năm 1918 ông dự cuộc thi kiểu Tam trường cuối cùng của giới Hán học. Nhưng đồng thời ông cũng được học tiếng "Quốc ngữ" và tiếng Pháp và theo chương trình "mới" – với các môn "mới" như Toán học – giảng dạy ở Trường Quốc học vừa mới mở.

Lối học hành như trên tất nhiên ảnh hưởng đến thân phụ tôi về phương diện văn hoá. So với những người cùng thuộc thế hệ ông nhưng từ chối học theo lối học hành "của Tây" này, ông ta cởi mở hơn nhiều. Trong cách nhìn đời và người, cách sống, ông không bị vướng mắc nặng những lề lối và giá trị "cổ truyền/truyền thống." Tôi chỉ lấy một số ví dụ: anh em chúng tôi không bị ép vào khuôn "phụ tử" của "tam cương" Khổng giáo: đối với cha mẹ anh em chúng tôi không sợ sệt, khúm núm, đi không phải xin phép, về không phải trình diện, "bẩm, thưa" ; trong những lễ lạc không phải quỳ lạy; trong việc lựa chọn bạn bè, chúng tôi rất được tự do: trong số bạn bè chúng tôi có con nhà đủ các giới, nhưng họ đều được cha mẹ chúng tôi đối xử rất tử tế; riêng về tôi, tuy thân phụ tôi muốn theo gót ông – học để ra làm quan – tôi không chịu nhưng ông không dùng quyền uy của cha ép buộc tôi, v.v... Đặc biệt hơn cả là ông không ngớt nhắc nhở chúng tôi phải chú tâm học tiếng Pháp (ngoại ngữ hồi đó) và...Toán học, vì, theo ông, trong thế giới mới, hai môn đó là căn bản – nay, phải học Toán (Vi phân, Tích phân) để theo kịp đà hiện đại, nhìn lại thì thấy rõ là ông ấy có một tầm nhìn quá xa đối với thời đó —; nhưng về Hán học thì sau vài tháng cho một ông đồ dạy tôi, thấy chẳng đi đến đâu, ông cũng bỏ lơ, không ép chúng tôi tiếp tục nữa... Good bye Khổng học! Good bye văn hoá Khổng-Nho!

Thực ra, thì đối với văn hoá Khổng-Nho không hẳn là "good bye." Tuy rằng trong gia đình, cha

mẹ chúng tôi không "Khổng tử nói," "Mạnh tử nói" suốt ngày, nhưng trong đời sống hàng ngày chúng tôi vẫn thực tế áp dụng "ngũ thường" của Khổng giáo. Phần khác tất cả anh em chúng tôi đều đi hướng đạo, và những giá trị của hướng đạo là những giá trị căn bản tốt và cần thiết cho một xã hội lành mạnh, nên chúng tôi vẫn theo một hệ thống đạo đức giá trị căn bản. Ngoài ra, mẹ tôi và các chị lớn của chúng tôi theo Đạo Phật (một phần của Nho giáo) và thường nói đến "quả báo," "nhân quả," "phúc, đức" nên chúng tôi cũng hấp thụ được những gì căn bản của Đạo Phật. Nói tóm, hệ thống giáo dục mà tôi được hấp thụ, tuy không vướng mắc những giá trị cổ hủ của văn hoá và giá trị "cổ truyền/truyền thống," nhưng cũng không phải là văn hoá và những giá trị nên vất bỏ toàn bộ.

### Giai đoạn 1945-2000

Tháng 3 năm 1945 Việt Nam bước sang một giai đoạn lịch sử mới, khi Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố chấm dứt chế độ Bảo hộ Pháp. Từ đó, về phương diện văn hoá, dù muốn dù không, người Pháp cũng không còn quyết định được hướng đi của Việt Nam nữa. Tiêu biểu cho dữ kiện này là sự áp dụng "chương trình Hoàng Xuân Hãn" về giáo dục. Con em Việt Nam học và thi Tú Tài bằng tiếng Việt, và việc giáo huấn họ không còn nhắm đào tạo quan lại, công chức cho Triều đình Việt Nam hay cho Chính phủ Bảo hộ Pháp nữa, mà hướng về khoa kỹ, và sự xây dựng một xã hội mới, với những giá trị mới, khác với xã hội "cũ" và những giá trị "cổ truyền/truyền thống." Thật ra, đây là một một tiếp nối của tiến trình chuyển hướng về văn hóa đã kể trên, nhưng nó có một tầm quan trọng lớn, thấy rất rõ: nó làm cho cuộc chuyển hướng này mạnh hơn và nhanh hơn.

Trong những thập niên tiếp theo đó, xã hội Việt Nam chuyển biến mạnh và nhanh. Văn hoá và các giá trị "cổ truyền/truyền thống" mất dần tính cách chế ngự của nó, những văn hoá giá trị mới xuất hiện và giành nhau ảnh hưởng tư tưởng và hành vi của người Việt. Hai hệ thống chính là hệ thống xã hội chủ nghĩa mô hình Lê-ni-nít chủ trương "hồng hơn chuyên" do ông Hồ Chí Minh và Đảng Cọng Sản Việt Nam mang nhập vào Việt Nam, và hệ thống tự do khai phóng mô hình Tây phương do người Mỹ du nhập, trong đó "chuyên," dựa trên khoa-kỹ, chiếm địa vị hàng đầu.

Hai hệ thống trên đây tranh đua gắt gao để ảnh hưởng người Việt, đặc biệt là thế hệ trẻ. Cuộc tranh đua này có những khía cạnh tiêu cực và tích cực. Một trong những khía cạnh tích cực là thế hệ trẻ Việt Nam được hưởng một tình trạng mà thế hệ cha ông họ không được hưởng: hàng ngàn hàng vạn người trẻ được mọi dễ dãi để ra ngoại quốc để học hỏi, tiếp xúc với những văn hóa và giá trị mới, những cách suy tư, phương pháp làm việc mới. Trong khi đó, trong xứ, hàng triệu người khác thuộc mọi giới, mọi vùng được, hay bị, tiếp xúc với những cái lạ, tuy không hẳn là tốt hết, nhưng cũng là mới, khác hẳn với những cái "cổ truyền/ truyền thống."

Trên đây là một cuộc tiếp xúc, pha trộn văn hoá quy mô, vừa là trao đổi, vừa là xung đột giữa hai văn hóa Tây phương và Đông phương. Cuộc tiếp xúc này lại được gia tăng cường độ, nới rộng và đâm sâu hơn nữa với sự can thiệp của người Mỹ sau năm 1954. Người Mỹ đến Việt Nam, ngoài khía cạnh quân sự chính trị, còn có tác động văn hoá mạnh. Một phần vô tình, nhưng một phần cố ý. Vô tình ở chỗ sự hiện diện của họ, với cách sống của họ – *American way of life* – khác hẳn lối sống không những của người Á đông, mà ngay cả các người Tây phương khác từ Âu châu — phóng khoáng, thản nhiên, tự do, thích đầy đủ về vật chất —, và nhứt là những tiện nghi đời sống do kỹ thuật cấp tiến tạo ra có một sự hấp dẫn lớn đối với người mà mức sống thấp như người Việt. Nói tóm, sự hiện diện của người Mỹ, với một văn minh khác hẳn văn minh Việt Nam, có một tác động "phô trương" (demonstration effect ) rất lớn.

Ngoài ra, chính quyền Mỹ cũng có một chính sách nhằm ảnh hưởng Việt Nam về mặt văn hoá. Họ có những chương trình quy mô đưa công chức Việt Nam đi "quan sát" hay "tu nghiệp" (further training); họ khuyến khích sinh viên đi du học ở Mỹ, và cấp cho sinh viên hàng ngàn học bổng. Và ngay tại chỗ, họ có những chương trình canh tân hóa kỹ thuật làm việc và làm ăn của người Việt, trong lãnh vực công cũng như tư.

Sau một thời gian dài 20 năm (1954-1975) trực tiếp can thiệp vào Việt Nam ở mức cao độ, người Mỹ đã gây một ảnh hưởng văn hoá rộng và sâu vào Việt Nam, khó xoá bỏ được. Ngay cả chính quyền cọng sản, muốn xoá nhổ ảnh hưởng Mỹ và tư bản đã thất bại, dù là họ "cách mạng" và duy ý chí đến đâu. Không những họ không đổi thay được người Miền Nam với những đợt "cải tổ xã hội chủ nghĩa" triệt để và tàn bạo, mà chính họ đã bị lôi cuốn và buộc phải theo lối sống của người Nam nhiễm văn hoá Tây phương và Mỹ. Tiến trình này đang tiếp diễn, và càng ngày càng gia tăng tốc độ và cường độ. Chưa biết sẽ đi đến đâu.

## Chuyển biến văn hoá là một tiến trình dài

Điều mà tôi thấy cần nói ở đây là tôi là một trong những người đã chịu tất cả những chuyển biến ở trên, đã hấp thụ văn hoá "cổ truyền/truyền thống" – qua sự giáo dục trong gia đình —, rồi văn hoá chuyển tiếp – qua thân phụ tôi và trong thời gian học trung học —, rồi văn hoá Tây phương – trong thời gian du học ở Âu châu —, và rốt cục văn hoá Mỹ trong thời gian làm việc tiếp xúc với người Mỹ và sinh sống ở Bắc Mỹ.

Nhờ được huấn luyện về phương pháp học hỏi khoa học, khách quan, tôi đã phân tách được cái vốn văn hóa của tôi, nghĩa là của rất nhiều người Việt khác cùng thế hệ tôi, hay thuộc thế hệ gần gũi tôi nhất. Tôi có một số nhận xét cá nhân, tất nhiên là chủ quan, nhưng có thể giúp ích cho những ai tìm hiểu những chuyển biến về văn hoá của Việt Nam và tìm kiếm cho Việt Nam một con đường đi văn hóa đưa đến phát triển nhanh chóng và hữu hiệu.

Tôi nghĩ rằng văn hoá mà tôi mang trong đầu tôi ngày nay thực sự là kết quả của một quá trình chuyển biến kéo dài trong trên hơn một thế kỷ, khởi đầu với những biến chuyển đã ảnh hưởng đến thân phụ tôi. Ông sinh ra vào cuối triều Tự Đức, nhưng lại được hấp thụ, và nhất là chịu hấp thụ, một văn hoá mà hồi đó có thể nói là rất "tân tiến," duy tân, nhưng được coi là "của Tây." Ông đã không sợ làm như vậy sẽ mang tiếng là "theo Tây." Trong tinh thần đó ông đã giáo dục tôi, khuyến khích và có khả năng cho tôi tiến tới trên một con đường mới, ở cấp trung học, rồi ở cấp đại học, có cơ hội hấp thụ một văn hóa mới và cần thiết cho sự phát triển của đất nước.

Phần khác, vì cũng đã được hấp thụ một số giá trị đạo lý tốt của văn hoá "cổ truyền/truyền thống," tôi đã không nhắm mắt thâu nhận tất cả những giá trị của Tây phương, đặc biệt là của Mỹ, có tính cách quá trớn, như đòi hỏi tự do cá nhân tuyệt đối, theo đuổi lợi nhuận một cách đam mê, chấp nhận nguyên tắc ai chết mặc ai trong cuộc đấu tranh sinh tồn. Nhưng trong công cuộc học hỏi, tôi đã thâu hút được những gì quan trọng nhứt về phương pháp quan sát, sưu khảo, phân tách, khoa học, khách quan, tường tận, nói tóm: một cách tư duy và làm việc hữu hiệu. Ở đây tôi tưởng nên nói thêm rằng một trong những yếu tố quyết định trong sự chuyển biến văn hóa của tôi là tôi rất chịu khó học sinh ngữ, và nhờ đó, nới rộng được tầm nhìn của mình, hiểu thêm các văn hóa khác, vì sinh ngữ là chìa khóa mở cửa cho ta vào các kho tàng kiến thức. Về phương diện này, thân phụ tôi, tuy thuộc thế hệ 1880 mà cũng đã thấy đúng, cũng như ông đã thấy đúng rằng Toán học là chìa khóa vào khoa học kỹ thuật.

Tôi nghĩ rằng hành trình văn hoá trên đây – từ Đông sang Tây nhưng không để cho bị Tây hóa hoàn toàn – là hành trình không riêng gì của một mình tôi, mà của hàng ngàn hàng vạn người Việt Nam khác cùng một thế hệ với tôi. Suy rộng ra, nếu sau 1975, sau khi hòa bình trở lại, mấy vạn người đã trải qua một cuộc chuyển biến như trên, là một đội ngũ rất đông với khả năng chuyên môn thuộc rất nhiều ngành, có thể là một vốn kỹ thuật lớn đóng góp rất hữu hiệu vào công cuộc phát triển đất nước nếu họ được xử dụng. Nhưng, rủi thay, lãnh đạo ĐCSVN đã coi họ như kẻ thù, hay mang trọng tội, phải gạt loại ra ngoài xã hội hay trừng trị, buộc họ phải bỏ xứ trốn ra ngoại quốc, và đóng góp vào sự phát triển của những nước cho họ cư trú.

Đồng thời, với sự thiếu cán bộ kỹ thuật trầm trọng đủ mọi ngành, cọng với sự lựa chọn một con đường phát triển kinh tế và một hệ thống văn hoá và giá trị mà kinh nghiệm lịch sử, được Liên xô và các nước cọng sản Đông Âu minh chứng là phản phát triển vì nó là một hệ thống "khép", lãnh đạo ĐCSVN đã đưa Việt Nam trở lại tình trạng cuối triều Tự Đức, nghĩa là bôi xoá đi hơn 100 năm kinh nghiệm về phát triển, đưa dân tộc Việt Nam trở lại một con đường tắt nghẽn.

Tuy nhiên, may thay, tình trạng ngày nay có một điểm khác tình trạng thời Tự Đức: ở thời đó cả Vua và Triều đình lẫn giới sĩ phu, đều đạp thắng (phanh), trong khi dân chúng chỉ đóng một vai trò thụ động. Ngày nay, chính quyền vẫn đạp thắng (phanh) mạnh, nhưng dân chúng lại đạp gaz mạnh hơn. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng trong điều kiện đó, tình trạng sẽ thay đổi, và chính sách và cách xử sự của lãnh đạo ĐCSVN có mê muội, duy ý chí đến đâu, cũng không cản được trào lưu tiến bước của dân tộc Việt Nam.

Những gì đã nói ở trên cũng cho ta thấy rằng thay đổi văn hoá không phải là một việc có thể làm trong chốc lát và theo ý muốn của mình được, mà nó theo một tiến trình dài hoặc ngắn tùy phương thức áp dụng đúng hay sai: nếu đúng, nó có thể nhanh hơn và giúp cho đất nước phát triển nhanh hơn; nếu sai thì chúng ta sẽ đi vòng quanh, hay tệ hơn nữa, sẽ đi ngược lại trở về khởi điểm hay xa hơn nữa về hướng tụt hậu.

*Ottawa, tháng 3, 2002*

# CHUYẾN CÔNG DU ĐÔNG Á CỦA TỔNG THỐNG GEORGE W. BUSH

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Hạ tuần tháng Hai năm 2002, Tổng Thống Bush thực hiện một cuộc công du qua ba nước Đông Á –Nam Hàn, Nhật Bản, và Trung Quốc. Một số quan sát viên cho rằng đó là chuyến đi nhằm "giảm thiểu tai hại" (damage control) và xoa dịu sự lo ngại của các quốc gia này trước lời tuyên bố có vẻ hiếu chiến của Bush trong bài diễn văn về "Tình Trạng Liên Bang" đọc trước Lưỡng Viện Quốc Hội trong đó ông nói đến sự đe dọa của cái "Trục Ác Độc" (Axis of Evil) gồm Iran, Iraq và Bắc Hàn. Một số người khác coi chuyến đi ấy chính là để vận động sự hợp tác của ba quốc gia Đông Á trong việc đối phó với đe dọa của cái "Trục Ác Độc" ấy. Sự thật có lẽ nằm trong cả hai lối giải thích kể trên.

## Ý Nghĩa Chuyến Thăm Nhật Bản

Vì giới hạn Hiến Pháp và tập tục chính trị không cho phép Nhật có một quân đội mạnh, an ninh của Nhật Bản tùy thuộc gần như hoàn toàn vào sự bảo vệ của Hoa Kỳ, và do đó vào chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ. Từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, Nhật là một đồng minh trung thành, luôn luôn ủng hộ, hay ít nhất không chống đối, chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ. Trong những năm gần đây, Hoa Kỳ thường phàn nàn Nhật Bản không chịu chia xẻ gánh nặng bảo vệ an ninh quốc tế, hay ít nhất an ninh khu vực, tương xứng với tư thế siêu cường kinh tế của Nhật.

Để chứng tỏ thiện chí đối với một đồng minh quan trọng nhất của mình, Nhật đã nhanh chóng và hữu hiệu cộng tác với Hoa Kỳ sau biến cố 9/11. Thủ Tướng Koizumi là một trong các nhà lãnh đạo thế giới đầu tiên gọi điện thoại bày tỏ tình liên đới với Tổng Thống Bush và cam kết sát cánh với Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh chống khủng bố. Không những Nhật chỉ đóng góp tài chánh giúp nạn nhân của hành động khủng bố ở Nữu Ước, mà Quốc Hội Nhật còn biểu quyết luật cho phép hành pháp gửi hải quân sang Ấn Độ Dương làm công tác tiếp liệu, y tế, cứu trợ, và thu thập tin tức tình báo hỗ trợ cho Hoa Kỳ trong cuộc hành quân chống Taliban và tổ chức al Qaeda ở A Phú Hãn. Đây là lần đầu tiên Nhật gửi quân ra khỏi vùng biển Nhật Bản để hỗ trợ chiến tranh, chứ không phải chỉ để làm công tác giữ an ninh sau khi hòa bình được vãn hồi dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc.

Nhật hoàn toàn đồng ý với Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh A Phú Hãn nhưng, cũng như đa số các quốc gia khác, Nhật rất lo lắng trước triển vọng mở rộng chiến dịch chống khủng bố ra ngoài A Phú Hãn, vì thế rất quan tâm trước lời tuyên bố của Tổng Thống Bush về Bắc Hàn. Nhật lo ngại về khả năng nguyên tử của Bắc Hàn, nhất là sau khi Bắc Hàn phóng thử loại hỏa tiễn có tầm với tới lãnh thổ Nhật. Tuy nhiên, Nhật muốn giải quyết vấn đề một cách êm ấm trong khuôn khổ thỏa thuận đạt được dưới thời Tổng Thống Clinton chấp nhận xây cho Bắc Hàn hai nhà lò nguyên tử mới để thay thế cho những lò nguyên tử cũ. Các lò nguyên tử mới này chỉ có khả năng chế tạo năng lượng thường chứ không phải năng lượng mà chất phế thải có thể dùng làm bom nguyên tử. Điều rắc rối là Bắc Hàn không chịu một sự kiểm tra quốc tế hữu hiệu để bảo đảm Bắc Hàn không lén lút chế tạo và cất dấu võ khí nguyên tử, và không tiếp tục bán hỏa tiễn và chuyển giao kỹ thuật chế tạo hỏa tiễn cho các "quốc gia đáng quan ngại," trong đó có Iran. Lời tuyên bố của Tổng Thống Bush khiến Nhật lo sợ Hoa Kỳ quá hấp tấp trong việc dùng võ lực để giải quyết mối đe dọa của các "quốc gia đáng quan ngại," thay vì kiên nhẫn trong việc sử dụng các biện pháp ngoại giao và kinh tế, nhất là đối với một quốc gia ở sát nách Nhật.

Cuộc công du của Tổng Thống Bush sang Nhật đã đạt được hai điều chính. Thứ nhất, Bush chứng tỏ cho Nhật thấy chính quyền mới coi Nhật là đồng minh quan trọng nhất của Hoa Kỳ ở Á Châu,

chứ không như trong thời Clinton. Hồi ấy, Hoa Kỳ coi Trung Quốc như một "người cộng sự chiến lược," và Clinton đã gây nhiều thắc mắc và bất mãn trong giới lãnh đạo Nhật khi ông viếng thăm Trung Quốc mà không ghé Nhật. Thứ hai, Bush chứng tỏ không có rạn nứt giữa Hoa Kỳ và Nhật trong chính sách đối với Bắc Hàn khi Thủ Tướng Koizumi tuyên bố ông thông cảm với mối quan tâm của Tổng Thống Bush về "Trục Ác Độc" và khen Bush là người có thái độ bình tĩnh và cẩn trọng (nghĩa là không hiếu động như người ta thường chỉ trích). Ngoài ra, Nhật có liên hệ tốt với Iran. Trong những cuộc thảo luận với các nhà lãnh đạo Nhật, Bush có thể nhờ Nhật làm trung gian thăm dò triển vọng và điều kiện cộng tác giữa Hoa Kỳ và Iran, ít nhất trong lãnh vực chống khủng bố.

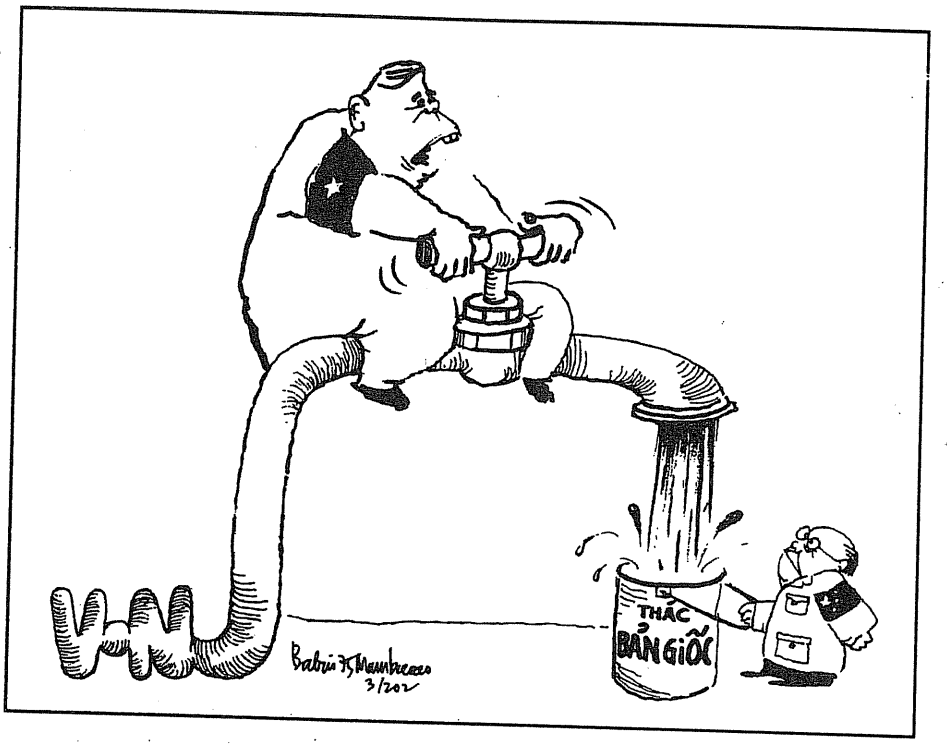


### Ý Nghĩa Chuyến Thăm Nam Hàn

Ở Nam Hàn, sau khi nhậm chức, Tổng Thống Kim Đại Trung quyết định theo đuổi chính sách "nhật quang" (sunshine policy) nghĩa là hòa hoãn, đôi khi nhân nhượng, với Bắc Hàn với hy vọng Bắc Hàn sẽ bỏ bớt thái độ hiếu chiến, giảm tình trạng căng thẳng trong bán đảo Cao Ly, và dần dần đi tới việc bình thường hóa quan hệ, rồi thống nhất hòa bình, giữa hai miền Nam Bắc. Trong khuôn khổ đó, ông ủng hộ thỏa thuận đạt được dưới thời Clinton về việc kiểm soát khả năng chế tạo võ khí nguyên tử của Bắc Hàn và, dù có những nghi ngờ ở trong và ngoài nước về sự vi phạm của Bắc Hàn, ông vẫn kiên nhẫn với chính sách dùng các biện pháp ngoại giao và kinh tế để mua chuộc Bắc Hàn.

Ở Hoa Kỳ, sau khi nhậm chức, chính quyền Bush đã tỏ ra bất đồng ý kiến với chính sách "nhật quang" và muốn có một thái độ cứng rắn hơn đối với Bắc Hàn. Vụ khủng bố ngày 9/11 cho chính quyền Hoa Kỳ thấy sự nguy hiểm của họa khủng bố kèm theo loại võ khí có khả năng tiêu hủy hàng loạt (weapons of mass destruction). Hoa Kỳ không những không muốn Bắc Hàn đừng chế tạo võ khí tiêu hủy hàng loạt mà còn không muốn, qua Bắc Hàn, loại võ khí ấy tới tay các tổ chức khủng bố hay các quốc gia dung dưỡng khủng bố. Lời tuyên bố đặt Bắc Hàn trong "Trục Ác Độc" phản ánh mối quan tâm này và đồng thời nói lên sự mất kiên nhẫn của chính quyền Bush đối với thái độ bất hợp tác của Bắc Hàn, một quốc gia bất ổn và khó tin.

Kết quả cuộc thảo luận của Tổng Thống Bush với các nhà lãnh đạo Nam Hàn thể hiện một "thỏa thuận về sự bất đồng ý" giữa hai nước. Một mặt Hoa Kỳ, qua ngoại trưởng Colin Powell, tuyên bố ủng hộ chính sách "nhật quang" của Nam Hàn và hứa bằng lòng gặp các nhà lãnh đạo Bắc Hàn ở bất cứ nơi nào để thảo luận vô điều kiện về việc kiểm soát võ khí có khả năng tiêu hủy hàng loạt của Bắc Hàn. Mặt khác, Hoa Kỳ tiếp tục đòi hỏi Bắc Hàn phải đưa ra những bằng chứng rõ rệt là Bắc Hàn không tiếp tục sản xuất và phổ biến võ khí có khả năng tiêu hủy hàng loạt. Hoa Kỳ không hề loại bỏ khả năng dùng biện pháp quân sự để giải quyết mối đe dọa ấy.

## Ý Nghĩa Chuyến Thăm Trung Quốc

Ngay từ đầu chính sách của chính quyền Bush đối với Trung Quốc đã khác hẳn chính sách của chính quyền Clinton. Nếu Clinton coi Trung Quốc là "người cộng sự chiến lược" thì Bush coi Trung Quốc như một "kẻ cạnh tranh chiến lược." Nếu Clinton theo đuổi chính sách "Trung Quốc quan trọng nhất" (China-First) thì Bush theo đuổi chính sách "Nhật Bản quan trọng nhất" (Japan-First). Chính sách này gây ra nghi kỵ và căng thẳng giữa hai nước, và đã lên tới cao độ hồi tháng 4 năm 2001 với vụ đụng phi cơ ngoài khơi Trung Quốc và việc Hoa Kỳ bán võ khí tối tân cho Đài Loan. Sau đó, hai bên tìm cách hàn gắn, nhất là phía Trung Quốc vì Trung Quốc không dại gì mà gây ra đụng độ với Hoa Kỳ trước khi mình đủ mạnh. Hơn nữa đụng độ và căng thẳng với Hoa Kỳ lúc này sẽ cản trở việc phát triển kinh tế của Trung Quốc, nền tảng của sức mạnh quân sự và ảnh hưởng của Trung Quốc ở Á Châu.

Trung Quốc đã nhìn thấy khả năng quân sự vượt trội và các võ khí tân kỳ của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh 78 ngày ở Kosovo. Lo ngại thế nhất siêu của Hoa Kỳ, Trung Quốc tìm cách liên kết với Nga và một số quốc gia Trung Á lập ra "Diễn Đàn Thượng Hải" (Shanghai Forum) nói là để bảo đảm an ninh biên giới giữa các quốc gia ấy, nhưng thực sự là thăm dò khả năng cộng tác để tạo đối lực với Hoa Kỳ, ít nhất cũng ở trong khu vực Trung Á. Cuộc chiến tranh ngắn ngủi và thành công của Hoa Kỳ ở A Phú Hãn năm 2002 so với sự sa lầy và thất bại của Liên Xô ở xứ này trong nhiều năm trước không những tái xác nhận khả năng quân sự vượt trội của Hoa Kỳ mà còn cho thấy sự vô vọng của cố gắng tạo đối lực, phá thế nhất siêu của Hoa Kỳ. Nạn nhân đầu tiên là thế liên hoàn Trung Á. Trong năm nước thuộc Diễn đàn Thượng Hải, Nga ngay từ đầu đã sốt sắng ủng hộ cuộc chiến tranh chống khủng bố của Hoa Kỳ và mặc nhiên chấp nhận thế nhất siêu của Hoa Kỳ khi chỉ phản đối nhẹ nhàng quyết định của Hoa Kỳ rút ra khỏi Hiệp Ước Hạn Chế Hỏa Tiễn Phòng Thủ, sau khi thắng trận ở A Phú Hãn. Ngoài Uzbekistan, hai quốc gia Trung Á khác thuộc Diễn Đàn Thượng Hải – Kyrgzstan, và Tajikistan—đã đồng ý cho phép Hoa Kỳ đóng quân và sử dụng căn cứ quân sự của mình trong chiến dịch chống khủng bố. Trong tình trạng bị cô lập như vậy, Trung Quốc không có chọn lựa gì khác là bỏ ý định làm đối lực với Hoa Kỳ, ít nhất là trong giai đoạn này, và tìm cách cải thiện bang giao với Hoa Kỳ. Đối với một Trung Quốc đang chuyển tiếp từ thế hệ lãnh đạo thứ ba sang thế hệ lãnh đạo thứ tư và đang cần có ổn định nội bộ và tránh xung đột quốc tế, cuộc viếng thăm của Tổng Thống Bush có một ý nghĩa quan trọng đối với việc cải thiện quan hệ Hoa-Mỹ. Vì thế, khác hẳn thái độ hung hãn trong vụ đụng máy bay trên không hồi tháng Tư năm ngoái, Trung Quốc không làm rùm beng khi khám phá ra rằng máy bay mua của Hoa Kỳ dành cho Tổng Thống Giang Trạch Dân bị đặt máy nghe lén, để tránh cản trở cuộc viếng thăm của Tổng Thống Bush. Về phía Hoa Kỳ, Hoa Kỳ không có lý do gì để gây gổ khi Trung Quốc muốn hòa hoãn. Hơn nữa, Hoa Kỳ vẫn muốn Trung Quốc cộng tác trong việc chống phổ biến võ khí có khả năng tiêu hủy hàng loạt và có thể nhờ Trung Quốc làm áp lực để giải quyết vấn đề Bắc Hàn. Trong cuộc viếng thăm này, hai bên không thay đổi chính sách căn bản của mình. Hoa Kỳ vẫn tiếp tục quyết định xây hệ thống hỏa tiễn phòng thủ, vẫn cam kết giúp Đài Loan tự phòng thủ, vẫn đặt vấn đề nhân quyền với Trung Quốc. Trung Quốc vẫn bán hỏa tiễn và kỹ thuật hỏa tiễn cho các quốc gia khác, và vẫn đàn áp và bắt giam các phần tử chống đối. Nhưng hai bên đều tỏ ra không muốn xung đột với nhau, ít nhất là trong lúc này. Những khác biệt giữa hai bên được che dấu trước các lời chúc tụng và khen ngợi lẫn nhau. Hoa Kỳ còn làm vừa lòng Trung Quốc bằng cách mời cả Tổng Thống Giang Trạch Dân và Phó Tổng Thống Hồ Cẩm Đào sang thăm Hoa Kỳ trong những tháng sắp tới. Trung Quốc gọi chuyến đi của Tổng Thống Bush và 30 giờ thăm viếng Trung Quốc của ông là những "giờ phút lịch sử," và tuyên bố rằng hai quốc gia đang "bắt đầu một giai đoạn mới nhằm phát triển các quan hệ xây dựng và cộng tác trong thế kỷ mới." Ngoài ra, ngay trong thời gian Tổng Thống Bush đang thăm viếng Trung Quốc, chính phủ Trung Quốc đã đồng ý cho phép Cơ Quan Điều Tra Liên Bang (FBI) Hoa Kỳ mở văn phòng tại Bắc Kinh để cộng tác với Trung Quốc trong nỗ lực chung chống tội ác và khủng bố.

Chuyến công du Đông Á của Tổng Thống Bush, như vậy, đã làm tăng uy tín của Tổng Thống Bush, cải thiện bang giao giữa Mỹ và các quốc gia Đông Á, làm nền tảng cho việc thi hành giai đoạn mới của chiến dịch chống khủng bố ở Á Châu và bành trướng uy thế của Hoa Kỳ trong vùng này./.

# TRÁNH THUẾ LỢI TỨC

THANH THẢO

Năm nào cũng thế, vào mùa này các văn phòng kế toán tài chính và khai thuế lợi tức bận rộn vô cùng. Thanh Thảo biết vì khi làm hẹn với một chuyên viên kế toán tài chính, cái hẹn gần nhất xin được là... một tháng.

Tuy còn hơn một tháng nữa mới hết hạn khai thuế lợi tức cho năm 2001, nhưng những người cẩn thận chắc đã hoàn tất hồ sơ... từ khuya.

Ngược lại, những người có tính "nước đến chân mới nhảy" (như người viết) còn đợi đến ngày 15 tháng Tư mới xếp hàng tại các bưu điện chờ đóng dấu bao thư. Dù sao khi phải nộp tiền cho sở thuế, chỉ cần đóng đúng hạn thôi. Đóng sớm đâu có ai thưởng.

Còn các công ty có hồ sơ tài chính phức tạp thì đang bàn thảo những phương cách hợp pháp để... tránh thuế. Vụ công ty ENRON khai phá sản cho thấy mức độ tránh thuế đáng ngại của các công ty đại tư bản Mỹ.

Theo phúc trình của cơ quan Thuế Vụ và Kinh Tế Mỹ trong 4 năm 1996 đến 2000, có đến 52 trong số 250 đại công ty tư bản Mỹ chỉ đóng từ 10% thuế trở xuống. Những công ty này đã dùng nhiều hình thức tránh thuế nhằm khỏi phải trả 35% lợi tức cho "Chú Sam" ( tên lóng chỉ sở thuế lợi tức liên bang Mỹ, từ chữ Uncle Sam).

Những công ty kể trên gồm có ENRON (còn ai hơn nổi công ty đầy sáng tạo này). Enron có lợi tức trước khi đóng thuế là $1 tỉ 785 triệu Mỹ kim mà phần khai thuế phải đóng cho cơ quan IRS (Internal Revenue Services) chỉ có *âm số $ 381 triệu (-381 triệu).*

Các công ty khác như El Paso Energy khai phải trả sở thuế liên bang *âm số $254 triệu Mỹ kim (-254 triệu)* trên mức lợi tức $ 1 tỉ 638 triệu.

Công ty chế tạo vỏ bánh xe hơi Goodyear khai mức thuế *âm số $23 triệu (-23 triệu)* trên lợi tức $442 triệu Mỹ kim.

Công ty sản xuất kem đánh răng và vật dụng nha khoa phổ thông Colgate-Palmolive khai chỉ phải trả cho sở thuế liên bang *âm số $21 triệu (-21 triệu)* trên mức lợi tức $ 1 tỉ 367 triệu Mỹ kim.

Khi khai phải đóng tiền cho sở thuế, các đại công ty cũng chỉ chịu đóng rất thấp. Công ty xe hơi General Motors khai chỉ nợ sở thuế có $740 triệu Mỹ kim trên mức lợi tức $12 tỉ 468 triệu Mỹ kim. Còn công ty sản xuất đồ gia dụng và dụng cụ General Electric khai phải trả sở thuế có $5 tỉ 846 triệu Mỹ kim trên mức lợi tức $50 tỉ 865 triệu Mỹ kim.

Nếu tính trung bình những công ty này chỉ đóng thuế ở mức từ 10% trở xuống. Làm sao các đại công ty Mỹ lại tránh được thuế tài tình như vậy?

Xin thưa, vì bộ thuế lợi tức liên bang Hoa Kỳ hiện nay có quá nhiều luật lệ đầy những lỗ hổng luật pháp. Vì hồ sơ thuế không phải là những dữ kiện được công bố, nên khó ai biết rõ các công ty đại tư bản thật sự đóng bao nhiêu tiền. Ngoại trừ những trường hợp khai phá sản như Enron chẳng hạn. Nhờ lý do này nhiều công ty lớn áp dụng các phương pháp kế toán tài tình nhưng hợp pháp.

Phương pháp thứ nhất là dùng mức thua lỗ của những năm trước để trừ bớt phần lợi tức những năm làm ăn thành công. Tổng thủ quỹ Mark T. Schetschenau thuộc công ty Navistar cho biết đây là cách công ty tính toán để chỉ phải đóng thuế $28 triệu Mỹ kim trên lợi tức $ 1 tỉ 368 triệu.

Các công ty khác như GM dùng số tiền mất từ vụ cho vay nợ thẻ tín dụng hồi đầu thập niên 1990s để trừ bớt lợi tức thu được những năm gần đây.

Công ty Goodyear Tire & Rubber cũng trừ hẳn tiền lỗ từ một vụ đầu tư ống dẫn dầu thất bại vào lợi tức thu được nên giảm được thuế lợi tức.

Thêm vào đó, nếu hết cách giảm thuế, các công ty trên bèn dùng một phần lớn lợi tức vào việc đầu tư những máy móc, dụng cụ lớn để tránh khỏi trả thuế.

Một số công ty dùng cách tính thuế ngoạn mục hơn. General Electric Co. giảm được thuế lợi tức nhờ biện pháp trả Stock Options cho nhân viên. Khi dùng cách này, các công ty có quyền trừ giá trị thật của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

cho giá bán cổ phiếu (options) cho nhân viên. Con số khác biệt được trừ thẳng vào lợi tức của công ty. Nhiều trường hợp mức thuế lợi tức giảm đến 1/ 4. Kết quả, càng trả nhiều options cho nhân viên bao nhiêu, công ty càng có lợi tức ít (trên giấy tờ) bấy nhiêu.

Nhiều công ty dùng một cách tính khác gọi là "deferral," tạm dịch "hoãn trả." Với cách tính này, các công ty công nhận phải đóng thuế nhưng xin "Chú Sam" hãy đợi đến... Tết Công-gô. Những khoản lợi tức từ các chi nhánh ngoại quốc chẳng hạn có quyền được hoãn trả... vô hạn định. Công ty GE Captial áp dụng cách này. Nhưng còn rất nhiều công ty khác dùng cách tính tương tự. Thống kê liên bang từ năm 1995 đến 2000 cho thấy lợi tức của các công ty đại tư bản Mỹ tăng đến trên 1/ 3. Cùng thời kỳ này, thuế lợi tức chỉ tăng có 17%.

Kinh tế gia Mihir A. Desai thuộc viện đại học Harvard cho rằng điều trên chẳng có gì lạ. Rất nhiều công ty Mỹ tránh thuế bằng đủ hình thức hợp pháp và có thể bất hợp pháp. Những chi nhánh hoặc công ty con nằm ở nước ngoài thường là những chiếc "lều tránh thuế" (tax shelter) lợi hại. Ông phỏng định trong năm 1998 *tổng số tiền khác biệt giữa lợi tức thật và lợi tức phải đóng thuế* của các đại công ty tư bản Mỹ *là $287 tỉ Mỹ kim.* Một công ty đại tư bản Mỹ trong trường hợp này được kể là có tài sản trên $250 triệu Mỹ kim. Dĩ nhiên, công ty ENRON lại một lần nữa được đề cập đến về khả năng dùng tax shelter lên đến $3 tỉ Mỹ kim để khỏi đưa tiền lời cho "chú Sam."

Sau khi chính quyền liên bang quyết định hình phạt dành cho những công ty như ENRON về thuế vụ, có lẽ sở thuế liên bang cũng sẽ có nhiều thay đổi. Hình phạt nặng hay nhẹ còn tùy tội danh bị buộc.

Một điều quan trọng là dù công ty kế toán tài chính có dùng cách tính nào để giảm thuế đi chăng nữa, người chịu trách nhiệm trước pháp luật là người thọ thuế.

Vì vậy, nếu đang dùng hoặc có ý định dùng tax shelters hay những cách tính khác để giảm thuế, quí vị nên hỏi cho đến nơi đến chốn kết quả và hậu quả của các cách tính trên.

Dù sao, trả tiền cho "chú Sam" có xót ruột cũng còn đỡ hơn sau này có thể phải trả cho luật sư, nhân viên Tòa Thuế Vụ, và đóng tiền phạt.

Trầm trọng hơn nữa, có khi phải bị lấy tài sản trừ thuế bị kể là nợ từ đời xưa năm nọ, hay phải vào ngồi tù thì chẳng có "tax shelter" nào xứng đáng đánh đổi đâu.

VIETNAMESE AMERICAN ARTS AND LETTERS ASSOCIATION (VAALA)
&
VIETNAMESE LANGUAGE AND CULTURE (VNLC)

***Proudly present the first / hân hạnh giới thiệu***

**CINEMA SYMPOSIUM**

Theme: *In Front of and Behind the Lens* / Trước và Sau Ống Kính
A panel discussion on experiences and achievements in filmmaking /
Hội luận về những kinh nghiệm và thành tựu trong điện ảnh
Panelists: *Kiều Chinh, Timothy Linh Bùi, Charlie Nguyễn, Nguyễn-Võ Nghiêm-Minh, Victor Vũ, Katie Lương, Thanh Trúc, Billinjer Trần, Lâm Nguyễn*

Sunday, April 21, 2002
3:00 p.m. 5:30 p.m. Panel discussion
5:30 p.m. 6:30 p.m. Reception
James Bridges Theater (trong Melnitz Hall)
On UCLA campus
Parking lot #3

*Liên lạc:* **Y-Sa (VAALA): 714- 537-7686** *hoặc* **Kelly (VNLC): 818-376-8246**

# KHI TUỔI TRẺ VỀ NGUỒN

ĐOÀN XUÂN KIÊN

1

### Từ những cuộc hội thảo ...

Một hiện tượng mới phổ biến chừng mấy năm nay, là tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại thường hội họp nhau để bàn bạc về vấn đề giữ gìn bản sắc văn hoa dân tộc. Những câu hỏi thường được chính các bạn trẻ đặt ra với mình và bạn bè: Đâu là bản sắc văn hoá dân tộc Việt ? Làm thế nào để hội nhập văn hoá mà vẫn giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc ? Bản sắc văn hoá dân tộc trong sinh hoạt gia đình và ngoài xã hội ?... Đấy là những vấn đề thiết thực gần gũi đối với mỗi người, nhưng lại ít khi được đặt ra bàn thảo một cách công khai, rộng rãi. Dưới đây là ghi nhanh một số những ý kiến đúc kết từ các cuộc thảo luận nói trên.

### Khi tuổi trẻ đi tìm bản sắc dân tộc

Để trả lời câu hỏi tổng quát về những giá trị tinh thần hay bản sắc dân tộc, các bạn trẻ ở hải ngoại có thể đưa ra những nhận định mà các bậc cha chú hẳn là phải ngạc nhiên, trước hết là về tính cách bàng quan của nó. Dưới đây là một danh mục ghi nhận từ một trong những buổi hội thảo như thế. Trong bản liệt kê những nhận xét tại chỗ về tính cách và bản sắc dân tộc qua những gì bạn trẻ nhìn thấy và chiêm nghiệm trong đời sống của họ tại hải ngoại. Danh mục này có cả những nét đáng quý của bản ngã dân tộc cùng những nét vẻ mà các bạn trẻ thường cho là những tính cách truyền thống dân tộc nay đã không còn thích hợp trong đời sống giao lưu văn hoá tại hải ngoại nữa.

#### MẶT TÍCH CỰC

* Dân tộc đã tồn tại qua hơn bốn ngàn năm lịch sử, với nhiều biến cố đau thương. Đó là sức mạnh của dân tộc vậy.

* Dân tộc đã thể hiện tinh thần đoàn kết trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

* Dân tộc ta còn giữ được tiếng nói dân tộc, mặc dù trải qua bao nhiêu phen bị các chính sách thực dân văn hoá ra sức phá đổ bản sắc văn hoá dân tộc.

* Một nét son của văn hoá dân tộc là tinh thần đại gia đình, trong đó các thế hệ đều nương tựa nhau mà tồn tại và trao truyền văn hoá cho đời sau.

* Cốt tuỷ của đại gia đình là tinh thần kính trên nhường dưới, tinh thần tôn ti trật tự.

* Tinh thần cộng đồng là một nét son của dân tộc: mỗi cá nhân là một phần tử của gia đình-xã hội, và có trách nhiệm đối với tập thể của mình.

* Người mình giàu đức hi sinh.

* Bản chất của dân tộc là cần mẫn siêng năng, làm việc đến nơi đến chốn.

#### MẶT TIÊU CỰC

* Người mình xem nhẹ kỉ luật giờ giấc, thường dùng giờ cao su.

* Người mình thường thiếu cởi mở trong xã giao.

* Người mình thường tỏ lòng ganh ghét nhau, chia rẽ nhau, đố kị lẫn nhau.

* Trong gia đình, giữa cha mẹ và con cái thường thiếu cởi mở với nhau.

* Cha mẹ hay xem thường con cái, ít khi chịu lắng nghe ý kiến của giới trẻ.

* Người mình thường xem nặng quyền lợi gia đình hơn tập thể rộng lớn

* Người mình thường thụ động, thiếu phát huy sáng kiến để đóng góp vào việc chung.

* Người mình vụ lợi vật chất, hay xét người qua cái bề ngoài.

* Người mình thiếu phóng khoáng, lịch sự, đặc biệt là đối với phái nữ.

* Trong xã hội, người mình thường hay ích kỉ, giấu nghề

* Người mình thiếu tinh thần hợp tác để giúp tập thể cùng tiến bộ.

* Người mình hay cố chấp, không phục thiện, ít biết xin lỗi khi có lỗi, ít khi nói cảm ơn khi được giúp đỡ.

* Người mình nặng óc trọng nam khinh nữ.

Cần nói ngay là bảng liệt kê trên đây chỉ là những ghi nhận tại chỗ và có tính cách tự phát về những giá trị văn hoá rộng lớn, cho nên những nét liên quan đến bản sắc dân tộc như trên có thể là chưa đầy đủ và chính xác. Nhưng đó là những ghi nhận trực tiếp từ cuộc sống thực tế. Kể ra thì bảng kê này cũng đã góp được một số điểm khá đúng với hoàn cảnh người mình, rất đáng cho mọi chúng ta cùng suy nghĩ thêm.

Bàng bạc qua các buổi hội thảo là tinh thần *thao thức muốn nhận diện cho được những giá trị, những bản sắc cuả cộng đồng dân tộc*. Đó là một thao thức chính đáng. Bất cứ một cộng đồng nào khi muốn trả lời thoả đáng cho vấn đề hội nhập văn hoá, cũng phải đặt ra cho mình những câu hỏi tương tự như chúng ta mà thôi.

Khi nói đến việc nhận diện những bản sắc văn hoá là mặc nhiên thừa nhận có những giá trị khác nhau cùng tồn tại bên nhau. Gia đình Việt Nam cư ngụ trên đất nước phương tây đều có kinh nghiệm trực tiếp về sự chung sống giữa hai văn hoá: một bên là văn hoá đông phương xuất phát từ cơ sở xã hội nông nghiệp, nặng tinh thần gia trưởng và cơ sở văn hoá Khổng Mạnh, bên kia là văn hoá thị dân của xã hội công nghiệp phát triển, của chủ nghĩa tự do cá nhân, và tinh thần dân chủ. Mỗi nền văn hoá đều hun đúc con người trong những lề lối cư xử với nhau trên cơ sở văn hoá đó. Môi trường để khuôn nắn cách ứng xử của con người chính là gia đình, nhà trường và giao tiếp xã hội thường ngày. Cho nên mỗi gia đình Việt Nam tại hải ngoại đều có kinh nghiệm hằng ngày về những khác biệt văn hoá như thế. Con cái đi học ở trường được chỉ dạy những khuôn thước mà cha mẹ và ông bà các cháu có thể không tiếp cận được vì thế hệ của cha ông đã được rèn tập trong một môi trường văn hoá dân tộc khác hẳn.

Khác biệt văn hoá như thế là một yếu tố nền tảng và có tính cách bao trùm lên nếp sống của các gia đình trong môi trường giao tiếp giữa hai hay nhiều văn hoá khác nhau.

## Những vấn đề liên quan đến bản sắc dân tộc trong sinh hoạt gia đình

Tìm hiểu những vấn đề liên quan đến những khác biệt, thậm chí những xung đột quan điểm trong gia đình VN tại hải ngoại, các bạn trẻ đã có thể ghi nhận một nét chung là gia đình VN có nhiều nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, đoàn thể, nhờ đó mà có thể khắc phục những khó khăn trong quá trình hội nhập trong đời sống hải ngoại. Gia đình VN rất siêng năng cần mẫn trong việc gây dựng lại cuộc sống. Cha mẹ làm việc cật lực để cho con ăn học nên người. Tuy nhiên, gia đình cũng chính là nơi diễn ra những khác biệt văn hoá đáng được quan tâm nghiên cứu nếu muốn giải gỡ vấn đề gìn giữ bản sắc văn hoá cho thế hệ trẻ tại hải ngoại. Dưới đây là những ghi nhận các vấn đề khó khăn thường gặp trong gia đình VN mà chính các bạn trẻ đã trải qua:

1.- Thiếu thốn những lúc gia đình được quây quần, cha mẹ con cái được trao đổi ý kiến về những vấn đề liên quan đến gia đình. Cha mẹ thường bận rộn với làm ăn mà *ít có thì giờ chuyện trò cùng con cái*;

2.- Cha mẹ thường cho rằng con cái không đáng dự bàn việc nhà, vì *'trứng khôn hơn rận ?'*. Dường như *bao giờ con cái cũng vẫn là trẻ con, dù đã đến tuổi trưởng thành*. Vì vậy, con cái chỉ nên vâng lời cha mẹ, nghe lời cha mẹ chỉ bảo. Nói ngược lại lời cha mẹ là có thể mang tiếng bất hiếu;

3.- *Cha mẹ thường lấy mình làm tiêu chuẩn*, làm thước đo giá trị, vì cho rằng con cái 'tây quá', không biết cách giải quyết việc nhà việc xã hội khéo như cha mẹ;

4.- Cha mẹ thường đặc biệt *gắt gao với con gái* trong nhà, cho rằng con gái cần phải thận trọng trong việc giao tế xã hội, chứ không nên tự do như con trai. Đặc biệt là việc quan hệ nam nữ, việc hôn nhân của con gái;

5.- Cha mẹ và con cái thường khó khăn trong việc cư xử vì những khác biệt văn hoá. Khác biệt nổi bật nhất là *cha mẹ thì thường rất phong kiến, độc đoán*, trái ngược với con cái đã quen nếp cư xử dân chủ.

Chúng ta vẫn thường nói rằng: *Gia đình là một tổ ấm, là nơi tạo dựng "cảm thông", "tình người"*. Phải chăng những ghi nhận trên đây cho thấy một tình trạng khủng hoảng, một đổ vỡ ? Thật ra, những gì chúng ta thấy trên đây chỉ là biểu hiện của một hiện tượng khác biệt văn hoá mà tất cả các gia đình trong một hoàn cảnh song văn hoá đều trải qua.

Từ những vấn đề ghi nhận như ở trên, có thể nào gia đình VN giải gỡ được những vướng mắc về khác biệt thế hệ, khác biệt văn hoá, để cùng xây đắp một gia đình hạnh phúc cho mình ? Câu trả lời là: có. Mấu chốt của sự giải toả khác biệt trong gia đình sẽ là ở sự đối thoại văn hoá. Tất cả sẽ bắt đầu từ việc đối thoại từ trong chính các gia

đình, trong đó các thế hệ cùng chia sẻ, bàn bạc với nhau những vấn đề của nhau. Đối thoại ở đây đòi hỏi hai yếu tố: biết lắng nghe và biết nói năng cho rành rọt.

Trong đời sống gia đình thường ngày có một khoảng thời gian đặc biệt có ý nghĩa: bữa cơm gia đình. Đây là lúc mọi người trong gia đình có thể thoải mái quây quần ăn uống và chuyện trò với nhau. Nếu như mỗi gia đình Việt Nam có thể hình thành một thói quen mới là mỗi tuần lễ, hay thậm chí mỗi một tháng, sau bữa cơm như thế, mọi người trong nhà cùng dành cho nhau một mẩu thời gian thoải mái và quý báu để chuyện trò về thân bên cạnh mình, hoặc là nhằm phân tích để giúp nhau tu tiến bản thân, khích lệ những thành công của những thành viên trong gia đình vừa đạt được.

Những buổi họp mặt gia đình như thế chính là bí quyết nho nhỏ để tạo hạnh phúc gia đình. Trong hoàn cảnh sống giao lưu văn hoá tại hải ngoại, những buổi họp mặt gia đình sẽ là những dịp đối thoại để tạo cảm thông giữa các thế hệ trong cùng một gia đình, từ những khác biệt ở trên tầm mức khác biệt văn hoá vậy. Làm được thế sẽ có ý nghĩa nhiều hơn bao nhiêu thuyết lí trừu tượng và xa vời về hạnh phúc.

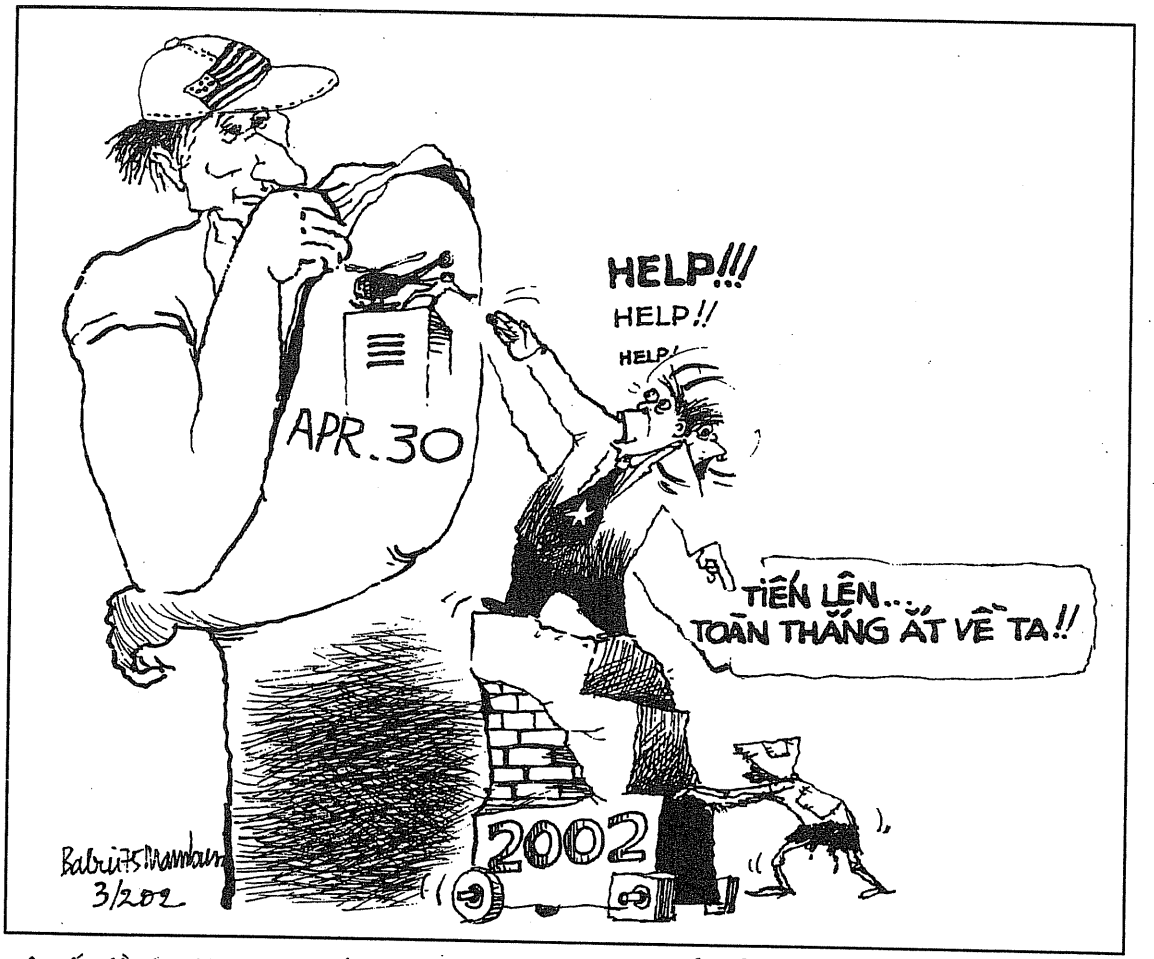


một vấn đề nào đó quan hệ đến bản thân và gia đình của mình. Ngồi bên li trà, đĩa bánh, mọi người thuộc các thế hệ khác nhau trong gia đình cùng nói với nhau bằng ngôn ngữ thương yêu, hiền từ; những đề tài đem ra bàn bạc với nhau không phải là để phê phán nhau, chỉ trích nhau (nghĩa là chỉ nhắm đến khía cạnh tiêu cực của cuộc sống), mà chỉ nhằm chia sẻ với nhau những suy nghĩ nghiêm chỉnh và tích cực của mỗi người dành cho người

**Những vấn đề liên quan đến khác biệt văn hoá trong đời sống xã hội**

Một vài ghi nhận từ các ý kiến thảo luận cho thấy là trong đời sống hằng ngày, có nhiều vấn đề vướng mắc mà nguyên nhân chỉ là từ những khác biệt văn hoá mà ra. Qua mấy ý kiến ghi lại trong bảng liệt kê trên đây có thể nói gì về những khác biệt văn hoá dưới mắt bạn trẻ ?

Trước hết là những vấn đề đặt ra trong chính

cộng đồng người mình với nhau. Giữa người lớn tuổi và người trẻ, dường như có những *bức tường ngăn cách sự thông cảm* nhau. Những khó khăn vướng mắc như thế chẳng khác gì những khó khăn như ở trong gia đình mà chúng ta vừa được biết qua ở phần trên. Một chuyện khác nữa là, trong sinh hoạt với nhau, người mình thường có tật *hà tiện ngôn ngữ*, nhất là thứ ngôn ngữ thân ái, thoải mái đối với nhau. Người mình không hay tỏ lòng phục thiện, ít biết xin lỗi khi có lỗi, và nói cảm ơn khi được giúp đỡ. Sinh hoạt tập thể có người già người trẻ thường xảy ra tình huống khó xử này. Một vấn đề lớn cũng đặt ra từ những chung đụng ở tầm mức tập thể, cũng liên quan đến lối nói của người mình: *ăn to nói lớn*, nhiều khi nghe như to tiếng với nhau. Một khía cạnh khác đặt ra từ sự khác biệt văn hoá: *thái độ đối với giờ giấc làm việc*. Giới trẻ rất trọng kỉ luật giờ giấc, trong khi người lớn thường tỏ ra 'lè phè' về chuyện đúng giờ. Hiện tượng 'giờ cao su' là gì nếu không phải là biểu hiện của sự lè phè cố hữu của người mình ? Có thể nói là tính co dãn giờ giấc là hậu quả của nếp sống xã hội nông nghiệp, nhưng nay chúng ta đang sống trong một xã hội công nghiệp phát triển cao, kỉ luật lao động là cần thiết.

Những ý kiến trên đây có thể sẽ không là "vấn đề" đối với các bậc cha chú, khi nhìn từ góc độ văn hoá của thế hệ lớn tuổi. Chẳng hạn, nói về vấn đề giờ giấc cao su, cha ông chúng ta vẫn thường dạy con cái ở nhà là cứ ung dung tự tại, chớ nên vội vàng, vì việc đâu còn đó...; cho nên tự đóng khung mình vào những kỉ luật giờ giấc là thái độ chưa "đạt". Vả chăng xã hội nông nghiệp xưa kia có đâu chặt chẽ về giờ giấc ! Thời gian được tính kiểu áng chừng, chẳng cần chính xác như thời gian đồng hồ. Những điểm khác cũng sẽ có thể có những cách nhìn khác nếu đứng từ góc nhìn khác. Sự bàn cãi sẽ không bao giờ dứt điểm nếu chỉ mải đi tìm những khác biệt.

Từ những khác biệt như thế, có thể nào nối kết các thế hệ trong sự giao tiếp xã hội được chăng ? Chúng tôi nghĩ là có. Tất cả cũng cần bắt đầu từ sự đối thoại văn hoá để nhận ra những khác biệt. Có thế mới có thể ghi nhận những khác biệt, và tiến đến giải toả khác biệt. Hiện nay, những cuộc đối thoại giữa các thế hệ trong cộng đồng người Việt hải ngoại chưa có nhiều. Chưa có những cố gắng để giải toả khác biệt thế hệ vốn đã nhân lên khá nhiều từ sự khác biệt văn hoá trong cuộc sống hải ngoại. Hiện tượng khác biệt thế hệ vẫn gần như nguyên vẹn đó, đang cần vỡ hoang.

### Chúng ta học được kinh nghiệm gì từ các cộng đồng dân tộc khác trong vấn đề giữ gìn bản sắc văn hoá?

Tại sao lại bàn đến kinh nghiệm cuả những cồng đồng khác ? Đấy là một cách tiếp cận khác để nhằm giải quyết vấn đề cuả chính mình thôi. Những cộng đồng như Do Thái và Trung Hoa đã kinh nghiệm lâu đời về đời sống di dân tại hải ngoại. Họ cũng là những người kiều cư đã giải quyết khá vững vàng bài toán hội nhập và giữ gìn bản sắc văn hoá cuả mình.

Trước hết là các cộng đồng Do Thái và Hoa kiều ở hải ngoại rất giàu lòng *tương thân tương trợ* lẫn nhau. Các tổ chức đoàn thể của họ đã là nguồn giúp đỡ quý báu cho người lớn được ổn định về đời sống. Đặc biệt là các cộng đồng nói trên cũng rất quan tâm giúp đỡ thế hệ con em trong việc hội nhập văn hoá.

Cả hai dân tộc Do Thái và Trung Hoa đều là *những dân tộc rất quý trọng giá trị văn hoá dân tộc* của họ. Đi sinh sống khắp trên thế giới, người Do Thái và Trung Hoa đều đem theo họ những nét tiêu biểu cho văn hoá dân tộc mình nơi đó. Có thể nói đó là những dân tộc rất thiết tha với việc gìn giữ bản sắc dân tộc, mặc dù có pha trộn nòi giống đến đâu chăng nữa. Có thể nói là *mỗi người Do Thái và Trung Hoa là hiện thân của một nhà bảo tàng văn hoá dân tộc* họ.

Để thể hiện tinh thần dân tộc, các cộng đồng Do Thái và Trung Hoa đều thiết tha gìn giữ tiếng nói của họ. Đâu đâu trên thế giới, trẻ em Do Thái và Trung Hoa đều được chỉ dạy tiếng mẹ đẻ, vì đó chính là cửa ngõ để truyền thụ văn hoá dân tộc. Hơn ai hết, người Do Thái và người Trung Hoa tại hải ngoại hiểu rõ rằng: *trong vườn hoa nhân loại, mỗi dân tộc là một loài hoa quý*. Họ đã biết giữ gìn hương sắc loài hoa dân tộc họ trong lòng vườn hoa muôn sắc của xã hội đa văn hoá nơi họ đến cư ngụ.

Vấn đề đặt ra là: tại sao những cộng đồng trên đây lại quan tâm đến việc gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc họ trong đời sống kiều ngụ ? Câu trả lời khá dứt khoát nhưng lại không giản dị chút nào: họ đã giải quyết khá xác đáng bài toán hội nhập văn hoá. Câu trả lời có vẻ nghịch lí, nhưng sự thật là như thế: sự hội nhập sẽ tốt đẹp khi một cộng đồng văn hoá mới không quên giữ gìn bản sắc của nó trong cuộc giao tiếp văn hoá với cộng đồng văn hoá chủ nhà.

Nhìn lại cộng đồng người Việt tại hải ngoại mới thấy là trong hai mươi năm qua, việc gìn giữ

tiếng Việt cho con em chưa được quan tâm đúng mức. Gia đình Việt Nam chúng ta hãy còn lơ là trong việc dạy trẻ học tiếng Việt, vì nghĩ rằng "*tiếng Việt còn ích gì cho con em mình nơi xứ người văn minh lịch sự ?*" Đó đây đã có những tiếng thở dài ngao ngán của những vị thức giả khi các vị bảo rằng người Việt mình có thể xem là một cộng đồng không có bản sắc riêng, và dễ dàng mất gốc mau chóng tại hải ngoại. Có biết đâu là dạy trẻ học tiếng Việt có muôn ngàn cái lợi. Cái lợi đầu tiên là để bắc những nhịp cầu cảm thông giữa thế hệ già và thế hệ trẻ nơi xứ người. Sau nữa, gìn giữ vốn tiếng Việt cho con cháu là để gìn giữ và trao truyền bản sắc văn hoá của dân tộc mình cho con cháu mình. Trong đời sống của cộng đồng xã hội đa văn hoá thì việc giữ gìn và phát huy bản sắc thường chỉ tăng thêm lòng tự tín trong cuộc giao tiếp và hội nhập văn hoá mà thôi. Thành thử khuyến khích con em học tiếng Việt là thể hiện lòng trân trọng đối với những giá trị của bản sắc văn hoá dân tộc mà chúng ta muốn con em mình giữ lấy và trao lại cho mai sau.

## 2

### ... đến vấn đề hội nhập

Những buổi hội thảo của bạn trẻ hải ngoại như nhắc đến ở trên kia chỉ là một trong những sinh hoạt khá phổ biến trong giới trẻ hiện nay. Thế hệ trẻ tại hải ngoại đang từng ngày giáp mặt với những khác biệt văn hoá. Họ phải giải quyết vấn đề bằng một tiến trình tự nhiên: (1) nhận diện vấn đề (2) ghi nhận những khác biệt (3) giải quyết vấn đề. Những buổi họp mặt như thế đã bước đầu góp phần tích cực vào việc giải bài toán liên quan đến vấn đề hội nhập văn hoá tại hải ngoại. Bài toán không đơn giản chút nào đâu. Nhưng qua những câu chuyện trao đổi qua lại cùng bạn bè, mọi người đã tự rút ra cho mình một phương hướng giải quyết những bài toán đó.

Hội nhập văn hoá? Đây là một khái niệm then chốt cần được làm sáng tỏ ý nghĩa. Sau thế chiến thứ nhì, hiện tượng di dân trên quy mô toàn cầu đã dẫn đến việc tìm hiểu tâm lí của các cộng đồng di dân (1) trên địa bàn văn hoá xã hội mới. Hiện nay, có nhiều lối hiểu về quá trình hội nhập văn hoá.

Trước hết là quan niệm cho rằng hội nhập văn hoá của một cộng đồng di dân vào một cuộc sống mới tại một xã hội mới, là khả năng và trình độ thích nghi và bắt kịp nếp sống nếp nghĩ và lề lối ứng xử của xã hội nơi họ đến cư ngụ. Theo quan niệm này thì cha mẹ con cái trong gia đình di dân cần thích ứng càng nhanh càng tốt, học tiếng nói mới, cư xử theo nếp sống mới. Nói các khác, hội nhập văn hoá ở đây được hiểu là một cố gắng tột bực để tan hoà vào nếp sống mới y như một người bản xứ.

Cũng có một quan niệm khác cho rằng một cộng di dân khó có thể đồng hoá theo nếp sống nếp nghĩ của một cộng đồng văn hoá khác. Muốn tan hoà vào cộng đồng văn hoá mới cũng phải mất ít ra là đôi ba thế hệ. Nhưng mà một cộng đồng văn hoá có bản sắc vẫn không thể nào có thể giũ sạch bản sắc của mình. Do vậy, hội nhập văn hoá chỉ là quá trình mà một cộng đồng văn hoá di dân có thể thích nghi với nếp sống mới nhưng vẫn không bỏ mất bản sắc của mình.

Ngược lại với hai quan niệm trên là thái độ hoài nghi thậm chí phủ nhận khả năng thích nghi vào xã hội mới. Người ta cho rằng một người mãi mãi sẽ chỉ là sản phẩm của một văn hoá nào đó, không thể nào bôi xoá nó được – "*You are what you are!*". Những người quan niệm như thế thường thể hiện ra đời sống hằng ngày bằng thái độ luôn luôn quan tâm đến việc bảo vệ lối sống nếp nghĩ của mình, không muốn bị văn hoá của xã hội chủ nhà cuốn phăng đi. Nói cách khác, những người di dân này luôn luôn hướng về quê xưa như một hướng quay về, và họ xem cuộc sống di dân chỉ là một cuộc dung thân tạm bợ.

Gần với kiểu nhìn như trên là một quan niệm khác cho rằng chẳng có gì gọi là văn hoá dân tộc, do đó cũng chẳng có gì là mất mát nếu một cộng đồng di dân đến lưu ngụ tại một xã hội khác. Con người sẽ như bao nhiêu loài sinh vật khác, sẽ sống tan hoà vào môi trường thiên nhiên xung quanh mình, rất tự nhiên.

Nói cách khác, chẳng nên đặt ra vấn đề nhiêu khê là hội nhập hay không hội nhập văn hoá, vì đó chỉ là một vấn đề giả tạo.

Bốn quan điểm trên đây -nói cho cùng- đều xoay chung quanh hai trục của vấn đề: (1) một cộng đồng văn hoá di cư đến một xã hội khác có cần gìn giữ bản sắc văn hoá của mình hay không; (2) cộng đồng văn hoá di dân có cần phải thiết lập mối liên hệ qua lại với các cộng đồng văn hoá khác chăng.

Tuỳ theo thái độ và quan điểm của mỗi cá nhân và cộng đồng mà sẽ dẫn đến bốn quan niệm đúc kết lại trong sơ đồ dưới đây:

| | | *Vấn đề 1* | |
|---|---|---|---|
| | | *Có cần gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc hay chăng ?* | |
| *Vấn đề 2* | | **CÓ** | **KHÔNG** |
| *Có cần phải tạo dựng những mối liên hệ qua lại với các cộng đồng khác chăng ?* | **CÓ** | **1 HỘI NHẬP** | **2 ĐỒNG HOÁ** |
| | **KHÔNG** | **3 CÁCH BIỆT** | **4 LẠC LÕNG** |

[ Theo: J. W. Berry (1988), " Acculturation and Psychological Adaptation among Refugees " in Miserez, D. (ed.) (1988), *Trauma In Exile*. Dordrecht: Martinus Nijhoff Publ., tr. 101 ]

Dưới góc nhìn của tâm lí học đa văn hóa (2) thì trong bốn mô thức trên đây, chỉ có mô thức 1 là mô thức thoả đáng và thành công. Nếu đồng ý với nhau về định nghĩa một cộng đồng là một tập hợp những người cùng chia sẻ những tính cách chung về văn hoá và ngôn ngữ, thì hội nhập theo nghiã này có nghiã là một thành viên hoặc cả một cộng đồng khi chung sống bên cạnh một người hay một cộng đồng khác có thể hoà nhập cùng nhau trong mối liên hệ qua lại mà vẫn giữ gìn được bản sắc văn hoá cuả mình.

Những mô thức khác đều không phải là hội nhập, và sẽ dẫn tới những hệ quả tâm lí, xã hội và văn hoá không tốt cho những người di dân trong cuộc sống mới tại nơi lưu cư. Những cá nhân hay gia đình di cư đến một xứ sở mới lạ mà biểu lộ những dấu hiệu như: mất hạnh phúc, bị hội chứng thần kinh bệnh, thường xuyên bất mãn hoặc luôn biểu lộ tâm trạng hoài nghi, bất đắc chí... là vì những cá nhân hay gia đình đó gặp trở ngại lớn trong quá trình hội nhập văn hoá. Trong đời sống xã hội thì những cá nhân hay nhóm người di dân "có vấn đề" trong việc hội nhập văn hoá thì biểu lộ những thói ứng xử không mấy tích cực của những người hoài nghi, bất đắc chí...

Để hiểu rõ hơn tại sao những kiểu tiếp cận khác lại dẫn tới những vấn nạn, thậm chí những đổ vỡ trong cuộc sống di dân, hãy thử lần lượt xem xét các mô hình hội nhập trên đây.

Mô thức 2 chỉ đặt nặng việc tạo dựng những mối liên hệ qua lại với các cộng đồng khác trong cuộc chung sống; tuyệt nhiên không đặt ra việc có nên giữ gìn bản sắc văn hoá cuả cộng đồng mình trong cuộc chung sống với các cộng đồng. Trong đời sống hằng ngày, mọi người chỉ bận rộn với việc làm sao cho giống người ta trong nếp sống, và phải an ủi mình rằng tiếng nói cuả mình, văn hoá cuả mình sẽ chẳng ích gì cho việc hội nhập cuộc sống mới cả. Trong lịch sử đã từng có những cuộc thôn tính văn hoá như thế. Chính sách đồng hoá người Giao Chỉ cuả nhà Hán khi chiếm đóng xứ này là một bằng chứng về chủ trương đồng hoá một cộng đồng dân tộc với một cộng đồng khác mạnh hơn, thế lực hơn. Trong thời hiện đại, khi mà hiện tượng di dân đã lan tràn khắp nơi, chính sách đồng hoá người di dân đã không còn được thế giới ủng hộ nưã, vì nó đã đi ngược xu thế chung cuả thế giới thời hiện đại.

Ngược lại với quan niệm đồng hoá là quan niệm cần gìn giữ bản sắc văn hoá. Đó là quan niệm được tóm vào mô hình 3 trên đây. Các cá nhân hay cộng đồng văn hoá cho rằng không thể hoà vào khỏi dòng chảy văn hoá cuả xã hội chung quanh: mối quan tâm lớn nhất cuả những người theo quan niệm như thế là làm sao gìn giữ được bản sắc văn hoá cuả mình, tránh hết sức những giao thoa mà họ cho rằng sẽ chỉ làm mờ tính cách văn hoá cuả riêng họ. Gìn giữ bản sắc văn hoá cuả cộng đồng mà không quan tâm đến việc tạo dựng mối liên hệ giưã các cộng đồng văn hoá khác là biểu hiệu cuả hiện tượng cách li văn hoá. Hệ quả của thái độ như thế là những "ghetto văn hoá", những ốc đảo văn hoá trong lòng một cộng đồng văn hoá lớn.

Quan điểm được ghi nhận trong mô thức 4 cho rằng hiện tượng chung sống giưã các cộng đồng văn hoá cũng tự nhiên như cuộc sống tự nhiên xưa nay: trong khu rừng có muôn nghìn loại cây cỏ đua nhau vươn ra ánh sáng, nào có cần một sự chỉ đạo cuả ai đâu. Trong một thế giới tự nhiên như thế, không có vấn đề gìn giữ bản sắc hay cần thiết lập những mối liên hệ qua lại với ai. Quan niệm này hiện đang gặp một thách đố ngay trên thực tế: xã hội ngày nay đang chứng kiến những cuộc giao tiếp văn hoá thường xuyên, các cộng đồng văn hoá chung sống với nhau dù tự nguyện

hay bị ép buộc. Đó là hiện tượng các cộng đồng đa văn hoá, trong đó mọi thành phần văn hoá đều được xem là có chỗ đứng trong xã hội, và xã hội cần khuyến khích để văn hoá các cộng đồng có thể đóng góp phần mình vào việc thăng tiến xã hội. Phủ nhận bản sắc văn hoá của các cộng đồng khác nhau là thái độ giả trá của những quan điểm phân biệt đối xử khác nhau mà thôi. Vì thế những quan điểm mang tính cách xem thường bản sắc văn hoá các cộng đồng đều bị đánh giá là mang màu sắc kì thị. Kì thị văn hoá không giúp ích cho các thành viên cộng đồng thăng tiến việc hội nhập đã đành, mà còn là mầm mống cuả những đau khổ do hiện tượng "bật rễ văn hoá" gây ra cho một cá nhân cũng như cộng đồng. Một thái độ ngược lại là một cộng đồng văn hoá tự coi thường bản sắc của mình. Cả hai thái độ muốn triệt tiêu văn hoá cộng đồng đều dẫn đến hiện tượng lạc lõng, mất phương hướng. Hệ quả là những khủng hoảng thường xuyên trong nội bộ các cộng đồng văn hoá, kéo theo những đổ vỡ trong cuộc sống xã hội.

Xem thế thì đối với một cộng đồng văn hoá di dân như tập thể người Việt chúng ta tại hải ngoại thì vấn đề hội nhập văn hoá có ý nghĩa bao trùm lên những thảo luận về những khác biệt, những xung khắc giữa các thế hệ trong đời sống gia đình. Giải quyết được bài toán hội nhập cũng có nghĩa là giải được bài toán then chốt trong cuộc sống di dân tại hải ngoại.

## 3

Chúng ta đang sống trong hoàn cảnh giao lưu văn hoá. Là những người tị nạn, người Việt cũng có những khó khăn chung như bao nhiêu những người phải buộc rời bỏ xứ sở của mình, đem theo những gia sản văn hoá của mình mà gieo trồng lên đất mới. Ý thức về những giá trị của bản sắc văn hoá dân tộc của mình sẽ là một niềm tự hào, sẽ giúp chúng ta hội nhập vào cuộc sống mới với đầy đủ ý thức về mình, về người. Bạn trẻ chúng ta hôm nay đã ý thức một điều then chốt rằng: *Làm một người Việt đàng hoàng tức là làm một người đàng hoàng.* Chúng ta sẽ cùng nhau tìm cho thấy những giá trị vững bền đã từng khiến tổ tiên chúng ta giữ gìn được nòi giống qua nghìn năm ngoại thuộc. Những giá trị đó sẽ lại giúp chúng ta thành công trong hội nhập văn hoá. Một bông hoa thơm trong vườn hoa nhân loại thì có gì đâu mà hổ thẹn. Phải không ?

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**


1.- J. W. Berry (1988), " Acculturation and Psychological Adaptation among

Refugees " in Miserez, D. (ed.)(1988), *Trauma In Exile.* Dordrecht: Martinus Nijhoff Publ.

2.- J. W. Berry (1992), *Cross-Cultural Psychology: Research and Applications.* London: Cambridge Uni. Press.

3.- Đỗ Quý Toàn (1987), *Yêu con, dạy con nên người Việt.* Cali: Nxb. Văn Nghệ

4.- Trần Minh Tùng (1998) "Thanh niên Việt Nam hải ngoại và vấn đề hội nhập" in *Thế Kỷ 21* số 113 (th.9.1998), tr. 34-39.


**Chú thích:**

1. Cộng đồng di dân ở đây là chỉ chung các nhóm người thuộc một cộng đồng ngôn ngữ và văn hóa đến cư trú tại một lãnh địa khác thuộc về một cộng đồng ngôn ngữ và văn hóa khác. Hiện tượng di dân trên quy mô lớn là một hiện tượng phổ biến từ mấy thế kỉ nay, nhưng thế kỉ XX vừa qua chứng kiến nhiều đợt xáo trộn cư dân dẫn đến di dân tập thể, do hậu quả của những xung đột chính trị và xã hội.

2. Ngành nghiên cứu tâm lí học đa văn hoá ra đời khoảng những năm 70 thế kỉ XX, nhằm tìm hiểu sự thích nghi vào cuộc sống mới và những vấn đề tâm lí xã hội của những người di dân tại đất mới.


**DONGNAI PHARMACY**
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(*gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.*)

**TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074**

**Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU**
**Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI**

**CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:**

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs).
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

**BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:**

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...**

**MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN**
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

# HAI CUỘC CHIẾN VIỆT NAM VÀ AFGHANISTAN

## *MỸ LÀM KHÁ HƠN Ở AFGHANISTAN VÌ ĐÁNH THẲNG ĐẦU NÃO ĐỊCH*

VŨ THỤY HOÀNG *

Chiến cuộc Afghanistan đã làm sống lại nhiều hình ảnh về chiến tranh Việt Nam. Nhiều người Việt ở Mỹ đã hăm hở theo dõi những trận đánh ở Afghanistan trên máy truyền hình, không khỏi nhớ đến trận chiến ở quê nhà cách đây hơn một phần tư thế kỷ.

Không phải chỉ người Việt nghĩ tới chiến tranh Việt Nam. Nhiều chính trị gia, trong đó có cả Tổng Thống George W. Bush, nhiều viên chức quân sự ở Mỹ và một số quốc gia khác cũng nhắc nhở đến chiến tranh Việt Nam khi nói đến Afghanistan. Mấy tuần lễ đầu sau vụ khủng bố phá sập hai tòa nhà World Trade Center và làm hư hại một phần Ngũ Giác Đài, báo chí và dư luận ở Mỹ cũng như trên thế giới, đã so sánh hai cuộc chiến tranh này. Một số người bi quan cho rằng Afghanistan sẽ trở thành một Việt Nam, ngụ ý Mỹ lại thất bại như Liên Bang Sô Viết đã thất bại sau 10 năm tham chiến.

Những diễn biến của cuộc chiến Afghanistan trong sáu tháng qua cho thấy Mỹ có thể không đi theo vết cũ ở Việt Nam. Cuộc chiến ở hai nước quả có một số điểm tương đồng, nhưng cũng có những điểm khác biệt. Khác nhau về sách lược, tầm mức, cường độ và số thương vong.

Mục tiêu cuộc chiến của Mỹ ở Afghanistan khác hẳn ở Việt Nam. Tại Việt Nam, Mỹ chỉ muốn bảo vệ Nam Việt Nam chống lại cuộc chiến tranh khuynh đảo của Hà Nội, nên chú trọng đến việc tiễu trừ lực lượng Cộng quân ở miền Nam, ngăn chặn Hà Nội đem quân và tiếp liệu từ Bắc vào. Mỹ vì vậy đưa quân vào chiến trường miền Nam, oanh tạc miền Bắc để tạo áp lực và bắt Hà Nội trả giá cho việc xâm lăng miền Nam. Vì không có ý tiêu diệt hoặc lật đổ chế độ Hà Nội, Mỹ đã kiêng nể thủ đô Hà Nội, thương cảng Hải Phòng và những cơ sở đầu não của chế độ. Mỹ ném bom Bắc Việt theo kiểu leo thang dần từ vĩ tuyến 17 trở lên. Những cuộc oanh tạc lại không liên tục, lúc tiến lúc ngừng, tùy theo nhịp độ vận động cho cuộc thương thuyết để chấm dứt chiến tranh. Trong cuộc không tập dữ dội nhất vào dịp Giáng Sinh năm 1972 để áp lực Hà Nội đi tới thỏa ước đình chiến Paris, Mỹ cũng chỉ oanh tạc ven biên nội thành Hà Nội mà thôi. Cuộc chiến Việt Nam vì vậy dai dẳng trong tám năm đối với binh sĩ tác chiến Mỹ, 15 năm đối với miền Nam Việt Nam.

Còn tại Afghanistan, Mỹ đã tuyên bố ngay hai mục tiêu trước khi lâm chiến là tiêu diệt tổ chức khủng bố Al Qaeda và chế độ Taliban, cùng truy nã "chết hoặc sống" hai lãnh tụ Osama bin Laden và Mohammad Omar. Thủ đô Kabul, Kandahar và những cơ sở quan trọng chính trị, quân sự của Taliban và Al Qaeda đều bị oanh kích.

Mỹ đã đạt mục tiêu lật đổ chế độ Taliban, phá tan những cơ sở của Al Qaeda, nhưng bin Laden và Mohammad Omar đã tẩu thoát, không bị giết hay bị bắt.

Mỹ làm mạnh được ở Afghanistan mà không làm được ở Việt Nam vì tình hình thế giới ngày nay thuận lợi cho Mỹ hơn. Mỹ hiện là nước hùng mạnh nhất và tự đóng vai trò cảnh sát quốc tế. Thời chiến tranh Việt Nam thế giới chia làm hai khối: Tự Do và Cộng Sản. Hai khối đối đầu có lực lượng ngang ngửa nhau. Hà Nội được khối Cộng hậu thuẫn nên Mỹ có muốn mạnh tay với Hà Nội cũng không dễ.

### Nhỏ bé so với Việt Nam

Tại Afghanistan, Taliban bị lật đổ, Al Qaeda bị tan rã vì hai lực lượng này còn non yếu và chỉ có khoảng 45.000 người. Tại Việt Nam lực lượng Cộng sản có cả triệu quân.

Trước thế hùng hậu của Mỹ, Taliban và Al Qaeda không lập đồn bót và phòng tuyến, không tập trung quân đông đảo để bớt làm mục tiêu cho phi cơ và hỏa tiễn Mỹ oanh tạc. Họ trà trộn vào trong dân chúng, cố né những cuộc đụng đầu với lực lượng Mỹ và chỉ giao tranh khi không tránh được. Mấy cuộc đột kích không kết quả của Mỹ, những cuộc giao tranh ở Tora Bora, ở Shahikot thuộc Afghanistan dễ làm người Việt nhớ đến những cuộc hành quân ở chiến khu D, khu Tam Giác Sắt, khu Mỏ Vẹt, vùng Lưỡi Câu để truy lùng Trung Ương Cục miền Nam trước kia.

Quân số tham chiến của Mỹ ở Afghanistan

cũng ít hơn hẳn ở Việt Nam. Tại Afghanistan mới có chừng 3.000 lính Mỹ. Tại Việt Nam trước khi quân tác chiến đổ bộ vào Đà Nẵng năm 1965, Mỹ đã có 23.000 cố vấn quân sự. Vào năm 1968 số quân Mỹ ở Việt Nam vượt quá nửa triệu người.

Biệt kích Mỹ, được giao phó vai trò quan trọng trong việc chỉ điểm để phi cơ oanh kích ở Afghanistan, chỉ có vài trăm quân len lỏi bên cạnh lực lượng thân Mỹ ở Afghanistan. Tại Việt Nam số biệt kích thuộc Liên Đoàn Nghiên Cứu và Quan Sát của cả Việt Mỹ lên tới chục ngàn người, hoạt động phần lớn vào việc thám sát đường mòn Hồ Chí Minh ở ngoài biên giới Nam Việt Nam.

Đường mòn Hồ Chí Minh, huyết mạch xâm nhập từ Bắc Việt, đã bị Mỹ oanh tạc dữ dội trong thời chiến. Gần như hàng ngày những máy bay của Mỹ, trong đó có những đoàn B.52, đã liên tiếp dội bom xuống các địa điểm được coi là tập trung quân và đồ tiếp liệu của Cộng sản. Hai đèo Mụ Giạ và Ban Karai, cũng như thị trấn Tchépone là những địa điểm bị oanh kích tơi bời. Theo cuốn Con Đường Máu của John Prados, trong khoảng thời gian từ 1964-72 đã có 426.000 phi vụ oanh tạc của khu trục và phóng pháo cơ, cộng thêm 30.000 phi vụ của máy bay B-52, thả xuống đường này 1.700.000 tấn bom. Như vậy trung bình mỗi ngày có tới 140 phi vụ thả xuống chừng 500 tấn bom ở vùng Nam Lào. Thời gian dội bom nhiều nhất là năm 1969-70 và kế đó là 1971-72. Riêng năm 1969, 433.000 tấn bom ném xuống đường tiếp liệu trên của Cộng quân.

Số quân Mỹ tham chiến ở Afghanistan ít hơn, trận chiến kém sôi động và bớt khốc liệt hơn, số thương vong tất nhiên ít hơn.

Trận đánh mới đây nhất vào đầu tháng 3 ở Shahikot gần biên giới Pakistan và được coi là lớn nhất tới nay đã kéo dài 12 ngày, với 1.000 quân Mỹ tham chiến. Số tổn thất là tám Mỹ chết, 40 bị thương, và khoảng 700 địch quân bị hạ.

Tổn thất của Mỹ sau nửa năm tham chiến ở Afghanistan mới có hơn chục người chết, trong khi số tổn thất của Mỹ ở Việt Nam trung bình là 140 trong một tuần.

Ngay năm 1965 trận bộ chiến lớn đầu tiên của Mỹ ở thung lũng sông Ia Drang thuộc tỉnh Pleiku đã lên tới cỡ trung đoàn. Trận này kéo dài 38 ngày, có 305 binh sĩ Mỹ tử trận. Phía Cộng quân có 3.561 bị hạ. Trong năm đó, Mỹ có 1.350 tử trận, 3.500 bị thương, 130 mất tích; Việt Nam Cộng Hòa có 11.100 tử trận, 22.600 bị thương, 7.400 mất tích. Phía Cộng quân, 34.585 bị chết, 5746 bị bắt.

Trong cuộc chiến tính từ 1959-75, theo Bách Khoa Tự Điển về Chiến Tranh Việt Nam, số thương vong của Mỹ là 58.159 tử trận, 304.000 bị thương; quân lực Việt Nam Cộng Hòa bị chết 224.000, bị thương hơn một triệu. Còn Cộng quân có 1.100.000 người chết, 600.000 bị thương, 300.000 mất tích. Khoảng hai triệu thường dân bị thiệt mạng vì chiến tranh.

Nếu kể từ 1945-75, số binh sĩ tử trận của cả hai bên lên tới khoảng hai triệu, và số bị thương khoảng bốn triệu.

## Võ khí tối tân

Vì số tổn thất cao do cuộc chiến Việt Nam, Mỹ sau đó rất ngần ngại mỗi khi phải đưa quân can dự vào biến cố trên thế giới. Vụ Mỹ rút ngay khỏi Somalia sau khi 18 binh sĩ thuộc đoàn biệt kích Delta bị tử thương trong cuộc lùng bắt thủ lãnh Mohamed Farrah Aidid làm nhiều người nghĩ rằng Mỹ không dám dấn thân khi phải đương đầu với viễn ảnh chết chóc. Tại Afghanistan, vì muốn giảm thiểu số thương vong, Mỹ tận dụng kỹ thuật tối tân của những vũ khí mới. Mỹ đã oanh tạc địch quân bằng phi cơ có trang bị dụng cụ điện tử từ độ cao gần 10 cây số, bằng hỏa tiễn không người điều khiển, bằng bom "tinh khôn" biết đi tìm mục tiêu. Binh sĩ ngày nay đi trận mang theo máy vô tuyến liên lạc qua vệ tinh, máy vi tính, máy định vị trí toàn cầu, máy nhìn đêm, máy chỉ định mục tiêu bằng tia laser. Tại Việt Nam trước kia, Mỹ cũng đã đưa hết vũ khí tối tân nhất, trừ nguyên tử, vào chiến trường. Bom "tinh khôn," không được hoàn thiện như ngày nay, đã được dùng để oanh tạc cầu đường tại Bắc Việt. Chiến lũy McNamara với những máy dò tiếng động, đo hơi nóng của người, đã được gài đặt ở vùng giới tuyến và dọc đường Hồ Chí Minh. Mỹ còn làm cả mưa nhân tạo và bùn lầy để làm ngập lụt và trơn trượt những đoạn đường xâm nhập từ Bắc vào Nam.

Rừng núi rậm rạp ở vùng cao nguyên Việt Nam và Hạ Lào đã giúp Cộng quân dễ dàng che dấu xâm nhập và len lỏi. Địa thế Afghanistan còn hẻo lánh, hiểm trở và khắc nghiệt hơn, làm suy giảm khả năng chiến đấu và tiếp liệu của Mỹ. Afghanistan từng nổi tiếng với núi cao, sa mạc cát, khí hậu rất lạnh về mùa đông, lại lọt sâu trong lục địa, xa hẳn các vùng biển. Afghanistan tiếp giáp với các nước hầu hết có quá trình chống đối hoặc ít thân thiện với Mỹ. Việt Nam nằm ngay trên bờ Thái Bình Dương, rất thuận lợi cho Mỹ điều động và yểm trợ lực lượng tác chiến. Phi cơ Mỹ từ những căn cứ trên đất liền, cũng như từ những hàng không mẫu hạm đậu ở ven biển, dễ dàng mở các cuộc oanh kích. Tại Afghanistan, máy bay Mỹ phải vượt hàng trăm dặm từ những căn cứ ở vài quốc gia lân cận hoặc từ hàng không mẫu hạm bay vào để oanh tạc địch hoặc yểm trợ

quân bạn. Nhiều chuyến bay cần được tiếp tế nhiên liệu ở trên không để tiếp tục cuộc tuần phòng và tấn kích.

Ngoài địa thế khó khăn, Afghanistan lại không thân thiện với Mỹ từ cả chục năm nay. Khi khởi đầu trận chiến, Mỹ không có một chính phủ thân hữu tại Afghanistan. Nạn sứ quân ở Afghanistan tạo ra nhiều phe phái cạnh tranh và chống đối lẫn nhau. Các lực lượng chống lại Taliban đã hợp tác với Mỹ vì thời cơ đưa tới, vì cùng chung mục tiêu lật đổ Taliban, nhưng ít nhiệt tình với Mỹ. Họ nghi ngại Mỹ, và Mỹ cũng chẳng tin cậy họ lắm. Chính phủ lâm thời của Hamid Karzai được Mỹ đưa ra lãnh đạo hãy còn non nớt, không có quân đội và không nắm vững được quyền lực ở ngay thủ đô Kabul, nói gì tới các tỉnh khác. Chính phủ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm vào thời kỳ bấp bênh nhất 1954-55 cũng còn có quân đội, có guồng máy chính quyền xuống nhiều tỉnh, tuy phải đương đầu với các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên. Việt Nam sau có chính phủ trung ương được củng cố, có quân đội và cảnh sát trên một triệu người.

Trong thời chiến, đa số dân miền Nam Việt Nam ủng hộ và tham gia cuộc chiến đấu chống Cộng. Còn tại Afghanistan đa số vẫn còn thờ ơ trong việc ủng hộ Mỹ chống Taliban và Al Qaeda. Ngay những nhóm đồng minh của Mỹ ở Afghanistan cũng lơ là trong cuộc tảo thanh Taliban và Al Qaeda. Mấy lần trong những tháng qua, khi trận chiến gay go có triển vọng đụng độ mạnh, những nhóm này lại tìm cách đứng ra điều đình, thay vì tiến quân, mặc dù vài cuộc điều đình trước đó đều không đi tới kết quả mà chỉ làm trì hoãn để địch trốn đi mất.

Cuộc thăm dò của viện Gallup trong tháng 2 vừa qua cho biết ba phần tư người dân ở những nước Hồi giáo không thích Mỹ và họ có cảm tình với Al Qaeda. Dù có cảm tình với những nhóm Taliban và Al Qaeda, mấy nước Hồi giáo cũng không dám ra mặt ủng hộ vì sợ phản ứng của Mỹ. Tổng Thống Bush đã từng cảnh cáo rằng những nước nào ủng hộ và chứa chấp các nhóm khủng bố sẽ gánh chịu hậu quả. Trong khi đó Mỹ dùng thế mạnh và viện trợ, vận động với vài nước lân cận để có căn cứ làm đầu cầu cho các cuộc hành quân. Taliban và Al Qaeda vì vậy bị cô lập, không nhận được sự trợ giúp công khai của nước nào. Nếu Liên Bang Sô Viết còn tồn tại và đối địch với Mỹ, việc lập căn cứ ở mấy nước trước kia thuộc Sô Viết hẳn không thành tựu.

Trái với Afghanistan, Hà Nội không bị cô lập trong thời chiến tranh. Khối Cộng sản đứng đầu là Nga Sô và Trung Cộng đã đương nhiên hậu thuẫn và viện trợ súng đạn cho Hà Nội. Vì nể nang Nga, Hoa, Hoa Thịnh Đốn đã nương tay trong việc đối phó với Hà Nội. Mỹ không diệt chế độ Hà Nội, không đổ quân vào miền Bắc Việt Nam, không oanh tạc những vùng gần biên giới Trung Cộng một phần vì sợ Trung Cộng đưa quân sang can thiệp để cứu đàn em. Mỹ không oanh tạc Hải Phòng vì sợ tàu Nga bị trúng bom.

## Kiên trì

Cuộc chiến Afghanistan đến nay đã diễn ra khá tốt đẹp. Chế độ Taliban đã biến mất. Các cơ sở của tổ chức Al Qaeda trên đất Afghanistan đã bị phá tan. Một số tổ hoạt động của Al Qaeda ở Mã Lai, Singapore, Indonesia, Phi Luật Tan, Đức, Ý, Tây Ban Nha đã bị bể. Vài mưu toan khủng bố khác đã bị chặn bắt. Chưa có hoạt động khủng bố tàn sát nào được thực thi ở Mỹ từ sau ngày 11 tháng 9 năm ngoái.

Việc truy bắt bin Laden và Mohammad Omar đến nay chưa hoàn tất. Hệ thống khủng bố Al Qaeda có những tổ hoạt động ở 70 nước và đang lặn sâu im lìm. Tổng Thống Bush và các giới chức Mỹ đã nhiều lần kêu gọi dân chúng Mỹ đừng trông đợi cuộc chiến chống khủng bố chấm dứt mau chóng, mà phải kiên trì. Cuộc chiến này có thể kéo dài trong nhiều năm và kết quả nhiều khi không thể hiện rõ rệt. Nước Mỹ hùng mạnh nhưng cần sự ủng hộ của dân chúng Mỹ để duy trì cuộc chiến. Mỹ đã rút khỏi Việt Nam, rồi Nam Việt Nam lọt vào tay Cộng sản vì dân Mỹ nản chí, không muốn tiếp tục cuộc chiến khi biết không thắng được. Cuộc thăm dò mới nhất trong tháng 3 của Washington Post-ABC cho thấy 91% dân Mỹ vẫn ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố. Nhưng cuộc thăm dò cũng cho thấy số người ủng hộ "mạnh mẽ" đã từ 79% trong tháng 11 tụt xuống 69%, và số người cho rằng chiến tranh tại Afghanistan diễn ra "rất tốt đẹp" đã từ 42% xuống còn 24%. Hồi Mỹ mới tham chiến ở Việt Nam, đại đa số quốc hội và dân Mỹ đã ủng hộ Tổng Thống Lyndon Johnson bằng quyết nghị Vịnh Bắc Việt, nhưng sau phong trào phản chiến dần dần lan rộng và lên cao. Đến năm 1975 chỉ còn 21% dân Mỹ tán thành gia tăng viện trợ cho Nam Việt Nam để chống cuộc xâm lăng của Cộng sản.

Năm 1993 nhóm khủng bố đã làm sập một phần tầng hầm chứa xe của World Trade Center, mà không làm sập được tòa nhà. Tám năm sau phe khủng bố đánh sập hai tòa nhà World Trade Center bằng hành động táo bạo và tàn phá hơn nhiều. Cuộc chiến chống khủng bố chỉ được coi là thắng nếu bin Laden và tổ chức Al Qaeda không còn gây được những vụ khủng bố thảm khốc như ngày 11 tháng 9.

*Ngày 17/3/2002*

* Người viết là tác giả hai cuốn sách Sài Gòn Tuyết Trắng và Quê Hương Thương Ghét

# CÓ HAY KHÔNG, HIỂM HỌA MẤT NƯỚC?

NGUYỄN MINH CẦN

*Suy tư nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương Nhâm Ngọ*

Trong dịp Giỗ Tổ Hùng Vương mà phải đặt ra câu hỏi "dễ sợ" này thì hết sức đau lòng! Và cũng thật là xấu hổ với Tiền Nhân! Trên mấy nghìn năm từ thuở lập quốc, Cha Ông ta đã đổ xương đổ máu giữ gìn từng tấc đất bờ cõi, thế mà đến đời này chúng ta đã làm gì đến nỗi Tổ quốc lâm vào tình trạng phải nói tới... cái nguy cơ mất nước?!

Nhưng, suy cho kỹ thì quả là tình thế đã đến mức không thể không đánh động đến hiểm họa này, nếu chúng ta muốn sớm ngăn ngừa nó để tiếp tục sự nghiệp dựng nước giữ nước của Cha Ông, nếu chúng ta thực tâm tưởng nhớ đến công lao cao dày của đấng Quốc Tổ Hùng Vương!

## "Haute trahison"

Làm sao mà không bàn đến hiểm hoạ đó được, khi từ cuối năm ngoái, dư luận người Việt trong và ngoài nước đã náo động lên vì được biết Bộ Chính trị Đảng cộng sản Việt Nam, tập đoàn độc tôn thống trị đất nước ta, thậm thụt đi đêm với giới cầm quyền Trung Quốc, – theo những tin tức được biết - đã lén lút cắt đất với diện trên 720 km2 dọc biên giới Việt Trung, cắt biển với diện tích 10 nghìn km2 trên vịnh Bắc Bộ dâng cho Bắc triều. Trước việc này, chẳng những người Việt mình phẫn nộ, mà đến cả người nước ngoài cũng không thể im tiếng. Trên tờ tạp chí ở Paris *L'Express* số ra ngày 25.1.2002, Sylvaine Pasquier viết bài về hành vi này của những người lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam, đã đánh giá đó là một *"haute trahison"* (tiếng Pháp, nghĩa là phản bội Tổ quốc). Và đánh giá như vậy quả không sai. Vấn đề rất nghiêm trọng vì không chỉ là làm mất đi một diện tích lãnh thổ bằng hai phần nghìn tổng diện tích nước ta và lãnh hải của Tổ quốc bằng gần mười phần trăm tổng diện tích vịnh Bắc Bộ, không chỉ làm mất đi di tích ghi dấu lịch sử oai hùng của dân tộc, như ải Nam Quan, làm mất đi thác Bản Giốc, thắng cảnh tuyệt vời của đất nước, mà còn gieo lại những hậu quả vô cùng nguy hại sau này cho dân tộc. Hành vi này của giới cầm quyền nước ta sẽ khuyến khích và mở đường cho những kẻ nuôi mộng bành trướng phương Bắc lấn dần theo chiến thuật "tằm ăn lá," "được đằng chân, lân đằng đầu," gặm mòn gặm dần đất nước ta, hết vịnh Bắc Bộ sẽ đến lượt Trường Sa, rồi gì gì nữa... Ai mà biết được? Ngay cả rồi đây khi bọn bành trướng chưa lấn chiếm thêm lãnh thổ và lãnh hải của ta, thì cũng đã nguy to cho dân ta rồi. Vì Bắc Bộ và Trung Bộ với mật độ dân số rất cao, dân ta không thể chỉ trông cậy vào ruộng đất để bảo đảm nguồn sống mà phải nhờ đến kho hải sản quý báu trong biển, thế mà mất đi 10 nghìn km2 trên vịnh Bắc Bộ thì cuộc sống của dân ta sẽ bị ảnh hưởng xấu đến thế nào? Hơn nữa, dưới biển vịnh Bắc Bộ tiềm ẩn biết bao tài nguyên chưa khai thác, nhất là dầu khí, những thứ đó không còn thuộc nước ta nữa. Rồi đây Trung Quốc sẽ mặc sức khai thác những vùng mới có và làm ô nhiễm bờ biển, nước nôi, không khí của cả vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ nước ta, còn dân mình thì sẽ phải gánh chịu những hậu quả tai hại về sinh thái không thể nào cứu vãn được. Thử hỏi hành vi phản bội như vậy của Bộ chính trị Đảng cộng sản – mà nhiều vị lão thành cách mạng trong nước đã gọi đích danh là "bán nước" – không gây ra hiểm hoạ mất nước cho dân tộc ta hay sao?

## Hơn nửa thế kỷ "như môi với răng"

Chừng nào chế độ độc tài đảng trị còn tồn tại ở nước láng giềng phương Bắc thì ý đồ, âm mưu và hành động bành trướng của Bắc triều đối với Việt Nam vẫn còn nguyên vẹn như dưới thời phong kiến Trung Hoa.

Ngay cả khi ải Nam Quan được Chủ tịch Mao đổi thành mục Nam Quan hay Hữu Nghị Quan, ngay cả khi Chủ tịch Hồ ví von tình nghĩa Việt Trung *"như môi với răng," "môi hở răng lạnh"* và tung hô *"bốn phương vô sản đều là anh em"* (trong diễn văn khai mạc đại hội 3 Đảng lao động Việt Nam) hồi những thập niên 50, 60, thì những người lãnh đạo cộng sản Trung Quốc vẫn ngấm ngầm nuôi tham vọng bành trướng và không ngừng âm mưu lấn đất, lấn biển nước ta. Ngay cả khi tình nghĩa "môi răng" Việt Trung tưởng chừng như rất khăng khít thì ngày 4.9.1958, người "vô sản anh em" Tổng lý Quốc vụ viện Chu Ân Lai đã ra tuyên bố quy định hải phận của Trung Quốc, ngầm ý bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Và thật bất hạnh cho Tổ quốc biết

bao, những người "vô sản anh em" trong Bộ chính trị Đảng lao động Việt Nam đã tán thành tuyên bố đó! Vì thế chỉ 10 ngày sau, Thủ tướng Phạm Văn Đồng vội vã ra công hàm *"ghi nhận và tán thành bản tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc"*, hứa với họ *"tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa trên mặt bể"* (nguyên văn công hàm ngày 14.9.1958). Thế là từ đấy Việt Nam "há miệng mắc quai" trong việc gìn giữ hai quần đảo vốn dĩ của ta trên Biển Đông! Trong những năm 60, lợi dụng việc giúp làm nhà ga và đường xe lửa ở Nam Quan nhằm chuyển viện trợ quân sự của Liên Xô và Trung Quốc cho Hà Nội tiến hành chiến tranh đánh chiếm miền Nam Việt Nam, những người "vô sản anh em" ở phương Bắc đã lẳng lặng lấn đất bằng cách bí mật dời một số cột mốc sâu vào nội địa nước ta và chiếm ải Nam Quan. Những việc đó giới cầm quyền Hà Nội không phải không biết, nhưng đã bỏ qua vì muốn tập trung mọi cố gắng vào việc đánh chiếm miền Nam nên họ có sá gì một chút đất đai ở biên cương! Đến đầu thập niên 70, sau khi công bố Tuyên ngôn Thượng Hải giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, Bắc Kinh biết rõ ý đồ của Hoa Kỳ muốn chơi "lá bài Trung Quốc" và cũng đã "biết thóp" Hà Nội, nên ngày 19.1.1974 họ đã tung quân đánh chiếm quần đảo Trường Sa lúc bấy giờ đang ở dưới quyền của Việt Nam Cộng hòa. Quân Việt Nam Cộng hòa đã chống trả gan dạ nhưng bị thua vì cuộc chiến không cân sức. Trong lúc đó giới cầm quyền Hà Nội im hơi lặng tiếng. Tại sao? Một phần vì Hà Nội mắc cái "quai" công hàm của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 14.9.1958, phần khác vì họ suy tính là việc gì có hại cho Việt Nam Cộng hoà đều có lợi cho cho họ trong mưu đồ đánh chiếm miền Nam. Lại một lần nữa sự im lặng đồng lõa đã phản bội Tổ quốc – từ đó nước ta mất quần đảo Hoàng Sa vào tay Trung Quốc! Dù vậy, tập đoàn thống trị nước ta vẫn còn dựa vào Bắc Kinh đến mức đã nhờ quân Trung Quốc sang đóng giữ hộ thủ đô và nhiều vùng ở Bắc Bộ hồi giữa thập niên 70 để họ tung hầu như toàn bộ quân lực đánh chiếm miền Nam! Đến cuối những năm 70, sau khi Hà Nội quay lưng lại với Bắc Kinh, ký Hiệp ước tương trợ với Liên Xô (tại Moskva, ngày 3.11.1978) làm chỗ dựa để xua quân đánh cộng sản Campuchia, những đồ đệ của chủ nghĩa Mao mà báo chí thế giới gọi là Khơme Đỏ, thì ngày 17.2.1979, những người "vô sản anh em" ở Bắc Kinh tung quân vào sáu tỉnh Việt Nam đánh một trận vô cùng ác liệt trên suốt chiều dài biên giới Việt Trung nói là để "dạy cho lãnh đạo Việt Nam một bài học". Sau 16 ngày bắn giết dân ta trong sáu tỉnh, tàn phá ba tỉnh lỵ Cao Bằng, Lạng Sơn, Lao Kay và nhiều thị trấn, Bắc Kinh rút quân về nước, sau khi đã phá huỷ và chuyển dời nhiều cột mốc biên giới, chiếm giữ các cao điểm chiến lược và nhiều vùng mầu mỡ trong nội địa nước ta, rồi cho dân Trung Quốc sang ở (xem Sách Trắng của Hà Nội công bố tháng 3.1979). Vẫn chưa hết, đến tháng 3.1988, Bắc Kinh lại tung quân đánh chiếm hơn hai mươi hải đảo của ta trong quần đảo Trường Sa. Lần này giới cầm quyền Việt Nam lên tiếng yếu ớt, tiếng kêu của họ hầu như không ai để ý vì thời đó về mặt ngoại giao họ bị cô lập trên thế giới.

Đến khi chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô bắt đầu sụp đổ, Liên Xô tuyên bố ngừng viện trợ cho Hà Nội, trong lúc đó nền kinh tế Việt Nam bị khủng hoảng rất trầm trọng, Hà Nội cảm thấy nguy cơ đến lượt chủ nghĩa xã hội Việt Nam cũng sẽ sụp đổ theo. Để cứu nguy cho quyền lực của tập đoàn thống trị, hồi tháng 9 năm 1990, Bộ chính trị Đảng cộng sản đã cử Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, cố vấn Phạm Văn Đồng, uỷ viên Bộ chính trị Đỗ Mười bí mật đến Thành Đô tỏ lòng thần phục và xin cứu viện ở những kẻ mà cách đấy vài năm họ gọi là "bọn bành trướng phương Bắc," "kẻ thù truyền kiếp," thậm chí ghi cả điều đó vào trong Hiến pháp! Năm 1991, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt lại sang Trung Quốc cầu xin viện trợ. Trong những lần gặp gỡ này, Bắc Kinh đã thúc giục Hà Nội phải phân định lại biên giới để hợp thức hoá vùng lãnh thổ họ đã chiếm, đồng thời mở rộng lãnh hải của họ. Vì thế từ năm 1993 đã bắt đầu cuộc đàm phán bí mật về biên giới Việt Trung. Dù Bắc Kinh đã đồng ý lập lại quan hệ "hữu hảo" với Hà Nội, nhưng năm 1992 họ vẫn cứ ra oai bắt giữ 20 tàu chở hàng của Việt Nam trên Biển Đông và ngang nhiên cho khoan dầu trong hải phận Việt Nam. Thấy rõ Hà Nội đi cầu viện trong thế yếu, Bắc Kinh chẳng dại gì mà không gây sức ép trong cuộc đàm phán về biên giới và vịnh Bắc Bộ. Cũng không loại trừ việc Bắc Kinh đem lợi lộc câu những người "vô sản anh em" ở Hà Nội. Kết quả là Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký "Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc" (tại Hà Nội, ngày 30.12.1999) và "Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc" (tại Bắc Kinh, ngày 25.12.2000), để lại vết nhơ ô nhục muôn đời trong sử sách – cắt đất, cắt biển dâng cho Bắc triều.

Đấy, khi nhìn lại tham vọng và hành động của giới lãnh đạo Bắc Kinh đối với đất nước ta trong

hơn nửa thế kỷ qua kể từ ngày cộng sản Trung Quốc cầm quyền trên Hoa Lục, nhìn lại thực trạng mất đất, mất biển, mất đảo của nước ta và nhìn lại thái độ của các tập đoàn cầm quyền Việt Nam chỉ nghĩ đến quyền lực và quyền lợi riêng của mình mà vô trách nhiệm đối với quyền lợi Tổ quốc, thế thì làm sao chúng ta lại không bàn đến hiểm hoạ mất nước được?

## Cuộc xâm lăng không tiếng súng

Mọi người đều biết là hiện nay Trung Quốc đang có những nỗ lực rất lớn để tăng cường lực lượng quân sự. Họ đã tăng ngân sách quân sự lên chưa từng thấy và cố gắng để trở thành một cường quốc trên mặt biển. Cũng đừng tưởng mục tiêu của họ chỉ nhắm tới Đài Loan. Nhưng, chừng nào bọn "diều hâu" nặng óc bành trướng chưa có điều kiện xâm lăng nước ta bằng quân sự, thì Bắc Kinh vẫn có trăm phương nghìn kế để xâm lăng hoà bình. Và thực tế thì cuộc xâm lăng thầm lặng đó đang diễn ra hàng ngày trước mắt ta. Chỉ cần cảnh giác một tí thì cũng đủ thấy.

Sau khi dùng quân sự "dạy cho lãnh đạo Việt Nam một bài học" hồi đầu năm 1979, Trung Quốc ngày càng gia tăng việc dùng hàng hoá "trao đổi" ở vùng biên giới, một mặt, để thu phục nhân tâm các sắc dân có quan hệ thân tộc với dân của họ ở vùng đó, mặt khác, để thu hút nguyên liệu và sản phẩm của ta, như các kim loại màu, kim loại quý, đá quý, gỗ quý, thú quý, dược liệu quý... vào tay họ. Tình trạng buôn lậu trầm trọng ở biên giới Việt Trung – được sự tiếp tay của các quan chức tham nhũng nước ta – là mối nguy lớn cho nền kinh tế Việt Nam. Khi mối quan hệ giữa hai nước được cải thiện hơn thì họ càng tuồn mạnh hàng hoá của họ vào thị trường nước ta. Cho đến nay, có thể nói hàng hoá Trung Quốc, nhất là hàng lậu, đã gần như độc chiếm thị trường Việt Nam, bóp nghẹt các ngành sản xuất trong nước. Đó là không kể những mánh mung đút lót bọn quan lại tham nhũng ở Việt Nam để nắm lấy các cơ sở sản xuất, các mối đấu thầu ngon ăn... Lối bành trướng kinh tế như thế là một cách xâm lược hoà bình rất nguy hiểm.

Còn một lối hành động nữa cũng vô cùng hiểm độc cần phải vạch ra. Đã nhiều năm nay, Trung Quốc đơn phương khai thác thượng nguồn sông Mékong, họ đang làm sáu đập lớn ngăn sông Mékong (là các đập Manwan, Bashaoshan, Jinghong, Xiaowan, Nguzadu, Mengsong), tạo ra những hồ chứa nước khổng lồ để làm thuỷ điện ở thượng nguồn. Việc làm của Trung Quốc kéo theo sự tranh đua của Thái Lan - nước này cũng đang làm đập Pak Mun với ý định chuyển tám tỉ mét khối nước tưới cho vùng sa mạc Đông Bắc - và cả Lào nữa cũng dự tính ngăn những sông nhánh của Mékong, như Nam Ngum, Nam Thuen, Nam Leuk, Houay Ho, để làm thủy điện. Như vậy, việc Trung Quốc ngăn đập, tạo hồ lớn ở thượng nguồn Mékong sẽ gây ra những hậu quả khôn lường cho dân Camphuchia và đặc biệt là dân Việt Nam, là nước cuối nguồn. Đây là một tai hoạ rất lớn trực tiếp đe doạ sự sống còn của nước ta. Rồi đây, dân vùng Nam Bộ nước ta sẽ mất nguồn phù sa bón ruộng, mất nguồn thuỷ sản để sinh sống. Chẳng những thế nước biển sẽ tràn ngập đồng ruộng châu thổ sông Cửu Long (tên sông Mékong trên lãnh thổ Việt Nam) và từ từ nhận chìm cả vùng Cà Mâu và vùng duyên hải Nam Việt Nam. Trước hiểm hoạ như thế, mấy năm nay, các nhà trí thức yêu nước Việt Nam ở hải ngoại đã lớn tiếng báo động, nhưng cho đến nay giới cầm quyền Hà Nội vẫn bình chân như vại.

Còn một lối thâm độc nữa của cuộc xâm lăng hoà bình là Bắc triều âm mưu gieo cấy, cài đặt tay chân và người thân tín của họ vào ngay trong các cơ quan đầu não của Đảng cộng sản, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam, cũng như trong các cơ quan lãnh đạo các địa phương, dùng bọn này để lobby cho quyền lợi của Trung Quốc. Chắc mọi người còn nhớ chuyện này: trước đại hội 9 của Đảng cộng sản Việt Nam, khi thấy cái ghế tổng bí thư của Lê Khả Phiêu bị lung lay dữ dội thì Bắc Kinh đã cử người đến Hà Nội cố vận động cho Phiêu giữ lại ghế, nhưng vì Phiêu là một nhân vật quá tồi bại nên cuối cùng đã mất ghế. Còn khi Nông Đức Mạnh lên ngôi vị Tổng bí thư, ông cũng phải vội vã làm một chuyến viễn du sang Bắc Kinh bái yết Thiên triều.

Chỉ nêu ra mấy điều trên thôi cũng đủ thấy lúc này mà bàn đến nguy cơ mất nước đâu có phải là thừa?

## Con đường cứu nước

Để đương đầu được với một "ông bạn" láng giềng lớn đầy tham vọng, nước ta phải là một nước hùng mạnh với những người lãnh đạo khôn ngoan và có tinh thần trách nhiệm cao đối với đất nước và nhân dân. Nhưng, khốn thay, hiện nay nước ta đã quá suy yếu sau bao thập niên chịu vô vàn tai hoạ của nội chiến và "xây dựng chủ nghĩa xã hội". Đất nước lại bị thống trị bởi một tập đoàn mù quáng, tham lam quyền lực đang cố dựa vào nước ngoài để hy vọng tồn tại. Tiềm lực nước nhà suy vi lụn bại, dân tình điêu đứng, nhân tâm phân tán, hận thù tích lũy và đặc biệt là tinh thần trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc và Dân tộc đã bị giảm sút trầm trọng – ít người còn

có lòng nghĩ đến đất nước và nhân dân! Mà điều này không thể trách cứ người dân được, vì đó là hậu quả do tập đoàn thống trị gây ra cho đất nước trong hơn nửa thế kỷ đè đầu cưỡi cổ người dân.

Hồi thập niên 50, khi cổ võ cho chủ trương dùng bạo lực quân sự đánh chiếm miền Nam, Bí thư Lê Duẩn thường nói: *"Nếu sợ hy sinh thì không thể làm cách mạng được."* Khi nói thế, chắc ông không nghĩ là bản thân ông phải hy sinh mà ông đòi hỏi sự hy sinh của người khác, nhất là của người dân. Vì vậy, khi Bộ chính trị Đảng lao động Việt Nam quyết định "giương cao lá cờ dân tộc" (câu nói của Stalin tại đại hội 19 Đảng cộng sản Liên Xô năm 1951), tức là dùng chiêu bài "giải phóng dân tộc," 'thống nhất Tổ quốc," để phát động chiến tranh đánh chiếm miền Nam, họ không cân nhắc đến thảm hoạ vô cùng lớn lao cho toàn dân tộc do cuộc nội chiến đem lại. Đối với họ, hàng ba bốn triệu người bị chết trong chiến tranh, hàng chục triệu người bị tàn phế, hàng chục triệu người vợ góa, con côi, hàng triệu nhà cửa bị phá huỷ, hàng chục triệu gia đình tan nát, với vô vàn đau thương của toàn dân tộc trên cả hai miền... chỉ là những "vật hy sinh" dâng lên bàn thờ "cách mạng vô sản" để thiết lập "chuyên chính vô sản" trên toàn quốc! Nói thẳng ra, để tập đoàn đảng trị giành quyền lực trong phạm vi cả nước! Đấy, tinh thần vô trách nhiệm cao độ như thế của tập đoàn cầm quyền đối với Tổ quốc và Dân tộc thì làm sao có thể đòi hỏi tinh thần trách nhiệm ở người dân? Hơn nữa, khi "cách mạng thành công" và "giải phóng miền Nam" rồi thì tập đoàn đảng trị quay ngoắt phản bội những lời hứa về "tự do," "dân chủ," "hạnh phúc," còn người dân vẫn mãi mãi quằn quại dưới "chiếc ghế" quyền lực của "bọn bóc lột mới," "cường hào mới" tha hồ vơ vét bóc lột "dân đen" và tạo nên một xã hội "mới" đầy dẫy tai nạn, nào là nạn tham nhũng tràn lan, nạn đạo đức băng hoại, nạn cướp bóc, nạn đĩ điếm, nạn ma tuý xì ke, nạn bệnh tật, nạn nghèo đói khắp nơi...

Nhà thơ Bùi Minh Quốc đã diễn đạt rất đúng cái thực tế phũ phàng đó:

*... Mẹ đâu ngờ*
*sau lưng mình từ máu đẫm chồi lên*
*chiếc ghế*
*có thằng con thoát chết vụ khui hầm*
*trở về ngồi chễm chệ.*
*Cái mặt nó bây giờ mới đạo mạo làm sao*
*nói năng đứng ngồi quan trọng*
*thâm tâm chỉ nghiền ngẫm cách nào*
*êm nhất*
*lẹ nhất*
*cho mỗi ngày chiếc ghế thêm cao.*
*Cao*
*cao*
*cao*
*đến tận chỗ không còn nghe tiếng cuộc đời oan trái ...*

(Mẹ đâu ngờ, Bùi Minh Quốc)

Dưới chế độ độc tài đảng trị hiện nay thì làm sao đất nước ta có thể hùng mạnh được? Làm sao có thể huy động được nội lực và phát động được sáng kiến của toàn dân, trong cũng như ngoài nước? Đối với bọn độc tài tham lam quyền lực chỉ mong cầu dựa vào thế lực bên ngoài để duy trì nền thống trị đối với nhân dân, chỉ biết tham nhũng, đàn áp dân chúng và lừa dối, thì làm sao có thể có được lòng tin cậy của dân chúng trong nước cũng như các nhà kinh doanh nước ngoài? Vì thế, đất nước ta chỉ có thể hùng mạnh được khi nào đã chuyển hoá chế độ cực quyền toàn trị hiện nay thành một nước dân chủ thật sự, khi nào đã dứt khoát đi theo nền kinh tế thị trường không có cái đuôi "định hướng xã hội chủ nghĩa". Và khi có chế độ dân chủ rồi thì dần dần ý thức trách nhiệm công dân ở người dân cũng như ở người cầm quyền mới cũng sẽ được xây dựng, thông qua chế độ bầu cử tự do, qua sự thực thi các quyền tự do dân chủ và sự kiểm soát đích thực của người dân, sự theo dõi thường xuyên của báo chí tự do. Chỉ có chế độ dân chủ thật sự mới bảo đảm cho nền kinh tế thị trường phát triển theo chiều hướng ích quốc lợi dân, mới bảo đảm việc hiện đại hoá nền kinh tế, cũng như tăng cường nền quốc phòng. Chỉ có chế độ dân chủ mới hy vọng có được một nền ngoại giao độc lập và hoà bình, không dựa dẫm vào một cường quốc nào, mà biết dựa vào sự ủng hộ của dân chúng trong nước và trào lưu dân chủ trên thế giới để bảo vệ Tổ quốc mình.

Tóm lại, cái khâu chủ yếu để ngăn ngừa hiểm hoạ mất nước chính là sự dân chủ hoá đất nước, là xoá bỏ chế độ cực quyền toàn trị hiện nay, bắt đầu từ việc xoá bỏ điều 4 trong Hiến pháp và thực thi các quyền tự do dân chủ.

Con đường dân chủ hoá rất gian nan nhưng có nhiều triển vọng vì nó hợp với trào lưu tiến hoá của nhân loại, hợp với xu thế chung của thời đại. Nó đòi hỏi sự cố gắng lớn lao của những người dân chủ, sự thức tỉnh và quyết tâm của đông đảo dân chúng và của một bộ phận những kẻ cầm quyền còn có ý thức với nước, với dân. Thành công sẽ đến trong sự chung sức chung lòng của mọi người dân Việt.

Trong ngày Giỗ Tổ Hùng Vương mà đại đa số dân ta cùng cảm nhận và tâm niệm như thế thì tiền đồ của Tổ quốc chắc chắn là sáng sủa./.

# ĐẠO NHO

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Khoa cử kén người ra làm quan hỏi về thuật trị nước, an dân của đạo Nho. Nho giáo manh nha từ thời thượng cổ (Nghiêu, Thuấn). Nho sĩ là hạng người cần thiết, chờ đợi người ta cần đến mình thì đem tài trí, sở học ra làm những việc hữu ích cho nhân quần xã hội (chữ Nho gồm hai chữ : Nhân = người, và Nhu = cần dùng, lại có nghĩa là chờ đợi). Nho sĩ là hạng người tích cực nhập thế, ra làm quan là mong có cơ hội thực hành cái đạo học của mình.

Người đời thường lẫn lộn đạo Nho với đạo Khổng là một, coi Khổng Tử là thủy tổ của đạo Nho. Sự thật, Khổng giáo thoát thai từ Nho giáo, Khổng Tử chỉ khôi phục lại cái học Tu Tề Bình Trị, Nhân Nghĩa Lễ Nhạc... sắp xếp lại thành một học thuyết có hệ thống, tôn chỉ rõ rệt, nhấn mạnh vào chữ Đức. Nho giáo, nguồn gốc ở Trung quốc, được truyền sang Việt-Nam cùng một lúc với Hán học.

## I.- NHO GIÁO Ở TRUNG QUỐC

**1 - Thời Thượng cổ đã áp dụng chính sách coi dân là trọng và thuận theo Trời mà hành động.**

- Phục Hi (4486-4365 tr.TL) vạch ra 8 quẻ (= Bát quái, tức là: Càn = trời, Khôn = đất, Tốn = gió, Khảm = nước, Ly = lửa, Chấn = sấm, Cấn = núi, Đoài = đầm) tượng trưng cho thiên hạ thái bình. Lại đặt ra các nghi thức hôn lễ : nạp thái, vấn danh vv. (1).

- Hoàng Đế (2698-2597 tr.TL) là người khởi xướng nghĩa trật tự trên dưới trong xã hội : giữa vua tôi có nghĩa, giữa cha con có thân ái, giữa vợ chồng có phân biệt, anh em có thứ tự, bằng hữu có lòng tin (ngũ luân).

- Vua Nghiêu (2357-2257 tr.TL), tức nhà Đào Đường, trọng "đức trị," coi vua chỉ là công bộc, có nghĩa vụ chăm sóc cho dân. Vua Nghiêu theo chính sách "truyền hiền" chứ không "truyền tử," nhường ngôi cho Thuấn vì thấy Thuấn là người hiền, chứ không nhường cho con.

- Vua Thuấn (2256-2208 tr.TL), họ Ngu, lấy đức hạnh làm gương mẫu cho dân noi theo nên "không làm gì" mà nước cũng được trị, thiên hạ thái bình. Lại định âm nhạc, đặt ra quan chế, dùng người tài giỏi. Vua Thuấn truyền ngôi cho vua Vũ cũng là người hiền, lập ra nhà Hạ.

**2 - Thời Tam Đại gồm :**

a - Nhà Hạ (Hạ Vũ / Đại Vũ) (2205-1786 tr.TL) đặt ra Cửu trù, định rõ các mối luân thường ; chính trị thì lấy trọng dân, khoan hồng với dân, yên dân làm gốc; lại thuận theo lẽ Trời mà thi hành mệnh lệnh: tháng nào nên làm gì, hay không nên làm gì đều quy định sẵn, cưỡng lại là Trời ra tai. Nhà Minh đường là chỗ Thiên tử ở, ban chính lệnh và tế tự tổ tông (2).

Nhà Hạ truyền đến vua Kiệt thì mất.

b - Nhà Thương (1766-1401 tr.TL), sau vì nước lụt phải thiên đô sang Ân mới đổi quốc hiệu thành nhà Ân (1401-1123 tr.TL). Vua Kiệt nhà Hạ bạo ngược nên Thượng đế không tựa, cho vua Thành Thang (1783-1754 tr.TL) trừng phạt, diệt nhà Hạ, lập ra nhà Thương. Thành Thang chủ trương dùng đức trị dân, ngôi vua chẳng dành riêng cho ai: kính đạo Trời thì giữ mãi được mệnh Trời. Thuyết "tri và hành" bắt đầu từ đời này (3).

Y Doãn dậy vua Thái Giáp, con Thành Thang, đạo Tu Tề: yêu người thân, kính người trưởng phải bắt đầu từ nhà rồi đến nước, cuối cùng mới tới thiên hạ. Phải coi dân là trọng, vua không có dân thì làm chúa với ai ? Trời chỉ giúp kẻ có đức, dân chỉ về với kẻ có đức, có đức thì trị, không có đức thì loạn. Kén quan phải kén người hiền tài (4).

Nhà Thương truyền đến vua Trụ thì mất.

c - Nhà Chu (1122-221 tr. TL) : Vua Trụ nhà Ân tàn bạo, bị Vũ Vương truất ngôi, lập ra nhà Chu. Vũ Vương (1134-1116) dậy phép trị nước phải trọng nhân tâm thì ngôi vị mới vững bền, dân muốn là Trời muốn, thất nhân tâm là sẽ mất nước. "Đừng soi ở nước, nên soi ở nhân tâm."

Chu Công Đán, em Vũ Vương, châm chước chế độ các đời Nghiêu, Thuấn, Thương/Ân, đặt ra lễ nghi, định rõ phép tắc, nghi thức quan hôn tang tế vv. để giữ trật tự trong xã hội. Đời sau lấy đó làm chuẩn tắc cho việc trị nước, giáo hóa dân, tức là mối đầu của Nho giáo.

**3 - Thời Xuân Thu (722-481 tr.TL) cùng với thời Chiến quốc (479-221 tr.TL) thuộc nhà Đông Chu, nối tiếp nhà Tây Chu (1134-770 tr.TL).**

Nhà Chu suy, thiên hạ rối loạn, dân tình khổ ải nên không thiết đến nhân nghĩa, chỉ vụ danh lợi, tranh giành quyền thế. Khổng Tử (551-479 tr. TL) sinh vào thời Xuân Thu, thấy người ta bỏ đạo xưa, không còn kỷ cương luân thường nên muốn biến cái thời vô đạo ra hữu đạo, lấy đức trị dân cho vững bền, lấy cương thường kiềm chế lòng người, lấy lễ nhạc gìn giữ trật tự xã hội, bèn nghiên cứu chế độ thời Nghiêu, Thuấn (được coi là thời đại Hoàng kim, thiên hạ thái bình, thịnh trị, đáng làm gương mẫu) để dậy.

Khổng giáo chia làm hai phần :

- Hình Nhi Thượng bàn về những nguyên lý cao siêu của vũ trụ, những mối tương quan giữa Trời và người ;
- Hình Nhi Hạ là phần thiết dụng ở đời, được nhắc tới nhiều hơn, bàn về phép trị nước và giáo hóa dân.

Khổng giáo sau chia ra hai phái :

- Mạnh Tử (372-289 tr.TL). Khổng Tử truyền cho Tăng Tử, Tăng Tử truyền đến Khổng Cấp (tức Tử Tư, cháu Khổng Tử), rồi Khổng Cấp truyền đến Mạnh Tử. Mạnh Tử chủ trương con người vốn tính thiện.
- Tuân Tử (330-227 tr.TL) ngược lại, chủ trương tính con người vốn ác, cần phải giáo hóa.

**4 - Đời Tần (221-206 tr. TL) :** Tần Thủy Hoàng muốn thống nhất thiên hạ, nghe Lý Tư, áp dụng chính sách của Hàn Phi (cả hai đều là học trò của Tuân Tử) cho rằng "đức trị" (= dùng nhân nghĩa mà trị) không hữu hiệu, thiên hạ vẫn loạn, phải dùng hình pháp nghiêm ngặt thì mới trị được dân, lại cho là các Nho sĩ dùng kinh sách thuyết minh, chỉ trích chính phủ, làm rối loạn phép nước, nên đốt hết sách vở (trừ sách bói toán, dậy trồng trọt, Cửu kinh chỉ giữ lại mỗi thứ một pho để trong Thư viện ở Kinh đô), chôn 460 người học trò, lập ra chế độ quân chủ chuyên chế của Pháp gia.

**5 - Đời Hán (206/202 tr.TL-220):** Thời Hán sơ, Nho giáo chưa chiếm địa vị độc tôn. Lúc đầu Hán Cao Tổ (202-195 tr.TL) coi thường đạo Nho: "Ta ngồi trên yên ngựa mà được thiên hạ, cần gì phải học Thi, Thư ?" Sau mới nhận ra ngồi trên yên ngựa "được thiên hạ" nhưng "không trị được thiên hạ," vẫn phải nhờ Nho gia giúp sức.

Cuối thế kỷ thứ 2 tr. TL, Hán Vũ Đế (140-87 tr.TL) nghe Đổng Trọng Thư, đưa Nho giáo lên địa vị quốc giáo vì thấy chính sách dùng hình pháp không công hiệu lâu bền, phải nhờ các nhà Nho dậy dân đạo trung quân, củng cố chế độ quân chủ. Từ đấy đạo Nho mới chiếm địa vị độc tôn.

Thời Đông Hán (thế kỷ 1), Nho giáo cực thịnh nhưng bề trong lại kém vì thiên về cái học huấn hỗ, các học giả chỉ hiệu đính, chú thích kinh sách, chú trọng ở từng câu từng chữ, bỏ mất cái nghĩa hoằng đại.

**6 - Đời Ngụy (220-264), Tấn (255-419), Lục Triều (Lưỡng Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần 420-589):** Trung quốc lại loạn, Nho giáo suy, lòng người chán nản không thiết đạo đức, chỉ ưa duy mỹ, thanh đàm, bàn về huyền học, nghĩa lý cao siêu của Lão, Trang. Nhóm Trúc Lâm Thất Hiền sống rất phóng khoáng, không ưa bị ràng buộc.

Nhà Tùy (581-618) thống nhất, đặt ra Khoa cử để kén người. Từ đấy kẻ sĩ chỉ cốt học sao cho thi đỗ, nên đạo lý suy đồi. Tuy vậy, Nho giáo vẫn được truyền dậy, Mạnh Tử, Tuân Tử đều được trọng ngang nhau.

**7 - Đời Đường (618-907):** Trung quốc yên ổn trong ba thế kỷ, Nho giáo lại được suy tôn vì thích hợp với chế độ quân chủ. Cái học vẫn thiên về khoa cử và từ chương, vụ lấy nhớ cho nhiều, phần tư tưởng, suy xét rất kém sút. Lại chỉ chú trọng mặt thực dụng, bỏ phần Hình Nhi Thượng, nên trình độ triết học kém hẳn Lão giáo và Phật giáo. Song nhờ có tiếp xúc với Phật giáo nên thêm phần sinh khí, mở đường cho Tống nho sau này, mặc dầu Hàn Dũ (768-823) bài xích Phật giáo: đi tu là làm tuyệt tự nòi giống, bỏ đạo hiếu, là trái luân thường, xây nhiều chùa chiền chỉ làm khổ dân vv.

**8 - Đời Tống (960-1279):** Nhờ có ba thế kỷ yên ổn, văn học, nghệ thuật đều phát triển. Nho giáo được phục hưng: vì muốn đả kích Phật giáo và Lão giáo, các Tống nho (Chu Hy, Trình Hạo vv.) nghiên cứu, đi sâu vào đạo lý huyền nhiệm của Phật, Lão, rút cục thành ra chịu ảnh hưởng, đi đến chỗ dung hòa, khiến Nho học khác các đời trước, có những kiến giải mới, phát huy được cái học cao siêu của phần Hình Nhi Thượng, lập ra những học phái mới. Các nhà Nho đua nhau tranh biện về nguồn gốc của vũ trụ, bản thể của

Thái cực, của Lý và Khí, tính Thiện và Ác...

Vì Tống nho bàn luận về Huyền học, bỏ lãnh vực chính trị, kém phần thực dụng, nên thường bị chê là không phải đạo của Khổng Mạnh. Thực ra Tống nho cố suy diễn những ý nghĩa trong di ngôn của Khổng giáo. Thí dụ có tới bảy, tám chục thuyết tranh biện về câu "Cách vật trí tri" trong Đại học. Chu Hy, tức Chu tử (1130-1200), cho rằng mỗi vật đều có cái lý của nó, cần tìm hiểu cái "cùng lý" của sự vật để "minh tâm," bởi cái tâm có "lý" nhưng bị "khí" che lấp, tự nó không thể làm sáng cái "lý" bên trong nên phải "cách vật trí trí" thì cái "lý" bên trong mới sáng được, tức là phải tìm hiểu cái tính của vạn vật, của con người, để tu dưỡng, trở về với cái tính bản thiện. Phái Tâm học chê Chu Hy chi li, phân biệt đạo tâm và nhân tâm trong khi thiên lý với nhân tâm là một. Vương Thủ Nhân (1472-1528) phát huy Tâm học đến cực điểm, tin rằng tu dưỡng không cần "cách vật" cho nhiều bởi có sống 100 năm cũng không đủ thì giờ xét cả mọi vật, như thế là tìm đạo ở ngọn chứ không phải ở gốc. Cái tâm của ta chính là vật lý, cứ sửa cho tâm sáng suốt khắc hiểu rõ đạo lý, lẽ Thiện Ác, không cần tỉ mỉ tìm lẽ sinh tồn của từng vật. "Cách vật" là làm điều hợp thiên lý, bỏ điều ác.

**9 - Đời Minh (1368-1660), tựa như Tống, chỉ bàn nhiều về huyền lý.**

**10 - Đời Thanh (1616-1911):** Dân Trung Hoa bị mất chủ quyền về tay người Mãn Thanh nên bỏ huyền học, quay về thực tế. Đầu đời Thanh vẫn còn hai phái:

- phái học từ chương, trọng Khoa cử ;
- phái học nghĩa lý, phát huy mặt đạo đức của Khổng giáo. Thời Thanh mạt, phong trào Duy tân nổi lên, dung hòa Tây học. Khang Hữu Vi (1858-1927), Lương Khải Siêu (1873-1929) đã giúp vua Quang Tự (1874-1916) cải cách, biến chính năm 1898 (Mậu Tuất) nhưng không thành công vì Từ Hy Thái Hậu chận lại.

**11 - Thời Dân quốc:** Đạo Khổng ngày một suy, đặc biệt thời Mao Trạch Đông lại càng bị coi rẻ, gần đây tuy Nho giáo được nghiên cứu trở lại nhưng không còn được suy tôn là "chính đạo" như xưa.

## II - HỌC THUYẾT CỦA KHỔNG GIÁO

Đạo Khổng khác đạo Nho ở chỗ ít bàn đến phần Hình Nhi Thượng, Khổng Tử cho là thiên hạ phần nhiều chỉ hiểu những điều giản dị, lợi ích trước mắt, còn những nghĩa lý cao siêu, huyền diệu dẫu có giảng cũng không hiểu rõ, lại có thể hiểu lầm, rối loạn tinh thần, không ích gì cho sự sinh hoạt ở đời (5).

Khổng Tử (551-479 tr. TL) sinh vào thời Xuân Thu, ngũ bá tranh hùng, xã hội rối loạn, dân tình khổ sở, phong tục đổi bại nên muốn lập lại trật tự cũ, đem nhân nghĩa dậy người ta ăn ở hài hòa với nhau, vì thế chú trọng đến phần Hình Nhi Hạ là phần thực dụng, đặc biệt nhấn mạnh vào đạo đức và giáo hóa.

Sau đây là những điểm chính yếu của Khổng học :

### A – Con Người - Thuyết "Thiên nhân tương quan"

a - *Thiên lý*: Vũ trụ thoạt đầu là một khối hỗn độn, trong ấy có một cái "lý" linh diệu, vô hình, gọi là Thái cực, "lý" ấy tuy vô hình nhưng vẫn có thể nhận ra qua sự biến hóa của vạn vật như bốn mùa qua lại. Bốn mùa qua lại là thể động (dương) của cái lý Thái cực ; hết chu kỳ lại quay về lập lại như cũ, bất di bất dịch, là thể tĩnh (âm) của lý Thái cực. Do âm dương xung khắc xô đẩy nhau rồi nhờ cái lý Thái cực điều hòa mà sinh ra vạn vật.

b - *Minh đức*: Con người sinh ra ai cũng được Trời phú cho một phần thiên lý, tức là cái sáng suốt tự nhiên ở trong lòng, hiểu thấu ngay phần sâu xa, u uẩn của mọi sự mọi vật, không cần dùng lý trí để phân tích. Cái sáng suốt sẵn có ấy gọi là minh đức, cũng gọi trực giác, lương tri hay tâm. Bởi nó là một phần của thiên lý nên mới nói Trời với người cùng một thể ("Thiên hạ vạn vật nhất thể "), tương cảm tương ứng với nhau. Cái hiểu biết của trực giác mới là hiểu biết xác thực, còn cái hiểu biết của lý trí dễ bị sai lầm bởi lý trí biết ngụy biện, biến trái thành phải được.

Muốn cho cái trực giác ấy mẫn nhuệ thì phải giữ nó thuần túy như khi mới được Trời phú cho, như đứa trẻ sơ sinh chưa bị vật chất cám dỗ, tức là phải giữ được thái độ điều hòa, không thiên lệch. Nếu để lòng tư dục dấy lên, thất tình sai khiến, chìm đắm ở chỗ vật chất, dùng lý trí tính toán hơn thiệt thì trực giác bị che mờ, tinh thần rối loạn, dù mắt thấy tai nghe cũng không hiểu, dẫu trực giác có linh ứng cũng không nhận ra, nên hành động trái lẽ, thiên lệch. Người tu dưỡng nhằm mục đích giữ cho trực giác sáng suốt, mẫn nhuệ.

c - *Thiên đạo là nhân đạo*: Thiên lý lưu hành khắp nơi, chủ ở sự sinh hóa vạn vật. Đạo Trời chí

thiện, chí mỹ, người nên noi theo đạo Thái hòa của vũ trụ mà hành động, cố gắng làm những điều chí thiện, chí mỹ. Khổng Tử chủ trương nên theo thiên lý, dùng trực giác, tùy cảm mà ứng theo lẽ tự nhiên, trên dưới hòa mục, cầu lấy cái ung dung thư thái ở đời.

- Đạo nhân là đạo của người đối với người. Tùy theo trình độ, nhân cách của mỗi người, Khổng Tử đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau: nhân là yêu người, khoan dung với người, là bổn phận đối với người và đối với mình vv. Nhân bao gồm cả ái, kính, trung, hòa, thứ, lễ, trí. Ai có lương tâm, hành động hợp đạo Thái hòa, trong lòng thư thái đều có thể gọi là nhân được. Nhân là cái gốc của đạo người quân tử.

Người bất nhân thì ham phú quý, hành động vì tư lợi, bị danh lợi che khiến trực giác mờ tối, phải dùng lý trí để phân tích, song lý trí mất cái trung hòa thành dễ sai lầm, chỉ hiểu được cái bên ngoài của sự vật. Bởi thiên lương đã mất, tình cảm đơn bạc nên dửng dưng trước cái đau khổ của kẻ khác, và vì hành động trái với lương tâm nên lòng không lúc nào an vui.

d - *Tính Thiện và tính Ác*: "Tính tương cận, tập tương viễn." Khổng Tử lấy sự sinh hoạt ở đời làm vui thú, tự nó là mục đích của Tạo hóa. Hợp với đức sinh là Thiện, trái với đức sinh là Ác. "Nhân chi sơ, tính bản thiện" nghĩa là con người bẩm sinh vốn tính thiện vì nhờ có một phần thiên lý; do hoàn cảnh, tập quán (tập = công phu dậy dỗ), phong tục khác nhau mà thành kẻ tốt người xấu nên cần phải được giáo hóa để sửa xấu thành tốt, đấy là mục đích của nhà cầm quyền, của các tôn sư.

## B - Xã Hội

Khổng giáo trọng sự hành động mà trong hành động thì chính trị quan hệ đến sự hay hay dở của nhân quần, sự trị loạn thiên hạ, cho nên trong đạo người thì chính trị là hơn nhất. Chính trị là thuật trị nước theo con đường ngay chính, hợp đạo lý. Tư tưởng chính trị của Khổng giáo có ba điểm căn bản :

1 - ***Trật tự xã hội*** - Muốn cho nước được thái bình thì phải duy trì chế độ chính trị, lễ chế của Chu Công Đán (tòng Chu ) đặt ra: Xã hội ổn định là nhờ có trật tự, trong nước thì vua làm chủ, trong gia đình thì người cha làm chủ. Dân cũng chia ra mười đẳng cấp vv.

2 - *Đức trị* là lấy nhân nghĩa mà trị dân thì mới bền vững, đưa đến thịnh trị. Đấy là vương đạo, khác với bá đạo là dùng sức mạnh để chiếm quyền hành, khác với pháp trị là thi hành luật pháp "bất cận nhân tình," không bền lâu.

3 - ***Chính danh***: "Chính danh" là hành động phải xứng với danh, với chức vị mình nắm giữ, để minh phận. Một nước thịnh trị, có kỷ cương thì vua phải ra vua, tôi phải ra tôi ("quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử"). Vua có địa vị mà không làm tròn nhiệm vụ chỉ là "hữu danh vô thực," không phải chính danh. Vua ăn ở không phải đạo thì Trời ra tai (bão, lụt, hạn hán) hoặc những điềm bất thường như nhật thực, sao chổi vv. để cảnh tỉnh. Khi ấy vua phải tu tỉnh, ăn chay, sửa mình, phóng xá tội nhân, phát chẩn, để tỏ ý hối cải, hòng giải tai.

Thuyết này biểu dương nghĩa tôn quân, chủ trương trung ương tập quyền để mưu việc thống nhất quốc gia, song vua quan không phải chỉ ngồi không mà hưởng tước vị: vua có bổn phận của vua, quan có bổn phận của quan.

a - **Đạo làm Vua**

- Thuyết "thiên mệnh, dân tâm." Người ta thường cho rằng vua chỉ là người ngồi không hưởng thụ, lại độc tài mà không có gì kiềm chế quyền uy, các quan chỉ dám can ngăn hay từ chức là cùng. Sự thực, Khổng Tử tuy có nói tới "đạo trung quân" nhưng còn kèm theo thuyết "thiên mệnh, dân tâm."

Thời xưa, quân là người có thế lực, giữ được chỗ nào thì làm chủ chỗ ấy. Thời Khổng Tử, vua chúa nắm chủ quyền nên Khổng Tử nhận "đế, vương" là "quân", song Khổng Tử chỉ nói "trung quân" chứ không nói "trung đế, trung vương," hiểu theo nghĩa rộng là phải tôn trọng người nắm chủ quyền, không nhất định là phải tôn trọng vua, chúa. Bề tôi một mực tuân theo mệnh lệnh vua không phân phải trái chưa hẳn đã là tôi trung. Khổng Tử tôn quân quyền nhưng cũng đưa ra thuyết "thiên mệnh, dân tâm" để chế ngự quyền vua. "Quân quyền" có được là do mệnh Trời, nhưng Trời không thân riêng với ai, không cho riêng và vĩnh viễn một người hay một dòng họ nào. Nước vững bền hay không là do nhân tâm có thuận hay không. "Thiên ý với dân tâm là một" nên muốn biết ý Trời cứ xem ở lòng dân. Lấy nhân nghĩa mà trị thì dân yên, lấy bạo lực mà trị thì dân loạn. Đạo làm vua phải yêu cái yêu của dân, ghét cái ghét của dân, theo lòng dân mà định chính sự. Trời sinh ra vua không phải vì vua

mà là vì dân, để vua thay Trời chăm lo cho dân, dẫu vua làm đầy đủ bổn phận cũng không có công. Cổ thi nói :"Trong triều có một vị được tôn sùng nhất lại là người khó nhọc nhất."

- Giáo hóa. Mối biến loạn trong xã hội đều có căn nguyên, không phải một sớm một chiều bỗng nhiên nẩy sinh. Tính dân vốn thiện, do tập quán, phong tục dần dần biến thành kẻ thiện, người ác. Người trị nước phải biết nhìn xa, tìm cách sửa đổi phong tục, cải tâm tính dân thì cuộc loạn sẽ trở thành cuộc trị. Kinh Thư :"Dân phạm tội không có lỗi, lỗi ở vua không dậy dân từ chỗ khinh bạc thành thuần phác." Không dậy mà đem kẻ phạm tội ra trừng trị là "bạo," không răn mà đòi dân ăn ở hợp đạo lý là "ngược." Bạo và ngược là hai tội ác lớn của người trị dân.

Muốn cải hóa dân, Không giáo trọng lễ hơn trọng hình. Dậy cho dân hiểu lễ nghĩa, hiểu lẽ phải thì dân biết hổ thẹn, tự tránh điều ác, làm điều lành, lễ ngăn chặn được việc ác từ khi mới chớm nở, hình pháp chỉ trừng trị sau khi việc ác đã xẩy ra mà kẻ phạm tội tuy bị trừng phạt vẫn không biết mình làm sai trái, không hổ thẹn.

b - **Đạo của người quân tử**: "Chính giáo hợp nhất," "Tiến vi quan, thoái vi sư."

Thời nhà Chu, quân tử, trỏ vào hạng quý tộc nắm địa vị thống trị trong xã hội, tiểu nhân là người không có địa vị, khác với nghĩa ngày nay.

Khổng Tử nhận thấy trong xã hội kẻ ngu thì nhiều nên lấy tài đức mà phân biệt trên dưới, đào tạo ra hạng hiền nhân quân tử để giao phó việc chính trị và giáo hóa phong tục vì biết vận nước thịnh hay suy là ở tư cách của vua quan. Khổng Tử nghiên cứu chế độ "đức trị" của thời Thượng cổ, dựa theo lẽ điều hòa của trời đất mà hành sự, lập ra cái đạo người quân tử, chủ ở sự hành động hợp với thiên lý, theo lẽ phải, đem sở năng phụng sự nhân quần xã hội, hành sự uyển chuyển hơn chế độ pháp trị, tuy theo quy tắc là *kinh*, nhưng vẫn được tùy nghi quyết định, tức là *quyền*.

- Chính: "Tiến vi quan." Giúp vua trị nước là sứ mạng của kẻ sĩ. Người quân tử có bổn phận phải hướng dẫn vua theo con đường đức trị, vua phạm lỗi thì can ngăn, nếu gặp vua chuyên chế không nghe lời can thì nên từ chức vì ở lại tất bị giết, còn ham tước lộc, hùa theo vua làm điều ác thì là phản bội đạo Thánh. Đối với dân như với con, phải chăm lo nuôi dưỡng đầy đủ, dậy dỗ đi vào đường ngay.

- Giáo : "Thoái vi sư." Người quân tử gặp thời đỗ đạt, gặp vua hiền thì ra làm quan, nếu gặp bạo chúa nên từ quan lui về dậy học, truyền bá đạo Thánh, đào tạo thế hệ mai sau.

Giáo hóa là sửa tâm tính con người cho ngay chính, bồi dưỡng tình cảm cho trọng hậu, tức là lấy công việc của người bổ sung cho phần thiên nhiên, đưa người đến bậc nhân. Khổng Tử chủ trương con người không phải cầm thú, không thể đối xử với nhau như loài vật nên đặt ra lễ nghĩa dậy cho dân biết phải trái, sống hài hòa với nhau, khiến xã hội có trật tự, yên ổn. Dùng hình pháp là trị nước ở ngọn, chỉ có hiệu lực một thời, không bền vững, phép trị nước từ gốc là giáo hóa. Dân ngu phạm tội là lỗi ở người cầm quyền không dậy.

"Thuần dụng lễ nhạc, giáo hóa đại hành." Khổng Tử dậy dân bằng lễ và nhạc.

Lễ thoạt đầu có nghĩa là cúng tế, nghĩa rộng gồm cả phong tục, pháp luật, cách tiết chế hành động của dân chúng. Khổng Tử đặt ra lễ để phân biệt tôn ti trật tự, có trật tự phân minh mới không rối loạn. Trong một nước thì có vua làm chủ, trong gia đình thì người cha làm chủ.

Nhạc: bởi lễ phân tôn ti trật tự khiến người ta xa cách nhau nên phải dùng đến nhạc để hòa đồng, khiến người gần nhau hơn. Nhạc tốt lành thì vua tôi thuận hòa, cha con tương thân, già trẻ tương nhượng, mở đường cho thông cảm là giềng mối của sự trung hòa.

Lễ, nhạc dung hòa, hỗ trợ nhau. Có lễ không có nhạc thì nhân tình bất thông, có nhạc không có lễ thì dễ sinh nhờn. Lễ để sửa bên ngoài, thường không bền lâu, nhạc sửa bên trong thấm thía, bền vững hơn. Lễ, nhạc đưa đến tâm lý quân bình.

*(Còn tiếp)*

**Chú thích:**

1 - Nhượng Tống dịch (1940), Xuân Thu tái bản: Thượng Thư, tr. 9 - 10. Sách của các đế vương đời trước gồm: sách của Phục Hi, Hoàng Đế, Thần Nông gọi là Tam Phần ("phần" = đạo Cả); sách của Thiếu Hiệu, Chuyên Húc, Cao Tân và Đường, Ngu gọi là Ngũ Điển ("điển" = đạo Thường) ; Bát Sách ("sách" = tìm) thuyết minh về tám quẻ, tìm ý nghĩa của nó; Cửu Khâu ghi chép về chín châu của Trung quốc xưa.

2 - Thượng Thư, tr. 32-3, 55 - Phan Khoang, *Trung Quốc Sử Cương*, tr. 13.

3 - Thượng Thư, tr. 64-5, 91.

4 - Thượng Thư, tr. 72, 75-6.

5 - Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, I, tr. 75, 137. Đại Nam tái bản.

# DIOXIN, VIỆT NAM, VÀ MỸ: GIỮA TÌNH CẢM VÀ KHOA HỌC

NGUYỄN VĂN TUẤN

Chất màu da cam (hay thường được biết đến bằng tên "Agent Orange") và dioxin [1] có một mối quan hệ với Việt Nam và Mỹ trong hơn bốn thập niên qua. Ngày 20 tháng 11 năm 1961, Tổng thống Kennedy phê chuẩn một quyết định cho quân đội Mỹ tiến hành chiến dịch Ranch Hand để khai hoang đồng cỏ Việt Nam [2]. Quyết định này nhận được sự ủng hộ nồng nhiệt của Tổng thống Ngô Đình Diệm, nhưng dè dặt và phản đối của các nhân vật cao cấp từ Bộ Ngoại giao Mỹ như Roger Hilsman và W. Averell Harriman. Nhưng chiến dịch vẫn được thi hành. Mục đích chính của chiến dịch là làm cho quân đội đối phương (cộng sản) không còn cây xanh để trú ẩn. Trong thời gian mười năm (tính từ 1962 đến 1971), quân đội Mỹ đã rải xuống Việt Nam khoảng 19 triệu gallons (tức khoảng 71.9 triệu lít) thuốc khai hoang, trong đó có 11 triệu gallons (hay 41.6 triệu lít) chất màu da cam [3]. Với 11 triệu gallons chất màu da cam, người ta đoán rằng có chứa khoảng 368 pounds (tức 167 kg) dioxin [4]. Tổng diện tích mà quân đội Mỹ đã rải là 1.5 triệu hectares, tức gần 10% diện tích của miền nam Việt Nam, trong đó có nhiều vùng bị rải hơn bốn lần. Theo báo cáo chính thức của Chiến dịch Ranch Hand, kết quả là quân đội Mỹ đã phá hủy khoảng 14% diện tích rừng nam Việt Nam, kể cả 50% các vườn xoài [5].

Có thể nói câu chuyện dioxin và chất màu da cam trồi sụt theo sự thăng trầm trong mối quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam. Sau chiến tranh, cựu quân nhân Mỹ từng tham gia vào chiến dịch Ranch Hand phàn nàn về tình trạng sức khoẻ của họ. Một số con của họ sinh ra với dị tật, và dioxins bị tình nghi là thủ phạm. Tiếp sau đó là một loạt nghiên cứu, trong đó có một nghiên cứu qui mô trên hơn 2000 cựu quân nhân Mỹ, để xác định mối quan hệ giữa dioxins và bệnh tật. Qua hơn 20 năm nghiên cứu, các nhà khoa học Mỹ đã có đủ bằng chứng để kết luận rằng dioxins gây ra ung thư tế bào mềm (Soft-tissue sarcoma), Non-Hodgkin's lymphoma, bệnh Hodgkin, và ban clor (chloracne). Nhưng họ vẫn chưa có đủ bằng chứng để phát biểu một cách dứt khoát về ảnh hưởng của dioxins đến các bệnh khác như dị tật, dị thai, ung thư tuyến tiền liệt (prostate cancer), tiểu đường, một số bệnh thần kinh cấp tính, bệnh nứt đốt sống (spina bifida), các bệnh thuộc hệ thống nội tiết và tiêu hóa (như loét, thay đổi enzyme của gan, bất bình thường lipid), các chứng miễn nhiễm, bệnh tim, bệnh đường hô hấp, và ung thư da [6]. Nói tóm lại, họ cần có thêm dữ kiện khoa học.

Về phía Việt Nam, sau năm 1975, giới y tế Việt Nam cũng ghi nhận một số trường hợp dị tật bẩm sinh, và ung thư trong cư dân thuộc các vùng từng bị rải chất màu da cam trong thời chiến tranh. Tuy nhiên, vì cách thu thập dữ kiện chưa được hệ thống, và phương pháp nghiên cứu cũng như xử lí số liệu chưa phù hợp với các tiêu chuẩn khoa học, nên những phát hiện này không được thế giới chú ý. Dù dữ kiện còn hạn chế, chính phủ Việt Nam đã nhiều lần lên tiếng gián tiếp yêu cầu Mỹ nên có trách nhiệm với những người mà họ cho là nạn nhân của dioxin. Phía Mỹ không từ chối trách nhiệm, nhưng họ cho rằng cần phải có đầy đủ dữ kiện khoa học thì mới có thể có chương trình hành động. Ngay cả trong giới cựu quân nhân Mỹ, chỉ khoảng 7% cựu quân nhân đòi bồi thường [về thiệt hại sức khoẻ do dioxin gây ra] được chính phủ đồng ý trợ cấp; phần 93% còn lại không được công nhận để giúp đỡ tài chính.

## Nhu cầu cho một Hội nghị Việt – Mỹ

Tình trạng qua lại về trách nhiệm và bằng chứng dằng dai mãi cho đến khi Mỹ và Việt Nam chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao. Sau năm 1995, hai bên đã từng gặp nhau và thảo luận phương cách để giải quyết vấn đề. Trong lần họp mặt ở Singapore vào năm 2001, hai phái đoàn Việt Nam và Mỹ đồng ý tổ chức một hội nghị khoa học vào năm 2002.

Theo thỏa thuận trên, ngày 3 tháng Ba vừa qua, Hội nghị Khoa học Việt – Mỹ về ảnh hưởng

của Chất màu da cam (Agent Orange) dioxin trong sức khỏe con người được diễn ra tại Hà Nội. Hội nghị được tiến hành trong ba ngày, nhưng một số bàn thảo ngoài chương trình Hội nghị vẫn tiếp diễn vài ngày sau đó. Đây là một Hội nghị có tính lịch sử, được sự bảo trợ của Viện Khoa học Môi trường và Sức khỏe Quốc gia (National Institute of Environmental Health Sciences, Mỹ) và Bộ Y tế (Việt Nam). Gần 300 nhà khoa học Việt Nam, và 120 nhà khoa học từ Mỹ, Úc, Canada, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Tân Gia Ba, Thụy Điển, Nga, Lào, Tân Tây Lan, Na Uy, Hàn Quốc, và Đài Loan tham dự Hội nghị.

Mục đích chính của Hội nghị là tạo cơ hội để các nhà khoa học trên thế giới trình bày những kết quả nghiên cứu của mình, và tạo điều kiện để trao đổi ý kiến xung quanh vấn đề ảnh hưởng của dioxin và chất màu da cam trong sức khoẻ con người. Những bệnh mà các nhà khoa học đặc biệt quan tâm là ung thư, dị tật bẩm sinh, và các chứng bệnh liên quan đến hệ thống tái sản sinh.

Tuy nhiên, dù chương trình khoa học là thế, nhưng Hội nghị đã được khai mạc với vài "liều lượng chính trị" nho nhỏ. Chẳng hạn như, lúc đầu Ban tổ chức Mỹ – Việt không muốn cho các kí giả ngoại quốc tham dự, nhưng sau này họ đổi ý và cho kí giả tham dự ngày khai mạc và ngày bế mạc Hội nghị. Bài diễn văn khai mạc Hội nghị của phía Việt Nam mang chút màu sắc chính trị và cảm tính, trong đó người phát biểu nói một cách thẳng thừng rằng Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh hóa học ở Việt Nam, và nhắc lại lời kêu gọi Mỹ phải có trách nhiệm với nạn nhân người Việt Nam. Một nhóm đại diện cho cựu quân nhân Mỹ cũng kêu gọi chính phủ Mỹ phải giúp đỡ nạn nhân của dioxin ở Việt Nam. Tuy nhiên, đại sứ Mỹ ở Hà Nội không đồng ý với nhận xét "chiến tranh hóa học." Ông đại sứ còn tiết lộ một chi tiết quan trọng, rằng khi đồng ý bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, Việt Nam đã đồng ý không đòi bồi thường chiến tranh [7].

## Một vài báo cáo khoa học đáng chú ý

Nhưng Ban tổ chức đã dự trù trước đây là một Hội nghị rất khó và tế nhị. Họ cũng đã tiên đoán rằng những "trục trặc" như thế sẽ xảy ra, nên họ cũng không ngạc nhiên, và theo đuổi chương trình nghị sự khoa học đã định sẵn. Với khoảng trên dưới 100 đề tài lớn nhỏ được đem ra bàn thảo và trao đổi; trong đó người ta thấy có một số phát hiện đáng chú ý như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu của Giáo sư Arnold Schecter, một chuyên viên nghiên cứu về dioxin (thuộc Trường Đại học Texas) cho thấy mức độ tích tụ dioxin trong cư dân thuộc một số vùng như Biên Hòa, Đà Nẵng, Giồng Trôm (Bến Tre), Tân Uyên (Sông Bé), Trà Nóc (Cần Thơ), A Lưới (Huế), v.v. vẫn còn cao hơn trung bình, và có thể nói là ở một mức độ có hại cho sức khoẻ (nồng độ "an toàn" là khoảng 2 ppt). Khoảng 36% đối tượng nghiên cứu có nồng độ dioxin cao hơn 100 ppt. Ông Schecter trình bày một trường hợp đặc biệt là một thanh niên sinh năm 1973 có nồng độ dioxin lên đến 413 ppt!

Thứ hai, một nghiên cứu khác của ông Schecter có liên quan đến cá nhập cảng từ Việt Nam vào Mỹ. Ông thử nghiệm 20 mẫu cá được nhập cảng và bán ở hai bang Texas và California. Kết quả nghiên cứu này cho thấy cá nhập cảng từ Việt Nam có hàm lượng dioxin thấp hơn thực phẩm sản xuất ở Mỹ. Thấp như thế nào? Ông Schecter lấy một ví dụ như sau: chẳng hạn như trong một mẫu cá tra (catfish) được phân tích, hàm lượng tích tụ dioxin chỉ 0.01 phần trong một ngàn tỉ (0.01 parts per trillion, hay 0.01 ppt). Mức độ tích tụ dioxin trong cá tra trên đây quả rất thấp so với thực phẩm Mỹ. Theo một số nghiên cứu được công bố gần đây, trong các thực phẩm bày bán ở Mỹ chứa một hàm lượng dioxin tương đối cao, nhưng chưa hẳn ở mức độ đáng quan tâm. Chẳng hạn như theo một nghiên cứu được công bố vào năm 2001, nồng độ dioxin trong cá nước ngọt là 1.7 ppt; trong kem (ice cream), 0.33 đến 0.51 ppt; trong sữa, 0.16 ppt; trong bơ (butter), 1.1 ppt [8]. Ngoài ra, còn có bằng chứng khoa học cho thấy những thực phẩm như cá tra ("catfish") khi được nấu chín hay đun sôi thì nồng độ PCDD sẽ giảm xuống đến 50% [9].

Thứ ba, nghiên cứu của Giáo sư Lê Quang Bách (Hà Nội) trên 6570 dân cư sinh sống trong các vùng chịu ảnh hưởng chất màu da cam trong thời chiến cho thấy tỉ lệ dị tật bẩm sinh trong thời gian 1975 – 2000 là 2.18 trên 1000 dân số, hay 5.38 trên 1000 trường hợp đẻ sống. Bại não là dị dạng chiếm tỉ lệ cao nhất. Dị dạng thường xảy ra trong những đứa con thứ nhất và thứ hai. Ông Bách kết luận "Loại trừ yếu tố ảnh hưởng đến nguyên nhân gây ra dị dạng bẩm sinh trên người mẹ cũng như yếu tố thời gian sinh sống của người mẹ trong khu vực nghiên cứu, cho phép nhận định

dị dạng bẩm sinh chịu hậu quả lâu dài của chất độc da cam / dioxin".

### Giá trị bằng chứng: nghiên cứu khoa học hay quan sát lâm sàng?

Báo cáo khoa học của Việt Nam về mối liên hệ giữa dioxin và dị tật bẩm sinh cũng như vài bệnh khác đã bị các khoa học gia Mỹ chất vấn. Theo họ (khoa học gia Mỹ), muốn kết luận một mối liên hệ như thế cần phải có nghiên cứu và theo dõi bệnh nhân hàng chục năm, chứ không đơn giản chỉ trình bày vài trường hợp là xong, mà cần phải có những đối chứng (controls) trong nghiên cứu. Theo người viết bài này, người Mỹ có lí do để chất vấn, và phía Việt Nam cũng có lí do để tin tưởng vào những phát biểu của mình. Tôi không rõ những bệnh cụ thể nào được xem là "dị tật bẩm sinh" trong nghiên cứu của Giáo sư Lê Quang Bách, nhưng rõ ràng tỉ lệ 2.18 trên 1000 dân số thì khó mà tin được, vì thông thường tỉ lệ này cao hơn nhiều (ở giữa 2 và 5 phần trăm). Ngay cả trong các bà mẹ người Việt ở California, tỉ lệ dị tật bẩm sinh được ghi nhận vào khoảng 1.92 phần trăm, thấp hơn các bà mẹ người Mễ và Mỹ [10]. Do đó kết quả của phía Việt Nam quả rất đáng chất vấn.

Đối với các nhà nghiên cứu thuần túy, một kết luận nghiên cứu chỉ đáng tin cậy khi nào kết luận nghiên cứu đó được xác nhận bằng một hay nhiều nghiên cứu độc lập khác, và những "phương pháp khoa học" (scientific methods) dùng trong nghiên cứu được xem là thích hợp. Về mặt phương pháp học, rõ ràng các phương pháp nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam còn quá đơn sơ, nếu không muốn nói là không thích hợp, để cho phép một kết luận gì giữa dioxin và dị tật bẩm sinh. Đây là một lĩnh vực mà giới nghiên cứu Việt Nam cần được giúp đỡ trong tương lai.

Phía Việt Nam, các bác sĩ làm việc trực tiếp với chương trình nghiên cứu chất độc màu da cam và dioxin khẳng định [có khi một cách mạnh mẽ] rằng qua quan sát lâm sàng, họ biết rõ những ai là nạn nhân của dioxin. Họ trưng bày một số dữ kiện và trường hợp dị tật bẩm sinh trong cư dân các vùng bị ảnh hưởng nặng chất độc này trong thời chiến. Dù nhận xét của các bác sĩ Việt Nam cần phải được xác định bằng các nghiên cứu, tôi vẫn nghĩ bác bỏ những dữ kiện của Việt Nam trong khi cân nhắc mối liên hệ giữa dioxin và bệnh tật là một điều không công bằng. Nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu chỉ là một vế của phương trình y học, nó không phải là câu trả lời dứt khoát cho mọi vấn đề. Những quan sát lâm sàng cũng đóng một vai trò rất quan trọng, và giá trị của kinh nghiệm lâm sàng không nên gạt bỏ qua. Thực vậy, nhiều khi một nhận xét lâm sàng còn có giá trị hơn cả mười năm nghiên cứu. Trường hợp về tác hại của Thalidomide [11] là một ví dụ hùng hồn về giá trị của quan sát lâm sàng.

### Đối tượng nghiên cứu: con người hay môi trường?

Ngoài các thảo luận, tranh cãi liên quan đến khoa học như trên, người ta cũng có thể ghi nhận một vài khác biệt chính giữa phía Việt Nam và Mỹ về đối tượng nghiên cứu, và ưu tiên trong nghiên cứu. Về đối tượng nghiên cứu, phía Mỹ muốn tập trung và quan tâm đến môi trường; còn phía Việt Nam thì đặt trọng tâm vào sức khỏe người dân. Về đường hướng ưu tiên, phía Mỹ muốn tiến hành những nghiên cứu khoa học, trong khi phía Việt Nam đặt nặng vấn đề giúp đỡ nạn nhân của độc chất.

Sự khác biệt về quan điểm này có thể giải thích được, và thông cảm được. Về phía Mỹ, thành phần chủ đạo trong Ban tổ chức Hội nghị là những nhà nghiên cứu trong Viện nghiên cứu Môi trường Mỹ, do đó không ai ngạc nhiên khi đứng trên góc độ nghề nghiệp, họ muốn tiến hành những nghiên cứu để thẩm định sự tác hại của dioxin đến môi trường ở Việt Nam. Ngược lại, phía Việt Nam, những người nằm trong Ban tổ chức Hội nghị là những bác sĩ thuộc Bộ Y tế, nên họ quan tâm đến sức khỏe dân chúng hơn là môi trường.

Ngoài sự khác biệt về chuyên môn, người ta cũng có thể giải thích quan điểm của người Mỹ về nhu cầu dữ kiện. Trong thời gian trên dưới 30 năm qua, Mỹ đã bỏ ra một ngân sách khá lớn để nghiên cứu tác hại của dioxin trong dân chúng, đặc biệt là trong giới cựu quân nhân từng tham chiến ở Việt Nam. Trong thời gian đó, họ đã thu thập một lượng dữ kiện khá dồi dào. Hiện nay, nhiều chương trình nghiên cứu của họ vẫn còn tiếp tục. Do đó họ không có nhu cầu thu thập thêm dữ kiện về sức khỏe trong người Việt Nam, vì đó không phải là ưu tiên hay mối quan tâm hàng đầu của họ. Ngược lại, họ cần có thêm dữ kiện về dioxin trong môi trường, và Việt Nam là một nơi lí tưởng để thu thập thêm dữ kiện này.

Tuy nhiên, những dữ kiện về mối quan hệ giữa dioxin và bệnh tật trong người Việt Nam vẫn còn

quá ít, nếu không muốn nói là không đáng kể. Trong hầu như tất cả các báo cáo khoa học có liên quan tới dioxin mà người viết bài này từng theo dõi, các nhà khoa học đều đề cập và trông đợi các số liệu đến từ phía Việt Nam. Điều này cũng dễ hiểu, vì đại đa số các nghiên cứu trong thời gian qua về chất độc màu da cam và dioxin đều tập trung vào đối tượng là những người dùng nó trong chiến tranh (tức là quân nhân Mỹ), nhưng một đối tượng đáng lẽ cần và đáng nhận được sự ưu tiên và quan tâm nhiều hơn là những nạn nhân của nó: đồng bào Việt Nam sống ở các vùng bị ảnh hưởng độc chất này. Thực vậy, có thể nói

người viết bài này, quan điểm của Việt Nam về nhu cầu thu thập dữ kiện và nghiên cứu sự ảnh hưởng của dioxin trong sức khoẻ con người là một đường hướng hoàn toàn hợp lí.

### Bồi thường trước hay nghiên cứu trước?

Vấn đề thứ hai mà hai bên còn khác biệt là đường hướng ưu tiên. Phía Việt Nam muốn Mỹ giúp đỡ những người mà họ tin là nạn nhân của dioxin và chất độc màu da cam, trong khi nghiên cứu. Trong khi đó, phía Mỹ thì đặt nặng vào nhu cầu nghiên cứu khoa học hơn là giúp đỡ tài chính trong giai đoạn này. Một bên quả quyết rằng

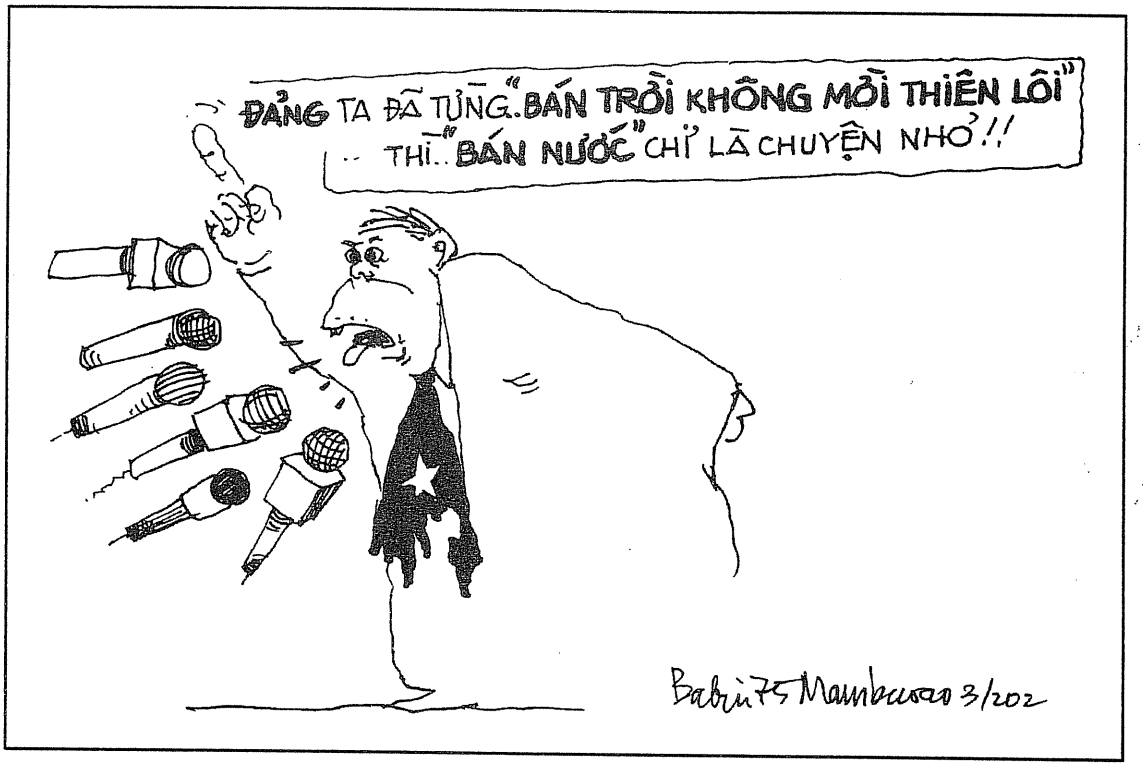


đối tượng lí tưởng cho nghiên cứu tác hại của chất độc màu da cam hay dioxins trong sức khỏe con người phải là đồng bào Việt Nam ở các vùng bị ảnh hưởng độc chất này, vì họ sinh sống trực tiếp với môi trường dioxin. Trong hầu như tất cả các báo cáo khoa học có liên quan tới dioxin mà tôi đã từng theo dõi, các nhà khoa học đều đề cập và trông đợi các số liệu đến từ phía Việt Nam. Thế nhưng cho đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu nào ở Việt Nam liên quan đến tác hại của chất độc màu da cam trong dân cư người Việt được công bố trên các tờ tạp chí y học hàng đầu như *New England Journal of Medicine, Lancet, Annals of Internal Medicine, Journal of the American Medical Association*, v.v. Do đó, theo

nạn nhân cần phải được giúp đỡ; một bên thì đòi hỏi phải có bằng chứng và dữ kiện trước khi thảo luận đến vấn đề tài trợ. Như nói trên, các bác sĩ Việt Nam thì cho rằng họ có lí do lâm sàng để biết ai là nạn nhân và ai không là nạn nhân. Nhưng người Mỹ thì đặt vấn đề cũng chính đáng: làm sao *họ* biết một cách khách quan rằng đó là những nạn nhân của dioxin và chất màu da cam? Một bên dựa vào cảm tính do chứng kiến và tiếp cận với nạn nhân; một bên dựa vào lí trí và khoa học.

Đây là một sự mâu thuẫn mà tôi nghĩ khó có thể phân giải để đi đến một giải pháp tối ưu. Tuy nhiên, người ta có thể thấy được logic của phía Việt Nam như sau:

Thứ nhất, đó là một vấn đề bỏ lỡ cơ hội. Tính đến nay, chất màu da cam và dioxin do Mỹ rải xuống Việt Nam đã qua một thời gian đúng 40 năm, tức là hơn một thế hệ con người. Sau hơn 10 năm, lượng dioxin còn tồn tại trong con người chỉ trên dưới 50%. Nếu kết quả nghiên cứu trong giới cựu quân nhân Mỹ và một vài nơi khác ở Âu châu có thể dùng để khái quát hóa cho tình trạng sức khoẻ của người Việt Nam thì người ta có thể nói rằng đã có nhiều người chết trong thời gian dài đó có ít nhiều liên quan hay chịu ảnh hưởng chất màu da cam. Nói một cách khác, nhiều "đối tượng lí tưởng" nhất, hay nạn nhân của dioxin và chất độc màu da cam khả tín nhất không còn nữa. Những nạn nhân hay đối tượng còn sống ngày nay có thể chỉ là nạn nhân thuộc thế hệ thứ hai.

Thứ hai, vấn đề thời gian. Một nghiên cứu có hệ thống, có ý nghĩa khoa học cao, thì thời gian theo dõi đối tượng phải từ 10 năm đến 20 năm. Chương trình nghiên cứu của Ý kéo dài hơn 20 năm [12]. Chương trình nghiên cứu trong cựu chiến binh Mỹ (chiến dịch Ranch Hand) cũng đã tiến hành hơn 20 năm. Một nghiên cứu từ Việt Nam, nếu được tiến hành ngay bây giờ, thì cũng phải chờ đến khoảng 2020 mới có kết quả để làm bằng chứng khoa học cho giới làm chính trị quyết định. Và đến đó thì nhiều người cũng sẽ qua đời! Nạn nhân ít đi dần. Đối tượng ít đi dần. Và đến khi có dữ kiện để xem xét việc giúp đỡ thì đã quá muộn, nếu không muốn nói là không có ý nghĩa gì nữa.

Giá trị của nghiên cứu không chỉ là thông tin khoa học, hay cống hiến tri thức vào kho tàng tri thức của nhân loại, mà còn là giá trị thực tiễn của thông tin. Nếu những thông tin nghiên cứu sau 20 năm chẳng giúp ích gì cho người dân Việt Nam thì thiết tưởng những nghiên cứu như thế đã mất đi ít nhiều lí tưởng của khoa học. Nhà cầm quyền nắm ngân sách có lí do để đặt vấn đề có nên nghiên cứu hay không, nếu như kết quả không có một viễn ảnh thực tế giúp đỡ người dân.

Mặt khác, người ta cũng không thể phủ nhận cái logic trong sự suy nghĩ của các nhà khoa học Mỹ. Nếu không có thông tin xác tín, thì làm sao biết ai mà giúp đỡ. Đối tượng nào, với bệnh gì, ở đâu, điều kiện ra sao, v.v. cần giúp đỡ? Khó mà trả lời những câu hỏi này một cách khẳng định nếu như không có những nghiên cứu khoa học.

## Nghiên cứu gì?

Việt Nam đã bỏ lỡ một cơ hội tốt quá lâu trong công việc này. Tuy nhiên, chậm trễ còn hơn là không có gì. Do đó, nhu cầu nghiên cứu và thu thập dữ kiện về ảnh hưởng của dioxin và sức khỏe cũng như môi trường ở Việt Nam thật là cấp thiết. Nhưng vấn đề được đặt ra là cần nghiên cứu gì? Tôi xin đề nghị một số đường hướng nghiên cứu cụ thể như sau:

Thứ nhất, *xác định mức độ nghiêm trọng của vấn đề*. Trong bất cứ một vấn đề y học nào, điều quan trọng và cần thiết trước nhất là cần phải biết bao nhiêu người bị ảnh hưởng. Hiện nay, phía Việt Nam thường đưa ra con số 1 triệu người, tuy nhiên, con số này chỉ là một ước tính mà cơ sở khoa học của nó chưa được vững vàng. Vì thế cần phải tiến hành một cuộc nghiên cứu "epidemiology" qui mô ở mức độ dân số để trả lời những câu hỏi sau đây: số người bị ảnh hưởng chất độc màu da cam hay dioxin; thời gian ảnh hưởng đã bao lâu; bao nhiêu thế hệ; ở những vùng nào; và đo lường nồng độ tích tụ dioxin trong từng cá nhân.

Thứ hai, *xác định mối liên hệ giữa dioxins và một số vấn đề sức khoẻ trong người Việt*. Đây là một nhu cầu cực kỳ cấp bách, vì cho đến ngày nay, chưa ai biết rõ dioxin đã ảnh hưởng đến sức khỏe của nạn nhân Việt Nam một cách cụ thể, và đó cũng chính là một nguồn gốc của tranh cãi hiện nay giữa Mỹ và Việt Nam về việc bồi thường hay không bồi thường nạn nhân. Qua theo dõi các nghiên cứu của Mỹ và Ý, người ta thấy có khoảng 20 bệnh có thể liên hệ đến dioxin, và những bệnh này có thể là những đối tác đầu tiên cho một nghiên cứu ở Việt Nam. Tuy nhiên, tôi đề nghị chọn ra một số bệnh "ưu tiên" để tập trung nghiên cứu như sau: dị tật bẩm sinh, các loại ung thư vú (trong phụ nữ), tuyến tiền liệt (đàn ông), hệ thống tiêu hóa, và các bệnh liên quan đến nội tiết như bệnh tiểu đường, bệnh xương, và các bệnh tâm thần.

Thứ ba, *cần phải nghiên cứu tác hại của dioxin trong cấu trúc di truyền của cá nhân*. Đã có một số bằng chứng khoa học gần đây cho thấy dioxin hay TCDD có khả năng làm thay đổi cấu trúc di truyền của con người, do đó, nếu ảnh hưởng của dioxin kéo dài qua nhiều thế hệ thì yếu tố di truyền (genes) nhất định phải đóng một vai trò quan trọng. Vì thế, tôi đề nghị cần phải tập trung nghiên cứu vào những đối tượng gia đình (không chỉ trong những cá nhân không có quan hệ huyết thống), để có thêm dữ kiện cho phân tích di truyền.

Ba hướng nghiên cứu trên đây có thể thực hiện

được, một số với cơ sở vật chất sẵn có ở Việt Nam, và một số có thể cần sự giúp đỡ về kỹ thuật của các nhóm nghiên cứu ngoại quốc. Những nghiên cứu cụ thể theo ba chiều hướng trên đây cần phải được vạch ra để có kế hoạch tiến hành. Có lẽ một trong những điều cần làm ngay là thành lập một ủy ban chuyên nghiên cứu, gồm các nhà khoa học ở trong nước và các chuyên gia người Việt và người ngoại quốc ở các nước như Mỹ, Úc, Canada, Thụy Điển, v.v. Ủy ban này nên có đại diện của giới y tế công cộng, thống kê học, khoa học cơ bản (basic science), công nghệ sinh học, di truyền học, dân số học, v.v..

*

Nói tóm lại, cho đến nay không ai còn nghi ngờ sự độc hại của dioxin trong con người. Nhưng chứng minh sư ảnh hưởng của dioxin trong sức khỏe con người vẫn còn là một thách thức lớn của khoa học. Ngoài một số bệnh ung thư mà giới khoa học đã có đầy đủ bằng chứng để cho rằng dioxin là một nguyên nhân chính, một số bệnh khác vẫn còn trong vòng nghi vấn hay cần thêm bằng chứng. Ở Việt Nam, sự hiện diện của dioxin trong môi trường ở một số vùng và ở một mức độ có hại cho sức khoẻ là một thực tế không ai có thể chối cãi. Nhưng nếu kết quả của các nghiên cứu ở Mỹ và Ý đem vào áp dụng cho tình hình Việt Nam, người ta có thể nói rằng đã có nhiều nạn nhân dioxin đã bỏ mạng, và nhiều người vẫn còn đang sống với ảnh hưởng của độc chất này. Nhưng dữ kiện khoa học cụ thể từ Việt Nam để phát biểu những nhận xét này vẫn còn thiếu. Thực vậy, trường hợp dioxin và sức khoẻ ở Việt Nam là một sự bỏ lỡ cơ hội. Hơn một phần tư thế kỷ sau khi chiến tranh chấm dứt, Việt Nam vẫn chưa tiến hành những nghiên cứu qui mô, có hệ thống để xác định mức độ nghiêm trọng cũng như tác hại của dioxin trong sức khỏe của người Việt Nam.

Vì thiếu dữ kiện khoa học, mối liên hệ giữa dioxin và người Việt Nam cũng như người Mỹ trở nên một vấn đề phức tạp, vì về bản chất nó mang tính khoa học, nhưng chịu ảnh hưởng của cảm tính, và bị nhuộm màu sắc chính trị, ngoại giao. Không thể chỉ dựa vào khoa học hay chỉ dùng cảm tình để thuyết phục giới hữu trách Việt Nam và Mỹ. Dù thiếu dữ kiện khoa học, nhưng kinh nghiệm lâm sàng không thể bỏ qua, và nạn nhân của dioxin ở Việt Nam là một thực tế. Do đó, một mặt chính quyền Việt Nam cần huy động nhân lực và chuyên gia trong cũng như ngoài nước để tiến hành những chương trình nghiên cứu qui mô có hệ thống, một mặt chính quyền Mỹ cũng nên giúp đỡ những nạn nhân người Việt về tình trạng mà họ đã có kinh nghiệm trong giới cựu quân nhân Mỹ trong hơn hai thập niên qua. Những tranh luận bằng chữ nghĩa sẽ không giải quyết được một vấn đề cần hành động thực tế.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

[1] Dioxins là tên gọi chung cho một số hóa chất trong nhóm dibenzodioxin, dibenzofurans, và polychlorinated biphenyls (PCBs). Ở Mỹ, dioxins được định nghĩa là tập hợp của 29 hợp chất gồm 7 chất 2,3,7,8-tetrachlorodibenzo-p-dioxin (hay TCDD, hay *dioxin*), 10 chất furans, và 12 chất PCBs. Ở Âu châu, dioxins là tập hợp của 210 hóa chất, trong số này, 17 chất, kể cả TCDD, được xem là độc hại nhất. Gần đây, Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu Ung thư (International Agency for Research on Cancer, hay còn gọi là IARC) xếp dioxin vào loại độc chất số 1 gây ra ung thư. Xem báo cáo *"Polychlorinated dibenzo-para-dioxin and polychlorinated dibenzoforans,"* IARC monographs on the carcinogenic risks to humans, Vol. 69, Lyon, France. International Agency for Research on Cancer, 1997.

Dioxins hiện diện trong môi trường, chủ yếu là từ những phó sản của các hãng xưởng kỹ nghệ. Người ta tìm thấy những nơi gần những hãng sản xuất hóa chất, lò đốt rác, lò đốt dụng cụ y khoa thường có nồng độ dioxins cao hơn những vùng không có những hãng này. Một khi dioxins đã thải vào không khí, chúng có thể bay đi khá xa, và qua nhiều ngày tích tụ thành cặn bã ở trên mặt và trong lòng đất, và nước. Những cặn bã này có khi trở thành thức ăn của lợn, bò, cá, v.v., và từ đó, dioxins được "di chuyển" vào cơ thể con người, khi chúng ta tiêu thụ thịt động vật và cá. Theo ước tính của một số nghiên cứu gần đây, khoảng 80% đến 95% dioxins trong con người xuất phát từ thực phẩm, nhất là những thực phẩm có chất béo cao như mỡ, bơ, sữa. Một khi xâm nhập vào cơ thể con người, dioxins tồn tại khá lâu, có khi trên 10 năm (Xem báo cáo khoa học của J.L. Prikle và đồng nghiệp tựa đề "Estimates of the half-life of 2,3,7,8-tetrachlorodibenzo-p-dioxin in Vietnam Veterans of Occupation Ranch Hand," Tập san *Journal of Toxicology Environmental Health;* năm 1989, *số* 27, trang 165-71; Báo cáo khoa học của W.H. Wolfe và đồng nghiệp tựa đề "Determinants of TCDD half-life in veterans of Operation Ranch Hand," Tập san *Journal of Toxicology Environmental Health;* năm 1994, *số* 41, trang 481-8).

[2] Theo tài liệu Record, 4th SECDEF Conference, HQ CINCPAC, March 21, 1962. Trích từ "Operation Ranch Hand: Herbicides in Southeast Asia 1961-1971" của Tiến sĩ William A. Buckingham, Jnr.

[3] Xem bài xã luận "New IOM Report links Agent Orange exposure to risk of birth defect in Vietnam Vets' children," do Tiến sĩ Joan Stephenson viết trong Tạp san *Journal of the American Medical Association* (JAMA), số 275, ra

ngày 10 tháng Tư 1996, trang 1066-1067.

[4] Xem bài xã luận "Agent Orange: exposure and policy," do Tiến sĩ Michael Gough viết trong Tập san *American Journal of Public Health*, năm 1991; số 81: trang 289-290.

[5] Theo báo cáo của Công ty Tư vấn Hatfield (Canada), #201-1571 Bellevue Avenue, West Vancouver, BC V7V 1A6, Canada.

[6] Xem báo cáo khoa học "Veterans and Agent Orange: Update 2000" do Institute of Medicine, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ.

[7] Xem báo cáo khoa học "Intake of dioxins and related compounds from food in the U.S. population," [Tập san] *Journal of Toxicology and Environmental Health* A, năm 2001, Bộ 11, trang 1-18.

[8] Xem báo cáo khoa học "A comparison of dioxins, dibenzofurans and coplanar PCBs in uncooked and broiled ground beef, catfish and bacon," Tập san *Chemosphere,* năm 1998, số Tháng 10-11, trang 1723-1730.

[9] Nguyên văn phát biểu của Tòa Đại sứ Mỹ tại Hà Nội, theo bản tin của Reuters (của kí giả David Brunnstrom) ngày 4 tháng 3, 2002: "*U.S. Vietnam relations were normalized in 1995 after Vietnam dropped claims war reparation / compensation.*"

[10] Xem báo cáo khoa học "Congenital malformations in offsprings of Vietnamese women in California 1985 – 1997", do G. W. Shaw và đồng nghiệp công bố trên Tập san *Teratology,* năm 2002, số 65, trang 121-124.

[11] Thalidomide là một loại thuốc trước đây dùng làm dịu trong những phụ nữ mang thai. Trong thập niên 1960s, Bác sĩ William McBride (Úc) qua quan sát vài trường hợp trong bệnh nhân của ông đã khám phá rằng trong khi mang thai trong ba tháng đầu tiên, thuốc có thể gây ra dị thai. Phát hiện này làm rúng động thế giới y khoa một thời, vì thuốc này được dùng rất rộng rãi trước đó. Trong trường hợp này, người ta không cần phải có bằng chứng nghiên cứu mới cấm việc dùng thuốc Thalidomide. Do đó, lập tức sau phát hiện của Bác sĩ McBride, thuốc này bị cấm dùng trong các phụ nữ đang mang thai.

[12] Vào tháng Bảy, năm 1976, một hãng sản xuất thuốc diệt cỏ 2,4,5-trichlorophenol (TCP) tại vùng Seveso (Ý) bị cháy, nổ tung, và thải ra môi trường chung quanh khoảng 30 kí lô dioxin. Chính quyền địa phương và các nhà chức trách y tế Ý nghi ngờ là dân cư sống trong vùng có thể bị nhiễm độc chất dioxin. Do đó, kể từ năm 1977, Chính phủ Ý đã thành lập một nhóm nghiên cứu gồm các nhà khoa học và bác sĩ chuyên nghiên cứu về tác hại của dioxin trong sức khỏe của dân cư trong vùng Seveso và phụ cận. Có thể xem bài "Health effects of dioxin exposure: a 20-year mortality study" do Pier A. Bertazzi và đồng nghiệp công bố trên Tập san *American Journal of Epidemiology*, năm 2001; số 153, trang 1031-44; và bài "Paternal concentration of dixin and sex ratio of offspring", do Giáo sư Paolo Mocarelli và đồng nghiệp công bố trên tạp chí y khoa *Lancet*, số 355, ra ngày 27 tháng 5, 2000, trang 1858-1863.


# Thân Chúc

*Hai văn hữu*

## Nguyễn Đức Tường - Bùi Bích Hà

Mãi mãi vui vầy trong một

*Hạnh Phúc Có Thật*

Nguyễn Mộng Giác, Vũ Đình Minh, Nguyễn Xuân Hoàng, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Quý Toàn, Phạm Phú Minh, Trần Mộng Tú, Trần Huỳnh Châu-Liên Hương,
Hoàng Mai Đạt-Minh Thủy, Quỳnh Giao, Phan Mỹ Sương

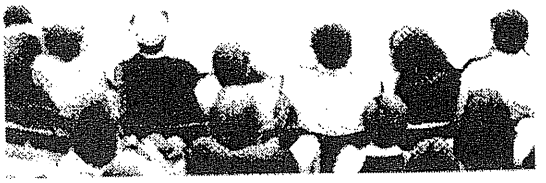

# NẶNG CÂN HẠI SỨC KHỎE HƠN HÚT THUỐC LÁ

THANH THẢO

Cuối tuần rồi phải chở con gái đi mua sắm vài thứ tại một tiệm bán lẻ, Thanh Thảo và con chú ý thấy hai người lái xe tranh nhau một chỗ đậu xe gần cửa tiệm. Trong khi gần cuối bãi đậu còn hàng chục chỗ trống, hai người này nhất định bấm còi, không nhường nhau. Dĩ nhiên, người bị giành mất chỗ đậu tỏ vẻ khó chịu, chạy vòng đi... đợi ở một chỗ khác cũng cần cửa tiệm. Điều này có thể hiểu là người ta thường tránh hoạt động (dù hoạt động đó rất nhẹ như đi bộ) một cách tối đa hay không?

Câu trả lời có thể đúng một phần. Phúc trình của liên bang cho thấy số người Mỹ nặng cân quá khổ tăng gần gấp đôi trong thập niên 1990s. Từ khoảng 12% người nặng cân năm 1990, năm 1998 tỉ lệ người nặng cân đã lên đến 23%. Vấn đề ở đây một phần lớn là người Mỹ ít hoạt động quá. Máy truyền hình, trò chơi điện tử, máy điện toán và những công việc tạo thói quen ngồi một chỗ lâu đã góp phần không nhỏ vào việc nâng thể trọng của người dân Mỹ nói chung.

Thống kê của hội Y Khoa Hoa Kỳ mới nhất cho thấy 34% người Mỹ tuổi từ 20 đến 74 bị nặng cân quá mức trung bình. 27% khác bị bệnh béo phì. Như vậy tổng cộng trên 61% người Mỹ nặng hơn thể trọng căn bản được hội Y Khoa Hoa Kỳ đề nghị.

Nặng cân quá khổ không những khiến người ta cảm thấy ít hăng hái làm việc hơn, tinh thần mất tự tin hơn, khó phục sức cho đẹp hơn, mà còn làm tăng chi phí y tế hàng năm rõ rệt.

Trong khi nhiều cuộc nghiên cứu vào chi phí điều trị những căn bệnh do hút thuốc lá và nghiện rượu gây ra trở thành đề tài sôi nổi, ít người chú ý đến chi phí do bệnh mập gây ra. Chi phí điều trị những căn bệnh liên quan đến thể trọng quá khổ được kể là cao hơn hai chứng nghiện trên nhiều.

Ông Roland Sturm, tác giả cuộc nghiên cứu về tương quan giữa các chứng "bệnh" nghiện và chi phí y khoa tại trung tâm UCLA/RAND Managed Care Center for Psychiatric Disorders thuộc Santa Monica, California đã cho biết kết quả cụ thể trên tạp chí Y khoa Health Affairs.

Chuyên gia nghiên cứu Roland Sturm cho biết những trở ngại sức khỏe do nặng cân quá khổ gây ra bao gồm nhiều chứng bệnh nan y. Chẳng hạn bệnh tiểu đường (diabetes), bệnh thấp khớp (arthritis), nhiều chứng bệnh tim, bệnh chấn động não, và nhiều loại bệnh ung thư.

Những thứ bệnh này làm tăng chi phí y tế của người nặng cân quá khổ lên từ 36% đến 77%. Trong khi đó, chi phí y tế do nghiện thuốc lá chỉ tăng từ 2% đến 28% và nghiện rượu tăng còn ít hơn nghiện thuốc lá.

Ông Sturm cho rằng trong những chứng bệnh nan y liên quan đến mập quá khổ, chi phí điều trị bệnh bệnh tiểu đường đáng lo ngại nhất. Ông nêu lý do bệnh tiểu đường thường gây biến chứng làm hại đến những cơ phận khác của cơ thể như hoại thận, bệnh mù, bệnh về hệ tuần hoàn nhiều khi dẫn đến việc phải cắt bỏ tứ chi.

Ông Sturm nhấn mạnh thói quen sinh hoạt của người Mỹ hiện không đủ lành mạnh. Ngồi (hoặc nằm) xem ti vi hàng giờ mỗi ngày, dùng xe hơi làm phương tiện chính để đi bất cứ đâu, tránh đi bộ đến mức tối đa, và không chịu tập thể dục là những lý do chính lâu ngày tạo thành hậu quả đa số người Mỹ mập quá khổ như hiện nay.

Người được kể là nặng cân quá khổ có tỉ lệ khác biệt giữa chiều cao và cân nặng trên 30 điểm. Thí dụ điển hình là người cao 5 feet 8 với thể trọng từ 197 pounds trở lên.

Kết quả cuộc nghiên cứu kể trên dựa vào phần thăm dò trên 10,000 người Mỹ trưởng thành năm 1998. Nhiều chuyên gia y khoa Mỹ lo ngại với đà tăng trưởng hiện nay, trong vòng 50 năm sắp tới số bệnh nhân mắc bệnh tiểu đường tại Mỹ sẽ tăng gấp đôi.

Tính thành tiền, chi phí y tế của những người nặng cân quá khổ tăng $395 Mỹ kim hàng năm, so với chi phí y tế tăng $230 của người nghiện thuốc lá, và khoảng $150 Mỹ kim của người nghiện rượu nặng. Nhờ vào thuế đánh trên thuốc lá tăng rõ rệt, nhiều người đã cai thuốc. Tuy nhiên, hiện nay chưa ai tìm

được cách khuyến khích giảm cân hữu hiệu cho người Mỹ.

Điều chắc chắn là những người bị mập quá khổ phải tự cảm thấy muốn thay đổi sinh hoạt vì sức khỏe của chính mình.

Muốn vậy, chúng ta cần bắt đầu bằng những thói quen nhỏ hàng ngày. Việc đậu xe cuối bãi có thể là bước thứ nhất.

Tập giảm bớt những loại thức ăn mua tại các tiệm bán lẹ như McDonald... là bước kế tiếp.

Dành thời giờ đi bộ ít nhất nửa tiếng mỗi ngày hoặc tập thể dục là một trong những cách khác giúp chúng ta tăng hoạt động.

Một khi nhìn thấy ảnh hưởng bất lợi trên chi phí y tế, hy vọng nhiều người nặng cân quá khổ sẽ tự chọn cách giảm cân vì nhận thức được nguy hại cụ thể của chứng "bệnh" này.

# MUA HÀNG TRÊN INTERNET COI CHỪNG BỊ LỪA

THANH THẢO

Nhân dịp đi tìm mua vài món quà bằng sứ nhỏ mừng sinh nhật người bạn, Thanh Thảo đã ngạc nhiên thấy tiệm bán quà lưu niệm Hallmark quen thuộc độ này bày bán ít hàng. Hỏi người bán, Thanh Thảo được trả lời thương vụ này hiện bị giảm nhiều vì người mua đa số chọn đặt mua hàng trên mạng internet.

Tuy không chuộng cách mua hàng mà không được cầm món hàng lên ngắm nghía, nâng niu, Thanh Thảo cũng muốn thử tìm hiểu xem tại sao người ta lại chọn cách mua hàng này. Ai lại không muốn trở thành một người trong khối "đa số" phải không?

Không ngờ vừa lên địa điểm eBay, Thanh Thảo đọc được ngay một tin sốt dẻo. Một người chủ công ty chuyên bán những con thú, hay tượng hình bằng sứ, vừa đánh lừa hàng trăm người mua mấy trăm ngàn Mỹ kim cách đây một tháng.

Báo *Wall Street Journal* đã tường thuật vụ lừa gạt được kể là lớn nhất trên địa điểm eBay này hôm 22 tháng Hai, 2002.

Cửa hàng trên mạng điện toán eBay của ông Stewart Richardson có một lợi điểm hơn những nơi khác. Thay vì bán hàng từ nhà riêng, ông Richardson có cửa tiệm bán quà cáp tại khu ngoại ô Detroit, Michigan mang tên Retired Figurine Exchange Inc. từ nhiều năm nay.

Năm 1997, ông bắt đầu mở dịch vụ mua đấu giá tượng quí trên mạng điện toán eBay. Ông bán đủ loại tượng hình được người sưu tập ưa chuộng. Nhiều tượng của Lladrós, của Hummels và Swarovskis được người mua khen ngợi là đẹp và rẻ.

Ông bán cả những tượng hiếm loại tí hon mang tên The Wee Forest Folks do nữ họa sĩ điêu khắc Annette Petersen, cư dân Massachusetts sáng tác. Đây là mặt hàng chỉ mới xuất hiện khoảng 25 năm, nhưng được giới sưu tập tượng tí hon rất chuộng vì hiếm.

Tượng của The Wee Forest Folks là những chú chuột đồng, chuột nhũi trang phục ngộ nghĩnh nhiều lối khác nhau. Loại tượng này có những tên đặt khá kêu dựa theo tựa những bài hát đồng quê chẳng hạn "Stand By Your Mole," dựa theo bài "Stand By Your Man"... Giá bán mỗi bộ tượng chuột sứ từ $100 Mỹ kim lên đến $700 Mỹ kim. Người sưu tập ham mua vì giá trị của những tượng quí này thường tăng theo nhu cầu và thời gian.

Muốn trở thành người bán hàng có uy tín trên eBay người bán phải chứng tỏ quá trình. eBay có dịch vụ đăng những lời khen, chê của khách hàng về một dịch vụ nào trên địa điểm thông tin eBay nhằm giúp người mua biết chút ít về người bán.

Ngược lại, eBay cũng đăng lời khen hay chê thời gian thanh toán hóa đơn mua hàng của những người bán về một nhà sưu tập nào đó để những dịch vụ khác biết cách đề phòng. Nhưng theo nhân viên cơ quan điều tra liên bang (FBI), những kẻ gian có nhiều cách nhờ đăng lời khen giả hoặc làm người mua "cò mồi" đấu giá, nâng cao giá mua món hàng.

Dịch vụ mua bán của ông Stewart Richardson nhận được đến 6,185 thư điện toán khen ngợi từ năm 1997 cho đến giữa tháng Giêng năm nay. Ông cũng nhận được 58 thư chỉ trích, và 56 thư đánh giá trung bình từ khách hàng.

Với những con số kể trên, tỉ lệ khách hàng hài lòng với dịch vụ mua bán của ông Richardson là 98%. Vậy thì người sưu tập tin tưởng ông, mua đấu giá dịp Lễ cuối năm vừa qua đâu có gì lạ. Theo các nhân viên điều tra liên bang, đây chính là lý do ông Richardson chọn dịp này để đánh lừa khách hàng.

Dịp Lễ Giáng Sinh vừa qua, "cửa hàng" Retired Figurine Exchange, Inc. trên eBay của ông Richardson liệt kê cuộc đấu giá trên 150 tượng sứ hiếm hiệu The Wee Forest Folks. Nói với khách hàng rằng mình may mắn

được đại diện một vụ bán tháo di sản, ông Richardson yêu cầu khách hàng đấu giá trúng hãy gửi ngay tiền về tiệm ông trong vòng 10 ngày. Ngoài cách nhận tiền bằng cashier checks, ông cũng nhận trả bằng thẻ tín dụng để kịp thời hạn.

Ông nói nếu không nhận được tiền trong thời hạn 10 ngày đó, ông sẽ bị buộc phải bán cho người đấu giá cao hạng nhì, hay hạng ba vì cần thanh toán cho chủ nhân.

Trong vòng vài tuần lễ từ đầu tháng Mười Hai 2001 cho đến giữa tháng Giêng 2002 ông thu được từ $225,000 cho đến $400,000. Cơ quan FBI cho biết ông Richardson thu được nhiều tiền vì bán một món hàng hai, ba lần cho hai, ba người đấu giá, viện lý do người đấu giá trúng không có tiền trả cho món hàng.

Trưa ngày 17 tháng Giêng 2002, ông Richardson nói với nhân viên rằng ông đi ăn trưa, rồi biệt tăm từ đó.

Nhân viên và ngay cả vợ ông Richardson không ai ngờ ông bỏ trốn mang theo tiền của tiệm và của khách hàng. Bà vợ ông cho biết ông đã rút khoảng $220,000 từ trong ngân quỹ của tiệm trước khi bỏ đi. Bà không rõ ông gửi phần tiền còn lại trong ngân hàng nào. Hiện nay bà Richardson đã nộp đơn ly dị, đổi họ và sắp phải khai phá sản. Còn số phận những khách hàng lỡ trả tiền?

Theo phát ngôn viên eBay, những người trả tiền trước bằng thẻ tín dụng có nhiều cơ hội không bị mất tiền. Những người trả bằng cashier checks chắc chỉ còn đòi bằng cách "bắc thang lên hỏi ông Trời..." vì eBay chỉ bồi thường mỗi vụ mua bán đấu giá tối đa $175 Mỹ kim.

Công ty eBay, bản doanh tại San Jose, California cho biết với thương vụ năm ngoái khoảng $749 triệu Mỹ kim, việc lừa gạt là điều không thể tránh dù tỉ lệ những trường hợp bị lừa gạt chỉ chiếm khoảng 0.01%.

Lợi tức của eBay đa số từ huê hồng tính trên tổng số tiền các công ty đấu giá bán được. Công ty có trên 20 điều tra viên riêng và hiện đã tăng cường biện pháp đề phòng trường hợp lừa gạt tương tự. eBay đã đóng ngân quỹ của công ty Retired Figurine Exchange, Inc. và đăng tải hàng trăm lời chỉ trích, báo động của khách hàng về công ty này.

Không biết quí vị nghĩ sao chứ riêng Thanh Thảo chắc sẽ không mua hàng trên eBay. Nhất là loại hàng có giá trị tinh thần như quà cáp chẳng hạn.

Lý do thứ nhất, kỹ thuật tân tiến của nhu liệu điện toán có thể thay đổi, làm đẹp thêm nhiều chi tiết trên hình chụp của món hàng khiến mình mua lầm.

Lý do thứ hai là đôi khi mua quà cho người thân mình cũng muốn được cầm, ngắm nghía món quà, bỏ chút giờ suy nghĩ về ý thích của người nhận.

Sau hết là theo các cụ Việt Nam xưa nay thường dạy để khỏi ân hận khi mua hàng, cứ "tiền trao, cháo múc" cho được việc! Chắc qúi vị đồng ý cẩn thận vẫn hơn.

# ĐOẠN KẾT CỦA MỘT THẢM KỊCH

## TRẦN QUÁN NIỆM

### Hùm dữ không ăn thịt con

Câu ngạn ngữ Việt Nam nói trên dựa vào kinh nghiệm quan sát trong thiên nhiên, là muôn

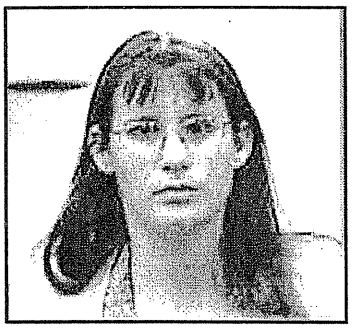

Andrea Yates

loài sinh vật đều được tạo hoá ban cho tình mẫu tử thiêng liêng để bảo tồn nòi giống. Người mẹ bị thôi thúc bởi một bản năng thầm kín, bảo vệ và nuôi dưỡng con cái, không quản ngại hy sinh, khổ nhọc, "chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo phần con" (kinh Vu Lan). Như vậy một người đàn bà lần lượt nhận chìm năm con trong bồn nước tắm, ắt phải là một người điên loạn chứ còn gì nữa.

### Ấy thế mà không.

Tháng 3 năm 2002, vụ xử Andrea Yates kéo dài ròng rã trên bốn tuần, gây chú ý của dư luận toàn nước Mỹ cũng như thế giới. Luật sư biện hộ nêu lý do bà ta điên loạn để xin tòa tha bổng. Công tố viện bác bỏ luận điệu này, đề nghị tòa xử phạt tối đa với tội danh sát nhân. Sau khi xem hình ảnh, nghe khẩu cung của nhân chứng và lý luận của hai phe luật sư, bồi thẩm đoàn chỉ luận tội vỏn vẹn trong vòng ba giờ rưỡi để đi đến quyết định với đa số tuyệt đối là Andrea không điên và phạm tội cố sát.

### Quay lại khúc phim dĩ vãng

Tại Houston tiểu bang Texas, một ngày hạ tuần tháng 6, 2001 Andrea Yates tiễn chồng rời nhà đi làm như thường lệ. Lúc đó là 9 giờ sáng. Khoảng 10 giờ, mẹ chồng Andrea sẽ đến phụ với

bà ta coi chừng đám trẻ con. Hai vợ chồng Yates có 4 trai và một gái út. Mary 6 tháng, Luke 2 tuổi, Paul, 3, John 5 và Noah 7 tuổi. Khi anh Rusty đi khỏi, Andrea vào phòng tắm mở vòi nước cho đầy bồn. Luke là đứa bé đầu tiên bị Andrea nhận chìm xuống nước. Khi chắc chắn đứa bé đã chết vì ngộp thở, bà bế nó vào phòng ngủ, đặt lên giường và lấy mền đắp lại. Rồi đến Paul và sau là John. Bé gái Mary là đứa thứ tư. Trong khi Andrea đang loay hoay với nó, Noah bắt gặp. Nó hỏi "Mary làm sao vậy mẹ?" Có lẽ nét mặt mẹ nó có một vẻ dễ sợ ghê gớm, và linh cảm được điều bất lành, Noah vùng chạy. Bà mẹ đuổi theo, bắt được Noah, lôi vào phòng tắm và ấn xuống nước bên cạnh thi hài em nó. Một đứa bé trai bảy tuổi khoẻ mạnh, lại thêm hoảng sợ, cố gắng vùng vẫy để thoát chết vì ngộp nước, chắc chắn sức chống cự rất dữ dội. Thế mà Andrea như có một sức mạnh "ma quỉ" nào đó, đã kiềm chế được nó. Bà ta bế Mary vào phòng ngủ và đặt cạnh ba đứa kia. Riêng Noah chắc nặng nhất và Andrea đã thấm mệt, nên bà ta để mặc cái xác bất động trong bồn tắm.

Andrea xuống nhà gọi điện thoại cho Cảnh Sát và cho chồng.

Trong giọng nói của người vợ phải có một âm hưởng lạ lùng lắm khiến Rusty lo lắng: "Có gì bất thường không em?" "Anh cần về nhà ngay." Rusty càng hoảng thêm: "Bộ có ai bị gì hả?" Andrea nói: "Ừ." "Ai vậy?" "Tất cả bọn nhỏ."

Nghe xong Rusty muốn rụng rời, tim như ngừng đập. Anh vội vã ra về.

Nhưng cảnh sát viên Frank Stumpo đến trước. Bước vào nhà, ông thấy Andrea ngồi bình tĩnh tại ghế sopha, hai tay đặt trên đùi. Ông nhìn qua cánh cửa phòng ngủ khép hờ và thấy một cái đầu trẻ nhỏ lú ra khỏi mép chiếc mền. Thoạt đầu ông tưởng là đầu búp bê. Ông lật mền và chứng kiến một cảnh tượng hãi hùng. Bốn đứa nhỏ nằm bất động bên nhau. Tóc và quần áo ướt nhẹp. Ông sờ thử, thân thể chúng còn ấm. Trong phòng tắm, chiếc rổ đựng quần áo dơ lật úp, quần áo văng trên sàn. Tấm thảm lót chân bị xô lệch. Nước tung toé khắp nơi. Noah nổi sấp mặt trong nước, lặng lờ.

Dưới nhà, Andrea vẫn ngồi yên lặng nơi phòng khách. "Bà có biết việc bà vừa làm không?" Andrea trả lời "Tôi biết, tôi giết các con tôi."

Vừa lúc đó ở ngoài có tiếng la hét của người chồng. Cảnh sát ngăn không cho anh vào nhà. Nhưng Rusty vùng ra được, chạy vòng về cửa sau. Anh nhìn qua khe màn cửa sổ. Trong một giây, anh gặp ánh mắt Andrea. Rusty quị xuống, đấm mạnh vào thành cửa sổ: "Andrea, sao em có thể làm như vậy chứ? Làm sao em có thể làm việc này?"

### Phiền muộn hậu sản

Ngay sau khi sanh đứa con thứ tư, Andrea đã bị chứng "phiền muộn hậu sản" (postpartum). Như tên gọi đây là một triệu chứng tinh thần suy sụp sau khi người đàn bà sinh nở. Đặc tính của căn bệnh là sự lo lắng dai dẳng, bất an, tuyệt vọng và mặc cảm phạm tội đi kèm với mất ngủ, xuống tinh thần và đôi khi có những ý nghĩ hoang tưởng là tự hủy mình hay giết đứa bé sơ sinh. Giới y khoa cho hay khoảng 5% đến 20% những bà mẹ vừa sanh có triệu chứng "phiền muộn hậu sản." Khoảng một phần ngàn người có triệu chứng trầm trọng hơn như trường hợp của Andrea. Những người sau này có ảo giác, bất thường, sợ sệt, muốn tự tử. Khoảng năm 1980, giới y khoa xác định được nguyên nhân bệnh. Đó là lúc mang thai lượng hoá chất estrogen và progesterone trong cơ thể người mẹ lên rất cao, sau khi lâm bồn, lượng hoá chất này tuột xuống ở mức chưa có mang. Sự thay đổi đột ngột khiến cơ thể mất thăng bằng tạo nên bệnh. Ngoài ra những ưu tư khác như đời sống hôn phối không hòa thuận, mất ngủ hoặc các suy yếu tâm thần đã có sẵn từ trước làm "phiền muộn hậu sản" thêm trầm trọng.

Thông thường sau một thời gian hoặc tự nó hoặc do sự trợ giúp của thuốc an thần, chứng "phiền muộn hậu sản" nhạt dần và người mẹ trở lại trạng thái bình thường. Nhưng không phải trường hợp của Andrea. Đã có lần bà uống thuốc ngủ quá liều để tự tử (tháng 6 năm 1999) cũng như có ý định giết các con. Bà được bác sĩ chẩn bệnh và cho uống thuốc cũng như khuyên không nên có thai nữa. Nhưng Andrea có thai bé gái Mary. Sau khi sinh, căn bệnh trở lại, lần này nặng hơn nhiều, thuốc an thần không hoạt động hiệu quả như trước. Và thảm hoạ đã xẩy ra cho năm đứa nhỏ vô tội, xinh đẹp như thiên thần.

### Động lực nội tại

Thông thường người có khuynh hướng phạm pháp là mẫu người cô độc, không bạn bè, không có khả năng hòa hợp với đám đông, lầm lỳ. Nhưng Andrea thì trái ngược hẳn. Từ ngày còn niên thiếu, Andrea là một thiếu nữ hiếu thảo và gương mẫu, yêu đời, thích làm vui lòng mọi người. Trong năm anh chị em, Andrea là người ngoan ngoãn và hy sinh nhiều nhất. Cô

tận tụy săn sóc ông bố bị bệnh lẫn, tắm rửa thay quần áo cho ông. Cô học giỏi, đậu thủ khoa Trung Học. Trưởng thành, Andrea lấy Rusty, cũng là một học sinh gương mẫu. Hàng xóm thấy lúc nào Andrea cũng mang bầu thè lè, bận rộn với đàn con trai nghịch ngợm. Hai vợ chồng không gửi con đến trường công mà tự dạy chúng tại nhà. Anh làm cho cơ quan không gian NASA, chị là y tá nhưng nghỉ việc, ở nhà nuôi con. Andrea rất thương các con. Bận rộn săn sóc cha già hàng ngày trong 7, 8 năm liền và chăm đàn con, Andrea hầu như không có thì giờ nghỉ ngơi và cho riêng mình. Tuy thế mỗi khi hàng xóm có việc nhờ, bà sẵn sàng giúp ngay.

Bệnh "phiền muộn hậu sản" đã thay đổi hoàn toàn cá tính của Andrea. Thuốc an thần cực mạnh Haldol không giúp được bao nhiêu. Có lẽ chính vì vậy mà bà ta cảm thấy không hoàn tất được nhiệm vụ người vợ và người mẹ trước người chồng ưa chỉ huy, đòi hỏi. Andrea cho hay đã nhiều lần manh nha ý định giết con. Trong thế giới ảo giác tạo ra do căn bệnh, bà tin rằng bà không phải là bà mẹ tốt, làm các con bà phải khổ. Giết chúng chính là trả lại tự do cho chúng và chết lúc còn nhỏ, chúng chưa tạo nhiều tội lỗi, dễ được lên thiên đàng.

### Ai điên? Ai tỉnh?

Để biện hộ, luật sư của Andrea viện dẫn lý do điên loạn. Đây là một chiến thuật mà tỷ lệ thành công rất nhỏ (chỉ một phần mười). Nhưng luật sư không còn chọn lựa nào khác. Theo luật định, luật sư phải chứng minh được là thân chủ của ông không phân biệt đâu là phải đâu là trái khi hành động giết năm con. Không ai phủ nhận là Andrea bị bệnh tâm thần, nhưng bồi thẩm đoàn không dễ dàng bị thuyết phục là Andrea không phân biệt được phải trái. Kết quả chỉ sau ba giờ rưỡi luận tội, bản án được quyết định.

Tuy nhiên thay vì bị tử hình, Andrea nhận lãnh hai bản án chung thân, với điều kiện có thể được cứu xét trả lại tự do sau 40 năm. Lúc đó Andrea đã thành bà cụ già 77 tuổi.

Không có kẻ thắng người thua trong vụ án này. Chỉ có năm đứa nhỏ phải thác oan. Rusty lúc nào cũng chứng tỏ anh là một người chồng độ lượng, gương mẫu. Ngay từ đầu, anh không hề kết án hoặc nói lời cay đắng. Anh bênh vực: "Vợ tôi bị bệnh. Đáng lẽ nàng không phải bị xét xử. Tôi chưa thấy người đàn bà nào hiền thục như nàng. Các con chúng tôi phải hiểu và thông cảm cho mẹ nó."

### Ngược dòng lịch sử

Như đã nói tình mẫu tử là bản năng thiên nhiên của muôn loài sinh vật. Loài vật hạ đẳng hơn, hoàn toàn sống theo bản năng nên không có tình trạng mẹ giết con. Loài người là loài vật "tối linh" thượng đẳng, trí huệ và tâm linh phát triển cực kỳ phong phú và phức tạp, đôi khi chi phối và lấn áp bản năng. Tuy việc "sát nhi" rất hiếm, nhưng ngược giòng lịch sử, không phải là không có.

- Các nhà khảo cổ khám phá bằng chứng từ 1600 năm trước Tây Lịch. (T.L) các giống người cổ đã giết trẻ em để dâng cúng thần linh.

- 431 năm trước T.L thần thoại Hy Lạp ghi lại chuyện bà mẹ giết con vì ghen với chồng đã ngoại tình.

- 64 năm trước T.L hoàng đế Herod the Great đã giết ba con vì sợ chúng cướp ngôi sau này. Sau đó ông ra lệnh tàn sát tất cả trẻ sơ sinh trong thành phố Bethlehem.

- 315 năm sau T.L dân nghèo xứ La Mã vứt con ra đường cho chết vì không nuôi nổi, khiến hoàng đế Constantine phải lấy công quĩ để nuôi trẻ em nghèo.

- Năm 700 Võ hậu, khi còn là cung phi, đã bóp cổ con bà đến chết rồi vu oan cho bà hoàng hậu. Sau này Võ hậu lên ngôi vua cai trị xứ Trung Hoa.

- Năm 1188 tại Pháp dân chúng có tục lệ giết chết trẻ em sinh ra do chửa hoang.

- Năm 1646 Tối Cao Pháp Viện tiểu bang Massachusets ban hành luật cho phép xử tử các đứa con ngỗ nghịch không nghe lời cha mẹ.

- Năm 1720 vua xứ Phổ ra lệnh bà mẹ giết con sẽ bị bỏ vào bao, khâu lại và vứt xuống sông.

- Năm 1922 Anh quốc ra luật xử tội nhẹ những người mẹ giết con khi đứa trẻ chưa đầy một tuổi.

- 1979 Trung Cộng ban hành lệnh giới hạn nạn nhân mãn bằng cách cho phép mỗi gia đình chỉ được quyền đẻ một con. Những đứa khác, cũng như con gái, khi sinh ra, bị vứt xuống sông.

- 1994 tại tiểu bang South Carolina, Susan Smith lái xe xuống hồ cho hai con trai chết chìm.

- Cách đây mấy năm vài nữ sinh viên trẻ đẹp sau khi du dương với bạn trai, lỡ có con, khi sinh xong đem liệng thùng rác.

- Năm 2002, ngoài Andrea vừa lãnh án tù, còn có tám nữ tử tội chờ bị xử tử vì tội giết con, trong đó có hai người tại tiểu bang Texas.

- Hàng ngày có biết bao nhiêu thai nhi bị liệng vào thùng rác của những y viện phá thai

Trong đời sống thời đại mới, có nhiều chuyện khó tin mà có thật./.

# TIẾNG CƯỜI CỦA DÂN VIỆT

VÕ THU TỊNH

Rabelais, một văn hào Pháp, đã từng cho rằng «Cười là đặc tính của con người». (1) Loài người khác với loài vật ở chỗ loài người cười mà loài vật không biết cười. Trên thế gian nầy, không có dân nước nào là không biết cười. Nhưng ở mỗi dân tộc, cái cười lại còn tùy thuộc vào văn hóa và hoàn cảnh lịch sử của dân tộc ấy.

Nhìn chung, tiếng cười của dân ta thể hiện qua ba phương diện : Cười để biểu hiện một sắc thái tâm lý, cười để giải tỏa ẩn ức sinh lý, cười để tác dụng xã hội.

Những tiếng cười ấy không phải chỉ được nhận thấy trong cuộc sống bình thường mà còn qua những sáng tác thơ văn, chuyện kể dân gian và bác học.

### Tiếng cười ở cuộc sống bình thường

Các tự điển Pháp ngữ như Larousse, Le Robert định nghĩa chữ «rire» (cười) là bày tỏ niềm vui hay chê bai, bằng một cử động của miệng, kèm theo những hơi thở ra đứt đoạn, ít nhiều ồn ào.»

Từ xưa, cuộc sống của dân gian ta vốn lao lực khó nhọc suốt tháng quanh năm. Cho nên, gặp được những lúc ngừng tay, nghỉ việc, hoặc những ngày vì thời tiết mà không ra đồng canh tác được, họ thường tập họp nhau lại để kể cho nhau những chuyện vui cười gọi là «tiếu lâm» (lâm: nhiều; tiếu: cười) để xả hơi, cho quên bớt mỏi mệt, hay để giải trí cho vui cửa, vui nhà giữa thân thuộc, bạn bè. Đó là một nhu cầu như bất cứ nhu cầu nào khác, một giải trí không tốn kém gì, đồng thời còn là một niềm an ủi cho cuộc sống lam lũ mệt nhọc của dân quê nữa.

Cuộc đời của họ nào có gì đâu, nếu không phải là những mối tình thơ ngây giữa trai gái gặp gỡ hát hò trong những lúc canh tác chung, ở những hội hè trong làng xóm, hay những buổi kể chuyện vui cười giải trí giữa bà con, láng giềng, cùng những lúc nghỉ việc rảnh tay ngoài đồng mà thôi!

Những câu chuyện tiếu lâm phần lớn còn nhằm giải tỏa ẩn ức dục tình. Và hình như đó là một hiện tượng thường xảy ra trong hầu hết các sắc dân trên thế giới. Dân Việt không thể tự phụ những câu chuyện của mình về loại nầy kỳ thú hơn những câu chuyện của các dân tộc khác. Chúng ta chỉ có thể ghi nhận rằng sự ẩn ức dục tình, vì bị kiềm chế lâu đời suốt bao nhiêu thế kỷ trong lễ tục khắc nghiệt của Nho giáo, nên đã bùng nổ tràn đầy trong kho tàng chuyện tiếu lâm của dân ta mà thôi.

*Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của (1895) cũng định nghĩa *«cười là để tỏ niềm vui, hay chê bai»* như ở các tự điển Pháp, nhưng còn thêm *«cười để có ý gì.»* Có lẽ vì «các ý gì» ấy mà Từ điển tiếng Việt (1991) gần đây, đã ghi thêm 47 chữ «cười», mỗi chữ ghép với một trạng-từ (adverbe) hay túc-từ (complément) để trình bày cái dụng hay nguyên nhân của tiếng cười.

Chẳng hạn như: Vui một cách hồn nhiên thì cười rộ, cười ha hả, cười hì hì, không bằng lòng thì cười nhạt, hờn dỗi thì cười mát, hằn học thì cười gằn, che dấu ngượng nghịu thì cười gượng, khinh miệt thì cười khà, mỉa mai thì cười khẩy, tự ép uổng để làm vừa lòng kẻ khác thì cười ruồi, xí xóa một lỗi lầm thì cười trừ, chê bai trong lòng thì cười thầm, cười một cách vô duyên là cười nham nhở, vân vân ...

Có thể nói dân Việt ta ở trường hợp nào cũng có thể ứng đáp bằng một tiếng cười. Chỉ có dân Việt mới nhận được những khía cạnh tinh tế của mỗi tiếng cười, cũng như phân biệt được nghĩa của tiếng Việt qua các dấu thanh (sắc, huyền, hỏi ngã, nặng) mà lỗ tai Tây phương khó nhận ra được, nên thường có trường hợp họ bị phật lòng vì ngộ nhận về tiếng cười của người Việt chúng ta.

Nguyễn Văn Vĩnh trong bài «Xét tật mình» đăng ở Đông Dương tạp chí, số 6, năm 1913, đã chê: «Dân An Nam ta có một thói là gì cũng cười. *Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hì, mà dở cũng hì, phải cũng hì, quấy cũng hì. Nhăn răng hì một tiếng, mọi việc hết nghiêm trang.»*

Vì sao dân ta có thói « gì cũng cười » như thế? Phải chăng vì tiếng cười lệ thuộc vào sắc thái văn hóa, cũng như vào hoàn cảnh lịch sử của dân Việt chúng ta. Suốt bao nhiêu thế kỷ dưới các thời đô hộ, dân ta bị ngoại bang đàn áp một cách tàn bạo, bị quan lại, cường hào trong nước ức hiếp, tù đày, nếu gặp phải những trường hợp ứng xử gay cấn, khó khăn, một câu trả lời sơ suất có thể bị nguy hại, có khi còn bị thiệt mạng nữa là khác. Cho nên thay vì dùng lời nói để đối đáp, thì dân ta thường chỉ buông ra một tiếng cười, để che đậy mọi tình ý thầm kín của mình, khiến cho đối phương không thể vin vào đâu để bắt bẻ, buộc tội được.

*Vạ ở miệng ra, bệnh qua miệng vào...*
*Thứ nhất là tội miệng mà...*
*Khôn thì ngậm miệng, khoẻ thì cắp tay.*

Bọn đô hộ ngoại bang, cùng các tay sai của chúng rất ghét lối ngậm miệng, dùng tiếng cười để che đậy những gì mà người dân bị áp bức đã nghĩ về họ, và cho đó là một «tật xấu,» là giả dối, «làm cho mọi việc hết nghiêm trang,» có thể tổn thương đến uy quyền của chúng.

Lê Văn Siêu đã phân trần: «*Làm thế nào khác hơn được? khi một dân tộc bị sống trong hoàn cảnh đe dọa diệt tộc thường xuyên, bởi một kẻ mạnh gấp trăm ngàn lần mình, ở ngay bên nách mình, nếu chẳng nghĩ tha thiết đến sự sống còn, đến con cái nối nghiệp, thì chỉ sơ sẩy để đầu óc viễn vông một chút thôi, cũng đủ mất tích vào trong bản đồ của địch thủ.* » (2)

Trước một vấn đề không biết trả lời thế nào, mà cũng không thể làm thinh được, thì dân Việt ta ngày xưa chỉ dùng cái cười để «ứng đáp». Làm thinh và tiếng cười, cả hai đều làm đối phương phật ý. Nhưng làm thinh thì có thể bị coi như là có ý chống đối, còn cười thì đối phương không hiểu được ta muốn gì, nên rất bực tức và qui tội dân ta là «vô lễ» vì làm cho «mọi việc hết nghiêm trang.»

Tóm lại, ứng đáp bằng tiếng cười ở những trường hợp gay cấn, khó khăn như thế là một cái khôn riêng của dân ta. Đó là một đặc tính hằng hữu của nền văn hóa Lạc Việt đã giúp nòi giống chúng ta còn sống sót cho đến ngày nay. (3)

Nhưng dùng tiếng cười để khỏi trả lời, để kín đáo che đậy một sắc thái tâm lý, theo thời gian dần dần trở thành một thói quen, một tập tục, mà không khỏi có nhiều người lạm dụng bừa bãi, nên Nguyễn Văn Vĩnh mới có thể vin vào đấy mà chê trách như trên được.

## Tiếng cười qua thơ văn và truyện kể

Dân Việt không phải chỉ dùng tiếng cười để mua vui, để thỏa mãn nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, để được an ủi, để tránh không ứng đáp trước những trường hợp khó khăn, nguy hiểm, mà họ còn dùng tiếng cười qua các **thơ văn trào phúng** hay những **chuyện vui cười do họ sáng tác hay hư cấu** ra, để chỉ trích, châm biếm, đả phá uy tín của những bạng người lố lăng, xu thời, phản quốc, bóc lột áp bức họ.

Theo Henri Bergson, cười còn là một «*phương tiện trừng phạt,*» trước hết để sửa trị, (sau đó) dùng để hạ nhục. Qua tiếng cười, xã hội trả thù những hỗn xược mà người ta đã làm cho mình [...] Đối với những hỗn xược ấy, xã hội đáp lại bằng tiếng cười là một hỗn xược còn bội phần mãnh liệt hơn. (4)

Một cách thông thường, tiếng cười thuộc về hài kịch, tiếng khóc thuộc về bi kịch. Ở bi kịch, hướng quan sát «đi sâu vào cá tính,» vào nội tâm của nhân vật, từ đó đi sâu vào ý nghĩa cuộc đời.

Còn hài kịch chỉ dùng trí tuệ để hướng quan sát nhằm vào bên ngoài, vào các đặc tính chung của từng hạng người trong xã hội, và những hiện tượng xã hội, chớ không nhằm vào các phạm trù siêu hình. Như vậy, hướng quan sát ở hí kịch chú trọng vào tổng thể (généralité), chớ không nhằm vào bản thân, vào cá tính người được quan sát.

Đi sâu vào cá tính sẽ làm trì hoãn hiệu lực của hí kịch, vì lẽ phần sâu kín bên trong có thể cản ngăn sự phát sinh ra tiếng cười. Muốn chọc cười thì phải hạn chế sự quan sát, để chỉ nhìn vào phạm trù trung bình của tâm hồn mà thôi. Đi sâu hơn nữa vào «bên trong» đối tượng, hí kịch sẽ hóa thành bi kịch, tiếng cười hóa ra tiếng khóc.

Nhân vật trong các màn hí kịch trước hết là người đang đối thoại với ta. Câu khôi hài chọc cười là những câu trả lời trực tiếp cho một trong những người cùng hạng. Có thể đương sự vắng mặt, nhưng đối thoại với một người vắng mặt ở đây, là coi như người ấy đã nói, nên tác giả mới trả lời. Phần nhiều là trả lời chung cho cả một hạng người hay cho tất cả mọi người, bằng cách dẫn ra một lời nói thông thường, một dư luận, một lễ tục, một thành kiến, một câu thơ văn có sẵn, để lật ngược lại mà chế diễu, chọc cười.

Chẳng hạn như ở một màn khôi hài trong đoạn «Thúc Sinh gặp lại Kiều bị bán vào nhà Hoạn Thư» trong *Đoạn Trường Tân Thanh* của Nguyễn Du, độc giả có thể nhận thấy «ranh giới giữa tiếng cười và tiếng khóc thật mong manh,» như

Beaumarchais đã từng cảnh giác: (5)

Trong lúc Thúc Sinh đi vắng, Hoạn Thư cho người đến đốt nhà, bắt cóc Kiều, đem một xác chết vô chủ ném vào lửa, rồi đem Kiều về cho Hoạn Thư làm nô tỳ. Thúc Sinh tưởng Kiều đã chết thật, buồn rầu quay về nhà vợ cả là Hoạn Thư. Thúc Sinh vừa bước vào nhà, Hoạn Thư bảo Kiều ra chào. Thúc Sinh và Kiều biết ngay là bị mắc mưu Hoạn Thư nhưng kẹt ở cương vị chủ và tôi đòi, nên không dám nhìn nhau. Thúc Sinh xúc động khóc. Hoạn Thư hỏi mới đi về, vì sao mà khóc?

Sinh rằng: Hiếu phục vừa xong,
*Suy lòng trắc Dĩ , đau lòng chung thiên* (6).
*Khen rằng: Hiếu tử đã nên!* (câu 1831-1862)

Khóc vì gái, mà nói dối là khóc vì thương nhớ mẹ đã qua đời. Qua lời chế diễu, mỉa mai của Hoạn Thư về «đạo lý trong chữ hiếu,» cái bi kịch nơi lòng Thúc Sinh đã chuyển thành một màn hài kịch đối với người đọc, khi hướng quan sát nhằm vào một đặc tính chung của «hạng người sợ vợ»: vì quá sợ (vợ) nên đem cái chết thiêng liêng của mẹ mình ra «đỡ đòn» cho một cô gái giang hồ. Ngày xưa, chúng tôi đã từng thấy các cụ, khi đọc đến mấy câu nầy, liền vỗ đùi, phá lên cười ... nhưng tiếng cười bỗng nghẹn lại, khi các cụ đọc tiếp đến các câu đi sâu vào tâm tình của chàng Thúc hay của nàng Kiều:

*... Sinh càng như dại, như ngây,*
*Giọt dài giọt ngắn, chén đầy, chén vơi.*
*Ngảnh đi, chợt nói, chợt cười,*
*Cáo say, chàng đã tính bài rút lui.*
(câu 1839-1842)
*... Bốn dây như khóc như than,*
*Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!*
*Cùng trong một tiếng tơ đồng,*
*Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm!*
(1853-56)

Cũng như khi Trần Tế Xương mượn lời chúc năm mới:

*Bắt chước ai ta chúc mấy lời,*
*Chúc cho khắp hết cả trên đời*
*Vua, quan, sĩ, thứ, người muôn thuở*
*Sao được cho ra cái giống người!*

Hoặc:

*... Nào có ra chi lũ hát tuồng,*
*Cũng hò, cũng hét, cũng y uông!*
*Dẫu rằng dối được đàn con trẻ,*
*Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn!*

Tác giả không đi sâu tâm tình một cá nhân nào, mà nhằm vào tổng thể nhân dân để mượn mấy lời «chúc năm mới», ngụ ý cười chê rằng trong xã hội đương thời chẳng có ai cho ra người cả! (Vậy thì ra giống gì?) Hoặc dùng «phường chèo» mà cười chê bọn vua quan tay sai của thực dân, trơ bộ mặt bôi vôi «vô liêm sỉ,» không lừa dối được ai. (Tiếng cười nơi đây nghe ra chẳng khác gì một tiếng chưởi, một tiếng mắng để cảnh cáo người và đồng thời, để nói lên nỗi bực tức của mình).

Đề tài «phường chèo» nầy cũng được Nguyễn Khuyến dùng để cười chê xỉ vả triều đình bù nhìn một cách hóm hỉnh hơn:

*Xưa bên Đông có phường chèo trọ,*
Đang nửa đêm với vợ chuyện trò:
*«Rằng ta thường làm quan to,*
*"Sao người coi chẳng ra trò trống chi?"*
Vợ giận lắm mắng đi, mắng lại:
*"Tuổi đã già sao dại như di?* (như mọi rợ)
*"Nửa đêm ai chẳng biết chi,*
*"Người ta biết đến, thiếp thì hổ thay!*
*"Ở đời chỉ có hai điều sợ:*
*"Sống chết người quyền ở trong tay,*
*"Thế mà chàng đã chẳng hay,*
*"Còn ai sợ đến thứ nầy nữa chăng?*
*"Vả chàng cũng lằng nhằng túng kiết,*
*"Cuộc sinh nhai chèo hát qua thì.*
*"Vua chèo còn chẳng ra gì,*
*"Quan chèo bôi nhọ khác chi thằng hề!"*

Tiếng cười chê "nhẹ như bấc mà nặng như chì," như búa tạ giáng xuống uy quyền của hàng vua quan tay sai của thực dân!

Dân gian ta còn hư cấu nhiều **truyện hài hước** rất nổi tiếng mà nhân vật chính đại biểu cho một hạng người nào đó trong xã hội, để dùng tiếng cười mà chế diễu, sửa trị,

Chẳng hạn như ở các truyện:

*-Trạng Ếch, Trạng Lợn*: cười hạng người không học hành gì nhưng gặp thời may mà nên danh phận, nhờ vận đỏ, nhờ những tình cờ mà dùng được văn chương, dịch lý làm cho vua Tàu phải thán phục, ban cho học vị "lưỡng quốc trạng nguyên".

*-Trạng Quỳnh*: hạng Nho sĩ có tài, chuyên trêu ghẹo, miệt thị vua quan, chế diễu uy quyền sứ Trung-hoa.

*-Ba Giai, Tú Xuất*: cười các nhân vật phản diện của Nho gia, chuyên lừa bịp, phá phách xóm làng.

*-Xuân tóc đỏ* (trong Số Đỏ của Nguyễn Trọng Phụng): cười hạng người xu thời, dùng mánh khoé lừa bịp mà làm giàu, được nổi danh thi sĩ, rồi được liệt vào hàng anh hùng cứu quốc.

*-Lý Toét, Xã Xệ, Bang Bạnh*: chế diễu hạng lý hương hủ lậu, ngờ nghệch, vân vân...

Mặt khác, **chủ đích của cái cười là chế diễu và "sửa đổi"**, do đó cũng cần làm sao cho hiệu lực của cái cười bao gồm càng nhiều đối tượng, càng có nhiều "tiếng dội" (écho, dùng lại một từ của Henri Bergson trong *Le rire*) vang rộng trong xã hội, phổ biến khắp nơi trong quần chúng.

Những tiếng cười, cũng như những bức hí họa, là những sáng tạo nghệ thuật nhằm giải trí một cách vô tư, đem lại sự vui vẻ thoải mái cho con người, song tiếng cười (hí kịch) lại không giống các môn nghệ thuật khác, là có hậu ý chế diễu để sửa đổi hoặc trừng trị con người trong xã hội, cho nên hài hước ở đây là một loại nghệ thuật phần nào thiên về nhân sinh, tức là đứng giữa nghệ thuật thuần túy và đời sống xã hội và thường xuyên biến đổi theo những xung động của xã hội.

Nhìn chung, tiếng cười trong chính nghĩa không phải chỉ là khí giới của kẻ yếu để đương đầu với đối phương lớn mạnh hơn mình, mà còn là một trợ lực, một vũ khí văn hóa có khi mạnh hơn mọi sức mạnh vật chất.

### Tiếng cười buồn dí dỏm

Nhà văn trào phúng phần nhiều chỉ thấy những lố lăng trong người khác xung quanh mình, chớ ít khi tìm ra được những lố lăng trong chính con người của họ. Vì chúng ta thường không chịu thoát ra khỏi ý thức của bản thân, để đứng vào địa vị khách quan mà quay lại nhìn mình. Nhưng khi kẻ bị cười không phải là một tha nhân, mà lại là chính tác giả tự cười mình, thì tiếng cười lại có tính cách dí dỏm, mà đặc điểm là bi, hài lẫn lộn theo cấu trúc thông thường của tiến trình sân khấu kịch trường. Tiếng cười dí dỏm của dân Việt không giống tiếng cười của các dân tộc khác ở chỗ đã hướng nhiều vào chính mình, tức là tự trào, tự cười mình. Tiếng cười tự trào ấy nhẹ nhàng, mà mỉa mai châm chọc, ngụ ý vừa tự phê phán, vừa tự biện minh chửa thẹn hoặc tự hào.

Trong con người trí tuệ của nhà văn

CHU VƯƠNG MIỆN

## *Mấy Kiếp Sau*

thế kỷ đã qua từng thế kỷ
người người theo lớp lớp già nua
bao kẻ đã tìm vui kiếp khác
***mà người sống đó để ơ hờ***

xứ lạ một thân đàn con dại
ngó lên bông tuyết trắng lưng trời
mười phương tám hướng đều hiu quạnh
***ngượng ngùng còn một áng mây trôi***

tình ta thi sĩ như gió sớm
một chút sương mù đọng cành mai
ngước lên quờ quạng dòng vấn lệ
***mà nhỡ ngủ quên suốt một thời***

đời ta ngăn cách nửa địa cầu
thơ tình thả xuống giải sông sâu
bọt bèo lá rụng chân sóng vỗ
***lầm lũi trôi trôi mấy nhánh sầu***

đầu năm nằm viết dăm hàng chữ
gom góp buồn vui thả xuống đời
bao nhiêu hy vọng về ngươi cả
còn buồn, khổ, giận ở trong tôi

nếu lỡ thương nhau xin hẹn lại
kiếp này đã lỡ cóc bôi vôi
kiếp sau bận quá xin chớ gặp
***xin đành hẹn nữa cố nhân ơi***

thế kỷ trăm năm tiền với tiền
không tiền đẹp mấy cũng vô duyên
dăm thằng thơ thẩn nghèo rạt gáo
***vô duyên vô phước giạt trăm miền***

đầu năm dần độn nhìn thiên hạ
người người cuồn cuộn cuốn nhau đi
đi đâu mà biết về đâu nhỉ?
đã lỡ quen nhau biết nói gì?

có mắt có mồm lại đành câm
dở dang cơm cháo khóc duyên ngầm
ngươi ôm gối ngủ qua đêm tối
***ta chờ mấy kiếp một hồi âm.***

hài hước dí dỏm, có một phần nhà thơ, với ít nhiều tình cảm không kém đậm đà.

Có thể nói tiếng cười dí dỏm xuất hiện như những màn hí kịch, một cách kín đáo, với một thoáng buồn phớt qua, đến nỗi khi khán giả vừa nhận diện được thì màn kịch cũng vừa hạ xuống.

Một số tác giả vào buổi giao thời ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, đã dùng thơ văn để tự cười mình. Trong bài Tự trào, Nguyễn Khuyến có mấy câu:

*Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,*
*Chẳng gầy, chẳng béo, chỉ làng nhàng.*
*Cờ đương dở cuộc, không còn nước,*
*Bạc chửa thâu canh, đã chạy làng.*
*Mở miệng nói ra, gàn bát sách,*
*Mềm môi chén mãi, tít cung thang.*
*Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,*
*Thế cũng bia xanh, cũng bảng vàng.*

Câu 3, 4 ngụ ý về quốc sự: Đánh nhau với quân Pháp đang dở dang (dở cuộc, chửa thâu canh) mà đã bị lâm vào thế bí, chịu đầu hàng (không còn nước, đã chạy làng). Câu 5, 6 chỉ về tác giả: Suốt ngày chỉ ăn nói gàn dở, rượu chè say sưa (mấy chữ "bát sách", "thang" là tên của 2 con bài tổ tôm; một tiểu xảo để chọc cười). Hai câu chót, tác giả tự cười mình không xứng với học vị tam nguyên, tên ghi bảng vàng bia đá. Tiếng cười ở đây dí dỏm, mà phảng phất tâm sự buồn tủi của một hiển Nho, một đại thần, về cái bất lực của mình trước nạn nước mất, nhà tan:

*Sách vở ích gì cho buổi ấy,*
*Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già!...*
*... Ơn vua chưa chút đền công*
*Cúi trông thẹn đất, ngẩng trông thẹn trời !*

Về sau, Trần Tế Xương đã tự cười về thân phận của mình như thế:

*Ở phố hàng Nâu có phổng sành,*
*Mặt thì lơ láo, mắt thì nhanh.*
*Vuốt râu nịnh vợ :" Con bu nó",*
*Quắc mắt khinh đời : "Cái bộ anh!"*
*Bài bạc kiệu cờ, cao nhất xứ,*
*Rượu chè, trai gái, đủ tam khoanh.*
*Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi,*
*Cứ việc rong chơi chẳng học hành.*

Sau tiếng cười dí dỏm, xuyên qua các cảnh nịnh vợ (vì ăn nhờ vào vợ), bài bạc rượu chè, trai gái, biếng nhác, thoáng hiện một cái buồn của một hàn nho mạt vận, "vợ lăm le ở vú, con tấp tểnh đi bồi" ở buổi giao thời.

Tản Đà cũng tự cười trong một bài "Tự Trào " khác:

*Vùng đất Sơn Tây nẩy một ông,*
*Tuổi chửa bao nhiêu văn rất hùng.*
*Sông Đà, núi Tản ai hun đúc?*
*Bút Thánh, câu Thần sớm vải vung.*
*Chữ chữ nôm nôm, nào kém cạnh,*
*Khuyên khuyên điểm điểm, có hay không?*
*Bởi ông hay quá, ông không đỗ,*
*Không đỗ ông càng tốt bộ ngông.*

Ở đây, ta cảm thấy một nỗi buồn khác: buồn của một nhà Nho bất đắc chí ngông nghênh ở thời Khổng giáo vào cuối mùa.

Tuy nhiên, cũng qua các câu tự chê cười, các tác giả đã gián tiếp bộc lộ lòng tự phụ hằng hữu của các nhà Nho: Nguyễn Khuyến, "bang hữu đạo tắc trí, bang vô đạo tắc ngu" nước có đạo lý thì đem tài trí ra giúp đời, nước vô đạo thì làm ra ngu dại để khỏi bị ép ra làm tay sai hại nước, hại dân (ăn nói gàn dở, say tít cung thang), theo đúng lời dạy của thánh hiền. Tú Xương trong cảnh "thanh bần" vẫn "quắt mắt khinh đời". Tản Đà ngông nghênh, tự phụ về văn tài của mình, mỉa mai rằng "Bởi ông hay quá, ông không đỗ!"

Một bất công lớn nhất ở chế độ phụ quyền là tục đa thê: "Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng." Nhưng ở thời Nho giáo phong kiến, nếu có người đàn bà nào lên tiếng trực tiếp chỉ trích, chống đối, thì không thể nào khỏi bị ghép vào tội "dâm loạn." Cho nên họ chỉ có thể mượn những lời nửa đùa nửa thật để tự chế diễu: đem cái tội mà người ta gán cho mình, thậm xưng lên, phóng đại ra một cách quá đáng, để chọc cười, theo lối nói lẫy, cho đã nư, đã tức. Đồng thời cũng để gián tiếp châm biếm, chống đối cái lạm quyền phi lý, cái quan niệm hẹp hòi, lố lăng về hai chữ "tiết trinh" của bọn đàn ông:

*Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,*
*Từ anh chồng cũ đến chàng là năm.*
*Còn như yêu vụng dấu thầm,*
*Họp chợ trên bụng đến trăm con người.*
*... Hai tay cầm hai quả hồng,*
*Quả chát phần chồng, quả ngọt phần trai.*
*Đêm nằm vuốt bụng thở dài,*
*Thương chồng thì ít, thương trai thì nhiều.*

Và cũng để tự chế diễu cái tính lẳng lơ hoa nguyệt mà khi người chồng hay ghen bóng, ghen gió đem vu khống cho mình:

*...Anh đánh thì tôi chịu đòn,*
*Tánh tôi hoa nguyệt mười con chưa chừa.*
*Anh đánh thì tôi xin thưa,*
*Tánh tôi hoa nguyệt chẳng chừa được đâu!*

Phụ nữ ngày xưa còn dùng cách tự chế diễu để tố cáo, chống đối tục lệ bất nhân buộc người đàn bà chồng chết phải thủ tiết, không được làm

lại cuộc đời của mình theo ý muốn:

*Hỡi thằng cu lớn, cu bé, cu tí, cu tị, cu tỉ, cu ti,*
*Con dậy, con ăn, con ngủ, con bú với bà,*
*Để mẹ đi xuất giá kiếm thêm một và đứa em.*
*Kể từ ngày bố con gục đi, bố con thác đi, bố con chết đi, lòng mẹ đây nó vẫn còn thèm,*
*Mẹ xem quẻ bói nói, nó vẫn còn có đàn em ở trong bụng nầy.*
*Con ra, con gọi chú con vào đây.*
*Để mẹ trao trả cái cơ nghiệp nầy, mẹ mới bước đi.*
*Mẹ nào có dám tiếc gì!*

Và cuối cùng, khi thông cảm được với tâm trạng đau khổ, với nguyện vọng tha thiết và lời kêu van não nuột của góa phụ, tiếng cười hẳn có thể biến thành tiếng khóc chăng!

*Ngày sau con tế ba bò,*
*Sao bằng lúc sống con cho lấy chồng!*

Sống trong suốt bao nhiêu thế kỷ bị đô hộ áp bức, nên trong tiếng cười của con người Việt Nam đã lẫn lộn bao tình tự vui buồn, bi hài hổn tạp, đến nỗi ông cha chúng đã từng than lên:

*Khi vui muốn khóc, buồn tanh lại cười.*

### Tiếng cười trong đời sống dân Việt

Trong các thành tố tinh thần của triết lý một dân tộc, theo Lâm Ngữ Đường, chủ yếu có tính hài hước, óc thực tiễn và khuynh hướng lý tưởng. Óc thực tiễn và khuynh hướng lý tưởng là hai động lực đưa đến tiến bộ. Và sự tiến bộ đúng nghĩa chỉ được thể hiện nhờ sự hài hòa giữa hai động lực ấy. Một lý tưởng mơ hồ, thiếu suy xét, thường dẫn đến lố lăng, trái lại quá nhiều lý tưởng có thể là một nguy hại cho nhân loại và đưa nhân loại đến sự đeo đuổi những mục đích viển vông, phiêu lưu. Những dân tộc lành mạnh về tinh thần, như người Anh chẳng hạn, đã biết điều hợp đúng đắn giữa óc thực tiễn và khuynh hướng lý tưởng. Còn hài hước vốn là tính bẩm sinh của con người, mà chức năng là «phẩm bình, chế diễu những mộng mơ của ta» và đưa những mộng mơ ấy cọ xát với thực tại. Kể ra như thế cũng «độc ác,» vì đã làm cho ta đánh mất những «ảo ảnh vui đẹp của mộng mơ» của mình, nhưng ít ra cũng hoàn thành được vai trò cần thiết là giúp cho ta khỏi bị va đầu vào bức tường cứng rắn của Sự Thật. Tập cho quen thuộc với những «giải hoặc» (désillusion), hài hước giúp con người tránh được những sụp đổ khó bề cứu vãn, những thất vọng đau hận bình sinh. Tiếng cười cảnh giác chúng ta về tính chất độc ác, mà khuynh hướng lý tưởng và sự giải hoặc đã phối hợp nhau để tạo nên trong cuộc sống của con người. (7)

Sự khôn ngoan của dân Việt trong cuộc sống thoát thai từ sự tổng hợp, dung hoà sáng suốt giữa tính hài hước với óc thực tiễn và khuynh hướng mộng mơ, hẳn đã được minh thị phần nào qua «tiếng cười dân Việt» với những sắc thái trình bày trên đây.

**CHÚ THÍCH**

(1)- Le rire est le propre de l'homme (Rabelais)

(2)- Lê Văn Siêu, *Văn minh Việt Nam*, Saigon 1955, tb HK, tr. 92.

(3)- Xem bài số 7, Triết lý dân tộc Việt Nam, trên đây.

(4)- Henri Bergson, *Le rire*, P.UF., Paris 1990, tr. 128-130 (Le rire est avant tout une correction. Fait pour humilier. La société se venge par lui des libertés qu'on a prises avec elle.[...] A ces impertinences, la société réplique par le rire qui est une impertinence plus forte encore).

(5)- Beaumarchais: Le frontière est fragile entre la comédie et la tragédie.

(6)- *Trắc Dĩ* : chỉ lòng nhớ mẹ, do chữ trong Kinh Thi : « Trắc bỉ Dĩ hề, chiêm vọng mẫu hề » nghĩa là :Trèo lên núi Dĩ kia a,trông ngóng mẹ a ! *Chung thiên* : suốt ngày

(7)- Theo Lâm Ngữ Đường, *The importance of living*, đoạn dẫn nhập.


**PHẠM VŨ**

*Nhạc Sĩ Sáng Tác & Hòa Âm*

**Tel: (714) 839-5227**

***CD và CASSETTE đã phát hành:***

1. **Tình Yêu Đã Chết**
2. **Mộng Du**
3. **Tin Nhạn**
4. **Sầu Mộng I**
5. **Sầu Mộng II**

*Nhận hòa âm cho ca và dàn nhạc*

*Nhạc và lời hòa âm:* **PHẠM VŨ**

Với các giọng ca: **Kim Tước, Mai Hương, Duy Trác, Quỳnh Giao, Jo Marcel và Hà Thanh**

Mọi liên lạc để mua CD và cassettes trên xin đến các Trung Tâm Băng Nhạc hoặc xin liên lạc trực tiếp

**Nhạc sĩ Phạm Vũ (714) 839-5227**

# NGHĨA VỤ BẢO VỆ BỜ CÕI VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH SÀI
*Kỹ sư công chánh*

## Phần Hai: Phân Tích

### I.- Các cuộc nhượng bộ của Hà Nội đối với Bắc Kinh

Viết về các cuộc thương thảo giữa Bắc Kinh và Hà Nội không đơn giản và dễ dàng. Lý do chính là Hà Nội giữ nội dung các cuộc thương thảo vô cùng bí mật. Đảng CSVN lúc nào cũng tự xem là đại diện nhân dân, nhưng không bao giờ hỏi ý hay báo cáo cho nhân dân được rõ. Các tài liệu, vì thế phần lớn được sưu tầm từ báo chí quốc tế hay thư khố Trung Quốc. Ta có thể suy đoán rằng đảng CSVN phạm nhiều trọng tội đối với nhân dân nên phải triệt để dấu kín những gì đã thỏa thuận đối với Trung Quốc. Điều này sẽ được trưng dẫn trong phần này. Tuy nhiên, trước hết ta hãy tìm hiểu về những nguyên nhân bề mặt cũng như bề trái của Trung Quốc khi xâm lấn lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam.

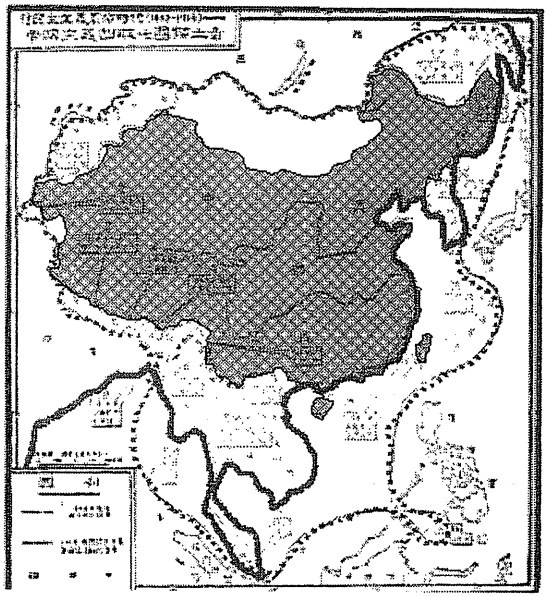

Lãnh hải Trung Quốc

#### 1- Tham vọng bá quyền của Trung Quốc

**- Bành trướng biên giới lãnh thổ**

Khi cử đại quân xâm lấn bờ cõi Việt Nam, Bắc Kinh đã đưa ra một số lý do mà họ cho là "tự vệ chính đáng", như sau:

* Cảnh cáo Hà Nội không được nuôi tham vọng thôn tính Lào và Campuchia. Vào thời gian đó đảng CSVN đã cho quân tràn sang đánh duổi Polpot, thủ lãnh Khemer Đỏ thân Trung Cộng nói là để cứu dân campuchia khỏi nạn diệt chủng. Ở Lào, CSVN cũng đã thiết lập một chính phủ thân Hà Nội. Đối với Bắc Kinh, thế liên hiệp ba nước Việt Miên Lào có nguy cơ trở thành liên bang Đông Dương sẽ ngăn chặn mộng bá quyền của Trung Quốc về phía nam.

* Phá vỡ thế liên hiệp hỗ tương giữa Liên Sô và Việt Nam. Ngày 3 tháng 11, 1978, Moscow và Hà Nội ký hiệp ước quốc phòng, mở đầu cho sự hiện hữu thường trực của quân đội Soviet Union (Liên Sô) tại hải cảng Cam Ranh. Theo tài liệu chính phủ Mỹ, bắt đầu từ tháng 9-1978, Liên Sô bắt đầu gia tăng việc chuyên chở vũ khí cho Việt Nam cả đường biển lẫn đường bay (Bruce Elleman, "Sino-Soviet Relations" 20 April 1996.) Đây là thế gọng kềm chiến lược mà Bắc Kinh rất lo sợ. Trong khi đó cuộc tranh chấp biên giới giữa Liên Sô và Trung Quốc vào cuối thập niên 60 càng ngày càng thêm căng thẳng. Như vậy, cuộc xâm lấn biên thùy Việt Nam của Trung Quốc còn có hai mục tiêu chiến lược. Một là biểu thị cho Hà Nội thấy rằng "sự cam kết của Soviet trong việc bảo đảm yểm trợ quân sự cho Việt Nam" chỉ là một điều không tưởng. Hai là giải đáp bài toán cân não: Soviet có thật sự là một siêu cường đáng sợ không, hay chỉ là một con gấu giấy "paper polar bear". Điều đáng lưu ý là: Sau cuộc lấn chiếm biên giới Việt Nam từ 15 tháng 2 đến 4 tháng 3, 1979, gần một tháng sau, ngày 3 tháng 4, Bắc Kinh tuyên bố chấm dứt Hiệp ước Liên

Sô - Trung Quốc ký năm 1950 về Hữu Nghị, Liên Minh, và Hỗ Tương giữa hai nước.

* Cảnh cáo Hà Nội áp dụng chính sách "kỳ thị" với người Hoa Kiều sinh sống lâu đời tại Việt Nam như ở Chợ Lớn, Hải Phòng, v.v..., Từ đầu năm 1978, trên nửa triệu người Việt gốc Hoa đã phải ra đi "vượt biên bán chính thức", để lại nhà cửa, gia tài, của cải cho đảng viên cao cấp đảng CSVN thu gom và chia chác.

Tuy nhiên, những lý do "tự vệ" hay "công đạo" mà Trung Quốc nêu ra chỉ là vỏ bọc của một âm mưu thâm độc, và cuộc lấn chiếm biên thùy Việt Nam chỉ là bước đầu của một kế hoạch "Đại Trung Quốc" mà Bắc Kinh bắt đầu theo đuổi từ thập niên 50.

Năm 1950, một năm sau ngày dành được đất nước từ tay Tưởng Giới Thạch và Trung Hoa Quốc Dân Đảng để chính thức thành lập nước Trung Hoa Cộng Hòa Nhân Dân Quốc", Trung Quốc đã công bố một bản đồ rộng lớn (hình 15: "Paracels Forum", Muzi Daily News, 6/26/01), bao trùm một phần lớn các quốc gia tiếp giáp với Trung Quốc như: (tính từ Tây bắc theo chiều kim đồng hồ) Mongolia, East Russia, Đại Hàn, Việt Nam, Lào, Miên, Thái Lan, Tây Tạng, Miến Điện, Bhutan, Nepal, một phần nhỏ của Ấn Độ, Pakistan, và Kyrgyzstan. Đây là một sự kiện chưa hề được ghi lại trong tài liệu thư khố ở bất cứ quốc gia tây phương nào. Bắc Kinh chỉ tuyên bố mơ hồ rằng biên giới và lãnh hải này có từ thời nhà Hán (khoảng thế kỷ thứ 2 trước Công Nguyên).

**- Bành trướng lãnh hải**

Theo bản đồ với những ghi chú bằng chữ Trung Hoa, thì Trung Quốc không những dành chủ quyền cả các biển tiếp giáp với Trung Quốc như Korea Bay, Yellow Sea (bắc Thượng Hải), East China Sea (Bao gồm Đài Loan), South China Sea (Biển Đông của Việt Nam), mà còn lấn sang cả Vịnh Thái Lan, và một phần của Ấn Độ Dương nữa.

Trong một tài liệu khác (hình 16) từ U.S. International Institute for Strategic Studies (IISS - FAS, January 30, 2000), Mao Trạch Đông đã chỉ thị cho Chu Ân Lai ra tuyên cáo xác nhận chủ quyền trên toàn thể "Nanhai" là "nội hải", và hai quần đảo "Xisha" và "Nansa" là lãnh thổ của Trung Quốc. Hình 17 là bản đồ chín gạch do Bắc Kinh phổ biến.

Mặt khác, cũng theo thống kê của IISS, Trung Quốc đang nuôi dưỡng một đạo quân gần 3 triệu người. Với một lực lượng hùng hậu như vậy, cộng thêm tham vọng bành trướng lãnh thổ bằng vũ lực, Trung Quốc là mối đe dọa sinh tử hàng đầu cho các nước trong vùng Đông Nam Á, nhất là Việt Nam. Hiện nay, Trung Quốc theo chiến lược lấy sức mạnh để uy hiếp từng nước yếu, chỉ chịu thương thuyết song phương mà không chịu thương thuyết đa phương, không để các nước đưa Trung Quốc vào thế "mãnh hổ nan địch quần hồ."

Trong khi đó, đảng CSVN đã đối phó như thế nào trong các vụ thương thảo với Trung Quốc từ trước đến nay? Họ đã "đối phó" bằng cách nhượng bộ tiên tục để trục lợi và củng cố thế lực của đảng. Đây là vấn đề sẽ được phân tích kế tiếp.

## 2- Những nhượng bộ của Hà Nội

**- Nhượng bộ quần đảo Hoàng Sa**

Năm 1974, khi Trung Cộng tiến chiếm Hoàng Sa và VNCH chống trả mãnh liệt, thì Hà Nội hoàn toàn im lặng.

Năm 1975, VNCH ban hành bạch thư và tuyên cáo xác nhận chủ quyền trên hai quần đảo với quyết tâm bảo vệ bờ cõi. Bản tuyên cáo có đoạn mở đầu như sau:

*"Bổn phận cao cả và cấp bách nhất của một chính phủ là bảo vệ chủ quyền, độc lập, và sự toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa quyết tâm thi hành bổn phận này, mặc cho bao khó khăn gặp phải và mặc cho những trở ngại đến bất cứ từ đâu.*

*Đối diện với cuộc lấn chiếm bằng vũ lực bất hợp pháp của Trung Cộng trên quần đảo Hoàng Sa, một phần của lãnh thổ nước Việt Nnam Cộng Hoà, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thấy cần tuyên cáo trước dư luận thế giới, bạn cũng như thù, rằng:*

*Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một phần bất khả phân của nước VNCH. Chính phủ VNCH sẽ không nhượng bộ trước vũ lực và chịu mất chủ quyền trên các quần đảo này."*

*("The noblest and most imperative task of a Government is to defend the sovereignty, independence and territorial integrity of the Nation. The Government of the Republic of Vietnam is determined to carry out this task, regardless of difficulties it may encounter and regardless of unfounded objections wherever they may come from.*

*In the face of the illegal military occupation by Communist China of the Paracels Archipelago which is an integral part of the Republic of Vietnam, the Government of the Republic of*

*Vietnam deems it necessary to solemnly declare before world opinion, to friends and foes alike, that:*

*The Hoang Sa (Paracel) and Truong Sa (Spratly) archipelagoes are an indivisible part of the territory of the Republic of Vietnam. The Government and People of the Republic of Vietnam shall not yield to force and renounce all or part of their sovereignty over those archipelagoes.")*

Trong khi đó, Hà Nội vẫn giữ thái độ im lặng, vì Hà Nội đã có quá nhiều thương lượng và nhượng bộ bí mật từ trước, mãi sau này mới lộ ra.

Những nhượng bộ của đảng CSVN đối với Trung Quốc có thể được truy nguyên từ lòng ham muốn "thống nhất lãnh thổ" của đảng từ năm 1950, khi hai nước Trung Quốc và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ký hiệp ước hữu nghị và hỗ tương. Từ đó đến 1975, Bắc Kinh đã viện trợ cho Hà Nội trên 20 tỷ Mỹ Kim (King C. Chen, Chiana's War with Vietnam). Đương nhiên, Hà Nội phải trả nợ bằng cách này hay cách khác. Tiền và tài nguyên không có để trả thì phải trả bằng lãnh hải và lãnh thổ, nhất là lãnh thổ đang nằm trong vòng kiểm soát của Việt Nam Cộng Hòa.

Dấu hiệu khởi đầu của hành động "trả nợ" này là văn thư nhượng đảo và nhượng biển của Thủ Tướng VNDCCH Phạm Văn Đồng, ký ngày 14-9-58, để đáp ứng với bản tuyên bố về lãnh hải và "bản đồ chín gạch" (the nine dash map - hình 17) của Trung Quốc ban hành 10 ngày trước đó, bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và một lãnh hải bao bọc gần hết bờ biển Việt Nam, lan ra tận Phi Luật Tân, chạy dài xuống tận bờ biển Nam Dương, Mã Lai.

Đọc câu đầu của văn thư Phạm Văn Đồng gởi cho Chu Ân Lai (hình 18) "Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố, ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung Quốc." Người ta thấy ngay đã có sự thương thảo và thỏa thuận bí mật giữa Bắc Kinh và Hà Nội từ nhiều ngày trước, và sự di nhượng đất nước Việt Nam phát nguyên từ tham vọng thống nhất đất nước của Đảng CSVN.

**- Nhượng bộ biên giới Hoa Việt 1979**

Như các phần trên đã trình bày, trận xâm chiến của Trung Quốc vào biên giới phát nguyên từ nhiều nguyên do, trong đó, tham vọng lấn chiếm và thôn tính các nước láng giềng là động cơ thầm kín còn mục tiêu phá vỡ hiệp ước liên kết của Liên Sô - Việt Nam ký vào năm 1978 là lý do bên ngoài. Dĩ nhiên, vì đã lỡ chọn theo Liên Sô và trở thành kẻ thù của Trung Quốc, Hà Nội phải kháng cự vì sự sống còn của chế độ, chứ không phải để bảo toàn đất nước. Bằng cớ CSVN xem nhẹ về sự vẹn toàn lãnh thổ được nêu lên bằng một chuỗi thảo luận và tương nhượng sau khi Trung Cộng rút quân về.

Kết quả sau 15 lần thương thảo là việc CSVN thỏa thuận nhường cho Trung Quốc 720 km vuông ở vùng Lạng Sơn mà nhiều cán bộ CSVN trong

Cổng Hữu Nghị (nhìn từ phía Trung Quốc)

nước đã tố cáo lãnh đạo đảng. Nhưng diện tích này chỉ tính ở biên giới Nam Quan vùng Đồng Đăng tỉnh Lạng Sơn mà thôi. Theo tài liệu từ Trung Quốc mà giáo sư Trần Đại Sỹ thu thập, thì cỗng Hữu Nghị đã bị dời về phía nam, cách ải Nam Quan 5 cây số, và nằm trong địa phận của quận Đồng Đăng (hình 19). Hiện nay, trạm ga xe lửa xuyên quốc gia đặt tại Đồng Đăng là trạm kiểm soát của hai bên (hình 20 - Vietnam and China Rebuild Ties, The Christian Science Monitor - International, Oct 3, 1997).

Đó là chưa kể bề dày của biên giới mới khoảng 600 m cũng nằm trong lãnh thổ Việt Nam. Du khách từ nước này phải đi bộ giữa 2 trạm mới qua được biên giới nước kia.

Trên thực tế, diện tích đất đai mất mát lên hàng ngàn cây số vuông, nếu tính cả các vùng phải di nhượng ở Cao Bằng và Lào Kay. Theo tài liệu Pacific Forum CSIS Comparative Connections, cuộc thương thảo lần cuối (thứ 15) giữa hai bên Việt Hoa kéo dài một tháng từ 22-6 đến 22-7-1999. Hai bên nỗ lực làm việc để kịp thời hạn ký kết hiệp ước vào cuối năm theo lệnh của các chủ tịch đảng. Mất thời gian nhất là một số "bất đồng ý kiến về ranh giới trong 76 vùng tranh chấp". Lược qua các ghi chép (chronology) của CSIS về các cuộc thăm viếng qua lại giữa đôi bên, hay các cuộc thảo luận song phương, người ta thấy rất rõ là Hà Nội luôn luôn ở thế bị động và sau những lần dằng co từ chối, đều phải chấp nhận những đòi hỏi của Bắc Kinh. Kết quả, hiệp ước biên giới song phương đã được bộ trưởng ngoại giao Tống Gia Xuân và Nguyễn Mạnh Cầm ký vào ngày cuối năm (30-12-1999). Ngày 29-4-2000, quốc hội Trung Quốc thông qua hiệp ước; ngày 9 tháng 6, 2000, quốc hội CSVN cũng thông qua. Hiển nhiên là hai bên đều được lợi: Trung Quốc được chủ quyền các vùng đất huyết mạch kiểm soát phía bắc ngạn các sông Kỳ Cùng và sông Bằng, hầu có thể mở tung cánh cửa vào phía nam, mà mấy ngàn năm qua các cuộc xâm lăng từ phương Bắc thường bị chặn vì địa thế hiểm trở.

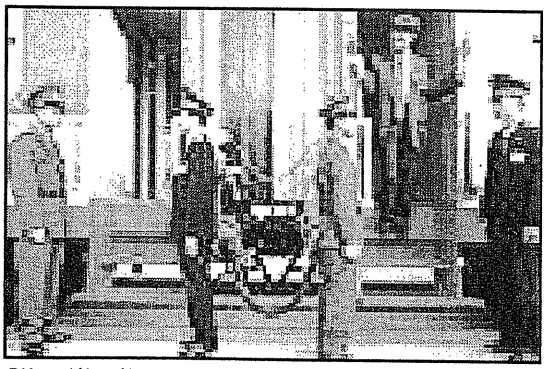
Biên giới mới

Khi đất đã nhượng thì cũng nhượng luôn cả dân bản xứ, ai không muốn sống trong vùng quản chế của Trung Quốc thì được giúp đỡ tái định cư trên đất hoang ở ranh giới phía nam các sông Kỳ Cùng và sông Bằng.

Khi nhượng đất như thế thì Hà Nội được lợi gì? Theo tiết lộ của nhật báo Xinhua, món lợi đưa đến từ cuộc di nhượng đất đai này là việc giao thương lên đến hàng tỷ mỹ kim và việc Bắc Kinh viện trợ cho Hà Nội xây dựng các dự án kỹ nghệ về thủy lực (hydropower), thép, hơi đốt, phân bón và quặng nhôm (bauxite).

Có người đặt vấn đề rằng nếu Hà Nội phải hy sinh vài ngàn cây số đất hoang mà được viện trợ như thế thì đó là việc "thuận mua vừa bán" và việc "bán nước không còn là một "tội" như những người khác buộc. Lý luận như thế có hai điều không chỉnh: Thứ nhất, đất nước là của dân tộc, không phải của bất cứ một chế độ nào. Chế độ không có quyền cắt nhượng đất đai của dân tộc cho người để được lợi trong thời đại của mình. Thứ hai, lý luận "thuận mua vừa bán" mặc nhiên chấp nhận tính cách đổi chác của Bắc Kinh trong việc "mua" đất của dân tộc Việt Nam bằng một cái giá được nhà cầm quyền CSVN chấp nhận, do đó sẽ rất khó cho dân tộc Việt Nam đặt vấn đề bất công để đòi lại sau khi chế độ hiện hữu cáo chung. Thực tế cho thấy Bắc Kinh vừa dùng vũ lực, vừa mua chuộc, vừa gạt gẫm lãnh đạo Hà Nội để chiếm cho bằng được các vùng đất có quặng mỏ quý và có địa lợi chiến thuật, làm đầu cầu xâm lược sau này. Trong bản tường trình của Giáo sư Trần Đại Sỹ, ông đã nêu lên những "nghi vấn" về vụ một số nhân vật lãnh đạo cao cấp "thân Nga chống Hoa" đã bị đầu độc, trở thành "bán thân bất toại." Nếu những nghi vấn này có thật, thì cũng chẳng bao giờ có thể trở thành những vụ án được cứu xét. Trong chế độ cộng sản, không bao giờ có "công lý" cho người ngã ngựa.

**- Nhượng bộ một phần vịnh Bắc Việt**

Vụ nhượng đất vừa xong thì tiếp đến vụ sang nhượng một phần biển trong vịnh Bắc Việt (Tonkin Bay). Theo Luke T. Chang, (China's Boundary Treaties and Frontiers Disputes), hiệp ước Pháp - Thanh được ký kết tại Bắc Kinh trên 100 năm trước, ngày 26-6-1887, có ghi rõ đường phân ranh

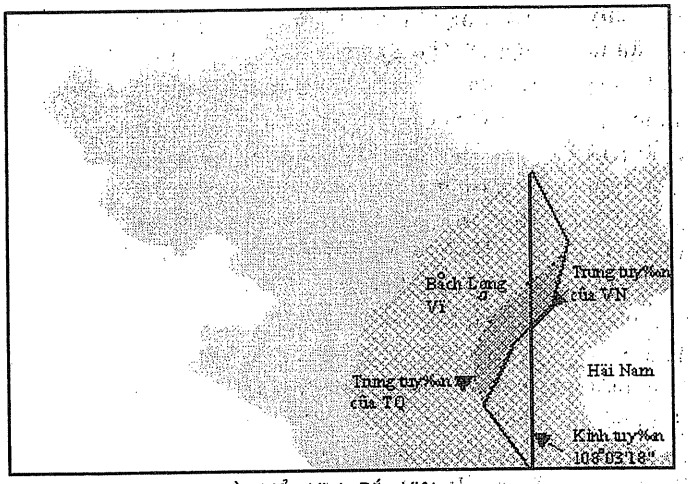

Hà Nội nhượng một phần biển Vịnh Bắc Việt.

giới hải phận EEZ (Exclusive Economic Zone) trong vịnh Bắc Việt được lấy theo đường kinh tuyến (longgitude) 108o03"18"E (tính từ Greenwood) khởi đầu từ biên giới bờ biển giữa hai nước tại Vịnh Tonkin. Bắc Kinh không đồng ý tuân theo hiệp ước cũ và đòi hỏi Việt Nam phải chấp nhận lấy đường trung tuyến để ấn định lãnh hải EEZ giữa hai nước. Tuy nhiên đường trung tuyến của Bắc Kinh dựa trên đảo Hải Nam và bờ biển Việt Nam, trong khi Hà Nội chủ trương trung tuyến nằm giữa hai đảo Bạch Long Vĩ và Hải Nam. Tính ra, sự khác biệt là vùng màu xám ở giữa vịnh, với một diện tích trên 5 ngàn cây số vuông (hình 21).

Sau một năm thảo luận, Hà Nội lại phải nhượng bộ, chịu hủy bỏ hiệp ước Pháp-Thanh, chịu mất độc quyền kinh tế trong vùng xám. Vùng này nằm trong thềm lục địa của Việt Nam, rất gần với đảo Bạch Long Vĩ, có nhiều tôm cá và các loại hải sản khác cũng như tiềm năng về khí đốt dưới lòng biển. Ngày 25-12-2000, Chủ Tịch Nhà Nước Trần Đức Lương sang Trung Quốc ký hiệp ước lịch sử chấp nhận hải phận theo đường vẽ của Trung Quốc. Hiệp ước cũng phân định sự hợp tác đánh cá và sử dụng tài nguyên năng lực nguyên tử giữa hai nước. Lại một lần nữa, quyền lợi và sự sống còn của chế độ được Hà Nội đặt lên trên chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc.

**- Nhượng bộ tại quần đảo Trường Sa**

Việc nhượng bộ tại quần đảo Trường Sa hiện nay là vấn đề gay go nhất cho chế độ CSVN. Tất cả tài liệu của VNCH đều xác định chủ quyền toàn vẹn trên lãnh thổ ngoài khơi này. Hiện nay, Hà Nội không những đương đầu với Trung Quốc mà còn với nhiều quốc gia khác như Đài Loan, Phi Luật Tân, Mã Lai là các nước đã chiếm đóng một phần của quần đảo. Một điều vô cùng nghịch lý, là Trung Quốc không chịu thương thuyết đa phương (multilateral discussion) mà chỉ chịu thương thảo song phương (bilateral) với các quốc gia Phi Luật Tân và Mã Lai Á, nhưng lại không chịu thương thuyết với Việt Nam về Trường Sa. Điều nghịch lý này tương tự như những tên cướp bàn luận để chia chác những gì cướp được, còn người bị cướp thì không được dự vào. Nguồn lợi dầu hỏa và khí đốt lớn lao trong vùng không cho phép Hà Nội nhượng bộ các nước một cách dễ dàng. Vì nếu chấp nhận tình trạng chiếm đóng của các nước, thì Hà Nội sẽ bị mất vĩnh viễn một nguồn lợi lớn. Mặc dù hiện nay Hà Nội thừa hưởng di sản của VNCH để lại, chiếm đóng nhiều đảo và diện tích rộng lớn hơn tất cả các nước cộng lại, nhưng trên 50% vùng dầu hỏa và khí đốt lại nằm trong hải phận EEZ của Mã Lai Á. Mặt khác, đối với Trung Quốc, Hà Nội lâm vào tình trạng "há miệng mắc quai", vì bị kẹt với văn thư của Phạm Văn Đồng chấp nhận lãnh hải rộng lớn của "Đại Trung Quốc." từ năm 1958.

Do đó, hiện nay Hà Nội có vẻ "chịu phép" với Trung Quốc, không dám hăng hái tranh đấu bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Trường Sa.

Theo tờ LatelineNews ngày 15-2-2001, dưới tựa đề "Vietnam Distances Itself from Spratly Islands Report", Hà Nội đã "né tránh trách nhiệm" khi tờ Sài Gòn Giải Phóng, một đại nhật báo của đảng tại miền Nam tương tự như tờ Nhân Dân ở miền bắc, đăng một bài báo tiết lộ rằng "các viên chức cao cấp của đảng và quân đội đã họp kín để thảo luận về việc thành lập đơn vị quản trị hành chính riêng cho quần đảo Trường Sa và thiết kế việc bảo vệ chủ quyền Việt Nam."

Bài báo của tờ SGGP đã gây nên một "phản ứng bén nhạy" từ phía Trung Quốc. Phát ngôn nhân bộ ngoại giao Trung Quốc Zhu Bangzao (Dư Bằng Giao) đã lên tiếng: "Trung Quốc có chủ quyền toàn vẹn bất khả tranh chấp đối với quần đảo Nansha và toàn vùng lãnh hải liên hệ. *Bất cứ quốc gia nào có hoạt động gì trên quần đảo này đều xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc, đều bất hợp pháp và vô giá trị.*"

Để đáp lại lời tuyên bố của Dư Bằng Giao, phát ngôn nhân bộ Ngoại Giao CSVN Phan Thúy Thanh giải thích một cách ngượng ngập: "Đó (báo

SGGP) chỉ là một tờ báo thành phố ("only a city newspaper"). Bà Phan Thúy Thanh nhiều lần từ chối trả lời trực tiếp các câu hỏi của nhiều ký giả về việc nhà nước CHXHCNVN minh định thế nào về chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Trường Sa, mà chỉ giải thích rằng "theo sử liệu của Việt Nam Cộng Hoà thời trước, quần đảo này được xem là một phần của tỉnh Khánh Hòa."

Xem như thế, người Việt Nam không còn hy vọng gì ở đảng CSVN trong việc tranh đấu với Trung Quốc để đòi lại chủ quyền về lãnh thổ và lãnh hải mà Trung Quốc đã lấn chiếm bằng một kế hoạch dài hạn và có hệ thống sách lược từ nửa thế kỷ qua. Sự lấn chiếm này sẽ tiếp diễn liên tục theo chiến lược tiệm tiến như vết dầu loang, cho đến khi Trung Quốc hoàn thành tham vọng "Đại Trung Quốc" của họ. Để tự cứu, dân tộc Việt Nam cần ý thức được mối hiểm họa ngoại xâm này hầu có một sách lược đấu tranh quyết liệt và hữu hiệu đối với Trung Quốc. Cuộc đấu tranh này phải được tiến hành song song với cuộc đấu tranh giải trừ mối hiểm họa nội thù của dân tộc là chế độ CSVN.

## II.- Hiểm họa trường kỳ của Trung Quốc đối với Việt Nam

### *1- Hiểm họa về an ninh: Thế phong tỏa của Trung Cộng*

Trong cuốn "Địa Lý Biển Đông", tác giả Vũ Hữu San có trình bày một phóng đồ (trang 65) với một viễn tượng vô cùng bi quan một khi Trung Quốc muốn khống chế Việt Nam bằng vũ lực.

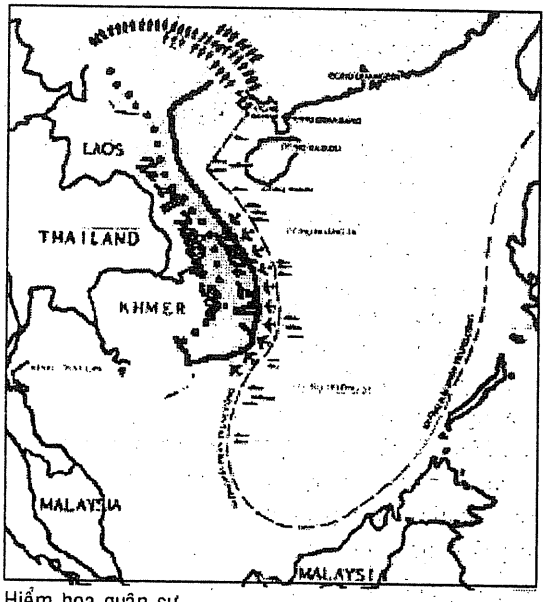

Hiểm họa quân sự

Trên mặt biển hiện nay Trung Quốc đã có các căn cứ Hải Quân vùng đông nam Trung Quốc sau đây (từ bắc xuống nam):

- Quangzou (gần Hồng Kông)
- Zhanjiang (bán đảo bắc Hải Nam)
- Beihai (Trong vịnh Bắc Việt, gần biên giới Hoa Việt)
- Haikou (phía đông bắc đảo Hải Nam)
- Yulin (phía nam đảo Hải Nam)
- Hoàng Sa.
- Riêng trên quần đảo Trường Sa, Trung Quốc chưa xây được căn cứ Hải Quân, vì đang tranh chấp với các nước. Dù vậy, Trung Quốc đã xây xong một cầu cho chiến hạm cập bến tại bãi Fiery Cross. Tuy nhiên, bản phúc trình của ông Michael Studeman, Hải Quân Thiếu Tá Tình Báo Hoa Kỳ (Naval Intelligence Lieutenant Commander), dưới tiêu đề "Calculating China's Advances in the South China Sea Identifying the Triggers of Expansionism" có nhắc đến chủ trương của Hải Quân thuộc "Quân Đội Giải Phóng của Nhân Dân" (People's Liberation Army Navy - PLAN) như sau:

*"In order to make sure that the descendants of the Chinese nation can survive, develop, prosper and flourish in the world in the future, we should vigorously develop and use the oceans. To protect and defend the rights and interests of the reefs and islands within Chinese waters is a sacred mission. . . . The [Spratly] Islands not only occupy an important strategic position, but every reef and island is connected to a large area of territorial water and an exclusive economic zone that is priceless."*

Để thực hiện được sách lược trên, PLAN xác quyết:

*"The only way to give our maritime defense a solid basis is to intensify our naval buildup and upgrade our naval buildup defense capability. We cannot resolve problems with political or diplomatic measures until we have great naval strength, and only then will it be possible to overcome our enemies without engaging in battles. If intimidation fails to achieve any effects, we would then be able to actually deal an effective blow."*

Bằng vào lịch sử hành động của Trung Quốc 50 năm qua, luôn luôn dùng sức mạnh vũ lực để đạt mục đích tối hậu, viễn ảnh Trung Quốc xây cất quân cảng và căn cứ Hải Quân tại Trường Sa chỉ là vấn đề thời gian. Như vậy, Việt Nam sẽ

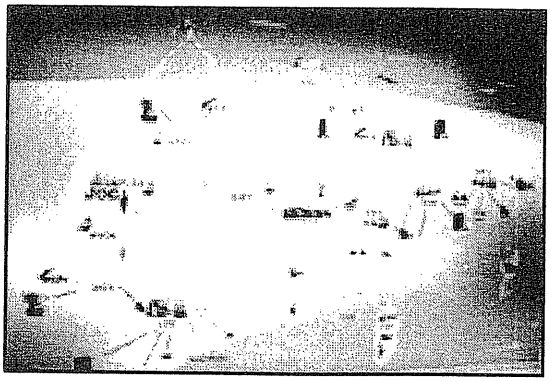

China's C31 System

chịu một áp lực khổng lồ của hải, lục, và không quân Trung Quốc trong tương lai đến từ mọi phía (hình 22). Trong một bản tin của Kanwa News ngày April 14, 1999, bình luận gia Andrei Pinkov đã báo động về việc Trung Quốc đã đẩy nhanh chương trình xây cất hệ thống hỏa tiển "ground-to-air " bắn từ đất liền lên không trong kế hoạch phòng vệ không gian. Trung Quốc đã điều nghiên hệ thống chỉ huy C31, bằng vệ tinh không gian (hình 23), đã bắt đầu thiết trí tại một vài căn cứ quân sự và sẽ được hoàn tất cho toàn quốc trong vài năm tới.

Đầu năm 2000, cơ quan thông tấn AP có đề cập đến dự án xây xa lộ Trường Sơn trên đường mòn Hồ Chí Minh. Tin tức về dự án này làm xôn xao dư luận cộng đồng Việt Nam cũng như quốc tế. Nhiều người lo ngại về ảnh hưởng môi sinh của dự án, như phá rừng, đất lở, lụt lội miền đồng bằng, nhưng không mấy ai để ý đến khía cạnh quân sự. Hiển nhiên, dự án này là kết quả của việc Hà Nội đã ký thuận bản hiệp ước biên giới vào cuối năm 1999. Điều đáng chú ý là con đường mòn HCM trong thời chiến chỉ bắt đầu từ Nghệ An, mạn bắc của rặng Trường Sơn, nhưng dự án xây xa lộ mới lại bắt đầu từ tỉnh Lai Châu, tỉnh cực tây bắc của Việt Nam tiếp giáp với Lào và Trung Quốc. Dự án xa lộ chạy qua miệt phía tây rặng Hoàng Liên Sơn, qua phía đông lòng chảo Điện Biên Phủ, xuống Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Kontum, Pleiku, Ban Mê Thuột, Tây Ninh, Gia Nghĩa, An Lộc, và nhập vào Quốc Lộ 1 tại Tây Ninh. Quốc lộ 1 chạy từ Bắc dọc duyên hải vào Sài Gòn rồi đổi hướng chạy về phía Tây qua Nam Vang, Cambodia. Như vậy việc chuyên chở từ biên giới cực bắc vào nam sẽ ngắn hơn và thuận tiện hơn quốc lộ 1. Từ đó, người ta có thể suy ra viễn ảnh bán đảo Đông Dương có thể bị Trung Quốc thôn tính một cách dễ dàng.

***2.- Hiểm họa về kinh tế: Mất những tài nguyên quan trọng***

Từ khi lập quốc đến nay, sinh mệnh dân tộc Việt Nam luôn luôn gắn liền với ngư nghiệp và hải sản. Với sự lấn chiếm của Trung Quốc trên vịnh Bắc Việt, Hoàng Sa, và Tây Sa, nguồn lợi hải sản, ngư sản bị thu hẹp lại khá nhiều.

Vì đáy biển quanh các quần đảo khá cạn và nhiều san hô, nhiều loài cá sinh sản tại các vùng này. Từ nay, nguồn tài nguyên thiên nhiên này đã bị người cướp đoạt và sẽ ảnh hưởng đến sự trù phú của bờ biển Việt Nam.

Hiện nay, nguồn dầu hỏa và khí đốt là năng lượng thiết yếu cho việc phát triển kỷ nghệ và sự phù thịnh kinh tế. Hoàng Sa cũng như Trường Sa là những nơi có túi dầu nằm phía dưới (hình 24). Mất hai vùng này, Việt Nam chỉ còn túi dầu nằm ngoài khơi đảo Côn Sơn mà thôi. Vùng này nằm trong lãnh hải EEZ của Việt Nam. Thế nhưng cũng đã có lần vào năm 1996, một chiếc tàu với dụng cụ rà dầu (oil survey) của Trung Quốc đã bị phát hiện.

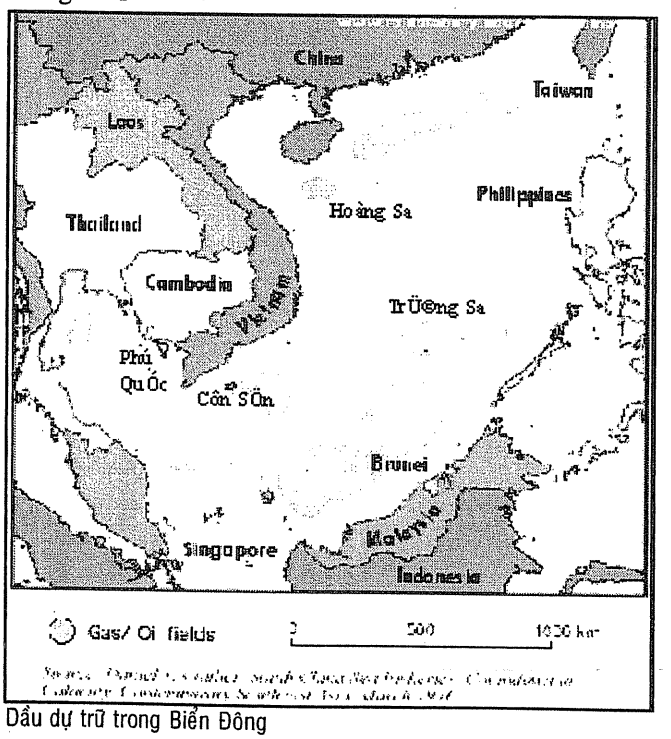


Dầu dự trữ trong Biển Đông

***3.- Hiểm họa về giao thông: Thủy lộ gián đoạn***

Bản đồ về thủy lộ của tàu viễn duyên (hình 25) trích từ tài liệu của U.S. Institute for Naval

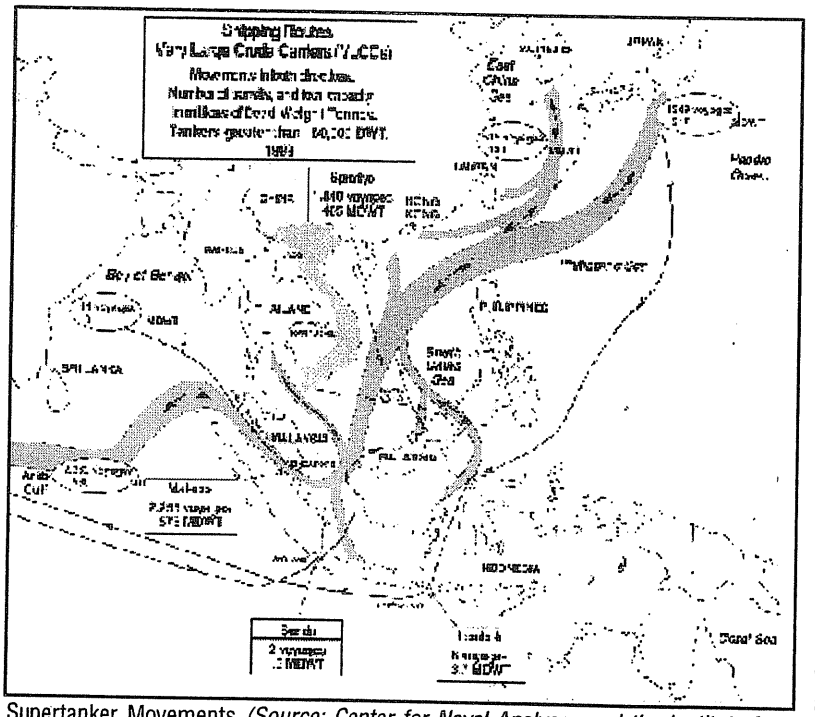

Supertanker Movements *(Source: Center for Naval Analyses and the Institute for Naval Strategic Studies)*

Strategic Studies cho thấy Biển Đông thủy lộ hàng hải chính cho tàu bè từ các nước nằm trong vùng đông bắc Á Châu chạy xuống vùng Tây Nam.

Đây không chỉ là một hiểm họa riêng cho Việt Nam, mà còn cho cả thế giới, nếu Trung Quốc thành công trong việc phong tỏa toàn vùng biển này như là một "nội hải" (territorial waters) của họ.

Trong một bài báo mới đây của tổ chức U.S. Heritage Foundations, tựa đề "How the Bush Administration Should Handle China and South China Sea Maritime Territorial Disputes", Sep. 05, 2001, tác giả Dana R. Dillon đã báo động về sự phong tỏa của Trung Quốc trên vùng biển Đông Hải. Tác giả trích dẫn bản tuyên bố của Trung Quốc về chủ quyền toàn vùng Biển Đông, trong đó có "Điều 64" như sau:

"The People's Republic of China reaffirms that the provisions of the United Nations Convention on the Law of the Sea concerning innocent passage through the territorial sea shall not prejudice the right of a coastal state to request, in accordance with its laws and regulations, a foreign state to obtain advance approval from or give prior notification to the coastal state for the passage of its warships through the territorial sea of the coastal state."

Rõ ràng đó là một sự thách thức công khai đối với các quốc gia trên thế giới nói chung và với Hạm Đội Thái Bình Dương của Mỹ nói riêng trong việc hải hành qua Biển Đông. Hành động kiểm soát và bắt giữ các tàu chở hàng của Việt Nam từ năm 1992 và sự kiện Trung Quốc xây cất trạm hải quân (navy station) năm 1995 tại vùng đá ngầm Mischief Reef nằm trong hải phận EEZ của Phi Luật Tân, đã biểu lộ quyết tâm của Trung Quốc trong việc kiểm soát tàu bè qua lại trong Biển Đông. Về mặt ngoại giao, Trung Quốc tham dự các cuộc thương thảo và ký vào các giao ước ngăn cấm việc sử dụng vũ lực. Nhưng hành động của họ thì ngược lại và luôn luôn vô hiệu hóa một cách có hệ thống (systematically nullify) bản Luật Biển Liên Hiệp Quốc UNCLOS.

Cũng theo nhận định của bình luận gia Dillon, cho đến nay, các chính phủ Mỹ từ Clinton cho đến Bush vẫn giữ thái độ thụ động ngay cả khi Trung Quốc lấn chiếm một vùng đá ngầm của Phi Luật Tân, một đồng minh của Mỹ. Hoa Thịnh Đốn vẫn tiếp tục giữ thái độ "trung hòa" (neutrality), từ chối lên án hay phản đối hành động lấn chiếm của Trung Quốc, và chỉ kêu gọi các bên nên tự hạn chế trong việc dùng vũ lực để giải quyết các cuộc tranh chấp. Một trong những suy diễn để giải thích sự thụ động của chính phủ Mỹ là: Hiện nay Washington phải theo chính sách hòa hoãn với Trung Cộng để phân chia nguồn lợi kinh tế từ việc khai thác dầu hỏa, và cũng để nhờ Trung Quốc giúp đỡ trong cuộc chiến chống khủng bố tại A Phú Hãn.

Trong khi đệ nhất cường quốc thế giới ngại phản kháng Trung Quốc như thế, thì các nước ASEAN lại không dám "bênh" nhau hoặc đoàn kết để chống lại Trung Quốc. Nhìn rõ tình trạng hiện nay, mới thấy sự suy luận của một số người Việt Nam cho rằng Hoa Kỳ sẽ không bao giờ để yên cho Trung Quốc thực hiện được mộng bá quyền của họ trên Biển Đông, để rồi kết luận rằng dân tộc Việt Nam khỏi cần làm gì cả đối với Trung Quốc, quả thật là một sự lạc quan đầy tai

hại.

Đối với Việt Nam, sự phong tỏa ngoài khơi của Trung Quốc về đường biển sẽ làm cho các hải cảng quan trọng như Hải Phòng, Đà Nẵng, Cam Ranh và Vũng Tàu mất hẳn tầm mức hữu hiệu, khi mà các thương thuyền ngoại quốc muốn đi từ ngoài khơi biển Đông vào các hải cảng này lại phải "xin phép" Trung Quốc.

*4.- Hiểm họa về môi sinh: Rủi ro về dầu loang và khí độc*

Các cuộc khai thác dầu cặn và khí đốt trong vùng Biển Đông sẽ phóng ra trên mặt biển nhiều khối lượng dầu thô bị tràn ra cũng như trong không gian các loại khí đốt chưa dùng. Nếu nhà máy lọc dầu và lọc gas được xây cất trên Hoàng Sa và Trường Sa, các chất đổ tràn hay thoát ra từ nhà máy sẽ nhiều hơn. Quanh năm, gió biển thổi vào Việt Nam chỉ có hai chiều: hoặc từ hướng đông bắc trong mùa đông, hoặc từ đông nam trong mùa hè. Gió mùa nào cũng sẽ mang dầu tràn trên biển hoặc khí đốt lan trong không gian vào nội địa Việt Nam. Dầu nổi trên biển sẽ làm ô nhiễm nước biển, sẽ che ánh nắng mặt trời làm cho đáy biển tối tăm và mất đi điều kiện sinh sản. Khí trên không sẽ lẫn vào hơi nước, gặp rặng Trường Sơn, đông lạnh và thành mưa độc trên sinh vật thực vật. Nếu việc khai thác do chính người Việt Nam quản trị, thì vì phúc lợi của dân tộc, chúng ta sẽ thận trong trong mọi việc phế thải chất độc. Ngược lại, người Trung Quốc sẽ không bao giờ quan tâm đến sự an nguy vủa người Việt Nam.

## III.- Trách nhiệm của các chính phủ cầm quyền tại Việt Nam trong 50 năm qua

Qua những dữ kiện đã được trình bày và phân tích ở các phần trên, chúng ta thấy là Trung Quốc đã bắt đầu thực thi kế hoạch lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam trong hoàn cảnh Việt Nam bị các thế lực quốc tế chia đôi thành hai miền Nam và Bắc. Đến khi miền Bắc nhờ viện trợ vũ khí của Trung Quốc mà chiếm được miền Nam, thì cuộc bành trướng của Trung Quốc càng gia tăng. Như vậy, trên phương diện lãnh thổ, tuy đảng CSVN tạo được hào quang bề mặt là "thống nhất đất nước về một mối", song bề trái là "đảng đã hy sinh sự toàn vẹn của đất nước vì mục đích thống nhất đất nước".

1.- Đảng CSVN hy sinh sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam để đổi lấy quyền lợi cho đảng

So sánh chứng từ của hai văn kiện đã trích dẫn ở phần Hai, mục I:

* Một bên là Bạch Thư (White Paper) của bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa (Miền Nam) tuyên cáo rằng "hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một phần bất khả phân của nước VNCH. *Chính phủ VNCH sẽ không nhượng bộ trước vũ lực và chịu mất chủ quyền trên các quần đảo này";*

* Một bên là Văn Thư của Thủ Tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Miền Bắc) "ghi nhận và tán thành bản tuyên bố, ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung Quốc". Văn thư này được giữ bí mật tuyệt đối trước nhân dân cả hai miền, mãi sau này mới bị Trung Quốc đưa ra ánh sáng.

Người ta thấy rõ:

* Trong khi Miền Nam bị khốn đốn vì phải dồn nỗ lực tự vệ chống lại sự xâm lấn của Miền Bắc, thì chính phủ Sài Gòn vẫn cương quyết hy sinh bảo vệ lãnh thổ. Sau khi Hoàng Sa thất thủ, dù bị Đồng Minh Mỹ bỏ rơi, Miền Nam vẫn bày tỏ quyết tâm tranh đấu quyết liệt và công bố bạch thư đưa vấn đề Trung Quốc xâm phạm chủ quyền ra trước công luận quốc tế.

* Trong khi Miền Bắc tiến hành cuộc nội chiến xâm chiếm Miền Nam với chiêu bài "Chống Mỹ Cứu Nước", thì hành động của chính phủ Hà Nội lại chứng tỏ "Vì Lợi Bán Nước", đặt quyền lợi của đảng lên trên quyền lợi của quốc gia và dân tộc.

Tuy nhiên, có người cho rằng việc kết án đảng CSVN "bán nước" là bất công, vì "bộ đội của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) đã hy sinh xương máu để bảo vệ từng tấc đất trong hai trận chiến năm 1979 tại biên giới Hoa Việt và năm 1988 tại Trường Sa". Đây là một lý luận xuất phát từ sự thiếu hiểu biết về căn nguyên của từng biến cố. Sự thật, những nguyên nhân, diễn biến cuộc chiến cho thấy CSVN quyết chiến không phải vì để bảo vệ đất nước:

* Trên phương diện công pháp quốc tế, hai quốc gia Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được thành lập bởi Hiệp Định Genève, lấy Vĩ Tuyến (Latitude) 17 làm đường ranh giới. Quần đảo Hoàng Sa nằm phía nam Vĩ Tuyến 17 và thuộc chủ quyền của VNCH. Thế nhưng VNDCCH đã gởi văn thư hội ý cho Trung Cộng tiến chiếm Hoàng Sa. Như vậy, đảng CSVN đã toa rập với Trung Quốc, hy sinh sự tòa vẹn lãnh thổ để đổi lấy sức mạnh quân sự tiến hành

cuộc xâm chiếm miền Nam.

* Sau khi Miền Bắc chiếm được Miền Nam, đảng CSVN cho quân đến tiếp thu một số đảo trong quần đảo Trường Sa do quân đội của VNCH trấn giữ trước. Đó là điều dĩ nhiên, vì nguồn lợi dầu hỏa quá to lớn, không thể bỏ được. Trung Quốc liền đòi hỏi Miền Bắc thực thi việc di nhượng lãnh thổ và lãnh hải mà trước kia hai bên đã giao kết trong bí mật.

* Đảng CSVN vì không muốn bị toàn dân Việt Nam nguyền rủa, nên toan tính bội tín bằng cách dựa vào hiệp ước hỗ tương ký kết với Liên Sô. Vì vậy mới xảy ra vụ Trung Quốc lấn chiếm biên giới Việt Nam năm 1979 và vụ Trung Quốc đánh chìm ba chiến hạm của Hà Nội năm 1988.

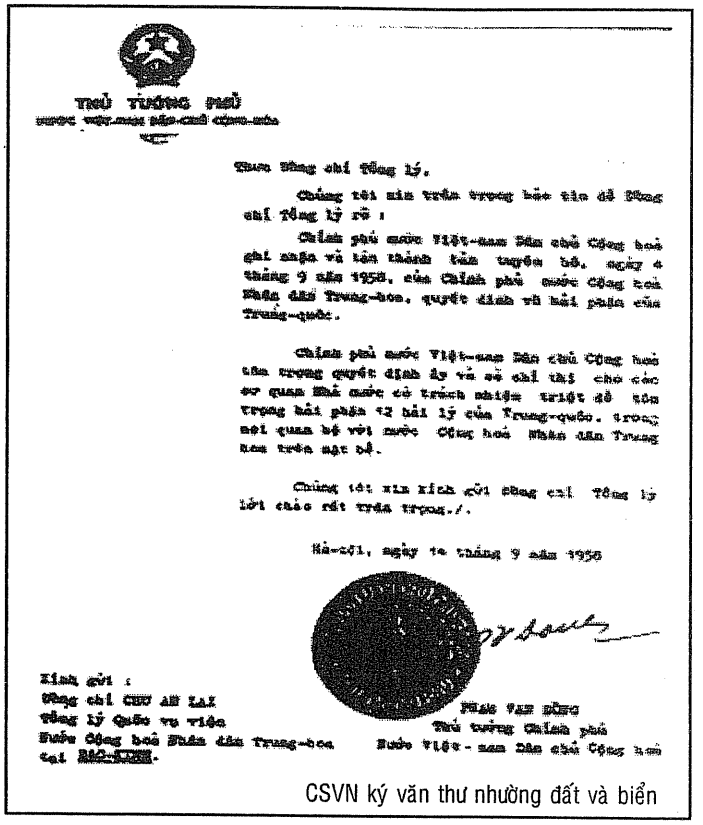

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Hà-nội, ngày 14 tháng 9 năm 1958

PHẠM VĂN ĐỒNG

Thủ tướng Chính phủ

CSVN ký văn thư nhường đất và biển

### *2.- Đảng CSVN quá yếu kém trong việc thương thuyết và luôn luôn che đậy sự thật về kết quả*

Tiếp theo sụp đổ của Liên Sô vào cuối thập niên 1980"s, đảng CSVN đã hết phương bám víu để chống lại "the Chinese aggression", nên đổi thái độ, bắt đầu ngoan ngoãn với Trung Quốc. Vì vậy mà có hiện tượng là đột nhiên Bắc Kinh và Hà Nội trở thành thân thiện, bắt đầu thương thuyết với nhau về vấn đề tranh chấp biên giới và hải phận từ đầu thập niên 1990"s đến nay.

Nói là thương thuyết, nhưng thật ra là đảng CSVN đã phải thi hành các điều đã bí mật cam kết với Trung Quốc trong thời chiến để đổi lấy viện trợ quân sự.

Hậu quả như chúng ta đã thấy, là các hiệp ước 1999 và 2000, Hà Nội đã nhượng cho Bắc Kinh vừa lãnh thổ lẫn lãnh hải của Việt Nam.

Tất cả các yêu sách của Bắc Kinh đưa ra trước khi ngồi vào bàn hội nghị, Hà Nội đều phải thỏa thuận lúc ký hiệp ước. Từ vụ Bắc Kinh đòi hỏi chủ quyền ải Nam Quan và một số vùng nằm phía bắc các sông Kỳ Cùng và sông Bằng, cho đến việc xé hiệp ước Pháp Thanh 1887 để ấn định ranh giới lãnh hải mới trong vịnh Bắc Việt để nhượng cả toàn vùng mỏ khí đốt dưới đáy biển cho Trung Quốc, Hà Nội đều triệt để tuân theo. Tất cả các thỏa thuận với Bắc Kinh, Hà Nội giữ bí mật, không bao giờ hỏi ý dân, vì biết rằng sẽ bị dân phản đối.

Các hiệp ước nhượng bộ này chắc chắn vẫn còn tiếp diễn, cho đến khi Việt Nam hoàn toàn bị Trung Quốc khống chế về mọi phương diện, hoặc cho đến khi đảng CSVN không còn quyền hành cai trị đất nước Việt Nam. Trong tương lai gần, Hà Nội sẽ phải nhượng trọn vẹn quần đảo Trường Sa và có thể cả hải phận của đảo Côn Sơn, nơi có mỏ dầu mà Hà Nội đang khai thác, kế thừa khế ước của VNCH. Vì mọi huyết mạch của đảng CSVN đã bị tên phù thủy Trung Quốc nắm lấy, cho sống thì sống, bắt chết cũng không dám cưỡng lại.

Tóm lại trong vụ đánh mất lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam trong 50 năm qua, đảng CSVN là thành phần duy nhất chịu trách nhiệm hoàn toàn trước nhân dân và lịch sử. Bề trái của các hiệp định "hữu nghị hỗ tương giữa hai quốc gia Trung Quốc và Việt Nam" đã bị phơi bày: Đó là chỉ là phản ảnh của tham vọng bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc, và quyền lợi tối thượng của đảng CSVN được đảng đặt trên quyền lợi quốc gia.

## Phần ba: đề nghị

Làm thế nào để đòi lại các phần lãnh hải và lãnh thổ của tổ tiên đã bị mất? Đó là một câu hỏi cấp thiết đặt ra cho toàn dân Việt Nam trong thời đại này để giải quyết vấn nạn của dân tộc.

Vì đây là một bài biên khảo về vấn đề Trung Quốc xâm phạm biên giới của Việt Nam, nên các phần thu thập dữ kiện và phân tích vấn đề trình bày ở trên được xem là các phần chính yếu. Tuy nhiên, bài viết sẽ được đầy đủ hơn nếu có phần gợi ý về một số giải pháp khả thi cho vấn nạn của đất nước. Ước mong những gợi ý thô thiển này sẽ được các bậc thức giả cũng như các nhà lãnh đạo các tổ chức chính trị lưu tâm tới để triển khai và ứng dụng phần nào chăng.

### I.- Vô hiệu hóa các hiệp định đã được ký kết

*1.- Những khó khăn về mặt pháp lý*

Trong tình huống hiện nay, những ai quan tâm đến vấn đề toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam cũng đều thấy rõ một điều: Các hiệp ước mà nhà nước CHXHCNVN đã chính thức ký kết với Bắc Kinh sẽ khiến cho việc đòi lại chủ quyền trên các vùng đã bị nhượng mất vô cùng khó khăn trên mặt pháp lý quốc tế. Ngày 9-6-2000, "Hiệp Ước về Biên Giới Trên Đất Liền" đã được quốc hội cũ của nước CHXHCNVN thông qua (ratify). Hiện nay hai bên đang thiết lập các bia ghi dấu (monuments) phân định ranh giới. Thế nhưng tin tức này vẫn còn bị bưng bít ở trong nước, thậm chí đảng viên thâm niên như ông Đổ Việt Sơn vẫn chưa biết và vẫn kêu gọi quốc hội mới đừng thông qua. Cho đến nay, chưa có tin tức về Hiệp Ước Phân Định Vịnh Bắc Bộ được quốc hội thông qua hay chưa. Nhưng bằng vào các sự "giao hảo" giữa hai chính phủ và sự "thăm viếng" qua lại liên miên của các giới chức thẩm quyền cao cấp nhất của hai bên trong thời gian tám tháng vừa qua, có lẽ quốc hội hai bên sẽ thông qua hiệp ước vịnh Bắc Việt trong khóa họp cuối năm 2001 hay đầu năm 2002.

Sự trì hoãn của quốc hội mới CHXHCNVN về việc thông qua Hiệp Ước Phân Định Vịnh Bắc Bộ rất có thể là hậu quả của vụ đại hội 9 của đảng đã bất ngờ thay thế Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu, người được Giang Trạch Dân, chủ tịch đảng cộng sản Trung Quốc, công khai ủng hộ trong khi đại hội 9 của đảng CSVN nhóm họp.

Cũng có thể sự trì hoãn này đã xảy ra là do sự lên tiếng phản đối của một số đảng viên CSVN và các trí thức trẻ trong nước. Gần đây, đảng viên Đỗ Việt Sơn, 78 tuổi đời, 54 tuổi đảng, đã viết thư phổ biến trên các hệ thống mạng lưới truyền tin, đề nghị tân chủ tịch quốc hội CHXHCNVN Nguyễn Văn An "không cho quốc hội thông qua hiệp đính biên giới Việt - Trung, cả trên đất liền và trên biển, đảm bảo quyền lợi cho Tổ quốc và danh dự dân tộc". Tiếp theo, Lê Chí Quang, 30 tuổi, tốt nghiệp cử nhân Luật tại Đại Học Hà Nội cũng viết bài đăng trên mạng lưới điện toán báo động về "hiểm hoạ Bắc Triều" và đặt câu hỏi "liệu tân tổng bí thư Nông Đức Mạnh có đứng vững được trước làn sóng xâm lăng từ Phương Bắc không?" Lê Chí Quang có vẻ là một thanh niên nhiệt huyết và can đảm. Anh đã nêu một câu nói của cổ nhân Hàn Phi Tử để kết luận cho bài viết của anh "Nước mất, mà không biết là bất tri; biết mà không lo liệu là bất trung; lo liệu mà không liều chết là bất dũng."

*2.- Nhiệm vụ của các thành phần yêu nước tại quốc nội*

Nếu các phỏng đoán trên (về ảnh hưởng của các phản kháng đã khiến quốc hội trì hoãn sự thông qua hiệp định vịnh Bắc Việt) là đúng, thì các thành phần tiến bộ ở trong nước phải ý thức nhiệm vụ quan trọng của ho. Họ nên hiểu rõ rằng đảng CSVN là kẻ sang nhượng đất nước cho ngoại quốc; và rằng họ không thể hy vọng gì ở sự phục thiện của bộ Chính Trị đảng CSVN. **Một trong những định hướng mà họ nên nghĩ tới là phải vô hiệu hóa các hiệp định mà đảng đã ký kết. Muốn vô hiệu hóa các hiệp định đó, họ phải loại bỏ tư cách chính danh của đảng CSVN trong vấn đề sang nhượng lãnh thổ của Việt Nam cho ngoại quốc. Từ định hướng này, họ có thể vận động, hướng dẫn dân chúng đồng loạt phủ nhận tính cách đại diện nhân dân của đảng.**

Loại bỏ tính cách đại diện nhân dân của đảng CSVN là giải pháp lý tưởng nhất. Nhưng giải pháp này đòi hỏi những người can đảm như Lê Chí Quang, Đỗ Việt Sơn phải thể hiện lời nói hiên ngang của mình bằng hành động. Nếu không làm được như thế thì ít nhất họ cũng có thể hướng dẫn quần chúng làm một số hành động cụ thể sau đây:

* Đồng loạt đặt vấn đề với quốc hội và yêu cầu quốc hội rút lại sự thông qua hiệp ước nhượng đất năm 1999, cũng như từ chối thông qua hiệp ước nhượng biển năm 2000.

* Đồng loạt ký tên vào các thỉnh nguyện thư

do các mạng lưới hải ngoại đưa lên để tranh đấu với Trung Quốc trên bình diện quốc tế.

## II..- Vận động thế giới ngăn chận Trung Quốc lấn chiếm các lân bang

*1.- Vai trò của các tổ chức Phi Chính Phủ (Non-Government Organizations - NGO) của người Việt hải ngoại*

* Đặt vấn đề chủ quyền của dân tộc Việt Nam tại LHQ.

* Vận động chính giới tại các quốc gia tôn trọng công lý và hòa bình, đặc biệt là Hoa Kỳ và các quốc gia Âu Châu lên tiếng về bản văn gọi là "Luật Biển Của Trung Hoa Cộng Hòa Quốc", đồng thời áp lực Trung Quốc tôn trọng Luật Biển Liên Hiệp Quốc.

* Vận động các quốc gia ASEAN, cùng với các quốc gia trong vùng Thái Bình Dương ra tuyên cáo chung không chấp nhận Trung Quốc xem Biển Đông là nội hải của họ.

* Vận động toà án quốc tế cứu xét vụ án Trung Quốc cưỡng chiếm Hoàng Sa và xâm lấn Trường Sa của Việt Nam.

* Phát động phong trào ký thỉnh nguyện thư yêu cầu LHQ và chính phủ Mỹ can thiệp vào tình trạng lấn chiếm của Trung Quốc. Mặc dù Luật Biển Liên Hiệp Quốc bị xem thường, Liên Hiệp Quốc chỉ cứu xét khi có sự khiếu nại mang tính cách chính thống, hoặc từ một chính phủ quốc gia, hoặc từ một tổ chức phi chính phủ (NGO)

* Thành lập một mạng lưới diễn đàn truyền thông quốc tế để kết hợp các nỗ lực đấu tranh chống lại sự tuyên truyền trên mạng lưới quốc tế của Trung Quốc và để hướng dẫn người dân trong và ngoài nước ký vào thỉnh nguyện thư bằng internet.

*2.- Vai trò của các hội chuyên gia và kỹ thuật trong và ngoài nước*

* Thu thập tài liệu và nhật tu các tin tức mới liên hệ đến các cuộc tranh chấp lãnh thổ và lãnh hải tại vùng Đông Dương.

* Chuyển ngữ các tài liệu ra nhiều thứ tiếng.

* Tổ chức các cuộc hội thảo với dân tộc láng giềng có quyền lợi tại Biển Đông.

* Hợp tác, cung cấp trao đổi tài liệu quốc nội và quốc tế qua phương tiện mạng lưới điện toán.

## III.- Thành lập một liên minh dân tộc để bảo vệ bờ cõi Việt Nam trong lâu dài

*1.- Quan niệm chỉ đạo cho Liên Minh Dân Tộc Bảo Vệ Bờ Cõi Việt Nam*

* Xác định mục đích: Liên Minh Dân Tộc Bảo Vệ Bờ Cõi Việt Nam nhằm mục đích đòi Trung Quốc trả lại các phần lãnh thổ và lãnh hải đã bị đảng CSVN di nhượng từ 50 năm qua.

* Liên Minh Dân Tộc Bảo Vệ Bờ Cõi Việt Nam vận dụng mọi thành phần dân tộc trong và ngoài nước trong thế hỗ tương, ngoại trừ thành phần lãnh đạo đảng CSVN vì họ đã chứng tỏ là không quan tâm đến quyền lợi của đất nước bằng quyền lợi của đảng.

*2.- Vị trí đấu tranh của Liên Minh Dân Tộc Bảo Vệ Bờ Cõi Việt Nam*

* Liên Minh Dân Tộc Bảo Vệ Bờ Cõi Việt Nam được tiến hành song song với phong trào đấu tranh hiện nay cho nhân quyền, dân chủ, và phong trào chống tham nhũng tại Việt Nam.

*3.- Trách nhiệm và đặc tính của Liên Minh Dân Tộc Bảo Vệ Bờ Cõi Việt Nam*

* Phối hợp hoạt động của mọi tổ chức và cá nhân quan tâm đến sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

* Hoạt động công khai trong và ngoài nước.

* Phổ biến rộng rãi tình trạng biên giới Việt Nam hiện nay đến báo chí và dư luận trong nước.

## Kết luận

***"Nếu người Việt Nam không lo, ai lo? Nếu không lo bây giờ, bao giờ?"***

Trước hiểm họa bị diệt vong hay đồng hóa tương tự như Tây Tạng, số phận của dân tộc hoàn toàn tùy thuộc vào ý thức trách nhiệm của mọi thành phần quan tâm đến sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam, trong cũng như ngoài nước. Dĩ nhiên, mọi người Việt Nam đều ý thức rằng việc bảo vệ bờ cõi đất nước là một bổn phận truyền thống của tiền nhân để lại cho hậu duệ. **Vì là một bổn phận truyền thống, nó phải được đặt cao hơn mọi ý thức chính trị và quyền lợi của mọi đảng phái.**

Ở trong nước, một số đảng viên CSVN cũng như những trí thức trẻ đã thấy rõ lãnh đạo đảng CSVN chỉ vì quyền lợi của đảng và của cá nhân họ mà làm tiêu hao tài sản của tổ quốc. Với những phương tiện truyền thông hạn hẹp, họ gióng lên những tiếng chuông cảnh tỉnh quốc dân. Tuy nhiên, để tránh bị buộc vào trọng tội "phản động, phản cách mạng" và hy vọng sẽ không bị trừng phạt, đàn áp bởi những kẻ đang có quyền thế, họ đã miễn cưỡng kèm theo lời ca ngợi công lao "chống Mỹ cứu nước" của đảng CSVN. Họ mong chờ gì ở người tập thể Việt hiện đang sống lưu vong tại hải ngoại, vốn là nạn nhân của công cuộc

"chống Mỹ" ấy? Hình thức đấu tranh của họ lại mâu thuẩn với những gì họ đã biết rõ: Dù trong lòng đã bất tín nhiệm đảng CSVN, nhưng vì sợ bị đàn áp khốc liệt, họ vẫn phải tiếp tục công nhận tính cách chính danh và tư thế lãnh đạo của đảng.

Ở hải ngoại, một số cá nhân hay hội đoàn đã và đang báo động về hiểm họa lấn chiếm của Trung Cộng. Đa số các đoàn thể đấu tranh cách mạng đều nhận rõ "lãnh đạo đảng CSVN bán nước". Khởi đi từ nhận thức này cùng nhu cầu canh tân xứ sở, các nỗ lực đấu tranh giải trừ chế độ CSVN đang được đặt lên ưu tiên hàng đầu. Tuy vậy, trên thực tế, chính vì sự khác biệt trong đường lối và ưu tiên đấu tranh, từ đó nảy sinh sự hoài nghi, bất tín nhiệm lẫn nhau. Vì vậy, việc thi hành bổn phận bảo vệ bờ cõi trở thành đơn lẻ.

Trong bối cảnh thiếu vắng một phối hợp toàn diện cho dân tộc, người viết xin chấm dứt bài viết bằng một câu hỏi dài, hướng về quý vị thức giả nặng lòng với Tổ quốc, các nhà cách mạng chân chính, các chiến lược gia lỗi lạc, và các thanh niên nhiệt huyết hậu duệ của Quốc Tổ Hùng Vương:

***- Có thể nào, một liên minh dân tộc được thành hình, có một sách lược vượt lên trên mọi khuynh hướng chính trị đương thời, kết hợp được các thế đấu tranh của mọi người Việt trong và ngoài nước, để cùng theo đuổi một mục tiêu chung là đòi lại sự vẹn toàn lãnh thổ và lãnh hải cho dân tộc Việt Nam đã bị mất vào tay Trung Quốc, hay không?***

**Nguyễn Đình Sài**

**Tài Liệu Tham Khảo**


- Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, Bộ Giáo Dục Trung Tâm Học Liệu VNCH, 1971
- Vũ Nguyệt Minh, Nước Tôi Dân Tôi, Cơ Sở Đông Tiến, tháng 11, 1989
- BBC News, "Hope For Vietnam China Sea Dispute", 26-9-2000
- Vũ Hữu San, Địa Lý Biển Đông với Hoàng Sa và Trường Sa, Hương Quê, 1995
- Jane's Intelligence Review, "A Code of Conduct for the South China Sea", Oct 27, 2000
- Datacom Ad Network, "China, Vietnam Pledge To Resolve Border Dispute", Apr 5, 2000
- Heritage Public Relations, "US Must Dispute Beijing's Claims To The South China Sea?", Sep 07, 2001
- Vietnam-Related General News, "Vietnam, China To Speed Tonkin Gulf Demarcation", May 12, 2000
- Cameron W. Barr, "Old Foes Vietnam and China Cautiously Rebuild Ties", The Christian Science Monitor, Oct 3, 1997
- Scott Snyder, The South China Sea Dispute: Prospects For Preventive Diplomacy, U.S Institute Of Peace Special Report, 1997
- John Pike, "Spratly Islands", Federation Of American Scientists Military Analysis Network, Jan 30, 2000
- White Paper on the Hoang Sa (Paracel) and Truong Sa (Spratly) Islands, Republic of Vietnam, Ministry of Foreign Affairs, Saigon 1975, Paracel Forum
- Proclamation by the Government of the Republic of Vietnam dated February 14, 1974, Paracel Forum
- Dana R. Dillon, "How the Bush Administration Should Handle China and South China Sea Maritime Territorial Dispute" The Heritage Foundation, Sep 5, 2001
- Robert Storey & Daniel Robinson, Vietnam, Lonely Planet Book, 1995
- Bruce Elleman, "Sino-Soviet Relations and the February 1979 Sino-Vietnamese Conflict", Apr 20, 1996
- Michael Studeman, "Calculation China's Advances in the South China Sea, Identifying the Triggers of "Expansionism", US Navy NWC Review, 1998
- King C. Chen, China's War With Vietnam, Standford, CA, Hoover Institution, 1987
- Felix K. Chang, "Beijing's Reach In The South China Sea", ORBIS, Summer 1996
- Trần Đại Sỹ, "Bí Ẩn Về Việc Đảng CSVN, Lãnh Đạo Nhà Nước Cắt Lãnh Thổ, Lãnh Hải Cho Trung Quốc", Nguyệt San Viêt Nam Online, BC, Canada
- Marwyn S. Samuels, Contest For The South China Sea, Mathuen & Co, New York & London, 1982: 110-117
- CIA - The World Factbook - Paracel Islands
- Carlyle A. Thayer, "Chronology of Key Events", Pacific Forum CSIS, 1999 - 2001
- Paracel Forum The Discussion Proceeds For Peace, "Vietnam Distances Itself From Spratly Islands Report
- Vietnamnavy.com/hoangsa.html: Hà Văn Ngạc, "Những diễn biến đưa tới trận chiến Hoàng Sa", 1998; Vũ Hữu San "Sau 24 Nam Nhớ Về Hải Chiến Hoàng Sa", 1998; Trần Đỗ Cẩm, "Trận Hải Chiến Tại Quần Đảo Hoàng Sa"; Trần Đỗ Cẩm, "Tình Hình Chiếm Đóng Tại Quần Đảo Trường Sa", 2000
- BBC News Online, "China Ends Huge Mine Clearing Programme," Asia-Pacific, Aug. 12, 1999
- BBC News Online, "China Clears Thousands of Landmines on Vietnamese Border", Jan. 6, 1998
- Rod Paschall, "The Bloodshed In South-east Asia", The Quarterly Journal of Military History, Nov. 14, 1999
- Trade and Environment Database Project, "Spratly Islands Dispute (Spratly Case No. 325)", Apr 30, 1996
- U.S. International Institute for Strategic Studies (IISS - FAS), Jan 30, 2000
- Andrei Pinkov, "China's Plans to Develop the National-Class C31 System", Kanwa News April 14, 1999
- OLuke T. Chang, China's Boundary Treaties and Frontiers Disputes, New York: Oceana Publications, 1982

# ẢI NAM QUAN TRONG LỊCH SỬ

TRẦN GIA PHỤNG

*(Tiếp theo và hết)*

## 5.- Trách nhiệm trước lịch sử

Một câu hỏi được đặt ra là tại sao nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội đã nhượng đất cho CHNDTH một cách dễ dàng như vậy?

Theo lý luận của các đại diện CHNDTH trong cuộc thương thuyết về lãnh hải, khi Pháp ký hiệp ước với triều đình Mãn Thanh, Pháp đang ở thế mạnh, còn Trung Hoa đang yếu thế và bị các cường quốc Âu Châu xâu xé, nên phải chấp nhận bản đồ lãnh thổ cũng như lãnh hải do Pháp đưa ra. Thật ra, trước kia, các triều đại Trung Hoa cho rằng vịnh Bắc Việt, mà họ gọi là "Giao Chỉ Dương" (Chiao-Chih Ocean), là của Việt Nam, họ không lý tới. Thậm chí, các triều đình Trung Hoa cũng chẳng mấy quan tâm đến đảo Hải Nam. Cho đến thời nhà Thanh, ngoài các hòn đảo nhỏ và ngành đánh cá, người ta chưa biết gì về tiềm năng dưới lòng biển, nên không thấy sự quan trọng của vịnh Bắc Việt. Do đó, khi Pháp cắt một phần đất thuộc tỉnh Lai Châu đền bù một cách bất hợp pháp cho Trung Hoa, nhà Thanh liền ký kết hiệp ước năm 1887 với Pháp. Nhà Thanh đã nhập phần đất nầy vào tỉnh Vân Nam. (38) Nếu CHNDTH đặt lại vấn đề lãnh hải vịnh Bắc Việt, tại sao CHXHCNVN không đặt lại vấn đề lãnh thổ Lai Châu mà Pháp đã cắt đi một cách bất hợp pháp cho nhà Thanh?

Trên đất liền, không nghe một giải thích nào cụ thể từ nhà cầm quyền hai nước tại sao phải phân chia lại biên giới? Dư luận báo chí ở Trung Hoa cho rằng CHXHCNVN nhượng vùng đất phía bắc sông Kỳ Cùng và Bằng Giang cho CHXHCNVN để đổi lấy viện trợ xây dựng những dự án kỹ nghệ trong lãnh vực thủy điện, hơi đốt, khai thác quặng mỏ, đồng thời gia tăng việc giao dịch buôn bán giữa hai nước.

Câu hỏi đặt ra là những viện trợ kể trên có thật tối cần thiết, thúc bách đến độ phải đem di sản thiêng liêng do tiền nhân để lại, ra trao đổi với các viện trợ đó và nhượng bán cho bắc phương không? Hơn nữa, nếu những viện trợ kể trên thật sự ích lợi cho toàn dân, tại sao đảng CSVN không công khai vấn đề và tham khảo ý kiến của toàn dân qua một cuộc trưng cầu dân ý? Đất đai do tổ tiên để lại là tài sản chung của toàn dân, chứ không phải của riêng đảng CS, do đó chỉ có toàn dân Việt Nam mới có quyền quyết định về những vấn đề liên quan đến lãnh thổ và lãnh hải bằng cuộc trưng cầu dân ý rộng rãi, tự do và dân chủ.

Mới đây, trong khi trả lời Đài phát thanh Little Sài Gòn Radio ở Orange County, California trong ngày thứ Năm 24-2-2002, ông Nguyễn Thanh Giang, một nhà hoạt động chính trị trong nước, cho rằng các lãnh tụ đảng CSVN đã bị CHNDTH lừa khi ký hiệp định về biên giới Việt Hoa. Ông Giang nói: "*Trung Cộng xảo quyệt giả vờ đưa ô dù cho Lê Khả Phiêu. Vì lợi riêng, ông nầy đã hiến đất cho Trung Cộng để được bảo trợ.*" (39)

Vấn đề không đơn giản ở chỗ chỉ một mình ông Lê Khả Phiêu (tổng bí thư 1998-2001) bị đánh lừa và hiến đất. Việc thương thuyết để ký kết hai hiệp ước trên không phải chỉ diễn ra giữa hai người, hoặc chỉ diễn ra trong một vài giờ, hay một vài ngày, mà nói rằng CHNDTH đã lừa được ông Phiêu? Đây là kết quả của một quá trình lâu dài bắt đầu từ thời Hồ Chí Minh cho đến ngày nay. Chính một nhân vật cộng sản quan trọng, ông Vũ Khoan đã từng viết trên *Tạp chí Cộng Sản*, số Tết Canh Thìn (2000) rằng ngay từ năm 1949, đã từng có "*một số lần ... trao đổi ý kiến, đàm phán về vấn đề biên giới.*" (đã dẫn ở trên).

Trước hết, như trên đã nói, ngay từ thời chiến tranh 1946-1954, Hồ Chí Minh và lãnh đạo đảng Lao Động Việt Nam đã làm ngơ cho quân CHNDTH tràn sang biên giới. Sau đó, trong cuộc chiến xâm lăng miền Nam (1954-1975), để được CHNDTH viện trợ quân sự, nên khi Chu Ân Lai (Chou En-lai, 1898-1976) công bố ranh giới biển 12 hải lý từ bờ biển ngày 4-9-1958, thì mười ngày sau, Phạm Văn Đồng, thủ tướng Bắc Việt cộng sản, đương nhiên với sự đồng ý của Hồ Chí Minh và Bộ chính trị đảng Lao Động, tiền thân của

đảng CSVN, đã ký quốc thư ngày 14-9 nhìn nhận ranh giới biển nói trên của CHNDTH, nghĩa là gián tiếp công nhận chủ quyền của CHNDTH trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Như thế Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và đảng CSVN đã chính thức dâng đất cho CHNDTH mà tổ tiên đã dày công xây dựng và bảo vệ.

Khi cần dồn quân xuống đánh miền Nam, Bắc Việt cộng sản đã mời quân đội CHNDTH vào bảo vệ an ninh từ khu Việt Bắc xuống tới Hà Nội, và giao cho CHNDTH in bản đồ địa lý Việt Nam loại chi tiết với tỷ lệ 1/ 1000. (40) Đưa 300.000 quân đóng từ Việt Bắc, nghĩa là từ biên giới Việt Hoa, xuống tới Hà Nội, CHNDTH đã hoàn toàn kiểm soát vùng nầy, và chắc chắn họ đã thực hiện những động tác cần thiết để chuẩn bị lấn biên, giành đất như đưa thêm dân đến sinh sống dọc theo biên giới... (41)

Trong cuộc chiến Việt Hoa (1979), quân đội CHNDTH lại tiến thêm một bước nữa, di dời các cột mốc vùng biên giới tiến sâu vào đất Việt Nam ở nhiều nơi. Có tài liệu cho biết trong thời gian chiến tranh Việt Nam trước năm 1975, khi Hồ chí Minh còn sống, để dễ tiếp tế cho Bắc Việt, CSTH và CSVN cùng đồng ý thiết lập đường xe lửa giao nhau ở biên giới Nam Quan để chuyển hàng. Vì trong thời gian chiến tranh, kỹ thuật kém, nên phía Bắc Việt làm không kịp. Sau khi làm xong phần mình, CSTH đề nghị giúp làm đường sắt tiếp tục sâu qua phần đất Việt Nam. CSVN hoàn toàn đồng ý sự giúp đỡ hào phóng của CSTH. Những người đi xe lửa qua Trung Hoa trong thời gian nầy đều xác nhận đổi tàu trong nội địa Việt Nam. Khi rút quân sau trận đánh năm 1979, CSTH cho dời cột mốc đến đầu đường sắt của của họ đã làm trước 1975 trong đất Việt Nam. Sau đó họ lý luận rằng đất Việt Nam chỉ kéo dài tới đầu đường xe lửa Việt Nam mà thôi, chứ làm sao trên đất Việt Nam lại có đường sắt của Trung Hoa. (42)

Khi cầu thân trở lại với CHNDTH sau cuộc chiến, CSVN và nhà cầm quyền CHXHCNVN đang ở trong thế yếu kém, phải xin liên minh với CHNDTH để tồn tại cũng như duy trì và bảo vệ quyền lực, là cơ hội tốt cho nhà cầm quyền Bắc Kinh áp đặt việc biên giới trên bộ và trên biển, bằng một hiệp ước công khai chính thức, và hiệp ước đó ra đời cuối năm 1999 và cuối năm 2000.

Trong bài báo đã dẫn trên của ông Lê Công Phụng, đăng trên tạp chí *Cộng Sản* số tháng 1-2001 và đã được chính cộng sản đưa lên mạng lưới thông tin quốc tế, thì: "*Vào các năm 1957, 1961 và 1963 hai nước có ký các thỏa cho phép thuyền buồm của hai bên được đánh bắt trong vịnh... Trong các năm 1974 và 1977-1978, hai nước tiến hành hai vòng đàm phán về phân định... Hai nước đã ký 'Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới – lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc' ngày 19-10-1993... Thực hiện thỏa thuận đó, từ 1993 đến năm 2000, hai bên đã triển khai bảy vòng đàm phán cấp chính phủ, ba cuộc gặp giữa hai Trưởng đoàn đàm phán cấp chính phủ và 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên... Trong các chuyến thăm Trung Quốc vào năm 1997 của đồng chí tổng bí thư Đỗ Mười và tháng 2-1999 của đồng chí tổng bí thư Lê Khả Phiêu, lãnh đạo cao cấp hai nước đạt được thỏa thuận là khẩn trương đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền trước năm 2000 và hoàn thành việc phân định để ký hiệp định vịnh Bắc Bộ trong năm 2000...*"

Như thế, theo những gì các nhà lãnh đạo đảng CSVN cho phép ông Lê Công Phụng tiết lộ, thì vấn đề thương thuyết biên giới tái tục từ năm 1993. Chúng ta đừng quên câu viết ngoại giao rất mơ hồ của ông Lê Công Phụng: "*... việc giải quyết vấn đề phân định phải xuất phát từ thực trạng cũng như nhu cầu phát triển quan hệ giữa hai nước...*" Thực trạng cũng như quan hệ giữa hai nước CHNDTH và CHXHCNVN hiện nay như thế nào? Những người cộng sản thường hay dùng nhóm chữ "các nước xã hội chủ nghĩa anh em," nhưng thực chất quan hệ giữa CHNDTH và CHXHCNVN hiện nay là quan hệ giữa kẻ mạnh và kẻ yếu, nếu không muốn nói là quan hệ thực dân và thuộc địa kiểu mới, hay quan hệ giữa chủ nợ và con nợ, trong đó con nợ **đã từng muốn vỡ nợ** (xù nợ) khi theo Liên Xô năm 1978, nên phải nhận lãnh bài học của ông Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping, 1904-1997), nhân vật quyền thế nhất CSTH sau thời kỳ Mao Trạch Đông.

Có lẽ cần nhắc lại trong thời gian bang giao giữa hai bên căng thẳng, ngày 30-7-1979, một viên chức ngoại giao CHNDTH tiết lộ cho biết từ 1954 đến 1971, 300.000 binh sĩ CHNDTH đã chiến đấu bên cạnh binh sĩ Bắc Việt, trong đó hàng ngàn người đã tử trận và hàng chục ngàn người đã bị thương. Ông ta còn xác định số lượng vũ khí CHNDTH viện trợ cho cộng sản Việt Nam từ 1950 đến 1977 lên đến 2.000.000 súng hạng nhẹ, 27.000 đại pháo, 270 triệu băng đạn, 18 triệu đạn đại pháo, 179 máy bay và 145 chiến hạm.

(43) Người Trung Hoa tính rằng số viện trợ nầy tương đương với khoảng 20 tỷ Mỹ kim theo thời giá lúc đó.

Như thế, **việc nhượng đất và nhượng biển** là một tiến trình liên tục từ các ông Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, đến các ông Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh (tổng bí thư từ 2001), **vì quyền lợi và tham vọng riêng tư của đảng CSVN, hay của những cá nhân lãnh đạo đảng**, có tính toán kỹ lưỡng lâu dài, chứ không phải dễ dàng bị đánh lừa như ông Nguyễn Thanh Giang đã trả lời trên đài Little Sài Gòn Radio.

Đây chính là kết quả của chính sách do Hồ Chí Minh và tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN theo đuổi, đi theo con đường cộng sản quốc tế, làm tay sai cho ngoại bang, liên tục gây ra chiến tranh ý thức hệ, (44) khiến cho nhân dân lầm than, đói khổ, bây giờ lại mất đất vào tay "người đồng chí cộng sản" phương bắc. Điều nầy cho thấy **chủ nghĩa quốc tế cộng sản chỉ là cái chiêu bài bề ngoài của chủ nghĩa dân tộc bá quyền** mà thôi.

Đứng về phía Trung Hoa, chiếm được ngọn đèo chiến lược có ải Nam Quan, cửa ngõ đi xuống phía nam, là kết quả một cuộc đầu tư lâu dài và bền bỉ của "tình đồng chí chiến đấu" giữa hai đảng CS anh em. Những cuộc tấn công vũ bão của vua chúa Trung Hoa ngày trước cũng như của Đặng Tiểu Bình năm 1979 không mấy thành công bằng **kế hoạch tàm thực** (45) rất tinh vi, ẩn náu trong lớp vỏ bọc chủ nghĩa quốc tế cộng sản. Kế hoạch tàm thực rất nguy hiểm, vì sau ải Nam Quan, CHNDTH sẽ từ từ lấn xuống đến một lúc nào đó sẽ nuốt trọn tỉnh Lạng Sơn rồi xuống châu thổ Hồng Hà.

Lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam là di sản do tổ tiên để lại cho toàn thể dân chúng Việt Nam, và là tài sản của toàn dân Việt Nam, có tính cách thiêng liêng, bất khả phân, bất khả nhượng. Ca dao chúng ta có câu: "*Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang,/ Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.*" Trong nông nghiệp, mỗi tấc đất là mỗi tấc vàng, nhưng trong lịch sử dân tộc, mỗi tấc đất không phải chỉ là mỗi tấc vàng. Mỗi tấc đất là mỗi di sản, là mỗi kỷ vật, mang hình ảnh bi hùng của bao nhiêu công khó, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, bao nhiêu xương máu, tim óc của tiền nhân qua hàng ngàn năm, để chúng ta có được tấc đất nầy ngày hôm nay.

## 6.- Kết luận

Tóm lại, câu chuyện ải Nam Quan lọt vào tay CHNDTH và sự ký kết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* (30-12-1999) và *Hiệp ước phân định lãnh hải* (25-12-2000) cho thấy:

1.- Pháp bảo hộ Việt Nam từ 1884 đến 1954. Trong thời gian nầy, dân tộc chúng ta bị mất độc lập, mất chủ quyền chính trị, nhưng đất nước của chúng ta được vẹn toàn, kể các quần đảo xa xôi Hoàng Sa và Trường Sa, (46) chỉ trừ một vùng ở Lai Châu mà Pháp đã cắt đi một cách bất hợp pháp giao cho Trung Hoa để đổi lấy việc ký kết hải phận trên vịnh Bắc Việt. Tuy nhiên cuộc trao đổi nầy hai bên cùng có lợi. Nay nước nhà gọi là được độc lập, nhưng chính nhà cầm quyền Việt Nam hiện thời lại cắt đất, nhượng đảo và cắt biển giao cho ngoại bang bắc phương, mà không mang lại một lợi ích thực tiễn nào cả cho dân chúng. Vùng đất bị cắt giao lại là một cửa ngõ chiến lược trọng yếu vang danh trong lịch sử nước nhà. Vùng đảo và biển mất đi chẳng những là khu vực tiền tiêu bảo vệ bờ biển, mà còn phong phú về hải sản và giàu tiềm năng chất đốt.

2.- Vì tham vọng quyền lực cá nhân, Hồ Chí Minh và một số thuộc hạ du nhập hệ thống đảng trị cộng sản chuyên chế vào Việt Nam, hoạt động cho quyền lợi của Đệ tam Quốc tế Cộng sản, chẳng những gây chiến tranh, đói khổ cho đồng bào, mà còn làm tiêu hao tài sản tổ tiên, nhượng đất cho ngoại bang để đổi lấy súng ống, vũ khí nhắm bành trướng chủ nghĩa, và bám lấy địa vị lãnh đạo độc tôn đảng trị.

3.- Đảng CSVN cai trị đất nước một cách độc tài, xem thường pháp luật, thiếu tự do dân chủ. Điều 4 hiến pháp Hà Nội năm 1992 cho phép đảng CSVN đứng trên pháp luật, nên quyền hạn của thiểu số lãnh đạo cộng sản quá lớn. Thiểu số nầy làm việc gì cũng nhân danh đảng, lợi dụng chức vụ để hành động tùy tiện, không bị hiến pháp hay luật pháp chế tài. Vì vậy, khi cần thực hiện một mưu đồ riêng tư, họ tự ý hành động mà không cần tham khảo ý kiến của bất cứ ai. Họ đặt quyền lợi và tham vọng đảng phái lên trên quyền lợi của đất nước, mà trường hợp hai bản hiệp ước trên đây là ví dụ điển hình nhất.

4.- Đặc quyền đặc lợi của nhóm lãnh đạo quá lớn, chẳng những nắm toàn quyền về chính trị mà còn nắm toàn quyền về kinh tế tài chánh. (47) Do đó, nội bộ đảng CSVN thường hay tranh chấp để giành lấy quyền lãnh đạo đảng. Sự tranh chấp quyền lực đưa đến sự phân hóa trong đảng và đưa đến hai hệ quả: Thứ nhất đối nội, giới lãnh đạo đương quyền cương quyết gạt bỏ tất cả

mọi ý kiến bất lợi cho địa vị và quyền lực của họ, nhất là những đề nghị nới rộng quyền tự do dân chủ, và nếu cần thì họ thẳng tay thanh trừng. (48) Thứ nhì đối ngoại, nhóm lãnh đạo đảng CSVN phải nhờ đến sự tiếp tay của các đảng CS đàn anh như Liên Xô trước đây và CHNDTH ngày nay, để bảo vệ địa vị. Khi nhờ như thế, các lãnh tụ thường hứa hẹn với các nước trên những điều mình sẽ thực hành sau khi nắm được quyền lãnh đạo đảng. Đó cũng là một trong những lý do ngấm ngầm để đưa đến việc cắt đất cho CHNDTH.

Trước việc đàn áp những bất đồng chính kiến trong nội bộ đảng, nhất là những đòi hỏi về tự do dân chủ, nhiều đảng viên đã bỏ đảng. Nay sự kiện ải Nam Quan lọt vào tay CHNDTH khiến cho những người trong hệ thống đảng CSVN, nhưng trung thành với tổ quốc hơn là trung thành với đảng, ý thức được quyền lợi đất nước đã bị xâm phạm thô bạo nên đã lên tiếng báo động và phản đối mạnh mẽ nhóm lãnh đạo, làm cho sự rạn nứt trong đảng CSVN càng ngày càng lớn hơn. Rồi đây, sẽ có rất nhiều đảng viên nữa thức tỉnh để quay trở về với đại bộ phận dân tộc. Không ai muốn phục vụ cho một đảng chính trị bán nước, chỉ trừ một thiểu số vì muốn được hưởng một chút quyền lợi, địa vị nhất thời mà quên đi lương tri dân tộc, mới chạy theo đảng CSVN.

5.- Từ trước đến nay, đảng CSVN luôn luôn tuyên truyền giành lấy chính nghĩa, luôn luôn tự hào rằng họ là lực lượng dân tộc tiến bộ yêu nước, và kết tội tất cả những thành phần đối lập từ năm 1945 cho đến nay là Việt gian, phản quốc, tay sai ngoại bang, ngụy quyền, ngụy quân ... Nay nhà cầm quyền cộng sản CHXHCNVN nhượng đất và nhượng biển qua hai hiệp ước trên, là bằng chứng cụ thể không thể biện minh và không thể chối cãi được tội lỗi phản quốc bán nước của đảng CSVN và nhà cầm quyền CHXHCNVN. Đây là tội lỗi lớn nhất trong lịch sử Việt Nam do tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN thực hiện, lớn hơn tất cả tội lỗi của những tên tuổi đã bị lịch sử lên án phản quốc như Trần Di Ái, Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống ... **Những nhà lãnh đạo đảng CSVN phải chịu trách nhiệm trước dân tộc và trước lịch sử hành vi nhượng đất, nhượng biển** cho ngoại bang, đã bị cấm ngặt theo điều 74 của bộ *Quốc triều hình luật* đã được ban hành từ thời vua Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497). (49)

6.- Một trong những điều kiện giúp các đảng CS trên thế giới nói chung, và đảng CSVN nói riêng có thể lộng hành, là họ luôn luôn bí mật hành động, giấu diếm hành tung, lại dùng bộ máy thông tin tuyên truyền che đậy và ngụy trang một cách kín đáo, rồi tự ý giải thích, tùy thích tung hỏa mù, gây nhiễu xạ, làm cho không ai biết được sự thật ở đâu.

Cộng sản đã tận dụng một bí quyết tâm lý mà triết gia Sigmund Freud (1856-1939) đã từng đề cập đến: nói láo được lập đi lập lại nhiều lần, lúc đầu có thể bị nghi ngờ, sau người ta tưởng là "thật", và cuối cùng người ta tin rằng đó là "sự thật," vì có quá nhiều người nói đến, quá nhiều lần lặp lại. Chẳng những thế, chính người nói láo cũng nhập tâm và tin đó là sự thật.

Ngày nay khoa học kỹ thuật tiến bộ vượt bậc, nhất là ngành truyền thông viễn liên, nên các đảng CS nói chung và đảng CSVN nói riêng không còn có thể che giấu những hành động đen tối gian trá được nữa. Mọi sự thật được phơi bày nhanh chóng trước công luận. Dân chúng không còn dễ bị lừa phỉnh như trước. Ví dụ việc CSVN nhượng đất ải Nam Quan với những tin tức, hình ảnh cụ thể loan truyền nhanh chóng và đầy đủ trên mạng lưới thông tin quốc tế, không còn có thể che giấu hay chối cãi. Trước áp lực cuả truyền thông, những kẻ lãnh đạo CSVN đành phải ủy cho ông thứ trưởng Ngoại giao viết báo và trả lời phỏng vấn vào đầu năm 2002 để biện minh cho những hành động sai trái của mình. Dầu biện minh quanh co, ông thứ trưởng cũng đã thú nhận ải Nam Quan cùng hơn 10.000 km2 vịnh Bắc Việt đã mất vào tay bắc phương.

Chính sự phát triển của ngành truyền thông giúp thế giới bên ngoài và cả dân chúng trong các nước cộng sản biết rõ tình hình và diễn tiến chính trị tại các nước Đông Âu, theo dõi, cổ võ và hỗ trợ các cuộc biểu tình địa phương, đưa đến sự sụp đổ của các chế độ cộng sản tại đây vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90. Điều đó có nghĩa là cuộc cách mạng của ngành truyền thông đã đạt được một kết quả, mà có lẽ những nhà khoa học không tiên liệu, là đã thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng chính trị tại các nước cộng sản.

Chắc chắn rồi đây điều đó sẽ tái diễn trên các nước CS còn lại, trong đó có Việt Nam. Chỉ có sự giải thể chế độ cộng sản hiện nay ở Việt Nam, thay thế bằng một chính quyền dân chủ, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mới có thể tạo sức mạnh dân tộc tổng lực, để đặt lại và đòi lại vùng đất Nam Quan và hàng ngàn cây số trên mặt biển

Bắc Việt trở về với tổ quốc. Lịch sử cho thấy nhiều lần Trung Hoa sang xâm lăng, chiếm đóng đất nước chúng ta, có khi trong thời gian dài, (50) nhưng cuối cùng tổ tiên chúng ta đã quật cường đánh đuổi quân xâm lăng Trung Hoa.

Việc đòi lại đất Nam Quan ngày nay tuy có thể khó hơn ngày trước, nhưng không thể nói là không thể xảy ra, một khi tại nước ta có một chế độ biết đoàn kết nội lực toàn dân như dưới thời nhà Trần hay dưới thời Lê Lợi, Quang Trung.

7.- Cuối cùng, chuyện ải Nam Quan đã mất là tin buồn cho đất nước, nhưng đồng thời lại cảnh tỉnh đối với toàn bộ dân chúng Việt Nam, ở quốc nội cũng như ở hải ngoại, ở trong đảng cũng như ở ngoài đảng CSVN. Không có một người Việt Nam nào có thể thờ ơ với việc đất đai cuả tổ tiên bị cắt ra để giao khống cho ngoại bang. Sự kiện nầy là một ngọn lửa hâm nóng lại ý thức dân tộc nơi mọi người, đốt cháy những hào quang giả tạo của đảng CSVN, cũng như báo hiệu sự cáo chung của hệ thống đảng trị cộng sản trong nước.

***(Toronto, 7-2-2002)***

**Chú thích:**

38. Tạp chí *Lướt sóng, Việt Báo Online* đăng lại ngày 28-1-2002.

39. Bản tin nhật báo *Người Việt Online*, California, ngày 25-01-2001.

40. Nguyễn Minh Cần, *Công lý đòi hỏi*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 114.

41. * Theo nhà văn Hoàng Tiến (hiện còn sống trong nước), thì vào năm 1954 hai bên ải có quân đội hai nước canh gác, nhưng về sau, CHNDTH cho dân tràn lấn qua xây cất nhà cửa phía bên lãnh thổ Việt Nam. Viện lý do dân chúng mới tràn lấn muốn thuộc quyền hành chánh của họ, CHNDTH xem đất đó là đất của họ.(Dương Thái Sơn, "Vấn đề cộng sản bán nước và chiến lược đấu tranh", *Việt Báo Online*, 24-1-2002.)

* Ông Nguyễn Gia Kiểng, trong bài "Hận Nam Quan ngày xưa, hận Nam Quan ngày nay," trên *Thông Luận* số 155, tháng 01-2002, kể rằng vào năm 1969, CHNDTH viện lý do xây dựng nhà ga ở Nam Quan để tiếp liệu cho Bắc Việt, đã dời cột mốc số 0 vào phía trong lãnh thổ Việt Nam 1 km, và chiếm ải Nam Quan từ đây. Sự kiện nầy bị CSVN giấu nhẹm. Năm 1971, đại tá Hải Anh, Phó văn phòng Tổng cục Chính trị, được tin nầy lên Nam Quan quan sát, bị lính CHNDTH chận lại không cho đi. Ông đã làm báo cáo lên thượng cấp nhưng không được giải quyết.

42. Bài viết của ông Lý Công Luận từ Hà Nội ngày 4-2-2002, được *Việt Báo Online*, California, đăng lại số 2496, ngày 6-2-2002.

43. Jacques Massu, Jean-Julien Fonde, *L'aventure Viêt-Minh*, Nxb. Plon, Paris, 1980, tr. 293, phần chú thích.

44. Lê Duẩn, bí thư thứ nhất đảng Lao Động từ 1960 đến 1976, tổng bí thư đảng CSVN từ 1976 đến 1986, đã từng nói: ""*Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc.*" (Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày (hồi ký chính trị của một người không làm chính trị)*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 422, phần chú thích.)

45. Tàm thực: Tàm làcon tằm, thực là ăn. Kế hoạch tàm thực là kế hoạch thực hiện từ từ, lan dần dần như con tằm ăn lá dâu.

46. Tại hội nghị San Francisco ký kết hiệp ước *Hoà bình và Phòng thủ chung* giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản ngày 8-9-1951, khi Nhật Bản tuyên bố từ bỏ chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Nhật Bản đã chiếm trong thế chiến 2, thủ thướng Trần Văn Hữu (1896 - ?), trưởng đoàn Đại biểu Quốc Gia Việt Nam tại hội nghị đã đọc diễn văn xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo nầy, và không một nước nào phản đối.

47. Nhân dịp kỷ niệm 90 tuổi, luật sư Hoàng Cơ Thụy đã đưa ra bản "Tuyên ngôn hưng quốc", viết tại Antony (ngoại ô Paris) từ ngày 10 đến 17 tháng 12-2001, trong đó có đoạn ông viết về tài sản các ủy viên Bộ chính trị đảng CSVN như sau: "*Theo nghiên cứu hồi cuối năm 2000 của một số chuyên viên ngân hàng, thì tài sản của 18 tên Việt Cộng chóp bu đã vơ vét được tới nay là (VC Politburo's Networth, Internet Thursday December 21, 2000): 1) Lê Khả Phiêu (1 tỷ 170 triệu mỹ kim); 2) Trần Đức Lương (1 tỷ 130 tr.); 3) Phan Văn Khải (1 tỷ 200 tr.); 4) Nông Đức Mạnh (135 tr.); 5) Nguyễn Văn An (143 tr.); 6) Nguyễn Tấn Dũng (1 tỷ 480 tr.); 7) Nguyễn Mạnh Cầm (1 tỷ 150 tr.); 8) Nguyễn Đức Bình (140 tr.); 9) Phạm Thế Duyệt (1 tỷ 173 tr.); 10) Nguyễn Thị Xuân Mỹ (117 tr.); 11) Trung tướng Phạm Văn Trà (1 tỷ 136 tr.); 12) Trung tướng Lê Minh Hương (156 tr.); 13) Lê Xuân Tùng (116 tr.); 14) Trương Tấn Sang (1 tỷ 124 tr.); 15) Phạm Thanh Ngân (12 tr.); 16) Nguyễn Minh Triết (197 tr.); 17) Phan Điền (156 tr.); 18) Nguyễn Phú Trọng (140 tr.)* (Tài liệu rút từ Internet) (Chú ý: danh sách nầy gồm những ủy viên Bộ chính trị khóa 8, và trước khi diễn ra Đại hội 9 tháng 4-2001. Danh sách nầy cũng thiếu những ủy viên cũ của Bộ chính trị như Đỗ Mười, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh, Mai Chí Thọ... Xin ghi lại để nghiên cứu thêm.)

48. Như trong thập niên 60 và 70, xảy ra vụ án mà tên gọi do đảng CSVN đặt là "Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài," và ngày nay, đảng CSVN đang cô lập những thành phần bất đồng chính kiến như Trần Độ, Hoàng Minh Chính...

49. Nguyễn Ngọc Huy, *Quốc triều hình luật* (phiên âm, dịch nghĩa và chú thích), Việt Publisher Thư Quán, Hoa Kỳ, 1989, tr. 189.

50. Ngoài những cuộc xâm lăng bị đánh đuổi ngay như cuộc ba xâm lăng của quân Nguyên vào các năm 1258, 1285 và 1287-1288, dưới thời nhà Trần, hoặc của quân Thanh năm 1788 thời vua Quang Trung (trị vì 1788-1792), có những cuộc xâm lăng và chiếm đóng nhiều năm như cuộc xâm lăng của nhà Minh, từ năm 1407 đến năm 1428 mới bị Lê Lợi đuổi về nước.

# RỪNG ƠI VÀ YÀNG ƠI

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Khi lâm vào những tình huống lạ lùng, khó khăn, ngặt nghèo hay tuyệt vọng - con người hay chợt nhớ đến Đất Trời, Thần Thánh. Người Việt kêu "Yàng ơi" (Thần ơi) hoặc "Ây Die" (Trời ơi) - nếu là dân miền núi, và "Ối Giời ơi"- nếu họ ở miền xuôi. Chỉ riêng anh Nguyễn Văn Trổi là có một thái độ (hơi) khác thường chút đỉnh.

Trước khi bị xử tử, anh Trổi không kêu Trời - cũng không gọi mẹ mà chỉ hô "Hồ Chí Minh muôn năm" Và cứ theo (nguyên văn) như lời ông Tố Hữu thì *"Phút giây thiêng, anh gọi Bác ba lần!"*

Về chuyện hô hoán của anh Trổi, có người đã nhận xét thế này: "*sau ba câu khẩu hiệu Hồ Chí Minh muôn năm, Tố Hữu đã hạ một câu thơ thật là thần tình: Phút giây thiêng anh gọi Bác ba lần. Và thế là ngay lập tức, mấy câu khẩu hiệu khô khốc trên kia đã không còn là khẩu hiệu nữa, nó đã thành tình cảm, xúc cảm, thành nỗi niềm thiêng liêng của cả một đời người ở cái giây phút hiểm nghèo nhất. Và người đọc bỗng ứa nước mắt. Đấy là tài nghệ của một bút pháp lớn. Bút pháp bậc thầy*". [Trần Đăng Khoa, *Chân Dung Và Đối Thoại* (Hà Nội: Thanh Niên,1988), 10].

Không những chỉ đọc, tôi còn viết lại câu thơ vừa dẫn. Sau đó, tôi ngồi (rồi nằm) lắng nghe lòng mình -lâu thật là lâu - nhưng sao tuyệt nhiên không thấy có chút "tình cảm" hay "xúc cảm" và "nỗi niềm thiêng liêng" gì (trào dâng) hết trơn hết trọi. Nước mắt cũng không "bỗng ứa ra" - như nhà thơ Trần Đăng Khoa mong đợi. Thi sĩ với thường dân khác nhau thế đấy.

Những "khẩu hiệu khô khốc" này chỉ khiến tôi đâm thắc mắc là tại sao ("phút giây thiêng") anh Nguyễn Văn Trổi không gọi hai lần, năm lần, hoặc một trăm lần mà lại "gọi Bác ba lần" - như vậy? Nỗi băn khoăn của tôi, tất nhiên, không có người giải đáp. Anh Nguyễn Văn Trổi đã chết. Tố Hữu thì chưa nhưng ông ấy không phải là một người khả tín.

Tương tự như anh Nguyễn Văn Trổi, ông Tố Hữu cũng thích "mần" cách mạng. Khác với anh Trổi, ông Tố Hữu chỉ chuyên làm thơ ở trong nhà - chứ không làm đặc công, mang mìn đi gài chỗ này chỗ nọ.

Sau khi bị bắt quả tang đang loay hoay đặt chất nổ dưới chân cầu Công Lý, người ta mang anh Trổi ra xử bắn tại pháp trường - Sài Gòn. Ông Tố Hữu (tất nhiên) không có mặt nơi đó. Lảng vảng xa gần, xớ rớ đâu đó, cũng không. Ông ấy ở tuốt ngoài Hà Nội lận. Việc anh Trổi gọi tên bác ba lần hay sáu lần... hoàn toàn là chuyện bịa!

Mà cái gì chứ bịa chuyện thì đúng là sở trường của ông Tố Hữu, như chính ông ta đã (hãnh diện) thừa nhận điều này. Khi được hỏi về hoàn cảnh sáng tác của một bài thơ khác, viết về Điện Biên Phủ, Tố Hữu "nheo nheo một bên mắt, vẻ trẻ trung, tinh nghịch" và nói:

- Này, xem ra không thể tin cánh văn nghệ được đâu hỉ. Phịa, toàn là phịa. Chỉ có điều là mình phịa như thật, nên người ta cũng tha cho.

Rồi Tố Hữu lại cười. Nụ cười thật hiền hậu. Trông ông lúc này có dáng vẻ của một ông Phật...

- Thế từ lúc mở màn cho đến khi kết thúc chiến dịch, anh có lên Điện Biên Phủ bao giờ không?

- *Không! Nào mình có biết Điện Biên ở đâu mà đi (sđd, trang16 & 17).*

Nếu Trần Đăng Khoa không phải là một người phịa chuyện thì Tố Hữu (rõ ràng) là một người vô tư, vui tính, "thật hiền hậu" và "có dáng vẻ của một ông Phật." (Mô Phật!)

Đó là mới nói về phần nhân cách và ngoại hình. Thi tài mới là điều cần nói khi viết về một thi sĩ, và Trần Đăng Khoa đã nói đến tài năng của Tố Hữu (một cách rất ví von) như sau: *"Nếu mỗi nhà văn là một người thư ký của thời đại, theo quan niệm Balzac, thì Tố Hữu chính là người thư ký của cách mạng. Thơ của ông là biên niên sử của cách mạng Việt Nam"* (sđd, trang 10).

Tôi nghĩ đến Đức Phật cùng với một tiếng thở dài (cố nén) và sao thấy ái ngại (hết sức) cho - cái được gọi là - "biên niên sử của cách mạng Việt Nam." Tưởng gì chớ làm thư ký thì đâu cần phải có "bút pháp bậc thầy," và cũng không cần "

lớn." Trung bình cũng được. Nhỏ cũng không sao. Chỉ cần trung thực là đủ. Mà trung thực hay khả tín, như đã thưa, là điều hoàn toàn trái ngược với bản tính của ông Tố Hữu (nói riêng) và những người chuyên hành nghề cách mạng - ở Việt Nam (nói chung).

Và đó cũng là lý do tại sao ông Tố Hữu bị nhiều người coi thường hay chê trách. Khách quan mà nói, tôi e rằng dư luận có phần khắt khe với ông ta. Sở dĩ Tố Hữu cứ bịa hết chuyện này đến chuyện nọ chỉ vì bộ mặt thật của "cách mạng Việt Nam" rất khó coi, cần phải che dấu - thế thôi. Đó là một thứ La Face Cachée, nếu nói theo tiếng Tây- và nói theo kiểu của nhà văn Bùi Tín.

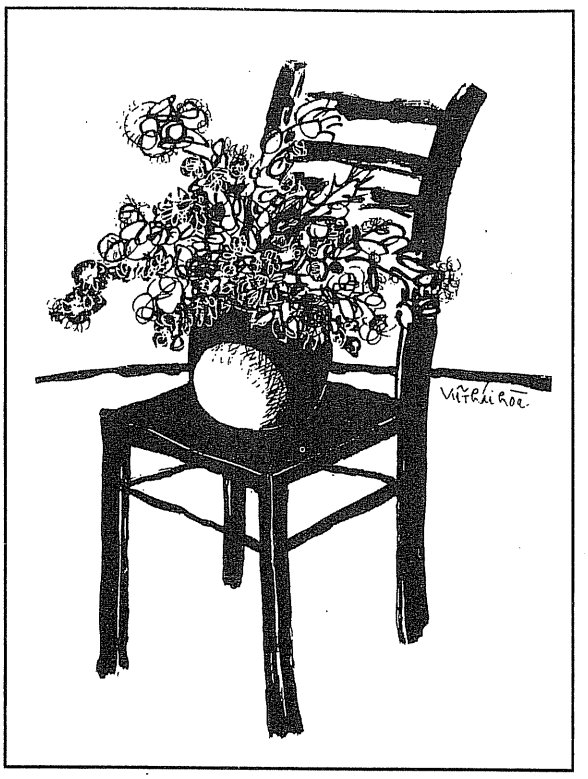

Ngay cả sau khi "cách mạng" đã thành công, cướp được chính quyền, những người cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục giữ thái độ dối trá và trí trá. Những kẻ kế nhiệm ông Tố Hữu sau này, để làm "loa" cho nhà nước, cũng không bao giờ thốt lên được một lời nào thành thật.

Trong một bức thư ngỏ, viết từ Hà Nội, được phổ biến rất rộng rãi vào những ngày gần đây, có đoạn đáng chú ý như sau: *"Hai ngày sau Đại Hội Đảng IX, tức là ngày 24 tháng 4 năm 2001, tôi đã bị bắt vào tù rồi! Vậy mà khi dư luận trong nước dấy lên sự phản đối việc bắt giữ tôi và các tổ chức nhân quyền thế giới chất vấn chính phủ ta về việc bắt giữ cựu chiến binh Vũ Cao Quận thì bà Phan Thúy Thanh - người phát ngôn của bộ ngoại giao chối bai bải là không hề có việc bắt tôi, chuyện bắt tôi bỏ tù là chuyện bịa đặt vu khống của kẻ xấu"* (Vũ Cao Quận, "Thư Ngỏ Gửi Ông Phan Khắc Hải, Thứ Trưởng Bộ Văn Hóa - Thông Tin." *Người Việt*, 14 Mar., 2002).

Tôi tận tình chia sẻ sự bất nhẫn của ông Vũ Cao Quận nhưng không đồng tình với những lời lẽ nặng nề mà ông ấy dùng để mô tả việc làm sai trái của bà Phan Thúy Thanh. "Chối bai bải" không phải là phương cách ứng xử thích hợp cho bất cứ loại người nào. Đó chỉ là thái độ của một con "vẹm" cái.

Cũng như ông Tố Hữu, bà Phan Thúy Thanh bắt buộc luôn luôn phải dối trá hay trí trá. Lý do: cái chế độ mà bà ta lựa chọn để phục vụ được cấu thành và dựng xây trên sự gian xảo mà. Làm sao bà ấy có thể cư xử đàng hoàng và lương thiện được?

Tôi chỉ hơi lấy làm buồn khi nghe bà Thanh tuyên bố rằng phần lớn những người Việt thuộc sắc tộc thiểu số đang tị nạn tại Cao Miên có "ước vọng nóng bỏng" được hồi hương (Vietnam's Foreign Ministry spokeswoman Phan Thuy Thanh said it was "regrettable" UNHCR had so far returned only 15 minority people from Cambodia under a tripartite agreement reached in January, despite 'the burning desire' of most of them to come back), theo như tường thuật của ký giả David Brunnstrom - qua bản tin của hãng Reuter, gửi đi từ Hà Nội vào ngày 13 tháng 3 năm 2002 .

Bà Thanh không phải là phát ngôn viên của những người tị nạn. Lẽ ra, bà ấy không nên lanh chanh như thế. Tương tự, bà Thanh cũng không có thẩm quyền hay tư cách gì để khẳng định rằng "những người Việt nam đang sống trong những trại tạm cư ở Cam-pu-chia không phải là người tị nạn. Họ là những người do bị kích động, lừa gạt đã vượt biên trái phép sang Cam-pu-chia" (*Nhân Dân*, 7 Mar., 2002).

Ủa, sao kỳ vậy cà? Nói vậy không lẽ hồi giờ "**đã**" có người vượt biên "đúng phép" ra khỏi Việt Nam sao? Không lẽ bà Phan Thúy Thanh quên rằng cách đây chưa lâu, có vài triệu người

dân Việt cũng vượt biên "trái phép" như thế đến những quốc gia lân cận - trong số đó có Cao Miên sao? Những kẻ này - theo như lời của nhà đương cuộc Hà Nội, vào thời điểm đó - cũng bị "kích động, lừa gạt" để chạy theo "bơ thừa sữa cặn," "theo chân đế quốc" và "bọn phản động" vậy.

Rồi, chả hiểu tại sao, khi khổng khi không hàng triệu người "vượt biên trái phép" này (bỗng) trở thành "khúc ruột xa ngàn dặm", và "một bộ phận không thể tách rời của dân tộc" ("Tổng Bí Thư Nông Đức Mạnh Chúc Tết Bà Con Việt Kiều," *Nhân Dân,* 2 Feb. 2002).

Cũng cùng số báo này, trong bài tường thuật về "buổi lễ" đón tiếp Việt Kiều thăm quê hương ăn Tết Nhâm Ngọ, tôi điểm danh thấy dân làng Ba Đình (từ trên trở xuống) không thiếu mặt bất cứ một ai - ngoài Võ Nguyên Giáp. Ông đại tướng vắng mặt không phải vì liêm sỉ hay tự ái mà chỉ vì đang bịnh quá, đi hết nổi - vậy thôi.

Trí nhớ của đám người cộng sản Việt Nam về chuyện tị nạn, rõ ràng, hơi ... ngắn. Và trí nhớ tập thể của khối người Việt tị nạn ở hải ngoại, xem ra, cũng không lấy chi làm dài. Họ quên rằng cách đây chưa lâu chính mình cũng vượt biên "trái phép," cũng sống lây lất ở những trại tị nạn này hay trại tị nạn khác, cũng ăn cơm của Cao Ủy Tị Nạn, cũng bị cảnh sát (Thái Lan - Nam Dương hay Mã Lai) đánh đập. Do đó, chuyện cảnh sát Căm Bốt dùng roi điện trấn áp những người tị nạn khi họ phản đối chuyện bị giao trả về Việt Nam (Cambodia police recently assaulted asylum seekers with an electric baton at ne U.N. refugee camp when they spoke out against returning to Vietnam - theo như nguồn tin của Reuters, đánh đi từ Phnom Penh vào ngày 4 tháng 3 năm 2002) đã không khiến cho bất cứ ai nóng ruột hay nóng mặt. Chả thấy một cá nhân, tổ chức, hội đoàn, lực lượng, mặt trận... nào lên tiếng hết - cho dù chỉ là một tiếng thở dài.

Ngọn lửa Tây Nguyên bùng cháy, rồi âm ỉ từ hơn một năm qua,dường như, cũng không khiến ai quan tâm hay xao xuyến. Chúng ta sót xa vì từng tấc đất bị cắt cho lân bang nhưng dửng dưng trước chuyện đồng hương của mình bị đàn áp và ngược đãi. Tại sao vậy chứ? Không lẽ đồng bào "thượng" không phải là đồng bào... "thiệt" sao?

Mà dù có "thiệt" vậy chăng nữa thì cũng đừng quên rằng ngoài bờ biển ra, phần biên giới còn lại của Việt Nam đều là nơi cư ngụ của những sắc tộc thiểu số - tự ngàn xưa. Cho dù hoạ cộng sản sẽ qua và sắp qua, quê hương sẽ được quang phục trong những ngày tháng tới, quan niệm (hẹp hòi) của người Kinh về chủng tộc cần phải được xét lại; nếu không, đất sẽ mất nữa và nước (rồi) cũng thế thôi./.

NGUYỄN NAM AN

# ĐÊM NÚI SÔNG CHIA

*Mưa bây giờ trên mái poncho*
*Đồ hành quân những ngày bùn đất*
*Lâu lắm rồi em anh chưa lần gặp*
*Mái nhà quen chiều khói ấm thân yêu*

*Đêm núi sông chia chiến trận tiêu điều*
*Bạn bè chết đồi tranh đôi ngả*
*Anh có trên vai ấu thời xa quá*
*Con mắt trông về đã lạ từ đi*

*Mưa bây giờ quê quán chia ly*
*Tin thành phố ngưng bắn mà súng nổ*
*Mẹ vẫn trên vai những ngày oằn khổ*
*Em dại vào đời những bước bơ vơ*

*Phố xá xa ơi chân đất ngày thơ*
*Bỏ vào ba lô anh đi lên núi*
*Anh đặt bẫy mìn cho trò chơi mới*
*Khi xa bồ khèo trộm ổi nhà ai*

*Đêm qua có thằng tàn giấc mơ phai*
*Nhưng không thể bỏ cuộc này. Chấm hết!*

# MỒ HÔI NƯỚC MẮT

ĐẶNG MAI LAN

Lúc nghe chị Nguyệt nói với mấy người làm chung trong xưởng rằng da chị đen, vì ở Việt Nam suốt ngày chị phải ngồi ngoài đường bán trái cây, nắng Sài Gòn đã ăn sâu vào da mặt chị, không cách chi nhả được hết. Thư không biết chị bán trái cây ở đâu? Chị ngồi trên những cái sạp cao sau chợ Bến Thành, hay xập xệ quang gánh ở các vỉa hè? Nhưng chắc chắn là chị sẽ không tha thứ cho bất cứ ai mua trái cây của chị mà eo xèo giá cả. Chị sẽ nguýt, sẽ háy bằng con mắt sắc như dao, hoặc mỉa mai rủa sả họ... Nhất là những cô học trò khờ khạo như Thư, thích ăn quà vặt mà cứ xớ rớ đến gần ngắm nghía rồi chẳng mua gì hết. Da mặt chị đen, lại bị rỗ chằng chịt, tạo nên một vẽ dữ dằn, đanh đá. Từng ấy nét đủ cho Thư tưởng tượng ra những điều không mấy đẹp về chị.

Mấy ngày đầu, khi Thư đến làm việc chị chẳng thèm ngó ngàng đến Thư. Giờ ăn trưa, Thư ngồi một chỗ vì cô ăn uống rất đơn giản. Mỗi ngày trước khi đến xưởng, Thư chỉ ghé vào tiệm bánh mì, mua một cái *pâté chaud*, hoặc một khúc bánh xếp nhân *jambon fromage*, vậy là đủ cho Thư một bữa ăn. Nhưng các chị ấy thì không. Chị nào cũng hộp này, hộp nọ... Bày biện trên cái bàn bỏ không ở góc phòng, cùng ăn chung và cười nói huyên thuyên đủ thứ chuyện. Chị Nguyệt ăn uống có vẻ kiểu cách hơn các chị kia. Đi làm, chị mang theo một cái phích lớn có hai ngăn, lúc nào chị mở ra cũng có cơm canh nóng hổi bốc khói, chị lại còn có thêm một cái phích khác nhỏ hơn để đựng cà phê. Trên máy của chị luôn luôn có cái gạt tàn thuốc. Ngồi may đồ mà chị hút thuốc liên miên. Đôi khi chị rỉ rả những câu vọng cổ.

Chừng một hai tuần thì chị bắt đầu nói chuyện với Thư, có vẻ thân mật hơn. Tuy nhiên mỗi khi trò chuyện với chị cô cứ thấy ngại ngần, sợ nói gì không phật ý sẽ bị chị quở mắng. Quả thật khuôn mặt của chị luôn làm cho cô bé sợ hãi.

Một bữa chị hỏi Thư :

- Còn trẻ, sao không kiếm cái nghề nào học, rồi đi làm, chui vô cái xưởng ba na nã này làm gì?

- Dạ, em đang chờ kêu đi học. Vào đây làm là vì họ chỉ khai phân nửa, phân nửa trả tiền mặt. Với lại ở đây em muốn nghỉ giờ nào cũng được, chứ hãng Tây họ đâu có chịu mướn như vậy.

- Ừ, tui cũng vậy, tiếng Tây tiếng u không rành, chỉ có mấy thằng Rệp này nó mướn, được cái nó chịu cho hút thuốc. Mà không cho hút thuốc là tui nghỉ. Hút mấy chục năm rồi làm sao bỏ được.

Chị không nói được tiếng Pháp nhiều. Công việc may vá kể ra không có gì khó khăn. Nhìn vào chẳng cần giải thích lôi thôi cũng biết phải làm gì. Nếu có chuyện khó khăn thì chị nhờ mấy chị giỏi hơn thông dịch cho chị. Vậy mà có một lần chị đi xuống kho chứa đồ ở tầng lầu dưới với ông chủ người Ả Rập. Bất đồng ngôn ngữ, chẳng biết bàn bạc thỏa hiệp thế nào mà một lát sau chị trở lên với một cái bao to, trong đó đầy vải vóc, quần áo. Chị mở tung ra cho mọi người coi.

Thư hỏi :

- Bộ ổng cho chị hả chị Nguyệt?

- Nghèo mà ham, đời này hổng có cái gì cho không đâu! Tao hứa đi làm cho nó sáng chủ nhật. Đời này cái gì cũng phải đánh đổi bằng mồ hôi nước mắt đó cưng!

Chị nhìn Thư bằng đôi mắt kiêu hãnh của một đàn chị, đang dậy đời cho đàn em mình, với cái giọng nhừa nhựa khi nói đến hai chữ Đời Này. Thư thân chị hơn, Thư thấy quý mến chị. Rõ ràng chị là một người ít học, nhìn chị dữ dằn nhưng chị lại có vẻ đằm thắm hơn, không ăn nói bặm trợn như mấy chị khác. Mỗi trưa, trong lúc ăn cơm mấy chị thường đem chuyện chồng con ra nói. Thường thường câu chuyện nào rồi cũng dẫn đến chuyện gối chăn, đàn ông đàn bà. Thư nhớ có một lần, nghe một chị ngồi gần Thư hắt hơi liền mấy cái. Thư thật tình khuyên :

- Chị có vẻ bị cảm rồi đấy! Coi chừng phải uống thuốc.

- Ừ tại tối hôm qua chị ngủ mà quên mặc xì líp đó em!

Không đợi phản ứng của Thư, chị Nguyệt vừa nghe dứt câu đã la toáng lên... Tụi bay cứ nói năng bậy bạ, đầu độc con nít. Nói chuyện khác đi! Hai mươi lăm tuổi nhưng Thư biết Con Nít ở đây là chị Nguyệt muốn ám chỉ Thư. Chị thường bênh vực Thư. Chị không muốn nhìn Thư đỏ mặt lúng túng với những câu chuyện không lành mạnh như thế. Nhưng ngược lại chị thường nhại giọng Bắc để chọc ghẹo cô, hay bất cứ một điều gì có mang những nét đặc thù của người miền Bắc.

- Nè, bữa nay mày ăn cái gì vậy?

Thư xấu hổ không trả lời.

- Cũng mấy cái bánh nữa phải không? Ăn vậy mà hổng thấy nóng ruột. Cất đi, chiều về ăn. Bữa nay ăn với tao, món Bắc Kỳ.

Chị nói và mở cái hộp ra cho Thư coi. Thư thấy trong hộp có đựng bún, dăm ba thứ rau thơm và mấy bìa đậu phụ chiên vàng. Lại có cả một cái lọ nhỏ đựng mắm tôm.

Chưa kịp chờ Thư nói, chị lại tiếp :

- Bộ hổng phải món Bắc sao? Nè, nói cho biết tui học cách ăn này của mấy bà Bắc Kỳ hồi bán hàng ở chợ Tân Bình đó nghe. Rau sống cuốn với bún và tàu hủ, nhưng tàu hủ phải xé như vầy nè, chứ không được cắt bằng dao, cắt bằng dao là hổng đúng điệu!

Chị vừa nói vừa xé bìa đậu phụ ra thành nhiều miếng nhỏ và mời Thư. Ăn đi chớ! Khiếp, Thư không biết chị đã rửa tay chưa? Cô muốn vào nhà vệ sinh rửa tay, trước khi ăn nhưng lại sợ chị hiểu và giận. Tuy nhiên chưa có bữa ăn nào Thư lại thấy ngon miệng đến thế. Mãi rồi Thư cũng bớt đi sự nhút nhát, sợ sệt. Cô đã bỏ đi hẳn cái lớp Bắc Kỳ tiểu thư mà chị Nguyệt nói. Mỗi trưa, có khi chẳng đợi chị mời, thấy chị có món gì ngon ngon là cô tự động tới xin ăn thử. Lúc trước nói gì với chị cô cũng dạ dạ vâng vâng. Bây giờ Thư nói luông tuồng. Nghĩ gì nói nấy.

Thư nói :

- Em thích người miền Nam như chị. Người Nam vui tính, rộng rãi.

Chị lườm Thư :

- Bay nói tao rộng rãi tại tao hay đem đồ ăn cho tụi bay ăn chứ gì!

- Chị nói ác quá, thích là thích tính tình của chị chứ đâu phải đồ ăn. Em còn khoái nghe chị ca vọng cổ nữa kìa. Mỗi bận nghe chị ca em nhớ má em quá!

- Vậy sao? Bộ bà già biết ca vọng cổ há?

- Má em không biết ca nhưng tối nào bà cũng mở radio nghe cải lương. Ở đây, ngày nào cũng nghe chị ca, không nhớ nhà, nhớ má sao được!

- Ngộ hén, Bắc kỳ mà thích cải lương!

Chị cười tủm tỉm rồi ngân nga ... *Tín nữ đi tu làm sao cho thành chánh quả...* Hoặc *Chúc Anh Đài ơi, bây giờ muốn gặp nhau phải ra Nam Sơn Tiểu Lộ...* Nghe mãi, Thư đâm thuộc làu những câu vọng cổ của chị. Và chị thích thú lắm mỗi khi Thư đề nghị chị ca.

Chị Nguyệt có dễ dãi vui tính hay không thì Thư không chắc lắm. Nhưng chị rộng rãi chứ không bủn xỉn về vấn đề tiền bạc. Làm việc với chị được bốn tháng, Thư bỏ xưởng may để đi học ngành điện toán. Đời sống Thư có những sinh hoạt khác. Thư không còn gặp chị Nguyệt thường nữa. Tính Thư năng động và cũng ham vui nên cuối tuần Thư thường theo các bạn trong hội Thanh Thiếu Niên Tị Nạn đi làm việc thiện nguyện như dạy tiếng Việt cho các em nhỏ, quyên tiền giúp cô nhi viện Gò Vấp do một linh mục trong họ đạo đem về Việt Nam. Hoặc quyên tiền cho hội Phật Giáo để xây chùa. Việc gì cô cũng hăng hái lăn mình vào. Thư và những bạn trẻ ấy phải chia nhau đến từng khu phố. Có nhà họ tiếp đón các cô đàng hoàng, vui vẻ đóng góp. Có nhà họ chẳng thèm mở cửa hoặc mời vào nhà, nhưng lại tra vấn mỉa mai : Giúp VN à, tiền có đến tay thật không đó? Thôi tôi cũng sắp về, để tôi đến thẳng đó giúp tốt hơn. Chị Nguyệt không như thế! Chùa hả, nhà thờ hả? Thôi kệ, chùa hay nhà thờ gì cũng là việc đạo đức. Ăn bao nhiêu cũng hết,

tao làm việc thiện để đức cho con. Không nhiều nhỏi gì nhưng chị sẵn sàng đóng góp. Có hôm không có tiền sẵn ở nhà, chị hẹn Thư ngày khác đến lấy. Khi Thư than phiền là đôi khi tụi em tới mấy gia đình không phải để quyên tiền mà chỉ muốn phổ biến một ít tin tức tài liệu liên quan đến VN, người ta cũng không thèm tiếp chị ơi. Chị lại nhanh nhẩu : Đi phổ biến hả, con nhỏ này khờ, để tao chỉ cho. Mày cứ vào trường đua sáng Chủ Nhật là không xảy vào đâu được. Đủ mặt anh hùng hảo hớn ở đó, tha hồ mà phổ với biến !

Chị Nguyệt tài thật ! Thư cứ tưởng là khi đến cái quán cà phê trong khu trường đua cô sẽ chỉ gặp những vị anh hùng hảo hớn như chị đã nói. Thế mà cô gặp luôn cả các bà nội tướng mà Thư nghĩ đơn giản là các bà chỉ biết ở nhà chợ búa trông con. Đương nhiên là có cả chị Nguyệt nữa. Nếu các nội tướng ấy chỉ đi theo các đức lang quân vào ngồi quán, lai rai ly cà phê, chuyện phiếm... thì đâu có gì để nói. Họ cũng uống cà phê đấy, nhưng hầu như người nào cũng có một tờ báo để trước mặt. Tờ báo liệt kê những con ngựa sẽ chạy trong cuộc đua vào buổi chiều. Đã thắng bao nhiêu trận? Con ngựa nào được xếp vào loại thượng thặng, cũng như ngoại hạng. Điều làm Thư kinh ngạc là chị Nguyệt không nói được tiếng Pháp, tiếng Việt chưa chắc chị đã viết đúng chính tả, nhưng chị lại hiểu rõ ràng rành mạch những hàng chữ trên tờ báo mà Thư nhìn vào chẳng hiểu gì. Như mấy người kia, chị cũng đánh dấu, nguệch ngoạc ghi chép linh tinh trên trang báo, như đang nghiên cứu một chương trình gì quan trọng lắm. Họ còn trở thành những nhà phân tâm học bàn bạc về những giấc mơ. Những sự kiện xảy ra trong mơ được họ phân tích tỉ mỉ rồi đặt tên bằng những con số. Và họ tin tưởng là những con ngựa có mang những con số đó sẽ thắng cuộc đua, dù là con ngựa hạng bét mà họ gọi là ngựa què... Đương nhiên là Thư không thể nào tin những chuyện này. Nhưng qua chị Nguyệt, Thư biết có nhiều người đã trúng những số tiền rất lớn, nhờ vào những giấc mơ. Giấc mơ nào cũng là vị thần tài, hứa hẹn mang đến bổng lộc tốt lành cho họ. Biết bao thứ chuyện về mơ thật là thú vị và khôi hài mà Thư nghe được ở đó. Lâu lâu nhớ đến Thư lại buồn cười.

Thư không còn gặp chị Nguyệt từ khi cô đi làm ở Paris. Thư mướn phòng trọ ở hẳn trên đó, đôi ba tuần cô mới về thăm nhà một lần. Không còn có thì giờ lăn mình vào những sinh hoạt xã hội, dĩ nhiên là Thư cũng chẳng có cơ hội để đến một nơi mà Thư đặt tên là nơi tràn đầy hy vọng. Sự thất vọng hình như không có ở cái quán cà phê bát nháo nhộn nhịp ấy.

Tin chị Nguyệt mất làm Thư thẩn thờ. Người này nói chị chết vì tim, người khác kể chị bị lên cơn suyễn nặng, ngạt thở không cấp cứu kịp. Suốt cả ngày Thư nghĩ đến chị, đến cái xưởng may bụi bậm, ngổn ngang bừa bãi vải vóc áo quần. Nhớ mỗi trưa cả bọn tụm lại ăn uống, chị hay ép Thư phải ăn thử những món ăn là lạ Nam Kỳ của chị và nghe chị nghêu ngao ca hát. Thư nhớ cái giọng nhừa nhựa khàn khàn đầy khói thuốc của chị làm cho buổi trưa như buồn bã hơn, như dài thêm ra. Nhưng nó lại không mang đến cho cô một sự ngấy chán. Cô không thể giải thích nổi. Nó là cái gì mà Thư thấy thiêu thiếu ở đây. Và nó làm Thư nhớ nhà. Nhiều năm rồi mà cái cảm giác nhớ nhung, cái không khí thiu thiu buồn thuở đó như còn đọng trong ký ức của Thư.

Thư không rõ chị mất hôm nào, khi Thư về thăm nhà thì tang lễ đã cử hành vài ngày trước

LÝ THỪA NGHIỆP

## CON SÔNG VẪN CHẢY

*Người còn chằm lá bên sông*
*Nắng rơi ủ dột trên đồng ruộng xa*
*Đâu hay khi tuổi về già*
*Bao nhiêu hiu hắt thổi qua đời mình*
*Bây giờ trong nỗi lặng thinh*
*Con sông vẫn chảy vô tình làm sao.*

## TỊNH XÁ

*Mình về đất Sóc ngắm trăng*
*Thả con diều giấy gió căng ngực trời*
*Lòng tôi biển tạc bóng người*
*Qua thăm xóm cũ thương đời bạc đen*
*Chùa xưa trông nhạt hương đèn*
*Mẹ ơi! Tịnh-Xá còn rền tiếng Kinh.*

đó... Dù ngắn ngủi nhưng giữa chị và cô cũng có những kỷ niệm, những chia xẻ đậm đà từ ngày cô chân ướt chân ráo, tập tành làm việc trong cái xưởng may nghèo nàn đó. Thư nghĩ là mình phải đi thăm mộ chị, mang đến cho chị một chậu hoa, nếu không thì lòng cô sẽ ray rứt lắm.

Không hiểu vì sao Thư lại nép vào một thân cây to tránh né, không dám bước đến ngôi mộ của chị Nguyệt khi cô nhìn thấy có hai người đã đứng ở đó tự lúc nào. Một người đàn ông và một người đàn bà. Thư đoán chừng đó là một cặp vợ chồng, không chừng họ cũng là những người ở xa không kịp về đưa đám như cô. Người đàn ông đứng quay mặt về phía sân banh, thản nhiên hút thuốc. Còn người đàn bà thì đang cúi mình quỳ lạy một cách trang nghiêm. Như có nét gì ngây ngây dại dại trong dáng vẻ thành khẩn của người đàn bà.

- Chị Nguyệt ơi. Chị Nguyệt ơi...

Thư nghe rõ giọng của người đàn bà gọi tên chị Nguyệt. Như thể gọi một người đang đứng gần đâu đó. Như sợ gió và những sợi mưa lất phất sẽ thổi bay tiếng nói của mình, sợ nằm sâu dưới lòng đất chị Nguyệt sẽ khó lòng nghe thấy, hay chị ta quá đau đớn không dằn được tiếng kêu than. Và chắc chị ta yên tâm rằng ngoài mình ra chẳng còn ai héo lánh đến nghĩa trang trong buổi cuối ngày ướt át muộn màng này, nên mặc tình tâm sự kể lể với người đã khuất. Nhìn người đàn bà như đang lên đồng nhập cốt, đang ở trong một thế giới khác, tự dưng Thư cảm thấy sợ hãi. Cô bước thẳng vào căn nhà bỏ ngõ, dành cho nhân viên đặc trách việc mai táng, nơi cất những dụng cụ như cuốc xẻng, dây nhợ... May mà mộ của chị Nguyệt lại gần căn nhà này. Cô không muốn phá vỡ phút giây mà cô thấy là rất riêng tư của người đàn bà nhưng lòng không tránh nỗi tò mò.

- Chị Nguyệt ơi, hồn chị có linh thiêng...

Giọng nói người đàn bà bỗng trầm xuống chậm chạp, nó lại làm Thư nhớ đến giọng ca khàn khàn của chị Nguyệt mỗi khi chị ngân nga, nhẹ nhàng buông ra một câu mà chị giải thích đó gọi là *Nói Lối* trong bài vọng cổ. Thư dời chỗ, bước ra gần phía ngoài cửa hơn. Cô thấy nổi gai ốc, rờn rợn khi nhìn quanh quất căn nhà trống rộng, mường tượng chị Nguyệt đang đứng đâu đó. Chị chết chưa đầy năm mươi tuổi, chết đột ngột chắc hồn chị phải linh lắm. Ý nghĩ làm cô run rẩy.

- Ôi chị Nguyệt, chị em mình thân thiết bao nhiêu năm, bao nhiêu năm tình nghĩa vui buồn mà sao chị lại ra đi tức tưởi đột ngột... Chị sống hiền chết thiêng... Chị hãy về đây chứng giám lòng thành của tụi em. Xin chị phù hộ, chỉ vẽ cho vợ chồng em những con số để trúng ngựa kỳ này. Tụi em hứa sẽ xây mồ lập mả cho chị... Chị Nguyệt ơi, xin chị nhận lấy nén hương này...

Rõ ràng Thư đang được nghe âm điệu của một câu vọng cổ trong giọng khấn vái lúc lên lúc xuống của người đàn bà. Câu vọng cổ rệu muỗi tự tình dân tộc của chị Nguyệt khi xưa làm Thư buồn bã nhớ nhà... Còn cái câu vọng cổ của người đàn bà này ôi, ôi, Thư không hiểu tâm trạng mình ra sao nữa? Ôi! Ôi sao mà!!! Thư nín thở, thở ra, rồi lại thở vào. Nhìn cô chẳng khác gì người lên đồng, húng hắng trở mình trước khi nhập vào cơn đồng thiếp từ giọng nói văng vẳng ngoài kia...

Và Thư không còn sợ hãi, cô ngồi bệt xuống đất lúc nào không hay, giữa đám dây nhợ bết đầy bùn đất bẩn thỉu.

Mưa hung hãn trút xuống khi Thư cho xe rẽ vào xa lộ. Hình ảnh chị Nguyệt lại trở về trong đầu Thư. Phải chờ cho hai vợ chồng bạn của chị Nguyệt đi khuất Thư mới dám bước ra. Nhưng cô chỉ vội vàng đặt chậu hoa xuống nấm mộ đất đơn sơ vừa mới lấp của chị, rồi vội vàng ba chân bốn cẳng chạy đi như bị ma đuổi. Và Thư bỗng bật cười khan. Chưa bao giờ Thư thấy mình lố bịch đến thế! Khi lái xe Thư chỉ ngâm nga hát hò chứ chưa bao giờ cười, lại còn cười thành tiếng. Mà làm sao Thư có thể nhịn cười được khi cô nhìn những hàng song sắt kiên cố chạy dài hai bên ven đường, hình ảnh làm cô mường tượng ra quang cảnh vòng đai của trường đua Saint Cloud, những con ngựa đang ào ào phi nước đại phóng tới mà trên đầu chúng, trên bầu trời âm u vần vũ kia có bóng dáng chị Nguyệt cũng đang lướt gió đuổi theo. Tóc chị xoã dài lồng lộng, chị oai hùng như một nữ tướng đang điều binh. Khuôn mặt đen nám, rõ chẳng chịt cau lại. Chị phùng mang trợn mắt hét con ngựa này, gào con ngựa kia. Chị đang vật vã đổ mồ hôi, tìm đủ mọi cách để những con ngựa ấy phải sợ hãi, phải chùn bước tách ra, nhường lối cho những con ngựa mà bạn chị chọn sẽ thong dong chạy về cứ điểm...Và chị sẽ có một ngôi mồ đẹp đẽ. Phải không chị Nguyệt? Thư trách mình đã vội vàng bỏ về, không nán lại để nói với chị rằng, chị luôn luôn có lý.

*Đời này đâu có gì cho không, đời này cái gì cũng phải đánh đổi bằng mồ hôi nước mắt.* Chị Nguyệt đã từng nói như vậy với Thư... Nhưng đâu phải chỉ ở đời này. Ngay cả bên kia thế giới, nếu như có một thế giới khác./.

# YÊU DẤU, CẦN CHĂNG, MỘT LỜI NÀO, KHÁC, NỮA?

DU TỬ LÊ

1.

Đó là lúc vầng trăng thượng tuần đã khô ráo sau một ngày dầm mình biển sâu. Thành phố được đánh dấu bằng những thửa ruộng kim cương, tựa mọi vật (luôn cả con người) là một thứ quý kim, hay chí ít cũng có khả năng phát sáng. Những con hải âu còn nuối, tiếc cuộc chơi (dẫu tẻ, nhạt,) chưa chịu theo những cánh buồm về nơi chỉ chúng biết.

Đó là lúc hai người phải dừng chân trước chọn lựa: bước tới, (cát và nước sẽ níu chân họ;) bọc xuôi bờ cát, con đường kẻ thẳng (loại đường thẳng không cho thấy một chỉ dấu sẽ nối liền hai điểm.)

"Tiếc một trong hai chúng ta, không kẻ nào có được cái quyền năng của thánh Moses..."

"Nhưng chúng ta lại được cái quyền... tự trầm. Phải không ông?"

Người đàn ông rúng động.

Gió và sóng biển vội vã nuốt chửng lời nói người con gái. Tựa nẫy giờ chúng chỉ chờ đợi chừng đó. Nhưng có dễ, vì quá mau mắn, nên chúng đã bỏ lại sự ngỡ ngàng cho người nói.

Cố thể người con gái không chủ tâm nói điều tương tự.

Suốt buổi chiều có nhau, cô cho thấy, ít nói. Cô muốn nghe. Cô muốn được nghe. Được nghe (dù những điều vơ vẩn,) cùng giọng nói của người mình muốn nghe, hạnh phúc lắm chứ (!?) Càng hạnh phúc hơn nữa, một khi im lặng, chỉ nhắc nhớ tới chia ly, kề cận.

Trong hoàn cảnh của mình, người con gái hiểu rõ điều đó.

Điều duy nhất cô không hiểu (có thể vĩnh viễn cô sẽ không hiểu,) tại sao ý tưởng tự vẫn lại tìm đến với cô rất sớm. Nó tìm tới, bầu bạn với cô, ngay tự những năm cuối trung học. Nó tìm tới, bầu bạn với cô, ngay khi gia đình cô còn chân khô, chân ướt, mới bước ra khỏi những khó khăn vật chất, thời thế.

Đó là lúc bố, mẹ cô chia tay.

Cô không hiểu bàn tay cứu độ nào, đã trở thành những nhát chém lạnh lẽo. Cô không biết tấm lòng tử tế nào, đã trở thành những sợi thừng dòng, giắt bố, mẹ cô, mỗi người về một phía?

Cô cũng không hiểu (có thể vĩnh viễn, cô sẽ không hiểu,) tại sao, ý tưởng tự vẫn lại trở về,

bầu bạn với cô những ngày đại học?

Những ngày, tháng như chiếc lá non hớn hở (một cách tội nghiệp,) sớm chọn lấy cho mình định mệnh xa cành. Những ngày, tháng cô chọn đứng một mình, lủi thủi, dễ khóc, như mây.

Tự vẫn, cái khao khát dữ dội long lanh niềm rưng rưng, đã trở lại với cô, trong chuyến xe đò từ nhà tới trường; từ trường tới những nơi chốn xin việc làm thêm, ngoài giờ học. Cô hiểu, tự nhiên thôi, vui biết mấy, đời sinh viên, kiếm việc làm thêm, tự túc...

Nhưng niềm vui sẽ nhanh chóng biến thành ê chề, hờn, tủi, nếu kiếm việc trở thành ưu tiên, trở thành lẽ sống. Cô càng hờn, tủi hơn, khi không thấy hình bóng cô trong những người bạn khác. Cô không hiểu điều gì đã làm thành sự khác biệt thô bạo giữa cô và họ? Giữa cô, đìu hiu, và cuộc đời rẫy nẩy niềm hí hửng, bên kia.

Hẳn nhiên, dẫu có sống mấy đời, cô cũng sẽ không hiểu. Rồi tự những không hiểu đó, một đêm, trong chỗ nằm hiu quạnh của mình, cô chợt nhận ra nhiều điều...

Những điều (mà,) mọi người, (luôn cả ngoại cô,) tuồng cùng bảo nhau, không nên cho cô biết. Hay họ cho rằng, nên để dành cho cô, những điều đó, như thứ vốn liếng, của cải, cô có thể mang về bên kia thế giới(?) Thứ của cải mang tên "công bình," khó ai có được cho mình, giữa khi đang sống. Đó là những khám phá tai ương (?) Những tai ương như có lần cô đã tự hỏi:

"Phải chăng, con người chỉ có được công bình duy nhất là sự chết (?) Mặc dù, trước khi sinh ra, đã chẳng ai được hỏi ý kiến!"

Cô biết, cô có rất nhiều câu hỏi, dành cho người đàn ông.

Cô biết, với ông Khả, cô có thể nói được, bất kể, điều gì. Không phải cô căn cứ trên những xác nhận nhiều lần, từ nơi ông, rằng, tương quan giữa cô và ông, là tương quan tri kỷ, (mà,) bằng cảm nhận, trực giác riêng, người nữ, cô tin, giữa cô và ông, còn có một điều gì, hơn thế. Một điều gì, rất riêng.

Nhưng khi gặp ông, cô chọn lui vào im lặng. Tựa im lặng là chiếc kén an lạc, êm đềm nhất, cho tình yêu bào sinh, theo cách của nó.

Hoặc giả, im lặng, theo cô, là khuôn mặt không son, phấn, chẳng mỹ viện? Cô không nhớ chính cô hay, ông Khả, có lần bảo rằng, bất hạnh vốn đã nẩy mầm tốt tươi ngay khi hạnh phúc chỉ vừa nhón gót. Như ý niệm thiên đàng, niết bàn, chỉ có thể thành hình với sự tiếp tay tích cực của ngạ quỷ!

Thay vì phải trả lời câu hỏi "chúng ta có quyền tự trầm?" của người con gái, (thì,) người đàn ông quành tay qua vai cô. Ông chọn đi xuôi theo bờ cát. Ông chọn đi trên con đường rất thẳng. Con đường không một chỉ dấu, nối liền hai điểm.

Trăng khuyết, cao. Những con hải âu đã trở về nơi chỉ chúng biết (?) Những thửa ruộng kim cương tựa lùi xa hơn, để tăng thêm vẻ rực rỡ, cùng những bí ẩn cuộn tròn trong nó.

Họ bước chậm, như tiếng thở dài được giải tỏa một cách khó khăn, từng chút, khỏi lồng ngực người đàn ông.

"Lẽ ra, Cốm không nên..."

Người con gái xưng tên. Người đàn ông cắt lời người con gái bằng cách ghì cô sát vào ông.

"Tôi hiểu. Cốm Vòng. Dù ở tuổi nào, khi cái chết lỡ là bạn. Người bạn, từng một thời, thân thiết với ta. Người bạn thủy chung, hơn bất cứ một tình bạn nào khác."

Người đàn ông tuồng không bận tâm về việc ông gắn thêm chữ "Vòng" vào tên "Cốm" cho người con gái. Dường ông cũng chẳng thắc mắc liệu cô có hiểu chữ "Vòng," tiếng chỉ danh nơi chốn sản xuất cốm nổi tiếng.

Cũng dễ hiểu thôi, nếu người đàn ông không thắc mắc. Chính ông, khi gọi cô là Cốm Vòng, chỉ vì, tự thơ ấu, ông đã được nghe nhiều lần hai chữ ấy. Và, ngoài hai tiếng ấy, ông cũng nào biết gì hơn! Ông gọi "Cốm...Vòng" tựa như ai đó, thích cho ấu thơ họ, một cái tên khác, vậy.

"Đó là thứ...kinh nghiệm," người đàn ông nói. Sự rải mỏng từng tiếng rời rạc, cho thấy ông lúng túng,... "Loại kinh nghiệm dù rất muốn, người ta cũng không thể trao lại nhau..."

"....."

Như có trớn hoặc, bắt được nguồn mạch, người đàn ông tự tin hơn:

" Tôi nghĩ, chính vì bí mật truyền kiếp đó, mà nó có được chọ nó, sự cám dỗ kỳ diệu. Sự cám dỗ của khe hở, mí giáp giữa thiên đàng và địa ngục. Nhưng cũng vì thế, mỗi chúng ta phải nỗ lực khước từ cám dỗ ấy. Đó cũng là trường hợp duy nhất, con người vượt trên thần linh. Thần linh may mắn hơn chúng ta. Thần linh không bị giam nhốt trong thành, quách thịt, xương..."

Vừa nói, người đàn ông vừa tỏ dấu tìm kiếm đôi mắt người con gái, tựa muốn thăm dò phản ứng nơi cô. Nhưng khi môi ông tình cờ nhận được vài sợi tóc do gió biển thổi lạc tới, ông không còn thấy cần thiết.

Mùi shampoo nơi mái tóc mới gội của người con gái, khiến ông hân hoan (?) Ông hân hoan đến muốn kêu lên, cùng lúc với cảm giác bồng bềnh trôi trong vùng buồn bã, chênh vênh ngày, tháng, cũ.

Người con gái tuồng mơ hồ ghi nhận được biến chuyển bất thường nơi người đàn ông. Cô vòng tay qua lưng ông. Qua lớp áo jacket cộm, dầy, cô đồ chừng tiếp xúc được phần thịt da thân thiết.

Cô nghe hơi ấm, rồi sức nóng nơi bàn tay mình. Cô không thể khẳng định, hơi nóng của những ngọn lửa khao khát tin, yêu nơi trái tim cô truyền tới những ngón tay; hay những hòn than âm ỉ nỗi chia, lìa, rực rỡ điên dại nơi tâm hồn ông, đã cháy lan sang cô...

"Ông Khả."

Người con gái ngước khuôn mặt lúc này chỉ còn được nhận ra nhờ đôi mắt ấm áp chút hạnh phúc lập lòe phút cuối, (và,) cuộc tranh chấp giữa nỗi buồn truyền thừa, cùng mức độ thông minh quá đáng, nơi cô.

"Sao ông lại im lặng?"

Người đàn ông đăm đăm, phía trước. Bờ biển, như một đường thẳng, nếu có thể treo ngược lên, nó sẽ giống một nét vạch khá mờ trên tấm vải lụa mênh mông, trải về vô tận.

"Cốm Vòng, có phải trong toán học, người ta đã chứng minh rằng, đường thẳng là đường ngắn nhất, nói liền hai điểm?"

Người con gái gật đầu.

Trong cô, một so sánh mơ hồ giữa đường thẳng toán học và, đường thẳng cuộc đời.

Trong cô, một liên tưởng mơ hồ, giữa đường thẳng tình yêu, và, đường thẳng sự chết.

Hình ảnh Lara, trong "Dr. Zhivago," nhân vật mà cô muốn nhận lấy cho cô, như một định mệnh khác. Định mệnh tiền kiếp, hiện ra.

Hình ảnh bàn tay nhỏ bé, cùng nỗi tuyệt vọng vói, trơ giữa bầu trời Mặc Tư Khoa xám ngoét.

Hình ảnh bàn tay bơ vơ, khẳng khiu không vói được, dù chỉ chút hương tan, mụn hơi quen, từ Pasa, đêm trước; khi đoàn tầu hùng hổ mang theo Pasa, chuyển bánh. Khi đoàn tầu gân cổ, rống lên những tiếng kêu chiến thắng man rợ; trước khi bỏ lại sau lưng nó, bàn tay chới với, dơ lên, và, một đường thẳng theo định nghĩa toán học... (con đường ngắn nhất, nối liền hai điểm...)

Toán học, đến hôm nay, vẫn không cho người con gái một định nghĩa rõ rệt nào, về bàn tay, và mùi hương (dù chỉ là hương tóc!)

## 2.

Tới ngày hôm nay, thời gian vẫn mang lại cho tôi những người bạn mới. Những người bạn tiếp tục mang đến cho tôi những câu hỏi, đại để: Khởi tự biến cố nào mà, hương tóc, bàn tay, dường là những ám ảnh lớn trong thơ văn của tôi?

Như hơn một lần, trong lá thư gửi từ Canada, H. bảo, gặp nhau, lần nào H. cũng quên hỏi tôi, về vai trò hay vị trí của mái tóc, mùi hương thịt da, trong những gì tôi viết...

Như hơn một lần, Cécile đọc cho tôi nghe, những câu thơ của tôi, nói về bàn tay.

Cecile bảo, Cecile tìm thấy, nhiều vô kể, những ngón tay rất buồn, trong thơ tôi. Cecile bảo, Cecile tìm thấy, nhiều vô kể, những bàn tay thất lạc, tật nguyền, tội nghiệp, trong tôi...

Hơn một lần, tôi trả lời H.: tôi thực sự không biết. Tôi hoàn toàn không hiểu, lý do gì, tại sao, những mùi hương tóc ấy? Hơn một lần, tôi trả lời Cecile: đừng bắt tôi phải nhìn, ngắm bàn tay tật nguyền của mình...

Nhưng, hôm nay, tôi hiểu. Đúng hơn, tôi chợt hiểu. Xin bạn đừng chờ đợi nơi tôi, lời giải thích về sự chậm hiểu của mình. (Phải chăng, đâu đó, tôi từng thú nhận: Bản chất, tôi chậm đụt. Tôi vụng về. Tôi mặc cảm. Tôi tật nguyền. Tôi ngu xuẩn...)

Nhưng, hôm nay, tôi chợt hiểu. Nhờ X., tôi nhớ lại tôi. Tôi nhớ một tuổi thơ lủi thủi, cô đơn, cháy nám. Nhờ X. tôi nhớ lại tôi. Tôi nhớ, tôi đã nhận được từ mẹ tôi: bàn tay, mùi thịt da và, mái tóc. Cũng từ bàn tay, mùi thịt da và, mái tóc, tôi nhận được cho riêng tôi, niềm quyến rũ ngọt ngào, tự vẫn.

Không biết, tôi có phải là đứa con bất hiếu chăng, khi luôn khẳng định: tôi là đứa trẻ không may mắn!

Trước khi có khả năng tìm hiểu, khám phá về thân thể, hình dáng mình, tôi đã sớm biết, riêng tôi, có một bàn tay sáu ngón.

Bài học "thân thể người ta chia làm ba phần: đầu, mình và chân tay," tôi được học từ khi chưa biết nhận mặt chữ.

Bài học đầu đời kia, tôi không được học từ những người sống quanh tôi; (mà,) từ kẻ khác.

Họ là những người thường lui tới gia đình tôi. Họ luôn tỏ cho mẹ tôi thấy, họ yêu thương, họ quan tâm tới tôi, như thể tôi mới chính là lý do khiến họ thăm viếng. Nhưng khi thấy tôi, bao giờ họ cũng muốn tôi đưa bàn tay đã dấu trong túi quần, trưng ra trước họ... Họ nắm lấy nó. Họ mân

mê. Họ ngắm nghía... chừng với tất cả thương yêu có được...

Với tôi, đó là những giây phút điếng, lặng. Với tôi, đó là những giây phút tôi chỉ muốn chạy trốn, muốn dấu mặt mình trong lòng mẹ tôi.

Họ là những người ngoài đường. Những đứa trẻ cùng lứa tuổi với tôi, những người lớn cùng lứa với các anh tôi, mỗi khi bắt gặp tôi tựa cửa, trên bậc tam cấp. Dù cho sự ngăn cách giữa tôi và họ, là một thế giới khác biệt, vậy mà, ngay khi họ chỉ gật đầu chào, chỉ mỉm cười thôi, tôi cũng đã cảm thấy tôi, con thú dị hợm, lạc giữa xã hội loài người...

Sự xấu hổ (tôi biết, tôi dùng chữ rất đúng, chí ít cũng trong trường hợp này,) tự thơ ấu, đã sớm cho tôi cái khát khao được tan, biến, được chết. (Sự chết, điều tôi phải chứng kiến, cũng rất sớm, trong đời mình.)

Khao khát được chết nơi tôi, suốt một ấu thơ, chỉ biến đi, khi tôi được ở bên cạnh mẹ tôi.

Cũng là những nắm tay, cũng là những ve vuốt, cũng là những ngắm nhìn thương yêu chân thật, không chế giễu từ u già, từ chị vú (của riêng tôi,) từ các anh, các chị, vậy mà, chỉ mẹ tôi, mới đem lại được cho tôi, trọn vẹn cảm giác bình an, tin cậy.

Dường suốt thơ ấu, kéo dài tới năm mười một, mười hai tuổi, dù là con trai, tôi vẫn là cái đuôi của mẹ tôi. Tôi bám lấy bà, như những con sâu bám vào chiếc lá. Tôi ẩn núp trong bà, như những con gà con núp trong đôi cánh mẹ chúng, lúc diều hâu xuất hiện.

Như chiếc bóng thứ hai của người mẹ sớm góa bụa, sinh hoạt hàng ngày của bà, là sinh hoạt của tôi. Tôi biết giờ nào mẹ tôi trở dậy. Việc gì bà sẽ làm đầu tiên. Tôi biết giờ nào mẹ tôi đi ngủ. Ngoài cánh tay duỗi ra cho tôi gối đầu, bàn tay còn lại, bà sẽ đặt nơi nào trước nhất trên mặt tôi. Chiếc vú nhăn nheo nào của bà sẽ được lôi ra cho tôi sờ, ngậm, nhay suốt giấc ngủ. Tôi cũng biết, tôi sẽ bị mắng câu gì, một khi tôi cắn mạnh chiếc vú đó. Tôi thuộc luôn cả thứ tự những bài hát ru mỗi trưa và mỗi đêm, bà ru cho tôi ngủ. (Tôi biết rõ, bởi mẹ tôi chỉ có một số bài giới hạn... Hát ru xong một vòng, tôi biết, bà sẽ quay lại từ đầu.) Thường thì khi mẹ tôi ru tới nửa vòng thứ hai, dù chưa ngủ được, tôi cũng giả bộ ngủ, để mẹ tôi yên lòng, rón rén trở dậy, đi làm việc khác.

Tuy nhiên, điều mẹ tôi không biết, (chẳng bao giờ bà biết) rằng, không phải những bài hát ru, mà mùi thịt da, cộng với mùi tóc bà, mới là những vỗ về tôi vào giấc ngủ.

Tôi biết, tôi không có khả năng diễn tả mùi hơi riêng, trộn lẫn mùi tóc của bà... Nhưng tôi cũng biết, tới giờ phút này, nhắm mắt lại, tôi vẫn còn có thể cảm nhận được sự trộn lẫn của chúng.

Tôi cảm nhận được rất rõ, sự khác biệt mùi tóc của mẹ tôi, khi bà gội đầu buổi trưa, hay buổi chiều. Tôi cảm nhận được sự khác biệt của mùi hương trộn lẫn này, lúc tôi rúc vào nách bà, buổi trưa, hay buổi tối. Tôi cảm nhận được rất rõ, mùi bồ kết thoảng trong từng sợi tóc mẹ tôi, (dù chúng đã bước qua ngày thứ hai.)

Sung sướng nhất, với tôi, vẫn là mùi bồ kết, trên tóc mẹ tôi, khi mới gội...

Tôi không thể lý giải mối tương quan giữa mùi thịt da, mùi tóc mẹ tôi và, sự khuấy quên bàn tay có tật của mình. Tôi chỉ biết, dường cả hai đã cùng theo tôi lớn mãi.

Tôi chỉ biết, bàn tay, mùi tóc trở thành niềm thân thiết, chiếc bóng thứ hai (của tôi,) kể từ năm mười ba tuổi, năm tôi bị buộc phải ngủ một mình.

Niềm thân thiết, chiếc bóng thứ hai kia, càng chi phối mạnh mẽ mọi cảm nhận, phản ứng nơi tôi, kể từ năm mười sáu. Năm tôi ngông cuồng bỏ nhà, ra đi, kiếm sống, tự mình.

Nhiều năm sau này, khi cơn điên rồ của tuổi niên thiếu qua đi, khi đã trưởng thành, dường chưa bao giờ tôi kể cho mẹ tôi nghe, những đêm nằm một mình, trên căn gác trong một con hẻm, đường Nguyễn Tri Phương, rồi đường Bà Hạt, đường Nguyễn Tiểu La, nhớ tới mùi hơi và mùi tóc bà, tôi đã khóc, một mình, lặng lẽ... (Dù cho, ở những lần gặp lại đó, tôi vẫn luồn tay qua tấm áo cánh phin nõn, tứ thời màu trắng của mẹ tôi, để tìm núm vú, ngày xưa...)

Nhiều năm sau này, khi ngón tay thứ sáu của tôi, đã được cắt bỏ, khi thực sự trưởng thành, dường chưa bao giờ tôi kể cho mẹ tôi biết, tôi có thể mủi lòng, có thể chảy nước mắt, mỗi khi tình cờ nhìn xuống bàn tay mình... Mỗi khi tình cờ nhận được mùi shampoo bất chợt, trên tóc người con gái nào đó...(Mặc dù, mùi shampoo không là mùi bồ kết. Và, nếu có là mùi bồ kết, (thì,) nó cũng chẳng liên quan gì tới mùi bồ kết mẹ tôi, những ngày thơ ấu.)

Bàn tay, mái tóc, thịt da..., như thế đó. Chúng không chỉ là chiếc bóng thứ hai của tôi. Chúng đã là chính tôi, lênh đênh, thất lạc. Chúng đã là chính tôi, ghềnh, thác nỗi buồn (và,) ngọn triều hân hoan, tự vẫn...

3.

Đó là lúc họ duỗi chân, tựa lưng phiến đá. Người con gái ngả đầu vào ngực người đàn ông.

Trăng khuyết, cao thêm, nhỏ đi, như chuẩn bị chia tay nhân thế. Biển rì rầm hớt những cụm hoa trắng trên ngọn sóng, đem vào sâu đất liền, thả xuống đôi tình nhân. Nhưng, giống như sự trớ trêu, đành hanh của định mệnh, trước khi họ kịp đưa tay nhận đón, (thì,) biển (vẫn biển,) lại nạt nộ, vò nát những cụm hoa, cùng lúc, rút đi rất nhanh, khỏi bờ cát. Cứ như thế, biển quay đều những vòng quay phỉnh gạt. Như sự phỉnh gạt kiên nhẫn biết bao, của thời gian.

Người đàn ông nói:

"Nhắm mắt lại Cốm Vòng. Nếu được, nên ngủ một chút."

Người con gái ngoan ngoãn vâng lời.

Dưới trăng, cô thơm, lành như... cốm.

Những ngón tay dòn, ải của người đàn ông, lần trên mặt cô. Người con gái ngửi được mùi cháy khét của thuốc lá. Mùi cháy khét đi ra từ những ngón tay người đàn ông, làm cô nhớ, có lần người đàn ông bảo:

"Tình yêu sẽ mãi là ngọn lửa đìu hiu, nếu ngọn lửa không có cánh rừng để cháy; và sức quyến rũ của tội lỗi làm nhiên liệu."

Cô nhớ, khi đó, cô chỉ muốn được thành than trong, dù khoảng cách giữa ông và cô, dễ chừng tương đương mấy lần giáp vòng trái đất.

Mùi thuốc lá từ những ngón tay người đàn ông đem người con gái trở lại căn phòng như chiếc hộp, nơi giam nhốt những dợn khói và, ảnh người đàn ông.

Hình ảnh người đàn ông lao chao trên dốc, gió. Hình ảnh người đàn ông, thất lạc góc, đáy, đêm.

Rất nhiều lần, trong chỗ nằm hiu quạnh của mình, người con gái tin, cô được sinh ra để làm một điều gì đó, cho người đàn ông, cuối kiếp.

Liệu cô có thể làm được gì cho ông(?)

Hay thực tế, như những ngày vừa qua, sau những giờ phút sống cạn đời mình, cho người đàn ông, (thì,) điều chót hết, cô làm được, rồi, cũng chỉ là những giọt nước mắt, và, ám ảnh tự vẫn.

Những ngón tay khô khốc mang theo mùi cháy khét của người đàn ông, lùa sâu rừng tóc người con gái, dường phân vân như có ý muốn tìm kiếm điều gì. Cô không đoán được ý định của những ngón tay quá đỗi thân thiết kia. Nhưng hốt nhiên cô cảm nhận được điều cô vẫn tự hỏi mình bấy lâu. Câu hỏi dành cho những người, như cô. Những người lần đầu, bước vào ngôi đền thiêng liêng, ngôi đền tình yêu, chỉ hiện một lần, một đời.

TRẦN MỘNG TÚ

# GIẤU

*Tóc bạc anh em giấu vào trong gối*
*Để đêm đêm em không ngủ một mình*
*Trái tim anh em giấu vào trong ngực*
*Để cùng em thức dậy trước bình minh*

*Đôi mắt anh em giấu vào trong mắt*
*Lệ riêng em trong suốt mắt hai ta*
*Môi của anh em giấu vào trong miệng*
*Ngậm hương thơm của một mối tình xa*
*Bàn tay anh em giấu vào trong áo*
*Ngực rất hiền nở vội một đóa hoa*

*Bàn chân anh em giấu vào giầy nhỏ*
*Anh sẽ theo em đi thật là xa*
*Khi trở về dẫu tuổi gầy sương tuyết*
*Bốn bàn chân sẽ làm ấm thềm nhà*

*Hơi thở anh em giấu vào hơi thở*
*Đời sống chia nhau từng sợi mong manh*
*Mình hà cho nhau một linh hồn mới*
*Chúa sẽ kêu lên... Thôi thế cũng đành.*

*Tháng 3/ 2002*

Bây giờ cô hiểu. Cô hiểu rất rõ: Những kẻ khé né trước khổ đau, run rẩy trước khói nhang nguyền rủa, chẳng những không nếm được hương, vị thiêng liêng mà, còn là kẻ trao không linh hồn cho những dọa nạt hư huyễn.

Bây giờ, sau những ngày sống với người đàn ông (như từng bước, đi lần tới sự chết,) người con gái chợt hiểu: Tinh khiết hay thánh thiện là gì, nếu không phải là sự chân thật tới chảy nước mắt, với những rung động tự thân của tâm, thân? Dù cho chứng nghiệm này, mặt nào khác, lại làm cô chảy nước mắt, tựa như đó mới là cảm nghiệm sau cùng, (mà,) cô sẽ mang theo cùng cô, về bên kia thế giới.

Trăng khuyết, bặt. Đêm vượt khỏi mọi biên giới.

Người con gái vuột, rơi vào giấc ngủ. Người đàn ông nhắm mắt. Những ngón tay dòn ải, cháy khét mùi thuốc lá của ông, vẫn cời cời (như tìm kiếm một điều gì) trong rừng tóc cô. Lâu lâu, ông cúi hôn cô: trân trọng, thành kính, như hôn vị thần nắm vận mạng (hay biểu tượng khốc liệt,) đời mình?

Biển tiếp tục vòng quay phỉnh gạt. *Trăng lắng sâu vào đêm đợi chờ... (*)*

Người đàn ông nói (hát? cầu nguyện? đọc thơ?) cho thêm thơm tho giấc ngủ của người con gái (hay biển, đêm?)

Có thể người đàn ông chỉ muốn nói với riêng ông. Ông nói, những điều chính ông cũng không hiểu(?!?) Như người điên.

## 4.

X., Yêu dấu, của tôi,

Rất nhiều lần tôi tự hỏi mình, không biết Yêu dấu có còn muốn là tri kỷ của tôi, một người điên, như Khúc Dương và Lưu Chính Phong, hai nhân vật hắc-bạch trong truyện Tiếu Ngạo Giang Hồ (mà,) Yêu dấu từng đề cập.

Yêu dấu, chẳng những là một người điên, hiểu theo nghĩa tâm trí bất bình thường, tôi, còn là kẻ bị nguyền rủa, nhạo báng, có dễ nhiều nhất, trong những năm, tháng quê người này.

X., Yêu dấu, của tôi,

Tôi muốn kể Yêu dấu nghe, chuyện một người bạn trẻ, bút hiệu(?) Nguyễn Tường Phong, trong một bài báo đầy phẫn nộ của anh, khi đề cập tới nhan tập tùy bút "Em và, Mẹ và, Tôi Là Một Nhé," của tôi.

Người bạn trẻ đã cao giọng, dạy bảo tôi: không ai dùng dấu phết, sau chữ "và"! Chỉ những kẻ không được học hành tới nơi tới chốn, mới viết một câu văn, hay thơ què quặt như vậy.

Tôi nghĩ, có dễ người bạn trẻ còn chút lòng... "bao dung" nên đã tránh dùng chữ "điên," "khùng" cho tôi.

Yêu dấu, câu chuyện xẩy ra đã nhiều năm. Tôi không nhớ bài báo (lá thư thì đúng hơn) của người bạn trẻ viết trước hay sau một bài viết của cố Thi sĩ Nguyên Sa, trên tạp chí Đời. Khi tác giả "Áo Lụa Hà Đông" ghi nhận rằng, kể từ năm 1975, ở hải ngoại, tôi là người thích đặt tựa dài... thoòng cho những tác phẩm của mình, cũng như ưa dùng dấu phết, ngay trên tựa sách.

Yêu dấu, đúng hơn, tôi đã có cho mình cái chủ tâm chọn nhan đề dài... thoòng từ những năm tháng trước tháng 4-75, ở quê nhà, trong khi hầu hết các tác phẩm văn chương của chúng ta vẫn tiếp tục nếp cũ, với những nhan đề hai chữ, thản hoặc, tình cờ mới là ba, bốn chữ.

Yêu dấu, ngay từ những năm tháng quê nhà, tôi đã bị một số văn hữu tỏ dấu không chấp nhận những nhan đề như "Vốn Liếng, Một Đời;" rồi "Đời Mãi Ở Phương Đông," hay "Với Nhau, Một Ngày Nào."

Nhan đề tác phẩm của tôi chẳng những dài... thoòng lại còn thêm cái dấu phết nằm "chình ình" bìa sách.

X, Yêu dấu của tôi,

Tôi hiểu sự khó chịu, dị ứng của những người này. Họ quen, quá quen, với cách đặt tựa sách trên căn bản hai chữ như "Tiếng Thu," "Thừa Tự," "Trống Mái," "Đoạn Tuyệt,"... "Truyền thống" ấy, đến nay, vẫn còn chi phối (một cách vô thức,) nhiều tác giả, dù họ thuộc thế hệ văn chương sau 1975.

Yêu dấu, tôi hiểu, nhìn lại mấy trăm năm văn học của mình, chúng ta rất khó tìm thấy một dấu phết, dấu chấm nơi nhan đề của một bài thơ, một truyện ngắn. Nó gần như không hề có trên các bìa sách, tựa chung một tác phẩm...

Tôi hiểu, Yêu dấu, cuối năm 1969, khi nhà xuất bản Đại Ngã của một người bạn, in lần thứ nhất, truyện dài "Vốn Liếng, Một Đời" của tôi, (thì,) dấu phết ngay trên bìa sách, đã là một cái gai trong những đôi mắt chỉ có thể nhận bắt lối mòn; trong những đầu óc kín bưng đố kị, chỉ chấp nhận đổi mới, một khi chúng được khởi đi từ họ.

X, Yêu dấu, của tôi,

Tôi hiểu, cũng vậy, không nhiều người chấp nhận cách đặt tựa tác phẩm dài từ năm tới bảy chữ của tôi, như "Tan Theo Ngày Nắng Vội," "Ở

Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu," " Đi Với Về, Cũng Một Nghĩa Như Nhau," "Chấm Dứt Luân Hồi: Em Bước Ra;" hoặc gần đây hơn, như: "Hoa Nào Tin Quả Đắng Đến Không Ngờ!" "Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di"... Ngoài dấu phết, tôi còn mang cả dấu chấm, dấu than, hai chấm..., cho nó nằm "chình ình" trên bìa sách nữa.

X, Yêu dấu, của tôi,

May mắn cho tôi, những nhan đề vừa kể, ít, nhiều, đã được đón nhận. Chúng trở thành những "thành ngữ" mới...

Yêu dấu, cũng đáng kể, khi vài năm gần đây, không chỉ hải ngoại, ngay quê nhà, người đọc đã gặp được khá nhiều dấu phết, dấu chấm trong nhan đề và, trên bìa sách. Tôi cũng biết, một số không nhỏ, những người từng lớn tiếng nhạo báng chủ tâm sử dụng dấu phết (và tất cả mọi thứ dấu khác,) để ngắt lại nhịp đi của mạch văn, câu thơ, thì, hôm nay, họ đã... dùng.

Họ dùng, vì chúng cũng đã nhập sâu tiềm thức hay, vô thức họ.

Yêu dấu, nhiều phần, chắc tôi... khùng thật, Yêu dấu ạ! Có người hỏi tôi đã khùng chưa, khi chẳng những tôi không buồn phiền trước mọi chỉ trích, nhạo báng (mà,) tôi còn mang nội dung bài báo chửi tôi, tới những buổi nói chuyện. Đó là những lần tôi phải trình bày trước họ, vài thử nghiệm văn chương nhỏ bé của mình.

Yêu dấu, ở đâu, trước cử tọa nào, tôi cũng trình bày quan điểm của tôi, rằng:

Chẳng phải vì chữ quốc ngữ, không phải do chúng ta nghĩ ra, nên chúng ta không dùng nó. Chẳng phải vì chiếc P.C. hay program tiếng Việt không phải là phát kiến của tôi hoặc bạn tôi, mà tôi cương quyết tẩy chay.

Yêu dấu, phải phát kiến nào cũng đi ra một cá nhân hay một nhóm người? Và khi nó trở thành phổ cập (thì,) mặc nhiên, là của chung. Nó chẳng còn riêng một, ai?

Những kẻ quyết liệt, khăng khăng phủ nhận những gì trở thành tài sản, biểu tượng thời đại, theo tôi, chỉ tố cáo sự bất trí, mặc cảm tự ti nơi kẻ đó.

Yêu dấu, như tôi từng kể với Yêu dấu, về sự bất trí của tôi. Đó là chuyện suốt một thời gian dài, tôi khăng khăng chống phong trào đọc truyện chưởng của Kim Dung. Sự bất trí kia, chỉ mang thiệt hại đến cho tôi, chứ không hề là một kẻ nào khác. Nó càng không là tác giả, Kim Dung.

X, Yêu dấu, của tôi,

Cũng từ nhiều năm qua, tôi đã dùng dấu gạch chéo slash (/) có trên keyboard máy computer, như một ký hiệu, một cái dấu (thêm cho những dấu chúng ta đã có,) để báo thị cho người đọc của tôi, biết rằng, họ tự do, hoàn toàn tự do di chuyển, đổi chỗ một chữ, một nhóm chữ đứng trước dấu gạch chéo, tới một vị trí khác trong câu thơ, mạch văn, theo ý thích. Khi đó, người đọc sẽ thực sự trở thành tác giả thứ hai. Họ không bị đặt trước một ngôi nhà đã hoàn tất, một bữa "TV Dinner."

Yêu dấu, trừ một vài người, (như Cung Trầm Tưởng, Toàn Phong-Nguyễn Xuân Vinh, Hồng Khắc Kim Mai...) đa phần nhìn tôi, như một tên khùng, một gã điên.

Và, Yêu dấu, nếu tất cả mọi người cùng thấy tôi như một tên khùng, một gã điên, liệu, Yêu dấu có còn muốn là tri kỷ của gã điên đó?

Liệu, Yêu dấu có còn giữ trong trái tim nắng, gió của mình, cái tâm nguyện, như nhân vật Lưu Chính Phong từng nói: "Làm người thì ai mà chẳng phải chết, nhưng được chết vì một người tri kỷ thì cũng hài lòng."

Liệu, Yêu dấu có chọn cho mình, con đường của Melanie, thay vì Scarlett? "Gone With The Wind."

Một *cuộc chơi riêng*, giữa nhân loại, tầm tầm, đúng, sai, thưởng, phạt?

## 5.

Đó là lúc họ trở về phòng. Theo mô tả của người con gái, nó là "căn gác đìu hiu" của cô. Căn phòng nhỏ, hẹp đến độ, nhiều lần cô muốn tìm một chữ gì khác, để gọi, cho chính xác, (mà,) chưa kiếm được. Nhưng, cách gì, nó vẫn là một chốn, rất riêng của cô. Nó không chỉ là căn phòng, hiểu theo nghĩa nơi diễn ra mọi sinh hoạt hàng ngày của người con gái, sau những giờ đi làm và, học.

Có những khuya, trở về từ bến xe bus, người con gái nghe được nhịp đập rộn rã của trái tim. Cô nghe được mức hối hả của đôi chân, đến muốn va nhau, quỵ xuống, vì những gì đang chờ đợi cô, trong căn phòng ấy.

Cô muốn nói, những lá thư, người đàn ông viết cho cô. Những lá thư trả lời của người đàn ông, cô nôn nao muốn có, ngay khi cô vừa gửi đi những dòng chữ của mình. Thậm chí, cả những lúc không hề gửi đi một lá thư nào, cô cũng vẫn mong... nhận được.

Người con gái sống bằng / với thư, như đó là dưỡng khí, thực phẩm của cô.

Cô sống hôn mê, trầm tích với những dòng chữ, ý tưởng, giấc mơ, khao khát nhập dòng của những nguồn suối, ghềnh, thác tình yêu nơi người đàn ông, và, chính cô.

Cô sống hôn mê, trầm tích với những nốt nhạc thánh thót từng giọt nôn nao, muộn phiền và, những câu thơ chói chan nỗi lầm than, tội nghiệp.

Căn phòng, có thể không khứng với tên gọi, nhưng nó vẫn là ngôi... nhà, kho tàng vô giá (nếu cô được phép nói thế,) của riêng cô.

Không chỉ mỗi bờ tường, mỗi góc nhà; (mà,) từng thước khối không gian giới hạn, đã cẩn, trạm, khắc, ươm hình ảnh, tiếng nói, hơi hướm người đàn ông. Những lá thư, tình yêu, kỷ niệm, một nghĩa nào, đã cho căn phòng người con gái, một linh hồn, một thịt, xương, hơi thở, sự sống, khác.

Những đêm phải ở lại trường làm research, cô nghe lửa đốt, lòng mình.

Hình dung người đàn ông bị nhốt trong căn... "nhà" hộp quẹt, cô không biết ông có thể tự làm lấy cho ông, bữa tối?

Cô tự hỏi không biết, ông có thấy những quả trứng gà cô xếp ngay ngắn nơi cánh cửa tủ lạnh, những thùng mì ly, mì gói trên nóc? Cô nghĩ, cô rất chu đáo khi đã mua cho ông một bình pha cà phê mới. Với bình này, ông có thể pha một lần, sáu, bảy ly. Nó đủ cho ông cà phê một ngày, để... "tắm." Cô nghĩ, cô rất chu đáo, đổ đầy thùng gạo, loại nàng hương, mới nhất...

Dù vậy, cô vẫn băn khoăn, thấp thỏm. Cứ như thể, nếu ở nhà, cô sẽ cho được ông, bữa cơm tối, thịnh soạn!

Người con gái nhớ, cô từng cho người đàn ông biết, nấu nướng là một ám ảnh "kinh hoàng" của cô:

"Lậy... Chúa! Ngài có thể bắt con làm bất cứ chuyện gì, trừ vào... bếp."

Tuy nhiên, cô tin, cách gì (thì,) sự có mặt của cô ở nhà, buổi tối, vẫn tốt hơn. Ít nhất, cô cũng có thể dọn lên bàn, tô mì với dăm cọng hành, vài lát xà lách.

Những ngày không thể trở về... "nhà," vì thời gian nghỉ dài, sau những kỳ thi, bị bà ngoại giữ lại, với hảo ý "bồi dưỡng" cho cháu, người con gái thấy mình như Lara, bị gạt gẫm, đưa đi khỏi nước Nga. Nhiều năm sau, khi tự tìm được đường trở lại Mặc Tư Khoa, Lara chỉ còn kịp giúp tang quyến thu xếp thủ tục chôn cất... Zhivago.

Vì thế, khi được "trả tự do," trên đôi cánh hân hoan của cô, bao giờ cũng chĩu nặng bất trắc, hốt hoảng, và hình dung tử biệt.

Đó là những lúc cô sống được với cái mặt bên kia của "chẻ đôi sông, núi đêm bưng mặt / mưa quấn khăn vào sâu ấu thơ;" hay "chẻ đôi tấm thất, kênh, mương cạn / hương tóc truy tầm vai thất tung"...

Cô hiểu, hơn bao giờ, đời sống, một lúc nào, sẽ không thể mình... ên. Nó chỉ có thể hiện hữu, khi tìm được, (có lại) cho nó, cái nửa phần thất lạc; cái nửa phần thuộc về kẻ khác, phương xa.

Đó là nửa bên kia của sông (hoặc núi.) Đó là nửa bên kia của một con gió. Đó là nửa cần có của trái tim. Dẫu cho, cuối cùng, rồi những sợi tóc cũng phải chia, lìa những bờ vai với cảm nhận nỗi buồn, điều duy nhất, ở được với thịt, xương hứa hẹn, mai sau.

Cô hiểu, đời sống, như tên gọi, chỉ sống giữa hiện tại. Trước hay sau, sớm hay muộn, cũng chỉ là những vồn vã thớ lợ của sự chết, dẫu tốt tươi.

Cô hiểu, như cô đã từng... chết một cách "tốt tươi," những ngày chờ thư người đàn ông. Cô hiểu, sự vồn vã của tuyệt vọng, lời thớ lợ của bóng tối, nghĩa trang, những ngày bặt tin nhau.

Cô hiểu, những "đêm bưng mặt," những chiều nghe mưa quấn khăn, cất bước đi tìm tuổi thơ chính nó.

Và, cô cũng hiểu, rất rõ, căn phòng, nỗi đìu hiu, trăng và, sự mất tích một nửa, con gió.

Đó là lúc họ mở cửa, bước vào căn "nhà."

Mùi thuốc lá, mùi đìu hiu (sẽ trở lui,) mùi tóc và cát, sóng và môi hôn; đền thờ và lời kinh; dòng thơ hay tiếng nói (mà, họ đem về từ biển,) đã cho căn "nhà" một "tâm thất" khác.

Đó là lúc người con gái dịu dàng bảo người đàn ông nhắm mắt lại.

Cô không thể nói với người đàn ông, nếu được, *nên ngủ một chút*. Vả chăng, đó chẳng phải là điều cô muốn nói. Có thể chính cô cũng không biết (hoặc không thấy cần thiết) phải nói điều gì.

Điều cô muốn, ở mặt bên kia ngôn ngữ.

"Tội nghiệp thay cho kẻ nào, chỉ có lời nói, chữ viết để truyền đạt cũng như nhận đón!"

Cùng lúc với ý nghĩ, người con gái cảm nghiệm được sự trút đổ trên cô: mùi thuốc lá, mùi đìu hiu; cát, sóng và môi hôn; đền thờ và lời kinh; dòng thơ hay tiếng nói.

Đổ xuống. Đổ xuống. Đổ xuống... Sự đổ xuống của nguyên căn "nhà," cái kho tàng vô giá riêng / chung (nếu có thể nói được như vậy,) của họ.

Đó là lúc người con gái cho thấy, ít ra, một lần, cô đã giành lại quyền chủ động đời cô, từ tay định mệnh.

"Định mệnh, thấy chưa, đồ chết dẫm. Định mệnh, thấy chưa, chẳng phải lúc nào mi cũng tạo nên ta. Đôi khi, cũng có kẻ tạo ra mi, như tặng phẩm, dành trao kẻ khác."

Và, người con gái đã trân trọng trao tặng phẩm định mệnh đời cô, cho người đàn ông. Cô trân trọng tận hiến nó, cho ông, (hay cho tình yêu cô,) như một kịch bản chói lọi nỗi đìu hiu, do cô viết lấy, và chủ động.

Bis.

X, Yêu dấu của tôi,

Bây giờ là một giờ sáng, giờ California. Tôi không thể biết giờ này, Yêu dấu đang ở đâu, làm gì?

Yêu dấu, giờ này, đã chẳng còn một con quạ đen nào ở không, cho tôi những chấm đen, như những dấu lặng, ngắt (hay nghỉ) trên những sợi giây điện giăng ngang bầu trời xỉn, thấp. Bây giờ, quanh tôi, cũng chẳng có một giỏ hoa hạnh phúc nào, (dù cho chúng có được làm thành bởi những lời nói dối.) Bây giờ, chỉ còn tôi.

Tôi, với những dòng chữ cho Yêu dấu. Tôi, với sự mất tích mình, nhiều ngày, tháng, cũ. Tôi không nhớ, tôi đã lìa, bỏ văn chương (hay văn chương lìa, bỏ tôi) từ ngày nào. Cái trí nhớ lụm cụm sương mù của tôi, đã không còn đủ bao dung cho tôi một ngọn nến, (dù rất nhỏ,) làm điểm sáng cho tôi trở lui, tìm kiếm. Tôi nhớ, dường sau bài viết về cái chết của người họa sĩ ở Hoa Thịnh Đốn.

Sự nằm xuống của ông, với tôi, đồng nghĩa với sự mất đi của tấm lòng tử tế. Sự mất đi của ông, với tôi, là sự mất đi vĩnh viễn, một nửa Falls Church.

Falls Church, cái thành phố tôi yêu biết bao, vì có ông, có những người bạn như Toàn Bò, như Hùng Muỗi, Hùng "sứt," Hùng "ăn trùm;" như Huỳnh Thái Bình, như Phán "râu," Thế "võ bị;" như Đinh Cường, Sơn Trường, "Thằng Ngọ," Văn "đen," Đạm Ngọc, Hồng Thủy, Đức Nam, Lệ Phạm,... may mắn, hôm nay, còn là bạn hữu tôi.

Falls Church, cái thành phố tôi đã trở lui, một lần, sau cái chết của người họa sĩ, nhưng chẳng vì thế (mà,) nó giúp tôi cầm bút viết lại.

Falls Church hay Đà Lạt; Houston, hay Đà Nẵng; Sydney hay Hội An; Boston hay Huế, cũ; New York hay Melbourn; San Jose, hay Nha Trang; New Orleans hay Vũng Tầu; Orlando hay Brisbane, Bạc Liêu, Long Xuyên, Cần Thơ, Châu Đốc; Seattle hay Portland; Paris hay Hamburg, Frankfurt; Amsterdam, hay Tokyo, Hà Nội... vẫn còn giữ được trong nó, cho tôi, kỷ niệm và, những người bạn... Nhưng, cũng chẳng nhờ thế, (mà,) chúng giúp tôi, cầm bút viết lại.

X, Yêu dấu của tôi,

Những ngày, tháng qua, tôi sống vật vờ, với ít ỏi, những bài thơ. Những bài thơ tôi khai triển từ "notebook." Những bài thơ viết xuống từ nhu cầu chứng tỏ lòng quý và, nể bạn ở tôi, khi bạn hỏi thơ, mới...

Yêu dấu, một năm thêm, sắp đi qua. Nhiều đêm trằn trọc, tôi tự hỏi, nếu không có Nguyên Khôi ở Dallas, hối thúc với tất cả tấm lòng trân trọng của riêng anh, dành cho những bài thơ thiền rải rác, liu điu của tôi, (thì,) tới ngày nhắm mắt, tập "Vì Em Tôi Đã Làm Sa Di," cũng sẽ không được chào đời.

Yêu dấu, một năm thêm, sắp đi qua. Tôi đã có sẵn trong tay, bản dịch Anh ngữ trường khúc "Mẹ Về Biển Đông," của Thiên Nhất Phương và Trần Lệ Khanh. Tôi đã sắp xếp cho mình, chương trình tái bản tập thơ này, nhiều tháng trước. Nhưng, bây giờ tháng Mười sắp ra đi. Tôi vẫn còn như con vờ, lạc giữa quầng sương tuổi già, lụ khụ.

Và, như thế, Yêu dấu, tôi sẽ trải qua một năm ăn không, ăn hỏng công lao của biết bao người làm thành hạt cơm, manh quần, tấm áo... cho tôi.

Và, như thế, Yêu dấu, tôi đã không là tôi.

Tôi thấy mình trơ trẽn gian dối, dị hợm giả trá, khi đến đâu, nơi nào, trước những người trẻ, tôi luôn nhắc nhở họ, cái bổn phận trả lại, cái phần vụ "pay back," những gì chúng ta nhận được từ nhân quần, xã hội.

X, Yêu dấu, của tôi,

Bây giờ là một giờ đêm, giờ California. Lần đầu tiên, sau nhiều ngày, tháng mất tích mình, nhờ Yêu dấu, từ Yêu dấu, tôi tìm được, tôi.

Tôi tìm lại được văn xuôi, cho mình.

Tôi tìm lại được ngọn nến (dẫu rực rỡ nỗi... đìu hiu,) như tìm được nửa phần sông / núi; nửa phần trái tim, những tưởng đoạn đành, mất tích.

Yêu dấu, đêm nay, tôi bỗng thấy thèm hát. Tôi muốn hát bằng cái giọng mang đầy tính "khủng bố" của mình. Tôi muốn hát:

"Cảm ơn, em yêu dấu, xin cảm ơn, hạnh phúc này. Cảm ơn em yêu dấu,

cho ta sống, đến ngày hôm nay..." (**)

Và, Yêu dấu, cuối cùng, Yêu dấu có còn thấy cần thiết, nơi tôi, một lời nào nào, khác, nữa?

*(Oct. 2001)*

(*) Đợi Chờ, Nhạc và lời: Nhật Bằng & Phạm Đình Chương

(**) Khi Bắt Đầu Của Tuổi Ba Mươi: Thơ DTL, Nhạc Trần Duy Đức.

# PHẤN QUỲ HƯƠNG

TRẦN HUY SAO

Khi tôi học lớp Nhì trường Tiểu học Bạch Đằng, tôi phải cám ơn chị Hương. Bởi vì, chính chị đã đưa tôi lên.... đài danh vọng. Đã cho tôi ngây ngất hưởng cái phút giây được đứng trên bục giảng, được phép thay vào chỗ đứng của thầy giáo Ngữ dù chỉ là một vài phút phù du, để đọc to bài luận văn của mình cho cả lớp cùng nghe. Thầy Ngữ, thường ngày, rất là vui tính. Buổi sáng hôm ấy, khi vào lớp trả bài Luận văn của tuần trước, gương mặt Thầy trở nên nghiêm trang. Thầy kêu đúng tên tôi lên đứng trước bàn. Như thường lệ, tôi vòng tay đứng khép nép trước vẻ mặt nghiêm nghị và ánh nhìn xoi bói của Thầy. Cả lớp im lặng như nín thở, theo dõi từng cử động của Thầy. Phút yên lặng trải dài làm tôi chịu đựng hết muốn nổi. Thầy từ tốn sửa lại gọng kính, vuốt lại thẳng thớm chồng giấy Luận văn của lớp và lấy riêng ra một bài để riêng bên trái. Thiệt tình lúc đó tôi muốn vụt chạy ra khỏi lớp rồi đến đâu thì đến. Tôi chịu không nổi cái không khí ngột ngạt và dáng điệu khác lạ của Thầy. May là lúc đó Thầy tằng hắng lấy giọng, sửa lại dáng ngồi ngay thẳng rồi hỏi tôi :

- Bài Luận văn tuần rồi là của em làm?

Tôi ngơ ngác một thoáng, rồi trả lời :

- Dạ thưa, của em làm.

- Không có ai "*gà*" cho em? À, ý Thầy muốn nói là không có ai chỉ vẽ cho em cả?

Lúc này tôi đã lấy được phần nào bình tĩnh, dứt khoát trả lời để chứng tỏ mình lúc nào cũng ngay thẳng :

- Dạ không. Không có ai chỉ cho em cả.

- Cũng không ai đọc trước khi em nộp bài?

- Dạ, cũng không.

Thầy gật gù. Vẻ mặt bớt nghiêm trang:

-Thầy muốn hỏi là tại sao em không viết về Mẹ hay hay Cha em như cả lớp đều viết. Em không yêu Cha, Mẹ bằng chị Hương à?

- Thưa Thầy, Cha Mẹ em là người em yêu kính nhất.

Thầy gật gù hơi mạnh làm cặp kính trễ xuống sống mũi. Lẹ làng, thành thạo, Thầy dùng ngón tay trỏ đẩy lên một cái, cặp kính trở về nguyên vị trí :

- Tốt. Tốt. (Thầy thoáng ngập ngừng). Nhưng...còn chị Hương, chị Hương nào vậy ?

Tôi bối rối, chưa kịp trả lời. Thầy hình như nhận thấy câu hỏi của mình quá tò mò, vội nói :

- Thôi được rồi.

và đưa cao bài Luận văn của tôi lên, tuyên bố với cả lớp :

- Đây là bài Luận văn đạt điểm cao nhất. Bài sẽ được đọc cho cả lớp cùng nghe

Thầy đưa bài Luận văn cho tôi, cố làm ra vẻ trân trọng :

- Xin kính mời, tác giả.

Cả lớp không hẹn mà cùng "*ồ*" lên một tiếng, ồn ào như cái chợ vỡ. Quả là một tin sét đánh ngang tai. Cái thằng tôi suốt cả quãng dài thời gian trong cuộc tranh tài, cứ lẹt đẹt gần như về chót với những bài Luận văn của lớp. Vậy mà hôm nay bỗng dưng bứt phá, giành được chiếc huy chương vàng óng. Trời còn muốn sụm nữa chứ nói gì cái lớp học chút xíu này. Chính tôi đây mà cũng cảm thấy váng vất cả đầu, không tin là sự thật. Thảo nào Thầy cứ gặng hỏi tới lui...

Lớp ồn ào quá, Thầy phải gõ thước xuống bàn, văn hồi trật tự. Tôi vừa ngượng ngùng vừa vui sướng cầm lấy bài Luận văn từ tay Thầy. Hình như thấy tay tôi run, Thầy nhắc khẽ :

- Bình tĩnh. Bình tĩnh...

Cố gắng cách nào đi chăng nữa tôi cũng phải đứng lặng một đỗi để lấy lại trạng thái cân bằng. Tôi biết rằng, đây là cơ hội vàng ròng, chắc chắn sẽ không bao giờ có được lần thứ hai. Do vậy, tôi cố tình đọc to, ngưng giọng rất đúng ở những dấu phẩy, chấm và xuống đoạn. Thầy Ngữ thoáng ngạc nhiên, gật gù đắc ý theo nhịp đọc của tôi. Cả lớp, lúc đầu còn xì xào bàn tán, sau đó lại yên lặng lắng nghe. Tôi không thể ngờ là tôi có thể viết được như vậy! Hay dở thế nào thì chưa biết được nhưng mà cách hành văn thật là trôi chảy,

dễ đọc. Tôi đọc một cách trơn tru liền lạc. Khi bài đọc chấm dứt, Thầy Ngữ cố tình vỗ tay thật lớn để cổ võ, nhưng cả lớp vẫn yên lặng chẳng có trò nào hưởng ứng cả. Tiếng vỗ tay hơi khựng lại, cụt hứng, rồi nhỏ dần.

Tôi bước xuống bục giảng trở về chỗ ngồi giữa cái không khí yên lặng và mấy chục cặp mắt nhìn ngẩn ngơ. Lần bươc xuống đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong suốt quãng đời học sinh của tôi...

Buổi học trôi qua trong trạng thái bềnh bồng ngầy ngật. Tôi mang cái cảm giác đó cho tới khi tôi ngồi trên đỉnh đồi Trọc. Tôi muốn tìm chị Hương. Chị phải là người đầu tiên chia sớt nỗi mừng vui của tôi. Hàng ngày, chị vẫn thường đi quanh ngọn đồi Trọc này để lượm phân bò, phân ngựa. Chị mang sau lưng một cái "*gùi*" thật lớn như mấy người Thượng ở xã Lát. Dáng người còm cõi co ro, thầm lặng giữa cảnh đất trời bao la bất kể ngày mưa hay nắng, nóng ấm hay giá lạnh, thấy sao mà cô đơn buồn thảm quá ! Tôi không biết chị từ đâu đến và ở làm công cho chú Vạn từ lúc nào. Công việc nhà vườn nặng nhọc, chị làm không hở tay, từ tờ mờ sáng cho tới tối mịt. Hình như chị không có một ngày nào rảnh, kể cả những ngày Tết là dịp để mọi người được nghỉ ngơi hội họp vui chơi sau một năm dài làm việc vất vả. Chị vẫn thầm lặng với công việc như mọi ngày. Không cười. Không nói. Dáng điệu lúc nào cũng hoảng hốt sợ sệt, cố tình lảng tránh mọi người. Chị là một cái bóng thầm lặng trong cái xóm nghèo vốn đã rất thầm lặng của tôi. Mọi người hình như đã quên lãng là có một người cùng xóm cơ cực còn hơn cả mình. Nhưng tôi, tôi vẫn nhớ và nghĩ đến chị. Chị đâu có họ hàng thân thích gì với tôi. Chị chỉ là một cái bóng mờ nhạt âm thầm dễ quên lãng trong nhịp sống áo cơm, trong cái xóm nghèo quanh năm tất bật với những công việc mưu sinh chật vật. Nhưng cứ mỗi buổi sáng nằm nướng trong chăn nệm ấm, tôi lại nghĩ đến chị. Giờ này chị đang oằn vai với đôi tùng tưới, đi từ luống rau này tới luống rau khác. Trời lạnh cắt da, làm sao chị có thể chịu đựng được, không phải một ngày mà là ngày này qua ngày khác ! Những lúc ngồi trong nhà, bên cạnh lò than ấm áp trong khi ngoài trời mưa phùn và những cơn gió bấc lạnh lùng, tôi lại ngậm ngùi nhớ về chị. Giờ này chị vẫn phải đi quanh ngọn đồi Trọc để lượm từng bãi phân bò, phân ngựa. Chiếc quần đen vá chằm vá đụp, có nơi được buộc túm lại bằng những sợi dây thun. Chiếc áo len tưa sợi, tả tơi lòi cả hai cánh tay tím đi vì lạnh. Dáng chị vẫn nhẫn nhục âm thầm. Đứng lên, ngồi xuống cho đến khi chiếc gùi nặng trĩu trì kéo bởi sức nặng làm chị như muốn bật ngửa người ra sau. Mỗi lần nghĩ đến những hình ảnh đó, trong tôi có một cảm giác bứt rứt xốn xang không thể diễn tả được. Tôi chỉ là một thằng bé, tôi chẳng làm gì được, ngoài lòng cảm thương một con người cùng khổ tận cùng cả sự cùng khổ trong cuộc đời này. Có phải chăng đó là lý do để tôi viết bài Luận văn nói về cảnh đời của chị ? Lúc bấy giờ thì tôi chưa nghĩ được điều đó. Sau này, khi nghiệm lại, tôi thấy đó là một lý do để tự giải tỏa tâm lý nặng nề, trì kéo trong lòng. Chính khi người ta nói lên được điều ấm ức trong lòng thì sẽ thấy dễ chịu hơn...

Lần đó, chờ mãi không thấy chị Hương, tôi cụt hứng tiu nghỉu bỏ về. Tất nhiên, người thứ hai tôi phải san sẻ nỗi vui mừng là Mẹ tôi.

Tối hôm đó, tôi nhớ, khi tôi đang học bài thì Mẹ tôi nhẹ nhàng đi đến phía sau. Mẹ vuốt đầu tôi trìu mến :

- Mẹ đã đọc bài Luận văn của con. Con viết hay lắm, cảm động lắm.

Tôi cười ngượng nghịu, trong lòng cảm thấy vui sướng. Mẹ tôi để bài Luận văn xuống bàn, ngập ngừng một chút rồi hỏi tôi :

- Bài ni con có phải nộp lại cho Thầy không ?

Tôi lắc đầu. Mẹ vội vàng cầm lên, thoáng nét vui :

- Vậy thì để Mẹ giữ bài Luận này. Mẹ muốn đọc thêm nhiều lần nữa. Mẹ sẽ giữ nó...

Tháng Mười-Hai, hoa Quỳ Hương còn rộ nở. Đường xóm nhỏ rực lên màu vàng óng nắng hanh của cuối mùa Đông,bắt đầu dợm bước qua Xuân. Những sáng trời se lạnh, nắng lên muộn màng, tôi đi giữa hàng Quỳ Hương hoang dại hai bên vệ đường. Nắng và màu hoa hòa nhập cho tôi có một cảm giác lâng lâng buồn. Chẳng biết buồn chuyện gì, nhưng có cảm giác vậy thôi. Buồn trời. Buồn đất. Buồn vu vơ. Chứ có gì mà buồn ở tuổi tôi, cái tuổi ăn ngủ vô tư !

Ba tôi nói tôi có tâm hồn nghệ sĩ. Tôi không hiểu một tâm hồn nghệ sĩ là như thế nào. Có hào phóng như Ba tôi không ? Và nhất là có những bài Thơ mà Ông thường đọc lên cho bạn bè cùng nghe. Thơ đọc hoài không hết. Lúc nào trên bàn ngủ của Ông cũng có một cây đèn sáp, một cuốn vở trắng và một cây bút. Ông thường nói với chúng tôi là Ông sẽ ghi những câu thơ bất chợt đến trong giấc ngủ. Bởi thơ chợt về trong giấc ngủ là Thi Thần. Nhưng tôi có thấy Ông ghi lại câu nào đâu!

Cuốn vở trước sau vẫn còn trắng giấy. Thường thì Ông làm thơ theo ngẫu hứng, đọc lên trong những lúc họp mặt bạn bè đông vui. Rồi sau đó, cũng chẳng thấy Ông ghi vào đâu cả. Những buổi họp mặt sau, Ông lại đọc lên. Bài thơ có thể dài thêm vài đoạn hay ngắn đi vài câu. Thêm bớt một vài chữ theo cảm hứng. Cũng chẳng thấy ghi vào đâu cả. Vậy mà, lúc nào Ông cũng có nhiều bài thơ để đọc cho bạn bè nghe. Để góp ý. Để luận bàn tương đắc. Thi Thần. Thi Tửu. Thi ngẫu hứng.. Thơ theo Ba tôi đi suốt cuộc đời nhưng mà không có giấy trắng mực đen. Những năm cuối đời, khi tôi gợi ý muốn gom hết những bài thơ của Ông để lưu giữ, sau này sẽ in thành tập để con cháu còn có dịp đọc và nhớ đến. Ba tôi đồng ý, hẹn một ngày nào thanh thản sẽ ghi lại ít chục bài tuyển chọn. Nhưng rồi, không có ngày nào gọi là thanh thản hết. Khi Ba tôi đi xa, Ông để lại chỉ có ba bài thơ. Mỗi bài ngắn gọn chỉ có bốn câu để gởi cho bằng hữu, gởi nhắn thê nhi và một bài tự thán. Có lẽ Ông đã chuẩn bị ba bài thơ này sẵn, từ khi biết là mình sẽ "*không xong*". Ba bài thơ ngắn, lại được nắn nót ghi chép cẩn thận, cho một đời người. Còn cả trăm bài chỉ là phút giây vui qua, chẳng nên xôn xao bận rộn vì nó làm gì.

Nhiều khi, tôi nghĩ, chính Ba tôi mới là con người nghệ sĩ. Còn tôi mà nghệ sĩ nỗi gì!

Ở quê tôi, Ba tôi thường nói, từ đầu thu cho đến lúc dợm vào Xuân là mùa-hương-phấn. Mùa Hương Phấn. Nghe sao mà lãng mạn, tình tứ và đầy chất thơ. Nhưng đó chỉ là một cách nói văn vẻ cũng như khi Ông ngẫu hứng làm thơ vậy thôi.

Thật ra thì thê thảm lắm! Hương phấn nỗi gì! Ho thắt cả ruột. Đầu lúc nào cũng hâm hấp nóng. Mũi dãi lòng thòng. Người lúc nào cũng thấy uể oải như con gà mắc dây thun. Đó là trạng thái của dị ứng khi hít phải phấn thông và phấn hoa Quỳ. Khi tiết trời bắt đầu se lạnh và những cơn gió chướng bắt đầu lồng lộng từ những đồi thông bạt ngàn, thổi tràn về thôn xóm. Những luồng gió vừa se da, vừa mang những bụi phấn thông li ti, tản mạn hòa nhập vào không khí. Kịp khi tàn thu, tiết Đông trời se lại, le lói nắng vàng nhưng hanh khô. Mùa hoa Quỳ rộ nở. Là loài hoa hoang dại màu vàng tươi mọc bụi mọc bờ. Nhất là khi đi trên con đường có hai hàng hoa Quỳ đang mùa rộ nở, rực vàng dưới nắng. Tha hồ nhìn ngắm, tưởng tượng. Và cũng tha hồ hít thở những bụi phấn li ti.

Ba tôi thường gọi là Phấn Thông Vàng, là Phấn Quỳ Hương. Những cái tên lại cũng thiệt là lãng mạn, tình tứ và đầy đặn chất Thơ. Nhưng thôi, đừng hơi đâu mà nghĩ đến những vẻ dáng mỹ miều đó nữa! Hãy cứ ngồi ủ rũ mà ho khan, tức ran lồng ngực. Hãy cứ lấy khăn tay mà lau cho mau những dòng mũi nước,nhớ là nhẹ tay chút, không thôi cái mũi lại đỏ như trái cà chua, rát chịu đời không thấu ! Còn chuyện mỹ miều tình tứ gì đó là chuyện của người thơ, của Ba tôi. Căn bệnh theo mùa này chẳng làm chết ai nhưng thiệt là khó chịu. Bệnh một lần cho biết thú-đau-thương của Mùa Hương Phấn để rồi sau đó, được cái ân huệ là miễn nhiễm hoàn toàn. Mỗi người chỉ bị một lần, duy nhất một lần thôi, để nhớ đời và để làm kỷ niệm.

Cuối mùa Đông năm đó, bất ngờ cậu Tâm của tôi từ Huế vô thăm. Tôi có nghe Mẹ tôi nói nhiều về Cậu nhưng chưa một lần gặp mặt. Nghe đâu Cậu cũng có làm thơ viết văn. "*Một con người cũng có tâm hồn nghệ sĩ lắm*", như Ba tôi thường nói. Mẹ tôi thì nhìn Cậu ở một cái nhìn khác. Mẹ nói Cậu là một nhà tu khổ hạnh. "*Nếu như hắn đi tu, cuộc sống tu hành hợp với hắn hơn*", Mẹ tôi thường nói vậy khi có dịp nhắc đến Cậu.

Khi hai Cậu cháu gặp nhau ý nghĩ của tôi về Cậu có khác. Nhìn Cậu quả có một vẻ dáng đạo mạo, khắc khổ của một nhà tu. Nhưng đôi mắt nhìn của Cậu như có ẩn nụ cười và nhất là cách nói năng thì thật là trái ngược. Gặp tôi ở phòng khách, Cậu ôm tôi vào lòng trìu mến. Cậu cứ vuốt vuốt đầu tôi, mấy ngón tay ấm áp chà qua xát lại rồi ngừng lại ở sau ót. Cậu bật cười, ghé sát vào tai tôi thì thầm :

- Thôi, chết rồi chú mi ơi ! Cái đầu ni bị méo rồi. Chắc là hồi nhỏ được nằm nhiều hơn là được bồng ẵm. Mai mốt lớn lên đi nắn lại nghe, con. Đừng để con gái chê là đầu cá lóc,ốt dột.

Tôi ngây thơ hỏi lại Cậu :

- Nắn bằng máy hả Cậu ?

Cậu cười ngất, vỗ vỗ vai tôi :

- Nắn bằng tay cũng được, bằng máy làm chi cho tốn tiền.

Mẹ tôi ngồi bên, đẩy nhẹ Cậu một cái :

- Cậu ni thiệt ! Biết nói giỡn nữa à ! Răng không đi dạy mà vô đây. Có chuyện chi không ?

Cậu lắc đầu, ôm tôi sát hơn :

- Cũng không có chuyện chi. Trường lớp phải sửa sang sau cơn bão lụt, vô thăm anh chị với cháu vài ngày sẵn dịp học cách trồng rau.

Mẹ tôi ngạc nhiên nhìn Cậu :

- Ủa, chớ bộ định bỏ dạy về vườn răng ?

Rồi bà day mặt qua chỗ khác, làm mặt giận,

nói lẫy :

- Đừng có nghĩ dại nghe. Hồi nớ chăn trâu chăn bò chưa chán hay sao? Quên lời Ba Mạ dặn rồi chắc. Khi Ba sắp "đi", Ba có...

Đang ôm tôi, Cậu vội vàng bỏ tay chụp lấy vai Mẹ tôi lắc nhẹ:

- Thôi, thôi đừng nhắc nữa. Không có phải rứa đâu. Để em nói cho chị nghe mà...

Thấy Mẹ tôi vẫn còn làm mặt giận, Cậu nói bâng quơ:

- Không nghe thì thôi! Chuyện hay quá mà không nghe. Uổng thiệt. Uổng thiệt...

Mẹ tôi vẫn không quay mặt lại:

- Đang nghe đây. Chuyện chi, nói mau.

Cậu nheo mắt với tôi,le lưỡi, lắc đầu:

- Chị còn nhớ nhà thờ Họ mình không? Có miếng đất hương hỏa phía sau đó. Em thấy năm nào ôn Tương cũng trồng rau thu huê lợi mà không ra chi cả! Muốn giúp Ôn, em vô đây học cách trồng rau, sẵn mua cho Ôn ít giống. Đất mô cũng là đất. Ngoài nớ, có nơi người ta trồng được tại sao mình không? Thấy Ôn già lụm cụm, cũng tội...

Mẹ tôi nghe Cậu nói xong vội quay người lại, đổi giọng vui liền:

- Ừ, em nói rứa thì nghe được. Để mai mốt thằng Tân dẫn em qua nhà chú Vạn coi cho biết. Giống rau hắn cũng có nhiều lắm.

Rồi Mẹ nói với tôi:

- Dắt Cậu qua nghe con. Nhớ đừng quên đó.

Đêm đó, Mẹ và Cậu tôi ngồi chuyện trò rất khuya. Tôi nằm chờ Cậu để hỏi cho ra lẽ về cái đầu méo của tôi, phải nắn bóp cách nào. Chờ hoài không thấy Cậu vô, tôi ngủ quên lúc nào không biết.

Ngày hôm sau, khi tôi đi học về, thấy Cậu bắt đầu có triệu chứng nhiễm phấn hoa. Cậu hắt hơi hoài. Tới chiều thì mặt mũi đỏ ngầu, ngồi co ro thiệt tội. Giấc tối thì nằm xụi lơ chịu trận. Đón khách phương xa

TRẦN HUY SAO

# *Mùa Xuân*

*Kéo cao cổ áo trễ*
*Gió cạp buốt thân da*
*Chân mất đà chực ngã*
*May mà chụp được em*

*May mà có em quen*
*Bên đời tôi phiêu giạt*
*Những buồn vui mặn nhạt*
*Chia sớt cho nhau cùng*

*Ở đây thiệt lạ lùng*
*Chẳng có chi nồng ấm*
*Chỉ có mưa rồi nắng*
*Chỉ còn anh và em*

*Đến như mùa Xuân quen*
*Cũng nhạt trời nhạt đất*
*Giữa dòng đời tất bật*
*Có nhớ cũng vờ quên*

*Cứ mỗi ngày mỗi quen*
*Riết rồi thành xa lạ*
*Mùa Xuân như mùa Hạ*
*Mùa Thu như mùa Đông*

*Giữa cõi Đời mênh mông*
*Mình lạc đường mất dấu*
*Con đò xa bến đậu*
*Con Én lạc mùa Xuân*

*Chỉ còn nỗi bâng khuâng*
*Rớt giọt đời khuây lảng...*

San Diego mùa Xuân 2002

kiểu này cũng thiệt là quái ác, nhưng như vậy mới có dịp nhớ đời!

Ngày hôm sau nữa, thấy trong người đã hơi khỏe, Cậu nhất định phải qua nhà chú Vạn. Trời đang trở tiết. Cái lạnh se da theo từng cơn gió thổi về từ hướng núi. Hai Cậu cháu đi dưới bầu trời xám, nặng nề những đám mây tưởng chừng như úp chụp xuống ngọn đồi Trọc phía trước. Qua khỏi ngọn đồi đó, nhìn xuống thung lũng là nhà chú Vạn. Dáng Cậu co ro trong chiếc áo bành-tô dày cộm của Ba tôi. Nhìn Cậu, tôi thấy Cậu giống con gấu đang từng bước một nặng nề lên con dốc dựng đứng. Lên nửa con dốc, Cậu ngừng lại thở rồi bỗng nhiên hỏi tôi:

- Chị Hương là người làm công cho chú Vạn hả?

Câu hỏi làm tôi khá ngạc nhiên. Tôi không trả lời Cậu mà hỏi lại:

- Ủa, sao Cậu biết chị Hương?

- Cậu có nghe Mẹ con nói, với lại Cậu cũng đã đọc...

Cậu ngập ngừng, ánh mắt nhìn xa xăm, khẽ thở dài rồi nói, như nói với chính mình:

- Sao lại có những cảnh đời cùng khổ như vậy được!

Cơn gió từ đỉnh đồi thổi tràn xuống, lạnh điếng. Hai Cậu cháu đi sát nhau hơn. Tôi nghe mơ hồ tiếng gió xoáy rít từ phía thung lũng, nghe rõ cả tiếng thở mệt nhọc của Cậu. Giữa cảnh trời đất bao la, Cậu cháu tôi như hai sinh vật nhỏ bé di động, cô đơn và đầy bất trắc.

Khi vừa lên tới đỉnh, tôi giật mình khựng lại trước hình ảnh đột ngột. Chị Hương. Chị đang ngồi khom xuống, chiếc gùi lớn trì kéo sau lưng. Bàn tay chị tái xám, đang nắm miếng phân bò đã se cứng. Gió xoáy cuộn từ dưới thung lũng vần lên làm tóc chị bay giạt về một bên. Chiếc áo len sờn rách tả tơi lòi hai khuỷu tay tím ngắt. Nghe tiếng động, chị giật mình ngước nhìn lên. Đôi mắt, lúc đầu, thoáng lên chút kinh ngạc, hoảng hốt rồi bỗng dịu xuống, sững sờ. Chị ngồi như người chết sững và đôi mắt đăm đăm nhìn về phía trước,về phía Cậu, tôi không hề chớp. Tôi nắm lấy bàn tay Cậu giật giật, rồi nói nhỏ:

- Chị Hương. Chị Hương đó Cậu...

Và tôi ngước mắt nhìn lên, kinh ngạc sững sờ. Rõ ràng, tôi thấy đôi mắt chị Hương là đôi mắt Cậu. Cũng đăm đăm nhìn về phía trước, không hề chớp. Ánh nhìn trong đôi mắt đó, có một nét gì rất lạ mà tôi không thể nào diễn tả được. Vừa hung bạo, vừa dịu dàng. Cậu đứng lặng người như thế rất lâu. Hoảng hồn, tôi giật mạnh tay Cậu

- Cậu. Cậu.

Cậu vẫn nhìn đăm đăm về phía trước, rồi như người trong cơn mộng du, Cậu bước từng bước về phía chị Hương. Khi hai người đối mặt gần nhau. Cậu quỳ xuống, cởi chiếc áo bành-tô, phủ chụp lên người chị. Sự việc xảy ra đột ngột, tôi cũng hóa sững sờ. Chị Hương và Cậu tôi vẫn nhìn nhau. Chiếc áo bành-tô phủ lên cả chiếc gùi, nhìn chị như người gù lưng. Bỗng nhiên, chị thoáng giật mình rồi cúi gầm mặt xuống. Tôi nghe tiếng khóc vỡ òa không kìm hãm rồi chị bật người dậy vùng bỏ chạy xuống ngọn đồi. Chiếc áo bành-tô mắc vào chiếc gùi một khoảng xa, rồi rớt xuống nằm trên đám cỏ. Cậu tôi vẫn giữ tư thế quỳ trên đám phân bò, đầu Cậu cúi gập xuống. Tôi không dám làm kinh động Cậu. Tôi biết, dù rất mơ hồ,là có một điều gì đó rất khác thường, đã đến với hai người. Cậu tôi và chị Hương.

Cậu ở tư thế quỳ như vậy một lúc khá lâu rồi giật mình ngẩng lên, ngơ ngác nhìn quanh. Thấy tôi đang đứng nhìn, Cậu thở dài, nói:

- Thôi, mình đi về...

Tôi ngạc nhiên, hỏi lại Cậu:

- Nhưng mà mình chưa tới nhà chú Vạn mà Cậu!

Cậu tôi nói, như nói với chính mình:

- Tới. Nhất định là phải tới, nhưng không phải là hôm nay.

Hôm sau, lẽ ra Cậu về như dự định nhưng Cậu vẫn còn nán lại cùng với Ba Mẹ tôi đi đâu chẳng biết, suốt cả một ngày.

Buổi tối hôm đó, tôi còn nhớ, khi nằm trên giường ấm, Cậu hỏi tôi:

- Nghe Ba con nói mùa ni là mùa phấn gì đó, con hè!

Tôi trả lời liền:

- Là phấn thông vàng, là phấn quỳ hương.

Cậu cười khoái trá, rồi xuýt xoa:

- Trời ơi, cái tên nghe thiệt là hay! Nhất là phấn quỳ hương, sao mà đúng y.

Tôi thắc mắc:

- Đúng cái chi, Cậu? Bộ Cậu chưa thấy ớn sao? Con thấy Cậu mũi dãi lòng thòng, thảm quá trời ! Cậu phải nhớ đời đó.

Cậu tôi nói thầm thì một mình :

- Phải nhớ đời. Phải nhớ đời. Nhớ cái phấn Quỳ bên Hương... Phấn Quỳ bên Hương...

Rồi Cậu cười ngất.Tôi ngơ ngác, chẳng hiểu Cậu đang nói gì.

Buổi sớm, khi tôi thức dậy thì Cậu đã ra đi.

Bỗng nhiên, cách khoảng hơn một tháng sau, vào đúng ngày hai-mươi-tám Tết, Cậu lại vào thăm.

Đêm hôm đó, hai Cậu cháu lại có dịp chuyện trò. Nhân vui câu chuyện, tôi nhắc lại chuyện phấn Quỳ Hương. Cậu lại cười khoái chí, nói với tôi:

- Đã quen, quen lắm rồi, con ơi!

Rồi Cậu ngâm khe khẽ:

- *"Đi đâu cho Thiếp đi cùng. Đói no Thiếp chịu, lạnh lùng Thiếp cam"*.

Lại một lần nữa, tôi ngơ ngác, chẳng hiểu Cậu muốn nói gì!

Buổi sớm khi thức dậy, không thấy Cậu. Mẹ tôi nói Cậu đã đi rồi. Đi lúc ba-giờ-sáng.

Từ đó, Cậu không vào thăm nữa...

Vậy mà, cuối cùng, điều đáng nhớ trong đời tôi vẫn là Cậu. Lần này, có thêm Mợ của tôi. Thú vị hơn nữa, là có cả tôi trong đó.

Vào khoảng thời gian Hè, cách năm năm sau lần cuối Cậu vào thăm, tôi được theo Mẹ về quê cũ. Nhà đầu tiên tôi đến và người đầu tiên tôi gặp là Mợ tôi. Là chị Hương của ngày nào ! Tôi đứng sững sờ ngơ ngẩn quên cả chào hỏi. Mẹ tôi và Mợ cầm tay nhau mừng rỡ rồi nhìn tôi, cười ngất. Tiếng cười của Mẹ thì vui. Tiếng cười của Mợ tôi nghe như có nghẹn ngào vì nước mắt Mợ lăn dài. Và Mợ ôm lấy tôi, lúc này, lại bật khóc lớn. Tự nhiên, tôi nhớ lại tiếng khóc ngày nào trên đỉnh đồi Trọc và tiếng khóc ngày hôm nay, sau năm năm gặp lại. Tiếng khóc của chị Hương ngày đó cũng có nỗi mừng vui nhưng có trộn thêm niềm tủi nhục. Tiếng khóc của mợ Tâm tôi nay chỉ có nỗi mừng vui, trọn vẹn. Hai tiếng khóc từ hai cảnh đời trái ngược đã lắng lại trong tôi những buồn vui lẫn lộn.

Khi hai Cậu cháu gặp nhau, Cậu bắt tay tôi. Điều đó, thầm nói với tôi rằng, Cậu đã nhìn tôi với một cách nhìn khác. Chỗ đứng của tôi trong Cậu không còn là chú bé ngày nào mà đã là một anh chàng bắt đầu dợm lớn, chững chạc hơn. Điều đó cũng đúng thôi vì tôi đâu còn ở độ tuổi tin rằng sẽ đi nắn cái đầu méo lại để con gái khỏi cười ốt dột, như ngày nào. Tôi đã "*cảm thấy*" được cái nhìn trân trối của hai người trong phút đầu gặp nhau trên đỉnh đồi Trọc. Tôi hiểu được những câu nói bóng gió xa gần của Cậu đêm nào. Tôi cũng hiểu điều Cậu phải làm là cùng với Ba Mẹ tôi sắp xếp mọi việc một cách hết sức âm thầm cho hai lần ra đi , không phải của Cậu, mà của chị Hương. Một lần dàn xếp để chị ra đi khỏi nhà chú Vạn. Một lần sắp xếp cho chị ra đi khỏi một nơi tăm tối của cuộc đời. Cậu sẽ ngạc nhiên vì tôi còn hiểu nhiều hơn nữa. Tôi hiểu lời nhận xét của Mẹ tôi về Cậu. Tôi cho rằng, Cậu đâu cần phải đi tu, cho dù trái tim Cậu vẫn trầm luân cảnh đời trần tục nhưng tấm lòng Cậu có khác gì một bậc chân tu.

Nhưng, trong lòng tôi, vẫn còn có điều gì đó ấm ức. Có thể là vì lòng tự ái và thêm một chút, mặc cảm về sự tin cậy. Sự việc lớn lao như vậy mà tất cả mọi người đều gạt bỏ tôi ra ngoài, bình thản, dửng dưng. Tôi có nói chuyện này và tỏ ý dỗi hờn Mẹ. Mẹ tôi cười, dấu dịu:

- Con nói rứa cũng đúng, nhưng chuyện người lớn mà con! Ngày đó, con còn nhỏ, biết để làm gì? Bây giờ thì con đã biết mọi chuyện và cũng hiểu rằng người lớn đã không làm điều gì xấu để phải giấu con là được rồi.

Mẹ nói đúng. Nhưng tôi vẫn cứ còn ấm ức.

Như hiểu được điều đó, cho nên trước ngày tôi về lại, Mợ có ý kêu riêng tôi vào phòng khách. Mợ nghẹn ngào nói với tôi:

- Ngày đó, Cậu đã đem Mợ đi, đem Mợ ra khỏi cảnh đời tăm tối. Cho Mợ được cái quyền làm con người. Dạy cho Mợ biết nói. Biết viết. Biết đọc. Biết thấy lại mình. Đối với Mợ, tưởng như là giấc mơ...

Rồi Mợ lấy từ trong túi áo một tờ giấy xếp tư đã phai màu. Cầm lấy tay tôi, Mợ lại nghẹn ngào

- Đây là kỷ vật mà Cậu con đã dành cho Mợ. Mợ quý lắm, quý vô cùng. Ngày trước, Mợ mong rằng sẽ có ngày đọc được những gì trong đó. Nay thì đã đọc được rồi và đã đọc rất nhiều lần. Chỉ có một điều, Mợ đã nguyện là không bao giờ về lại nơi xưa. Mợ không đủ cam đảm nhìn lại cuộc đời của mình. Những năm, tháng đó như là cơn ác mộng. May là con ra đây. Mợ không có quyền giữ mãi được.Vật hoàn cố chủ, con cầm đi...

Tôi cầm tờ giấy từ tay Mợ và bỗng thấy bàng hoàng, sửng sốt. Tờ giấy học trò đã úa màu theo thời gian, những dòng chữ cũng đã nhòe nhoẹt đi nhiều chỗ. Nhưng tôi làm sao có thể không nhận ra được, đó là bài Luận văn của tôi ngày nào ! Bài Luận văn tôi viết về chị Hương. Chính là bài Luận văn đã một lần đưa tôi lên...đài danh vọng. Và chỉ có một lần, một lần duy nhất trong đời.

Sự việc bất ngờ quá làm cho tôi xúc động thẩn thờ. Mợ ôm chầm lấy tôi, tiếng nói Mợ lạc đi, tưởng như từ một nơi xa vắng nào đó, vọng về :

- *Con ơi ! Bài Luận văn này của con đã cứu cuộc đời của Mợ..../.*

thái độ đó của nữ giới từ ngày còn trẻ! Trong Đôi Bạn của Nhất Linh, Loan tạo cơ hội thuận tiện để Dũng tỏ tình cùng nàng trên đồi vắng giữa ban trưa, nhưng Dũng cứ loay hoay và nói với nàng những chuyện vớ vẩn, những câu vô nghĩa đến mức độ... vô duyên khiến Loan thất vọng chán nản, chấm dứt khoảnh khắc thuận lợi ấy bằng cách bảo Dũng cùng nàng đi về phía có tiếng Trúc gọi. Loan coi thái độ 'gà mờ' của Dũng là một quyết định: quyết định không bày tỏ tình yêu. Mà tại sao quyết định như thế? - Tình yêu không đủ mạnh! Kể ra thì anh cũng có yêu tôi đó, nhưng thái độ lơ lửng con cá vàng của anh cho tôi thấy tấm tình yêu anh dành cho tôi chỉ như một thứ trang điểm cuộc đời... Quan cũng nhớ đến một nhân vật nữ trong Quật Mồ Người Đẹp của Bình Nguyên Lộc: một thiếu phụ trẻ có chồng già, dan díu với một sinh viên trẻ tuổi. Hai người cùng nhau hò hẹn. Anh chàng sinh viên cứ lái xe đưa tình nhân loanh quanh trong thành phố Saigon vì ngại đưa tình nhân vào một khách sạn, một phòng ngủ, vì chàng ta thiếu một garconnière để đưa nàng về đó, rốt cục người đẹp bực mình bảo chàng ta lái xe đưa trả mình về nhà. "Kể ra anh cũng khá điển trai đó nhưng tiếc một nỗi anh quá cù lần. Cái thành phố này tôi lạ lùng gì mà anh chở tôi chạy rong hết đường này đến phố khác như thế? Thiệt ra anh chẳng say mê ham muốn tôi nhiều đâu. Nếu có, anh đã dấn thân, đã có quyết định khác."

Có thể đôi lúc nào đó, người ta thầm cám ơn anh đã không dám dấn thân, không là ma dẫn lối quỷ đưa đường nên lương tâm người ta được thanh thản, không ray rứt dằn vặt, nhưng lắm lúc người ta thấy anh chẳng ra làm sao cả, chẳng dám phiêu lưu, mạo hiểm, chẳng có nam tính, nói tóm, nhát cáy! Tôi đã giao bóng cho anh rồi, đá vô thành để ghi bàn chẳng lẽ cũng là tôi nữa sao? Mâm cơm đã sẵn, lẽ ra anh phải đút cơm tôi ăn, anh chờ tôi xúc cơm và thức ăn đút vô miệng anh như mớm cơm con nít chắc? Người ta thất vọng về anh. Người ta kết luận anh không yêu người ta. Nếu yêu, đã không dật dờ như thế.

Và cho đến bây giờ, hôm nay, Quan vẫn có thể hình dung lại một kỷ niệm khá sống động. Một hôm Quan đang giảng bài ở một lớp trên lầu trường V.T. Chợt có tiếng gõ cửa, báo hiệu có người muốn gặp. Quan bỏ dở bài giảng, bước ra: thì là một nữ đồng nghiệp, cô Hoa, dạy Anh văn, mới từ Sài Gòn chuyển ra V.T. Quan mở lời trước:

"Chào chị."

"Chào anh. Xin lỗi, có phải anh là anh Quan không?"

"Phải, chị. Có chuyện gì không chị?"

Một vẻ ngần ngại thoáng hiện trên gương mặt điểm trang khá kỹ, đẹp một nét đẹp khá dữ dội.

"Chiều nay anh có rảnh không, chiều nay anh có giờ dạy không? Tôi thấy trên thời khóa biểu nhà trường chiều nay anh không có giờ."

"Đúng vậy. Chiều nay tôi cũng không có giờ dạy ở trường ngoài. Nhưng... có việc gì vậy chị?"

Nét mặt và giọng nói bỗng trở nên nghiêm nghị:

"Tôi mời anh chiều nay lại nhà tôi chơi. Tôi có chút việc nhờ anh."

Câu trả lời chậm rãi thong thả của Quan biểu lộ một e dè ngần ngại:

"Được, chị. Nhưng tôi không biết địa chỉ của chị."

"Số 93 Hoàng Diệu nối dài. Anh đi quá tiệm Gà Xối Mỡ Toàn Thịnh, thấy có cái nhà lầu hai từng quét vôi hồng là chỗ tôi thuê ở đó."

"Vậy chiều nay khoảng bốn giờ tôi đến."

Quan vô lớp sau khi Hoa đã quay đi. Anh chưa suy nghĩ gì nhiều về nguyên nhân của lời mời đến nhà của cô giáo trẻ.

Mãi đến khi kẻng báo hiệu giờ chơi, Quan ôm cặp về phòng giáo sư nghỉ, anh mới có thì giờ... nghĩ. Hoa cũng về phòng giáo sư, tíu tít chuyện trò với các nữ đồng nghiệp, coi như không có mặt Quan ở đó, lại càng coi như không có chuyện hai người vừa gặp nhau để thu xếp một buổi hẹn. Ngồi ở dãy ghế đối diện khá xa, Quan kín đáo quan sát và chiêm ngắm người phụ nữ anh vừa gặp. Thân hình cân đối, tuy hơi một chút đẫy đà. Trang phục tuy kín đáo vẫn không dấu được bao nhiêu đường nét mềm mại quyến rũ. Khuôn mặt đầy đặn, hồng hào, không biết vì... hồng diện tự nhiên hay do trang điểm; mũi cao, đôi mày hơi xếch tạo cho gương mặt một nét hơi dữ, miệng hơi rộng và đôi môi khá dày.

"Một người đẹp," Quan thấy anh dừng lại ở một nhận xét thuần thẩm mỹ.

Hoa tiếp Quan ở phòng khách. Quan chờ nữ gia chủ nói mục đích của lần gặp gỡ; anh hỏi bâng quơ về ngôi biệt thự, được biết nàng chỉ thuê một phòng, không phải sở hữu của nàng. Lật quyển album để sẵn trên bàn, Hoa chỉ vào một tấm ảnh bán thân một người đàn ông còn trẻ, một quân nhân mang cấp bậc trung úy, hỏi Quan:

"Anh biết ai đó không?"

Quan hơi khó chịu vì câu hỏi 'xách mé' nhưng anh cũng cố nhìn kỹ tấm ảnh người lạ mặt. Một người Quan chưa gặp bao giờ, nói gì đến quen, một típ đàn ông không có nét gì độc đáo. Nếu có nét gì thuộc nam tính, đó là nhờ bộ quân phục, cái mũ béret đội nghiêng có phù hiệu cọp ba đầu, mấy bông hoa mai trên ve cổ áo và cái nhìn khó đăm đăm. Quan rời bức hình, ngửng lên, khẽ lắc đầu:

"Tôi không biết."

"Anh không biết thật sao? Nhìn lần nữa đi."

Lần này thì Quan đã mất kiên nhẫn:

"Thôi, đủ rồi chị. Vả lại, nói dối chị làm gì chuyện đó."

"Anh Tú, ông xã tôi đó. Tôi tưởng anh đã gặp ảnh ít nhất cũng vài lần rồi chớ."

Quan ngồi im, không muốn lập lại một lần nữa câu phủ định, tự hỏi người phụ nữ này muốn cái gì mà cứ vòng vo tam quốc.

"Ảnh bắt bồ với Bích Ti, em gái anh, theo chỗ tôi biết cũng gần nửa năm nay rồi, anh cũng không biết nữa sao?"

Quan thật sự có hơi ngạc nhiên:

"Tôi cũng không biết luôn. Bích Ti là em tôi thật nhưng chỉ là em họ xa. Vả lại theo tôi đèn nhà ai nấy sáng, đàn ông chúng tôi không để tâm để ý đến chuyện gia đình người khác."

Hoa bắt đầu tả oán, kể tội ông chồng:

"Anh tính coi, mấy tháng liền ổng đâu có đem về đồng xu cắc bạc lương nào. Tôi hỏi, ổng than hết đãi ông đại úy này mới lên lon đến tiễn ông thiếu tá tiểu đoàn trưởng đi đơn vị mới, hết lỡ thua mấy canh xì phé đến phải sửa lại chiếc Honda. Ổng than tiền lính tính liền. Thiệt ra, ổng bỏ tiền ra mua quà liên miên cho Bích Ti,

TRẦN VẤN LỆ

# NGHĨ TỚI NGÀY VỀ

*Em ạ, một hôm nào đó, mình về thăm lại Quê Hương, mình sẽ làm sao em nhỉ, mình vui hay mình sẽ buồn?*

*Anh nghĩ mình vui sao được! Mất rồi tuổi trẻ hồn nhiên, mất rồi tóc thời xanh mướt, còn chăng đôi mắt ướt mèm!*

*Mình sẽ ngồi bên mộ Ngoại, nhổ từng cây cỏ cằn khô, nhìn ba cây nhang bốc khói, tưởng như bên Ngoại bao giờ...*

*Rồi mình đi thăm mộ Má. Rồi mình đi thăm mộ Ba. Thắp nhang thơm lừng tất cả: bà con gần, bà con xa...*

*Sao mình đi thăm người chết? Bộ người sống chẳng ai quen? Em có hỏi anh như thế? Hay là anh cứ hỏi em?*

*Quê Hương là gì em nhỉ? Phải chăng là sự điêu tàn? Những gì làm ta nhức nhối, con sông, dòng suối... lang thang?*

*Quê Hương là nhà cao ngất? Quê Hương, xa lộ nối dài? Quê Hương, Công An đứng chật? Quê Hương, quán chiều lai rai?*

*Em ơi, mình về để khóc (đố ai không khóc khi về!). Ngổn ngang cái còn cái mất; cái còn... buồn bã lê thê!*

*Bao người đã về, không ở. Tại sao người ta lại đi? Tới phiên mình, rồi, cũng thế? Quê Hương đồng nghĩa Chia Ly?*

*Hôm qua, ông Bác Sĩ Đức, nói, buồn, như khóc, em ơi: Quê Hương biết là Tổ Quốc, từ lâu nhớ đến – ngậm ngùi...*

*Từ lâu, từ lâu, lâu lắm, chúng ta đã bạc đầu rồi, ước mơ ngày về thăm thẳm, thôi đành em ạ, mây trôi...*

hết món này tới món kia. Anh biết không, vừa rồi ổng mua một lố ít nhất mười cái áo montagut đủ màu, làm quà sinh nhật cho Bích Ti đó."

Quan chỉ biết ngồi nghe.

"Tôi nghĩ ảnh có mặc cảm với tôi. Ngày trước, hai đứa quen nhau từ lúc ảnh mới học đệ nhị. Tôi cũng đệ nhị. Cuối năm ảnh thi Tú Một rớt, tôi đậu. Qua năm sau, ảnh lại rớt, tôi may mắn đậu Tú Hai. Ảnh buồn tình, đăng vô sĩ quan Thủ đức. Mà bộ Quốc Phòng cũng không thể tiếp tục cho ảnh được hoãn dịch. Tôi thi đậu vô Sư phạm Sài Gòn, học đến năm thứ hai, tôi bằng lòng để ảnh cưới. Thời gian đầu, chúng tôi tương đối có hạnh phúc, nhưng đến khi có đứa con đầu lòng, chúng tôi thường hay cãi nhau. Những khi ảnh đi công tác xa, một mình tôi ở nhà thì không có ai để cãi. Nhưng khi ngày hôm trước ảnh về, ngày hôm sau đã có lời qua tiếng lại giữa hai vợ chồng. Trong mâm cơm cũng có thể cãi nhau; đi chơi phố có thể là dịp cãi nhau. Thậm chí lên giường nằm cũng bất bình gây gỗ. Anh ấy bảo tôi ăn hiếp anh ấy, cậy có trình độ học thức cao hơn ảnh nên ưa lý sự, ưa bắt bẻ. Tôi cho đó là lời của một người mang tự ti mặc cảm. Thực ra ảnh nói năng gàn bướng tôi không chịu được... Với đàn ông một khi đã có mặc cảm mình rất khó sống."

Quan ngạc nhiên tại sao anh có thể chịu khó ngồi nghe cô bạn đồng nghiệp tâm sự lòng thòng đến vậy. Vì lịch sự? Chắc vậy. Nhưng anh cũng đành phải... vui vẻ ngắt lời:

"Xin lỗi chị, chẳng lẽ tôi được chị mời đến đây chỉ để nghe chị tâm sự chuyện gia đình?"

Hoa lúc ấy như người bừng tỉnh:

"Xin lỗi anh Quan, không phải vậy đâu anh. Sở dĩ tôi kể lể dài dòng là cốt để anh thông cảm mà giúp tôi một việc."

"Liệu tôi có thể giúp được gì cho chị?"

"Tôi nhờ anh về khuyên Bích Ti chấm dứt tình trạng này. Cô ấy còn là con gái, sao có thể giao du thân mật với một người đàn ông đã vợ con như thế. Tôi nghĩ cô ta chỉ cố 'bắt địa' chồng tôi thôi."

"Rất tiếc, tôi không thể giúp chị việc đó. Tôi chỉ là anh họ Bích Ti, bà con xa, trong khi cô ấy còn cha mẹ, anh chị em đoàn tụ một nhà. Hơn nữa tôi vốn không muốn xen vào chuyện người khác như tôi đã nói, mong chị hiểu cho."

Độ tuần sau, vào một buổi sáng, Hoa đến nhà Quan. Anh nhớ hôm ấy nhằm ngày lễ. Nhà vắng. Hoa đến một mình, phục sức, trang điểm cực kỳ diễm lệ và... khêu gợi với cái váy trên đầu gối một khoảng khá xa. Tôi vội vàng khoác chiếc áo sơ mi quần dài ra tiếp chuyện. Hoa nói Hoa đến nhà một người bạn gần đây, nhân tiện ghé thăm Quan và để từ giã. Nàng cho biết được thuyên chuyển về lại Sài Gòn.Tôi liếc nhanh ra ngoài, không có một ai, bèn bóng gió:

"Anh Tài hôm nay đi chơi rồi hở chị?"

Hoa đáp, không được hài lòng: "Anh ấy bận đi công tác, hai tuần nữa thì về.Anh tài xế nhất định không vô,nói ngồi ngoài này mát hơn."

Ngồi ở phòng khách nói quanh quẩn chuyện trường, chuyện thành phố biển thùy dương cát trắng hiền hòa (sáo!) được một lát, Hoa đề nghị cho ra thăm vườn. Vườn rực nắng, cây cối tươi tỉnh trong làn không khí ban mai, lá vàng khua xào xạc dưới những bước chân thong thả di động.

"Vườn nhà anh nên thơ quá! Nhưng hình như cây nhiều mà trái chẳng bao nhiêu. Chủ nhân không quan tâm đến chuyện thu hoạch."

"Nhiều người cũng nhận xét như chị."

Đưa tay ngắt một vài lá lựu, vò nát trong lòng bàn tay, Hoa hỏi nhỏ, không ngẩng mặt:

"Anh có biết là người Sài Gòn rất có cảm tình với Nha Trang không?"

Quan lúng túng, không biết trả lời sao cho phải:

"Hình như... vâng, tôi có biết, tôi có thấy điều đó."

Hoa ngửng lên nhìn thẳng vào mắt Quan:

"Sao lại 'hình như'? Anh không dám khẳng định phải không?"

Chỉ vài năm sau, không quá lâu để Quan thấy được ngày ấy anh quá "cù lần," khờ khạo, mặc dù anh không hề có ý định phiêu lưu. Phải chăng vì tình huống ngày ấy không phải tình huống của một "Sợi Tóc"?

Chẳng trách không ít người mỉa mai anh mà là giáo sư môn Tâm lý học!

Bên ngoài trời trưa nắng chói chang khiến Quan hấp háy đôi mắt. Thế là thoát nhưng cũng thế là mất. Anh cảm thấy nhẹ nhõm nhưng cũng mang tâm trạng tiếc rẻ không sâu đậm. Nhật Hà trạc tuổi anh, khoảng trên dưới bốn mươi lăm. Cuối giai đoạn hồi xuân. Vào tuổi đó ít người đàn bà nào còn giữ được những đường nét hấp dẫn quyến rũ, mặc dù tham lam cuồng nhiệt có thừa. Cuộc phiêu lưu tuy chưa thật sự bắt đầu nhưng Quan cũng có được phần lớn yếu tố để khẳng định điều trước đây anh chưa dám: Nhật Hà thích anh. Đó là một phần sự thực. Còn phần kia, tuy

thuộc về anh, nhưng anh lại không biết rõ: vì một tình bạn hay vì một Nhật Hà không được hấp dẫn mà anh không đẩy cuộc phiêu lưu giữa hai người đi xa hơn hoặc đi đến chỗ tận cùng của nó?

Vì một tình bạn? Tình bạn giữa anh và Hỉ, chồng Nhật Hà? Quan không đặt nặng quan hệ giữa anh với Hỉ. Hỉ không hề và có lẽ không bao giờ là bạn, hiểu cho đúng nghĩa của từ này, của anh, dù trước đây hai người cùng học một trường, bởi hai người có quan điểm chính trị trái nghịch nhau. Hỉ say mê chế độ mới một cách mù quáng đến nỗi người cộng sản nào dưới mắt anh ta cũng đều đáng nể, đáng phục. Đáng nể vì họ có nếp sống đạo đức, kham khổ, giản dị, lành mạnh, liêm khiết. Đáng phục vì họ có tài... đuổi xâm lược, hết thực dân Pháp đến phát xít Nhật, hết phát xít Nhật đến đế quốc Mỹ. Hỉ xin được một chỗ làm trong cái gọi là Mặt Trận Tổ Quốc tại thành phố. Bấy nhiêu đó đủ để Quan không giao du với Hỉ, chưa kể những khác biệt về quan niệm nhân sinh giữa hai người.

Tình bạn ở đây là tình bạn giữa Quan và Phúc. Từ lâu, Quan biết bạn mình dan díu với Nhật Hà và mối quan hệ ấy thường bị gián đoạn vì hoàn cảnh của đôi bên. Nhật Hà là người đàn bà vừa khá nhẹ dạ vừa tham lam, dễ xiêu lòng trước những cám dỗ nhưng cũng thích chinh phục. Ở đây chinh phục và bị chinh phục khó phân biệt. Không ít người chinh phục bằng cách tạo điều kiện thuận lợi để bị chinh phục. (Điều đáng buồn là lắm người sau đó la toáng lên mình bị... sách nhiễu tình dục). Mà anh chàng Hỉ thì hiền lành, quanh năm suốt tháng miệt mài công vụ, công tác, xao lãng bổn phận làm chồng. Những người chỉ biết có bổn phận chung thường bị phụ tình riêng. Nhật Hà đang cuối tuổi hồi xuân nên sự tham lam đòi hỏi càng nung nấu thôi thúc nàng. Đành rằng cá nước chim trời, ai săn bắt giỏi người ấy được, nhưng sự thành công của Quan trong việc chinh phục Nhật Hà đồng nghĩa sự thất bại của Phúc và điều ấy Quan không muốn thấy xảy ra. Hơn ai hết, Quan biết đối với Phúc mọi thất bại trong tình trường đưa người trong cuộc đến ngoại tình là điều xót xa đau đớn gần như không chịu đựng nổi. Phúc coi đó như một sỉ nhục. Chính vì suy nghĩ ấy của Phúc mà Quan thấy không nỡ, không thể, cho dù Nhật Hà chẳng của riêng ai trong hai người.

Nhưng nếu Nhật Hà là một người đàn bà khác, một thiếu phụ trẻ hơn, đẹp hơn, quyến rũ hơn, nhưng cũng lẳng lơ và tham lam như nàng, hậu quả sẽ ra sao? Đố ai kể cả Quan biết được quyết định của Quan nghiêng về phía nào, tình yêu hay tình bạn? Hơn nữa Quan không phải mẫu đàn ông bị "thiếu" để dễ dàng trở thành bậc thánh thiện. Xin nói lại nghiêm chỉnh: không phải mọi người thánh thiện đều là những người "thiếu" và cũng không phải mọi người đàn ông "thiếu" đều trở thành thánh thiện. Tuy nhiên, quan niệm của Nietzsche về siêu nhân và người sống đạo hạnh không hoàn toàn sai. Tôi không mắc chứng đa dâm để bị người đời lên án hoặc chê cười chẳng qua vì tính dục bẩm sinh của tôi không quá mạnh đến nỗi không thể kềm chế, đè nén đó thôi. Ở đây, trong hoàn cảnh này, giữa sáng suốt và mê muội, giữa đạo đức và tội lỗi sa ngã, khoảng cách chỉ một bước ngắn.

Bước ngắn này là cái bước của ý-chí tự-do (libre-arbitre) mà con lừa của Buridan không có nên đành chịu chết đói lẫn chết khát. Riêng Quan, anh chẳng đói tình chẳng khát tình. Anh chỉ thấy mừng vì đã không làm một điều xấu. Anh không thấy hãnh diện, cũng chẳng tự hào với bản thân. Chiến đấu có gian lao thành công mới vinh dự. Đàng này Quan có "chiến đấu" gì đâu! Bất chiến tự nhiên thành. Như người thắng trong cuộc chơi cờ bạc đỏ đen, mừng vì vơ được món tiền lớn trong trò chơi bài cào ba lá, chẳng cần một chút suy nghĩ, động não, cố gắng, phấn đấu. Vì thế, nếu Quan thấy mừng thì được; hãnh diện, tự hào là lố bịch.

Dù vậy, tối hôm ấy nằm một mình trằn trọc, thao thức với hình ảnh ban sáng của Nhật Hà, rồi sau đó rạo rực với hình ảnh của một Liễu bốc lửa, Quan thực hiện trò chơi cô đơn kiểu Gide. Trò chơi có tác dụng một liều thuốc an thần: Quan sau đó đi vào giấc ngủ. Trong mơ, anh thấy thời gian là thập niên bảy mươi, không gian là thành phố cũ ở đó có bích chương đại tự nền đỏ chữ vàng giăng ở cổng trụ sở Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh:

Cực lực lên án bọn phản cách mạng vượt biên chạy theo đế quốc.

Rồi cũng trong mơ, Quan thấy thời gian là thập niên tám mươi, không gian là thành phố mang tên người, ở đó la liệt những bảng quảng cáo áo thun, quần lót, mực khô, tôm hùm, củ kiệu, nước ngọt, lade, bao cao su ngừa thai ngừa bệnh và một bích chương đại tự có lẽ cũng của nhà cầm quyền nốt:

Cho phépViệt- kiều kể cả người vượt biên về thăm quê hương ăn Tết./.

# KHÔNG QUEN TRỊNH CÔNG SƠN, VIẾT VỀ TRỊNH CÔNG SƠN

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Tôi với Trịnh Công Sơn không có quen biết. Người khác viết về họ Trịnh, người ta kể ra được biết bao nhiêu kỷ niệm với nhạc sĩ. Cái này có phần lợi, mà cũng có phần thiệt: Đã mang tiếng là quen, người ta dường như tự thấy có nhu cầu phải nói ra quan điểm của mình về những điều "Quốc"/"Cộng" đang tranh cãi về người nhạc sĩ này.

Tôi không có quá khứ ấy, nên tôi không cần phải nhảy vào cuộc tranh cãi chắc không bao giờ chấm dứt này. Tôi là một đứa nhóc thích nhạc, con nhà "ngụy," sống tại Việt Nam sau 75, đủ lớn để quan sát và suy nghĩ, nhưng chưa đủ lớn để ra đường làm quen với những người nổi tiếng.

Ở đây, tôi chỉ viết về hai bài hát tôi thích, do Trịnh Công Sơn sáng tác khoảng 1979 hay 80, khi phong trào vượt biên "bán chính thức" lên cao độ, và đất nước Việt Nam đang xuống dốc thảm hại. Tôi viết về những lý do cá nhân vì sao tôi thích hai bài này.

Oái oăm thay, hai bài tôi thích đều bị lên án tại hải ngoại.

## Đèn Đường Từng Đêm Thao Thức

Thế giới âm nhạc ở Việt Nam sau 75 là một thế giới tạp nhạp về chất lượng, hay có dở có, nhưng đặc biệt thuần nhất về nội dung. Nói nhạc, là nói nhạc "cách mạng." Đang ở Trường Sơn Đông thì nhớ Trường Sơn Tây, nhưng ở tận sông Hồng thì em có biết quê hương anh cũng có dòng sông? Trên Sóc Bom Bo có tiếng chày khuya hòa với tiếng đàn ta lư mừng thắng trận quê ta. Hà nội ta đánh Mỹ giỏi là niềm tin yêu hy vọng của núi sông hôm nay và mai sau. Các cô gái cũng toàn lo đánh nhau – có cô gái vót chông, có cô gái Sài gòn đi tải đạn, và có cô gái đứng ở bên đường như quê hương vai áo bạc cầm súng trường. Họ hẹn gặp nhé giữa Sài gòn, là nơi thành đô trong ánh điện quang tiếng nấc nghẹn câu cười.

Đó là nhạc chúng tôi được phép nghe, được phép hát, được phép trình diễn, và các thầy cô của chúng tôi được phép dạy. Nhạc Phạm Đình Chương, Lê Uyên Phương này nọ chỉ hát lậu thôi. Sau này, BBC và VOA phát một số bài mới như "Người di tản buồn," "Món quà cho quê hương," "Anh giải phóng tôi hay tôi giải phóng anh," và "Sài gòn niềm nhớ không tên." Chúng tôi gọi chung là nhạc "hải ngoại" vì chúng tôi nghe được qua đài ngoại quốc, chứ chúng tôi không biết ông Nguyễn Đình Toàn tác giả "Sài gòn niềm nhớ không tên" vẫn còn sống sờ sờ trong nước. Chúng tôi chép lại từ đài, dạy cho nhau hát, dĩ nhiên hát lén.

Một người thầy của tôi kể lại, để tránh không phải dạy học trò mình thành cộng sản, trong giờ nhạc trường trung học ông ta chỉ dạy hai bài hát. Một là bài "Guantanamera" là nhạc "nước anh em" Cu-ba, vì lời tiếng Tây ban nha chẳng ai hiểu gì cả, mà lời Việt thì hoàn toàn... phi cách mạng. "Hàng cây dừa non dưới trời mây xanh." Bài thứ hai là bài "Cô gái vót chông" vì, theo ông, "nhạc hay và lời thật tiếu lâm"!! Đó là những lối thoát rất hẹp trong rừng nhạc chi chít chuyện đánh cho Mỹ cút ngụy nhào.

Khi ấy, Trịnh Công Sơn còn đi Khe Sanh, Võ Văn Kiệt chưa vớt về. Chuyện này tôi mới biết sau khi Trịnh Công Sơn đã mất, chứ lúc đó thì lo chuyện mình chưa xuể, công đâu để ý xem các nhạc sĩ đã đi đâu và về đâu.

Thế rồi, nhạc Trịnh Công Sơn tái xuất hiện. Chúng tôi mừng vì lại được hát những sáng tác của một nhạc sĩ lớn của miền Nam. Lúc đầu chỉ có hai bài, "Em còn nhớ hay em đã quên" và "Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui." (Nếu có bài nào khác xuất hiện sớm hơn thì tôi không biết.) Nhạc Trịnh Công Sơn như một làn gió, tuy không hẳn là hoàn toàn mát rượi tính tự do, thổi vào cái lò nung hầm hập của nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa. Và nhất là nó là nhạc công khai, không bị cấm.

## Em Ra Đi Nơi Này Vẫn Thế, Vẫn Có Em Trong Tim Của Mẹ

Tuy nhiên, sau một thời gian, ở hải ngoại bắt

đầu lên án những sáng tác mới của Trịnh Công Sơn. Bài "Em còn nhớ hay em đã quên" bị kết án là đã ngụy biện rằng Sài Gòn không thay đổi sau khi bị cộng sản chiếm và hàng ngàn người bỏ đi. "Em" đây, là Khánh Ly chứ còn ai! Mà sau khi "em" đi, thì Sài gòn khác chứ – "Sài gòn ơi ta mất người như người đã mất tên" kia mà!

Nhưng phải nhớ lại, thời gian ấy, liên lạc ra ngoại quốc, không bao giờ nói thẳng mà luôn luôn rất bóng gió. Ai không biết, hoặc không nhớ, có thể đọc "Quê Hương Thương Ghét" của Vũ Thụy Hoàng. Thư viết vậy mà không phải vậy, mỗi bức thư như một bức mật mã, viết cho người thân mà cứ như làm gián điệp. Người dân giỏi nói bóng gió để qua mặt công an, đến mức một nhà báo ngoại quốc viết về nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã đặt tựa sách là "Shadow and Wind" (bóng và gió).

Trong hoàn cảnh như vậy, Trịnh Công Sơn muốn nói gì trong "Em còn nhớ hay em đã quên," có hay không bắn tin gì, gửi cho ai, nhắn cái gì, "em" là ai, thì chỉ có Trịnh Công Sơn biết. Nhưng nếu người miền Nam mà không thích bài này, thì nó đã chết từ lâu rồi. Nó còn có người hát, là tại người mình – xin nhấn mạnh, *người mình,* đám *"ngụy"* – còn thích.

Tôi là một trong những đứa con nhà "ngụy" thích bài này. Bạn bè đi vượt biên, đi chính thức, lúc chia tay, hát cho nhau bài này, như nhắc đừng quên nhau. Như nhắn nhủ rằng mày đi tao vẫn nhớ mày, tao vẫn sống như ngày mày còn ở đây. Mày với tao đi lao động, đi trực đêm, đi trốn nghĩa vụ. Mày đi rồi tao vẫn lao động, trực đêm, trốn nghĩa vụ. Cái xứ này nó vậy, mày ra đi nơi này nó vẫn thế, vẫn cứ mưa rồi chợt nắng.

Xã hội có thể bát nháo, nhưng tình người nếu chân thật thì vẫn thế, vẫn có em trong tim của mẹ. Cái nhân bản vượt lên trên cái phàm trần.

Ừ thì có thể Trịnh Công Sơn không viết về người vượt biên mà viết về người di tản. Mà cũng có thể không. Ai mà biết! Chỉ có Trịnh Công Sơn biết.

Tôi, tôi chiếm lấy bài hát của Trịnh Công Sơn làm của tôi. Ông viết cho ai tôi không cần biết, tôi lấy bài của ông tôi hát cho bạn tôi đi vượt biên, đứa đi thoát, đứa bị bắt, đứa làm mồi cho biển sâu.

Tôi tin rằng, như tôi, nhiều người khác cũng thích bài hát này vì những lý do rất riêng tư. Chẳng phải giá trị của nghệ thuật tùy con mắt người xem ư?

### Mỗi Ngày Tôi Chọn Một Đường Đi, Đường Đến Anh Em Đường Đến Bạn Bè

Bài "Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui" cũng bị lên án ở hải ngoại. Thật là xạo khi đang sống ở xứ cộng sản mà bảo mỗi ngày chọn một niềm vui! Vui ở chỗ nào?

Thực ra, tôi không thích bài này lắm, vì hồi đó mà bắt tôi mỗi ngày chọn một niềm vui thì cũng khó. Nhưng bây giờ, nghĩ lại, mới thấy Trịnh Công Sơn đúng, tôi sai.

Ngày ấy, lo lắng nhiều, sợ hãi nhiều. Nhưng đúng là mỗi ngày tôi đã nhận được ít nhất một niềm vui. Nó đến từ thầy cô lo lắng dạy dỗ cho học trò học hành tử tế, từ bạn bè giúp đỡ và an ủi nhau trong những lúc khó khăn, từ cha mẹ anh em họ hàng đùm bọc lẫn nhau khi tai họa có thể giáng xuống bất cứ lúc nào.

Người Việt Nam sống trong nước lúc đó như người bị bao vây. Vậy mà bây giờ gặp nhau, nhắc lại thời gian đó, ai ai cũng có thể kể ra được những câu chuyện cảm động của đời sống thường ngày — những niềm vui nho nhỏ, lắm khi rất tầm thường — trong một xã hội rất kinh hoàng. Nhưng lúc ấy, vì đang trong tâm trạng bị bao vây, nên không ai nhìn ra điều này.

Chỉ trừ Trịnh Công Sơn. "Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui," tôi chọn "đường đến anh em, đường đến bạn bè." Không những ông chỉ ra cách đi tìm niềm vui cho mình, ông còn chỉ cách mang niềm vui đến cho người khác. "Tôi nhặt gió trời" nhưng tôi "mời em giữ lấy."

Ông không lo lắng tìm đường vượt biên, ngược lại ông "chọn ngồi thật yên nhìn rõ quê hương rồi nghĩ lại mình." Và ông "chợt biết rằng vì sao tôi sống, vì đất nước cần một trái tim." Nên ông tình nguyện "yêu đời này bằng trái tim của tôi." Nói như thế mà không bị công an văn hóa chúng nó vặn thì cũng tài – nói đất nước cần một trái tim thì rõ ràng là nói đất nước này thiếu trái tim.

Mà đúng đó là tâm trạng của mỗi chúng tôi. Trong tình trạng bị bao vây, một chút ít giúp sức, nâng đỡ nhau, đã là niềm vui lớn lắm rồi. Mà nhiều khi còn phải giúp "lậu." Xã hội chung quanh tàn ác, thiếu trái tim. Tôi và các bạn tôi, chúng tôi chẳng còn gì khác cho nhau trừ những việc làm cho nhau đến từ trong tim, và nó quý lắm.

### Đã Yêu Cuộc Đời Này Bằng Trái Tim Của Tôi

Cái hay của Trịnh Công Sơn là ở chỗ đó. Ông công khai nói lên tâm trạng của những người như chúng tôi, trong khi quanh ông toàn nhạc sĩ cách mạng và các ca khúc chống Mỹ của họ. Nhạc cách mạng dạy trẻ em tàn bạo. Nhạc Trịnh Công Sơn nhắc tôi yêu cuộc đời này bằng trái tim của tôi. Do đó, tôi yêu nhạc ông.

# ĐỢI TRĂNG LÊN, RỒI...

thảo bút
NGUYỄN-HÒA-TRƯỚC

đợi trăng lên rồi em sẽ nói những lời âu yếm của không gian thời gian anh ghé vào đây nhé đồi ngực vô ưu gõ bước ngàn dưới kia đã sẵn nệm trần ai trên chóp thinh không mây đã gài sao đỉnh núi xa về động khẽ ngủ đi lời nữa sẽ trầm môi mấy chuỗi hôn rồi chưa nhắm mắt cuộc đời mang bán đổi tương tư trên trang giấy trắng hầu vô ảnh vết đỏ em đường đi của khuya

"Đợi trăng lên, rồi em sẽ nói."

"Cảm ơn em, nhưng không cần đâu, em yêu. Dưới ánh trăng, mỗi thứ đều như mỗi hài-nhi phô-bày trọn vẹn. Trong ánh trăng, anh đọc được thứ ngôn-ngữ diệu-kỳ nơi mỗi loài thảo-mộc. Mà em với anh, chỉ là loài thảo-mộc, tuy rằng thuộc loại cao cấp."

"Em không biết nên hiểu nó, những lời anh vừa nói với em là khen hay chê. Vì chính cá-nhân anh, với em, vẫn còn là niềm bỡ-ngỡ. Anh chọn con đường tẻ về nhiều ngả. Anh trân-trọng thảo-mộc. Anh yêu hoa, lá. Anh ca-tụng thiên-nhiên. Song lại không muốn '*là*' chúng."

"Anh thật lòng lắm, lãng-mạn lắm, mà cũng thực-tế lắm nên không nghĩ mình là hoa, là cỏ. Vượt qua giới-hạn của ý nghĩa về nấc thang giá-trị mà người đời lắp sẵn, mỗi tạo-vật đều đã có sở-dụng riêng, chỗ đứng riêng. Không cái nào hơn hay kém cái nào. Mỗi thứ đều tương-đối, và tuyệt-đối trong chỗ trú tương-đối của nó. Sự đề-cao hay hạ thấp đều không cần thiết."

"Một giá-trị tự-thân. Không vời gọi sự tiếp tay. Giống như vầng nguyệt tròn khép kín trước mọi tìm đến? Đầy đủ lắm, nên thiếu vắng nguồn thông-cảm?

... Sắp cuối năm rồi. Có lẽ cần không cho chúng mình làm một tổng-kết, anh?"

"Ừ. Cuối năm. Thời-gian trôi nhanh quá. Chúng ta rất nhẹ-nhõm và cũng thật bối-rối khi bảo rằng ở đây, không như trên quê-hương mình, thời-gian '*chừng*' đi nhanh hơn. Mọi sự-kiện, khi cần thẩm-xét, chúng ta thường lấy định-chuẩn "ở-bên-mình" mà so-sánh. Ngay trong cách tiêu xài cũng thế. Cái "ở-bên-mình," cái vừa-là-không-gian-vừa-là-thời-gian, lúc nằm sâu trong tiềm-thức, đóng vai trò chủ-quan, lúc chỉ là tấm bình-phong ngoại-giới, là cái cớ để chúng ta dựa vào. Tổng-kết? Em nghĩ thế nào? Mỗi ngày sống, tự nó đã là một tổng-kết. Có đâu hơn đây, sau phút thu xếp sổ sách, rời văn-phòng, xuống parking, mở cửa, ngồi dựa vào nệm xe, mấy ai không thở phào tự nghĩ, hoặc nói ra tiếng, "Ôi chao! Thế là xong một ngày!"? Ý tiếc rẻ hay mừng thoát trong câu là chưa vội nói đến."

đưa tay chỉ về chân trời:

"Vầng trăng sắp thức từ trong mây kia là vầng thứ mười hai của năm. Hào-sảng lắm, chúng ta cũng phải cho rằng thời-gian chỉ sản-sinh chừng đó vầng trăng. Con người chúng mình dưới trần này thì giàu có hơn nhiều. Mỗi tháng chúng ta mỗi đếm. Thế mà chỉ 30 ngày sau là đã quên khuấy con số của tháng trước dừng tại đâu. Người thiếu thốn không bao giờ đếm nhầm hoặc quên đếm. Kẻ phong-lưu chớ hề biết gia-sản của mình."

"Chúng ta làm cho sinh nở rồi lại làm hao hụt. Sự giàu có của chúng ta nằm bên ngoài tâm của ngọn đèn. Đếm làn phát sáng là hai, ba, trăm, ngàn... đều được cả. Nhưng nhất định không ai muốn khởi, và dừng tại hạt noãn, một."

"Không hẳn là chẳng ai muốn, mà là vì có muốn cũng không được. Thỉnh thoảng chúng ta cũng biết lơi chân bên này đường ranh cấm."

thở, trong hơi có khói:

"Bởi vậy mới xin anh hãy đợi trăng lên rồi, em sẽ nói. Anh bỏ tay xuống đi. Ngón tay anh chẳng những không giúp em nhìn thấy, mà sẽ còn che mất một phần trăng '*của em*' kia."

*

Bây giờ có lẽ cũng gần nửa đêm. Ông chỉ trông theo đường đi của trăng mà đoán. Ông không nán lại được nơi bậc thềm phân cấp giữa trẻ-trung và không-trẻ-trung. Ông ngả nghiêng như vuông thuyền giấy lỡ thả nhằm xuống làn nước không tịnh. Những mún đất bị cới xào lên theo màn vũ cuốc chẳng lấy chi làm đẹp của ông không vun thành hình dáng hoặc theo kích-thước nào. Thời-gian! Nó là tác-nhân độc nhất có sức mạnh vô song, độc nhất không tìm ra tử huyệt. Nó như ống trăng, đầy. Tròn, trơn. Khó đặt tay lên bất cứ chỗ nào của nó để bắt nó xoay theo chiều mình muốn. Nghĩ như thế, ông bắt đầu không còn thích ngắm nguyệt 15-16. Nhìn nó, ông lao-đao. Vòng càng tròn, sức quay càng kín. Gió không lọt được vào hãm bớt đà hung-hăng. Tựa như trong các giấc mơ, ông đang trườn lên ngực núi. Ông trườn

mà như trôi. Chúng không nhọn như đồi nhũ-hoa phụ-nữ. Chúng láng lẩy, chặt. *'Thiếu'* những núm những khe để ông bám ngón vào.

Một số cơn mệt tim đôi khi vẫn tạt vào thăm. Chúng là sản-phẩm chưa bị tiêu dùng tận láng trong kho hàng cũ đan vội bằng phên nứa rừng thượng-du miền Bắc mà ông miễn-cưỡng nhận trông nom. Chúng đến chẳng nhằm lúc chút nào. Có kỳ chúng còn khiến ông quên khuấy cả nội-dung của một chương sách. Sau đó ông phải đọc lại, thêm bớt, và cái mà ông đang viết, không nghi-ngờ gì, đang cấu-kết với phần đã viết để phản lại ông. Ngay cả những tên, hoặc chí ít hai ba tên của không nhiều nhân-vật chính cũng hết còn vang trong ông hồi chuông inh-ỏi vui tươi từ chiếc xe đạp thuở học trò được bố mẹ chắt bóp mua cho đi học.

Ông không đeo đồng hồ lúc cô rủ ông ra ngoài ngắm trăng. Sự quên lãng hợp ý cô. Cô bảo thật khó chịu khi đã ở nhà mà vẫn phải ngó mấy chiếc kim nhẩn-nha ngồi xích đu. Chiều cô lắm ông mới chịu rời chiếc computer. Thời-gian lúc này quý báu với ông dường nào! Ông ngao-ngán rà mắt quanh bầu ống mượt-mà của nó. Đẹp. Tuyệt đối. Lạnh. Ông vẫn hy vọng trong muôn một, nó sẽ hơi vấp trên đường quay, nhỏ xuống trên ông vài giọt hở của khởi hứng. Ông sẽ cạy vào đó, đột phá. Truyện ngắn của ông mới viết được bốn chữ. Đó là bốn chữ của đề tựa. Giống như chiếc nhãn được in sẵn dán trước vào bao. Nội-dung của nó, ông ám-thị, phải là cái chứa trong tựa đề. Chỉ cần một hoặc hai chi-tiết để không buộc tội nó chỉ là hư rỗng. Rồi trong khi viết, một vài mươi phần trăm là ông cứ theo đó mà khuếch-tán thêm. Nhưng cũng ngần ấy vài mươi phần trăm, ông không thực-hiện đúng dự-tính ban đầu. Câu chuyện xảy ra khác đi, nhiều hoặc ít. Có khi khác hoàn toàn. Thế thì đã sao? Ngay lúc ngủ, vẫn cần trở mình cho đỡ mỏi mà. Viết là làm cuộc phiêu-lưu tại chỗ. Chưa biết chớp mắt nào, con tim sẽ trở mặt với ông. Bước được dặm nào là ân-sủng nấy, cho dù đó là những dặm đường được đi lại. Sự việc còn mới với cậu em khiến ông thầm cười. Trong một lần gặp, ông có kể sơ cho cậu nghe một cốt chuyện và hẹn khi nào sửa chữa xong, sẽ đưa cho đọc. Hôm sau, cậu đến thăm. Sẵn tay, ông bốc mấy tờ giấy bảo mang về. Nửa đêm, đang thiu thiu, cậu gọi điện đến. Cậu bảo sao câu chuyện đã hoàn-chỉnh trên giấy khác hẳn những gì ông kể. Lò mò ngồi lên lục lại bản-thảo, ông mới biết mình đưa lầm cho cậu truyện ngắn khác. (hai truyện đều có chữ 'trăng.')

Nếu tình-tiết không quá nhiêu-khê, có thể ông sẽ thay đổi đề tựa. Có thể, lười quá, ông cứ giữ nguyên. Trường-hợp này, ông sử-dụng ám-thị của người khác. Ông sẽ tự đặt mình vào vị-trí của họ (đương nhiên là người sẽ đọc ông). Ông tán thưởng quan-điểm của J. P. S.: tác-phẩm của một nghệ-sĩ, khi đã tung vào công-chúng thì không còn thuộc sở-hữu của tác-giả nữa. Nó đã là sở-hữu của đám đông.

Cái đã hoàn-tất, với ông, chỉ có tên, hoặc bút-hiệu, là còn dính-dáng với ông. Ông đã "nhượng" cuộc đời của nó cho người khác. Ông đã khước-từ nó. Nó là một trong số bản khai-sinh có thể còn được lưu-trữ, song không còn được lưu-hành trong sổ bộ đời của ông.

Tác-giả không là của riêng tác-phẩm nào. Ông ta là miếng "mồi" cho chính các nhân-vật của ông.

Ông dừng chân tại chỗ. Trong khi cái mà ông tạo ra thì thiên biến vạn ảo. Ông không theo kịp chúng. Chúng đã khước-từ ông.

Tiếng gào của ý-niệm. Trong thung-lũng đá.

*

Ông đang trên đường đến sở. Vài ý mới vừa nhen. Ông huýt còi tập-họp các nhân-vật để phân công-tác. Độ nhanh của xe đo bằng độ diễn tiến của câu chuyện. Càng vào sâu, ông càng thúc thủ. Hàng ngũ lộn lạo. Đứa nào cũng đưa tay cao đòi phát-biểu. Cả nhóm nữ, an phận là thế cũng nhấp-nhổm. Sân-khấu biến thành sân vận-động. Cái mà ông phác-họa dần dần thoát khỏi ông. Ông giận lắm, buông:

"Vô chính-phủ vừa thôi nhé. Phải biết mình từ đâu mà ra. Không có tao thì chúng mày cũng sẽ chỉ nằm đâu đó trong lớp bụi tiềm-thức."

Một hình-hài chưa thành, song trong dự-tính, sẽ là nhân-vật rất đạo-đức, sẽ là chiếc trục cho các cánh quay khác bám vào, là anh cả của đại-gia-đình-các-nhân-vật; nó, giềng mối của ông đó, mối lo và nguồn giải-thoát của ông lại là đứa 'nổi loạn' đầu tiên:

"Bố ơi, điều đó thì bố đúng. Bố đúng trong lúc chúng con chưa chào đời. Chúng con chưa có hình, nhưng đã có chất. Khi chúng con quẫy người ra từ cán bút của bố (máy vi-tính chỉ là ngòi bút tinh-xảo nhất của cây bút) thì bố không còn quyền-năng nào nữa. Chúng con là lũ nhóc ăn nhanh lớn khỏe. Dầu tư-tưởng của bố xẹt xa hơn ánh-sáng, song nguồn dưỡng nuôi thả xuống theo sự xẹt nháng kia với chúng con cũng chưa đủ. Chúng con khó thể chỉ trông chờ vào đó. Chúng con phải tìm thêm lương-thực. Chúng con phải tìm cách tự mưu-sinh... Bố đừng giận chúng con. Quả táo trời, quả bóng của tri-thức, tuy răng bố không cắn vào, nhưng di-âm nổ bùng của hành-động kia vẫn bàng-hoàng trong tai, trong óc ngày nào còn con người. *Tant qu'il y aura des hommes...*

La la la...

Chúng con sinh-tồn được trong biển rừng hiện-hữu, thay vì hờn trách, bố nên lấy đó mà hãnh-diện. Tuy hết quyền-hạn trên các đứa con, nhưng bố ơi, bố không hạnh-phúc sao khi nhìn thấy chúng nó '*sống*?' Trong khi bao nhiêu đứa tật nguyền khác bị bỏ mặc với, vất lại sau dòng đời?"

"Tao không chơi chữ với chúng mày. Tao không tranh cãi với cái mà tao đẻ ra."

"Bố ơi, bố bảo bố *ouvert, open-minded.* Muốn chúng con thừa-nhận, trước hết bố phải thừa-nhận với chính bố chứ ạ?"

"Tao vẫn cho chúng mày được quyền trình-bày ý kiến đấy chứ có cấm-đoán hay hạn-chế đâu. Nhưng con ạ. Cái gì cũng phải có giới-hạn. Rìa bên kia của sự hữu-lý là điều phi-lý đấy. Tuổi tác, vai vế, thế-hệ... vẫn cần được công-nhận và tôn-trọng. Tiến-hóa phải bắt đầu từ cái '*đang*' có."

"Óc tưởng-tượng không phân-biệt ngôi thứ. Nó bay lượn trên mọi câu thúc. Nhà tù điện-tử vẫn khó ma-chiết tù-nhân. Nhà tù trí não mới là thứ làm não-nề tất cả. Các thứ nhà tù, loại nào cũng đều giam rất nhiều tù-nhân. Riêng nhà tù trí não thì chỉ nhận, và chứa mỗi tù-nhân duy nhất."

*

C. G. Jung. Nhà tâm-lý-học Thụy-sĩ này cho rằng chỉ trẻ con và các dân-tộc bán-khai mới sở-đắc hình-thức tưởng-tượng dị thường. Ông gọi nó là sơ-tượng, *archétype*. Tưởng-tượng nơi mọi dân-tộc khác, của người lớn, không vươn được đến 'chiều cao và sâu' đó. Cứ nghe một vài câu chuyện của chúng mà xem: có phải người lớn chúng ta vẫn thường xuyên xuýt-xoa vì óc tưởng-tượng lạ lùng của chúng? Cứ nhìn một vài tranh vẽ của chúng. Các đường nét, diện-mạo có khác gì nơi các bức khắc họa của người sơ cổ? Chiếc máy bay có thể chẳng cần động-cơ hoặc ống phản-lực nào. Mà vẫn bay được.

Để tự bảo-vệ trước chúng, và trước chính chúng ta, chúng ta có thể kết gọn, "ồ, trẻ con đấy mà!"

Trong vài cơn mơ, ông bay được trên những chiếc máy bay không động-cơ, không phản-lực, thậm chí không cả cánh. Chẳng phải có thời ông mơ học được phép đấy ư? Chỉ để vù lên mây, mở thần-nhãn-thần-nhĩ mà nhìn mà nghe cho thỏa tò-mò. Rồi khi bắt đầu nhiễm bóng hình nàng thơ, đám mây sẽ là phương-thức đưa ông vèo đến trước cổng nhà cô gái (tưởng-tượng dừng lại đây). Chỉ trong mơ, ông mới tìm về được cội-nguồn xa xưa mà trong cõi nhân-sinh la-đà này biết tìm đâu cho ra chiếc máy bay nào bay được tới đó, và có thời-gian nào vào lúc ấy chịu rút ngược guồng tơ của nó về nơi ông muốn?

Ông vẫn bay được trên những không-gian. Ông đã đứng nhìn về hai cực. "*Le silence éternel de ces espaces infinis m'effraie.*" (Blaise Pascal, Pensée.) Ông là con kiến cô-đơn. Không! Ông không run sợ. Ông '*đang*' là trẻ con. Trẻ con chưa biết sợ là gì. Chân tay chúng trơn láng. Chúng bám vào được những thứ trơn láng. Từ đó, ló hiện các núm, khe, kẽ hở của thứ không-gian-thời-gian của buổi nguyên-đán.

Ông đang viết. Ông thích lời của nhà văn nữ Việt-Nam nào đó, đại ý, khi sáng-tác, tác-giả là Thượng-Đế. Cuộc sống, cuộc chết, sự dời chuyển, biến tính của và nơi các nhân-vật hoàn-toàn nằm trong quyền phép khả-thi của tác-giả.

Thế mà đứa con của ông, kết-phẩm của bao trườn-trở-lăn-nhồi-nặn của ông, thoát khỏi được năm-ngón-tay người tạo ra nó. Năm ngọn ngũ-hành của ông chưa đủ mầu-nhiệm nhốt chúng vào. Mệt nhoài. Ông sợ cật-vấn chính ông.

Như vậy, nó phải là khí, là hư. Chỉ ở thế đó thì mới thực-hiện được kỳ công này. Chỉ có cái cực cùng thô-sơ mới dám đối-thoại với cái cực-cùng tinh-tế.

*

"Em già rồi. Sáng qua. Chỉ sáng qua, ý nghĩ mình già rồi mới lóe lên trong em."

"Anh chưa bắt được ý nghĩ của em. Hay anh cũng già thêm khi nghe em nói? Đầu óc con người, nếu nghỉ-ngơi lâu quá sẽ bị lão-hóa, giống như chiếc xe để hoài trong garage."

"Có bao giờ anh chịu để cho đầu óc mình được nghỉ-ngơi? Anh là người ù-lì trong việc vận-động tứ chi. Song lại quá tất-bật trong việc điều-động trí não. Anh là vị nguyên-soái trên một chiến trường lúc nào cũng chỉ vừa khởi sự."

"Các nhân-vật của anh làm cho anh tê liệt. Chúng âm-mưu hạ bệ anh, làm một '*coup d'Etat.*' Thời-đại mới cung-cấp thêm tư-tưởng và trang-bị vật-chất cho chúng. Cuộc tương tranh thật đáng sợ. Anh đối đầu với chính trái tim anh!"

"Đó, theo em, không là điều quan-ngại. Mà trái lại."

"Áo mặc không qua khỏi đầu. Anh hơn một lần bảo với thằng '*chef*' của chúng như vậy. Anh muốn nó làm trung-gian chuyển-tải những gì anh nói đến các anh chị em của nó."

"Thế nó trả lời anh ra sao?"

"Nó trả lời anh rất lễ phép, nhưng rất thẳng-thắn. Ngôn-ngữ mới của chúng nó hình như lại chứa nhiều '*arrière-idée*,' hậu ý, hơn ngôn-ngữ cổ của chúng mình. Anh khó chịu, song không mấy mỏ nó được gì. "

"Thần-tượng đã vào lúc hoàng-hôn?"

chua-chát:

"Nếu được thế cũng an-ủi tí chút. Tuy nó

không, hoặc chưa nói ra, song trong ngữ-điệu và cách thể-hiện ngữ-điệu của nó, chưa bao giờ anh là thần-tượng trong mắt nhìn của chúng."

"Anh có thể nói rõ hơn?"

"Chúng muốn xem anh như người... cùng vai. Nói trắng, chúng muốn đối-thoại thẳng-thắn với anh như với người... bạn. Sinh-mệnh chúng nó, chúng nó muốn cùng anh bàn-tính xem phải định-đoạt cách nào."

"Đâu là trở lực?"

"Sao lại không? Chúng nó có hình-thù. Chúng là tạo-phẩm. Giờ, chúng muốn luôn là tạo-nhân. Một mình chúng muốn giữ cả hai vai. Chúng vừa là người đi dạo, vừa là người nhìn mình đang đi dạo. Chúng muốn vượt qua cả anh, người ban phát cho chúng sự sống."

"Em vừa nói, em bắt đầu có ý nghĩ: mình già rồi..."

ngắt ngang:

"Em lạc đề vừa chứ! Chuyện này liên-hệ gì đến cái mình đang nói?"

"Sao lại không? Nếu em không còn là người mà anh yêu cách đây phần tư thế-kỷ, thì chính anh, anh cũng không còn là người mà trước kia đã cho em bàn tay."

"Em vòng-vo quá. Anh nhức đầu ghê. Sao không thẳng-thắn như nó có hay hơn không? A. Nói thế không phải là anh đồng ý với nó đâu. Anh còn đang bực-tức với chúng nó lắm đây."

"Anh cho chúng hơi sống. Nhưng anh không thể sống hộ chúng, không thể cho chúng đầu óc. Dầu muốn, anh cũng không thể *'là'* chúng được. Anh không thể ích-kỷ nếu anh không muốn vô tình biến hơi sống mà anh thổi phù vào các tượng đất kia hóa thành hơi chết."

hình như muốn kết-luận:

"Phải học bơi khi ngày một ngày hai chúng mình cũng sẽ tiến đến bến sông. Phải chuẩn-bị cho bước kế-tiếp, không cho ai khác, mà cho chính mình khi các đứa con mình đã lên da lên thịt. Như một chồi đâm từ thân cây. *'Vươn cao là tách dần.'* Chẳng lẽ anh chối bỏ những gì anh đã viết?"

"Em đẹp lắm, và mãi đẹp, trong tia nhìn của anh. Em cứ thản-nhiên ngỡ-vực cá-nhân anh, song chớ nên bao giờ ngờ-vực tình yêu của anh. Em vẫn là cánh hoa e-ấp của trường nữ LVD những năm về xưa. Dẫu các chất béo của mảnh đất này có làm cho cây người của em xum-xuê tròn-trịa hơn, nhưng nó lại khiến em hiện ra thêm phần hấp-dẫn. Còn anh, các chất béo của đời đó vẫn không đóng vành chung quanh tia mắt của anh được. Anh vẫn yêu em. Tuy cuộc sống của em không phát từ anh, song sự chuyển-biến và tồn-tại của em được duy-trì trong cảm-hứng sáng-tạo của anh. Em là nhân-vật duy nhất không phản lại anh."

"Nói, trên ý nghĩa tình-yêu và tồn-sinh thì được. Nhưng trước đó, trên ý nghĩa hiện-thể thì anh hoàn toàn sai. Em và anh, đứa này không làm nên sự hiện-diện của đứa kia. Chúng ta, cũng như những con người yêu thương nhau khác nữa, người này dựa vào người kia mà sống, mà góp nhặt để tự phong-phú.

... Em vẫn chưa chấm dứt được nếu chưa hết câu này. Đứa con rời gia-đình đi xa lập nghiệp không làm cuộc phản-bội. Trên thân-thể nó, vẫn còn chút vết-tích của nơi nó tách lìa. Cành đào, cựa từ thân, dẫu phát-triển, và sau đó vượt hẳn tầm vóc mẹ, vẫn không được gọi bằng một tên khác. Lối đi đã ngầm sẵn lối về. Một mai em, vì lý-do nào đó mà phải xa anh, đừng gán cho hành-động kia tính-từ phản-bội."

"Đương nhiên anh hiểu em không muốn nói về cái chết?"

"Chúng ta không như tán đường. Khi thôi chảy vì sức nóng thì hãy còn chất dính. Tư-tưởng chúng ta không khuôn-khắn vào nhau mà không tia hở. Vẫn còn khoảng cách tế-vi. Anh, cũng như em, hãy là sự tương-đối và tuyệt-đối trong thân-phận tương-đối của mình."

*

"Cứ nhìn bậc thang mà trăng đang đứng kia, nếu ngay phút đầu chúng mình hôn nhau thì giờ cũng được đến hai lượt. Em nói đi!"

"Không cần đâu, anh yêu. Em không thể không thở khi đang nói hoặc khi chuyển ý thành lời. Hơi thở là sự sống, song nó lại làm mất tính liền-lạc khi chúng ta muốn truyền-đạt ý sống cho nhau. Cứ nhờ ánh trăng nói thay cho em, cho anh. Anh hãy vận-dụng đến tối ưu óc tưởng-tượng của anh xem trong ánh trăng có hạt li-tử nào tách lìa khỏi các hạt bạn bè của nó?"

"Óc tưởng-tượng-sáng-tác của anh không làm được điều đó. Nhưng óc tưởng-tượng-tình-yêu của anh thì lại khác. Nó bất-hoặc. Nó có trước thời-gian và sẽ tàn sau thời-gian. Nó nóng. Anh sẽ dùng cái thứ hai này như chiếc phao mỗi khi anh bị hất xuống vũng nước bị đào lên do sự bất-lực của loại óc thứ nhất."

"Em sung-sướng quá. Em không cảm thấy, không thật già chút nào. Nghe lại anh nhé, nhưng thật sự là chúng mình hãy bắt đầu nghe nhé dạo khúc ánh trăng, trước khi chúng mình hôn nhau, của Beethoven; và sau khi mình đã hôn nhau, của Debussy."

*mười hai, 26, 01*

QUẬN CAM

### Ra mắt tập truyện Phòng Triển Lãm Mùa Đông của Thơ Thơ

Hơn một trăm thân hữu và khách yêu chữ nghĩa đã tham dự buổi giới thiệu tập truyện Phòng Triển Lãm Mùa Đông của nhà văn nữ Thơ Thơ do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) tổ chức tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào chiều ngày thứ Bẩy Mồng 9 tháng Ba năm 2002. Buổi ra mắt còn được sự hỗ trợ của Hội Ái Hữu Cựu Nữ Sinh trường Gia Long trong một chương trình văn nghệ chọn lọc với tiếng đàn dương cầm của Vương Hương.

Cô Y Sa, Tổng Thư Ký Hội VAALA, điều hợp chương trình lần lượt giới thiệu các nhà văn Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Mộng Giác, Duy Lam, Phạm Phú Minh, nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc đã lên diễn đàn nói về tác giả và tác phẩm.

Thơ Thơ là một cây bút nữ, cháu ngoại của nhà văn Hoàng Đạo, một cây bút chủ lực của nhóm Tự Lực Văn Đoàn từ thập niên 1930 và 1940. Ngày nay cô được xem là thế hệ thứ ba, tính từ thời Tự Lực Văn Đoàn mà các nhà văn như Duy Lam, Thế Uyên, Tường Hùng... được xem là thế hệ thứ hai. Theo như nhà văn Hoàng Khởi Phong cho biết ..."dù Thơ Thơ là cháu ngoại Hoàng Đạo, cô có liên hệ huyết thống với Nhất Linh, Thạch Lam, Duy Lam, Thế Uyên... nhưng trong phương diện chữ nghĩa cô là Thơ Thơ, không cần vặn ngược trục thời gian để trở lại với chữ nghĩa của thời Tự Lực Văn Đoàn."

Tác giả Thơ Thơ đang phát biểu

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho rằng văn của Thơ Thơ cũng là con người của Thơ Thơ. Hồn nhiên nhìn cuộc đời với đôi mắt trẻ thơ nhưng không hề ngây thơ cả tin vào những thứ huyễn hoặc giả mạo của thế giới người lớn...

Nhà văn Duy Lam nói rằng Thơ Thơ là một cây bút độc đáo có những nét riêng sắc sảo và độc đáo đi vào từng ngõ ngách phức tạp của tâm hồn, trong khi Phạm Phú Minh thì nhấn mạnh đến khía cạnh kiến thức dồi dào trong văn chương của Thơ Thơ, và cho rằng nếu không chịu khó tìm hiểu sâu đề tài mình viết, một nhà văn khó lòng đi xa được.

Nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc ghi nhận Phòng Triển Lãm Mùa Đông của Thơ Thơ gồm có 14 bài viết với những dạng thể và chủ đề khác nhau, có thể nói một số truyện được viết dưới dạng tùy bút, hai thể loại này đã làm cho mơ và thực, ngoại giới và nội tâm hòa trộn lẫn nhau, xoắn xít lấy nhau.

Vì Thơ Thơ là một cựu học sinh trường Gia Long ở Sài Gòn trước kia, nên bà Kim Đức, chủ tịch Hội Ái Hữu Cựu Nữ Sinh trường Gia Long và bà Bạch Thu Hà cựu giáo sư, thay mặt cho một số bạn hữu lên ngỏ lời chúc mừng tác phẩm Phòng Triển Lãm Mùa Đông cùng tác giả của nó.

Trong phần cảm tạ quan khách, nhà văn Thơ Thơ cho biết viết văn là công việc thích hợp và dễ dàng nhất đối với cô khi cần diễn đạt những ý tưởng hay tình cảm của mình, so với các loại hình nghệ thuật khác như nhạc, họa... mà bà đã từng thử.

### Triển lãm đặc biệt tại Golden West College: Khuôn mặt Đức Phật qua nhiều thời đại, nhiều quốc gia

Một cuộc triển lãm đặc biệt với 43 tượng Phật lớn nhỏ qua nhiều thời đại và nhiều quốc gia được tổ chức tại trường Đại Học Goleden West College, từ ngày 11 tháng Ba kéo dài cho đến 19 tháng Tư năm 2002. Cuộc triển lãm có chủ đề The Many Faces Of Buddha, do ông Darrell Ebert chịu trách nhiệm tổ chức.

Đặc biệt trong số 43 bức tượng của chín quốc gia Đông Nam Á, có bốn bức tượng Việt Nam được thực hiện từ thế kỷ thứ 18 và 19. Trong số bốn bức tượng này có ba tượng bằng gỗ cao khoảng sáu tấc; hai bức sơn son thếp vàng, một

tượng Phật Thích Ca và một tượng Phật Bà Quan Âm. Một tượng Phật ngồi trên lưng sư tử sơn mài, thực hiện khoảng thế kỷ 19 chạm trổ rất công phu. Một tượng Phật ngồi bằng đồng và bằng bạc thực hiện từ thế kỷ thứ 18.

Trong số những tượng Phật còn lại có nhiều tượng đã được các nhà điêu khắc thực hiện từ cả ngàn năm nay với nghệ thuật cổ truyền của từng quốc gia của Ấn Độ, Sri Lanka, Tibet, Trung Quốc, Nhật Bản, Cambodia, Thái Lan, và Indonesia. Các nghệ nhân đã thể hiện những tượng Phật Thích Ca, Phật Bà Quan Âm và các vị Phật khác theo ảnh hưởng văn hóa từng quốc gia của mình. Tượng được làm bằng chất liệu đồng, đá hoặc gỗ. Tượng cổ nhất là tượng Phật bằng đồng của Tibet thực hiện khoảng thế kỷ thứ 11 và tượng đồng Phật Tara đứng có cẩn đá quý thực hiện khoảng thế kỷ thứ 13.

Ông Darrell Ebert, người thực hiện cuộc triển lãm này là một cựu chuyên viên du lịch, một điêu khắc gia, một giáo sư đại học, từng đi nhiều nơi trên thế giới. Những năm gần đây, ông đã viếng thăm vùng Đông Nam Á và thích thú với những sưu tầm tượng Phật cổ tại đây. Cuộc triển lãm này trưng bày tượng đủ các vị Phật mà ông đã sưu tầm được, bằng cẩm thạch, bằng đá, bằng đồng, bằng gỗ... Người đi xem triển lãm cảm thấy may mắn vì rất hiếm khi được thưởng lãm một lúc nhiều tượng Phật qua nhiều thời đại của nhiều quốc gia như thế.

## Lễ Cầu Siêu thi sĩ Mặc Thu tại Quận Cam

Tại chùa Liên Hoa, thành phố Garden Grove, Nam California, hơn 50 văn nghệ sĩ các giới cùng với thân quyến của nhà văn quá cố Mặc Thu đã làm lễ cầu siêu cho ông, vào trưa ngày Thứ Bẩy mồng 9 tháng Ba năm 2002 dưới sự chủ trì của Hòa Thượng Chơn Thành.

Văn thi sĩ Mặc Thu tên thật là Lưu Đức Sinh đã từ trần tại Sài Gòn, Việt Nam vào sáng ngày Mồng 1 tháng ba năm 2002, hưởng thọ 80 tuổi. Ông là một nhà văn, nhà báo kỳ cựu từ trước năm 1954 tại Hà Nội. Năm 1954 ông di cư vào Sài Gòn, tổ chức cơ sở báo chí và xuất bản. Ông đã làm việc tại báo Tự Do với sự cộng tác của nhiều nhà văn nhà báo khác như Lê Văn Tiến, Đinh Hùng, Vũ Khắc Khoan, Hiếu Chân, Mặc Đỗ...

Ngoài việc làm báo ông còn sáng tác nhiều tác phẩm văn học, kịch thơ cũng như thực hiện nhiều chương trình phát thanh của đài Phát Thanh Quốc Gia Việt Nam.

Sau năm 1975, nhà văn Mặc Thu đã bị Cộng Sản Việt Nam cầm tù suốt 12 năm liền ở các nhà tù Chí Hòa, Phan Đăng Lưu, các tại tù Gia Trung và Hàm Tân.

Ông bà Mặc Thu đã sang định cư tại Hoa Kỳ theo diện gia đình đoàn tụ. Thời gian gần đây hai ông bà cùng về Việt Nam thăm gia đình vì ông bà còn tám người con và rất nhiều cháu tại Việt Nam. Ông mất tại Saigon và tang lễ cũng cử hành tại Saigon.

Tham dự lễ cầu siêu tại chùa Liên Hoa có sự hiện của một số văn nghệ sĩ như gia đình Phạm Duy, Nguyễn Hiền, Tuấn Khanh, Cao Tiêu, Thảo Trường, Viên Linh... cùng nhiều thân hữu khác trong giới văn nghệ.

## Tổ Hợp Gió giới thiệu thi phẩm Thơ Dạ Nhiên 2

Hơn một trăm văn nghệ sĩ, đại diện một số đoàn thể và bạn đọc yêu thơ đã tham dự buổi ra mắt tập thơ Dạ Nhiên 2 của thi sĩ Dạ Nhiên tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, Giáo Phận Orange vào chiều ngày Chủ Nhật Mồng 10 tháng Ba năm 2002 với một chương thi ca phong phú trong bầu không khí thân mật và ấm cúng.

Sau nghi thức khai mạc, bà Kim Đức và ông Nguyễn Viết Hưng điều hợp chương trình đã giới thiệu thi sĩ Du Tử Lê lên diễn đàn. Ông nói có người ra nhiều tập thơ hay nhiều sách chưa hẳn là thi sĩ hay là nhà văn. Nhưng cũng có người chỉ cần một vài tác phẩm cũng đủ cho giới thưởng ngoạn xem như là một thi sĩ hay là một văn sĩ. Du Tử Lê nói Dạ Nhiên là một thi sĩ đúng nghĩa mà sáng tác của bà là một minh chứng.

Hai nhà văn Bùi Bích Hà và Quyên Di đã trình bầy những ý kiến của mình về thi phẩm Dạ Nhiên 2 cũng như về tác giả Dạ Nhiên. Chương trình còn lồng trong một chương trình thi ca với sự đóng góp của Đặng Tuyết Mai, Mai Ngọc Khánh, Kim Ngân, Hà Phương, Ngô Tín...

Dạ Nhiên, tên thật là Kim Thúy Hằng, sinh trưởng tại Hà Nội. Bà di cư vào Nam năm 1954. Bà đã có nhiều sáng tác đang trên các tạp chí văn học nghệ thuật từ thập niên 1960-70.

Từ 1970, Dạ Nhiên cũng đã từng làm xuất bản và chủ trương Tổ Hợp Gió giới thiệu nhiều tác phẩm giá trị văn học nghệ thuật.

Bà định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1992 và sáng tác trở lại từ năm 1997. Tập Thơ Dạ Nhiên xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1999, Dạ Nhiên 2 năm 2002 và bà sẽ in Mùa Đông Hà Nội, tập truyện.

Tập thơ Dạ Nhiên gồm 38 thi phẩm, dầy 120 trang. Bìa Khánh Trường, phụ bản của các họa sĩ Hồ Thành Đức, Khánh Trường Etcetera, Phan Diên, Nguyễn Cao Hiệp, Quyên Di đề tựa. Các nhạc sĩ Trần Duy Đức, Nguyễn trọng Khôi và Ngô Tín phổ nhạc các bài thơ của Dạ Nhiên./.

# SÁCH BÁO TRONG THÁNG

## Phòng Triển Lãm Mùa Đông

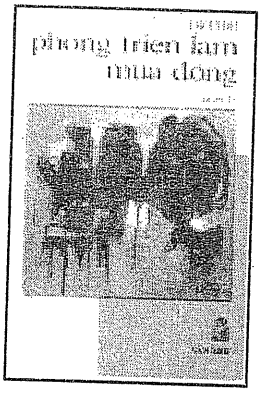


tập truyện của **Thơ Thơ**, Văn Mới xuất bản, 194 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Văn Mới, 1127 W. Gardena Blvd, Gardena, CA 90247 – USA. Tel: (310) 366-6867.

*Phòng triển lãm mùa đông* gồm mười bốn truyện, mở ra 14 thế giới rất khác nhau. Có thể bình thường giản dị như quan hệ bà cháu, mẹ con, vợ chồng, nhưng lắm khi đi vào những chiều kích tâm lý và không gian lạ lùng, đầy những khói sương lãng đãng mấp mé với một thế giới không phải là thế giới chúng ta đang sống. Nhưng dù đề tài quen hay lạ, các nhận xét và diễn đạt của tác giả Thơ Thơ luôn luôn như một giòng chảy mời gọi, vì nó vừa thật mà vừa mới vừa lạ, khiến cho ta bị cuốn vào. Nhưng văn của cô là loại văn trong sáng bình thường, cô không làm một cuộc cách tân nào có thể khiến ta ngỡ ngàng, nhưng trong từng câu từng chữ ta vẫn luôn luôn nhận thấy cái mới, ý và lời là một, chuyên chở và tự trình bày lẫn cho nhau. Lối viết ấy khiến người ta không khỏi liên tưởng đến văn của Tự Lực Văn Đoàn (mà Thơ Thơ là một hậu duệ, cô là cháu ngoại của nhà văn Hoàng Đạo), vẫn là sự trong sáng làm căn bản, nhưng cái bản lĩnh về cảm nhận và suy nghĩ của thế hệ thứ ba này đáng làm cho chúng ta kiêng nể và ngạc nhiên lắm.

Trong bất cứ truyện nào của Thơ Thơ cũng mang hai yếu tố "thật" và "giả". Kể ra ai viết truyện thì cũng mang hai yếu tố đó chứ không riêng Thơ Thơ, nghĩa là quan sát đời sống thực để làm căn bản, và khi viết thì thêm thắt những hư cấu của mình vào. Nhưng nơi văn của Thơ Thơ, cái thật và cái giả đều mang một trọng lượng đáng kể, rõ rệt, lắm khi làm chúng ta kinh ngạc. Trước hết về cái thật, cô không chỉ quan sát một cách đại khái bề ngoài sự việc ở đời, trái lại, trong nhiều trường hợp cô đã tỏ ra phải bỏ công nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề rất sâu trước khi viết. Khi được xây dựng với kiến thức vững, truyện tự nhiên có bề dày ngay. "Vườn lan" chẳng hạn, ai cũng thấy đó là một truyện tình yêu với các dạng tâm lý u ẩn, nhưng vì được dựng trên cái nền là cơ sở trồng lan và lòng yêu thích hoa lan nên tác giả đã hé cho chúng ta thấy đôi nét rất nhà nghề trong lãnh vực này. Chẳng hạn:

Khi nắng ngả sau đồi là lúc tôi quay lại phòng thí nghiệm. Mọi hoạt động nơi này đều tuần tự với chiều đi của nắng. Phòng thí nghiệm có hệ thống báo động nối với nhà kính và vườn lan. Tôi có thể kiểm soát tất cả trên màn ảnh lớn. Computer ở đây lưu trữ hồ sơ của tất cả mấy ngàn loài lan. Tôi có đủ dữ kiện về nguồn gốc, xuất xứ, phân loại. Hồ sơ lan cũng như hồ sơ cá nhân của một con người – tên cha mẹ, phương pháp thụ thai, đặc điểm nhận dạng, cách nuôi dưỡng, sở thích, bệnh lý, và thuốc chữa.

*(...) Mỗi ngày, trong các phòng thí nghiệm, người ta có thể tạo ra cả trăm loài lan mới. Người ta giành giật nhau thời gian và những hạt phấn hoa. Một cây lan quý rất có thể bị đánh cắp dù vẫn ở cạnh mình. Trong hội chợ lan, có người đã ăn cắp phấn hhoa để về tạo ra những phiên bản y chang.*

Trong "Độ đau của máy" sự tìm hiểu càng công phu hơn, vì tác giả đang xâm nhập vào các lãnh vực khoa học, bệnh lý, tôn giáo, xã hội và cả luật pháp với chủ đề khá lớn lao là vấn đề trợ tử (giúp người bệnh được chết) và quyền được chết để tránh sự đau đớn cho người bệnh. Hãy xem tác giả tả cơn đau:

*Bác sĩ K nhìn vào toàn bộ cơ thể bệnh nhân trên màn hình số 2, những vùng thịt ung thối phát ra những chấm đỏ rập rờn, rồi chạy đi thành những dòng sông điện đổ vào cổng đau cuối cột sống. Cổng đau ở đấy đã bị độc tố vô hiệu hóa – con đập cuối cùng đã vỡ – dòng sông đau hung hãn tràn vào những bụi sơ thần kinh, nhuộm đỏ trung khu não. Tất cả hệ thần kinh đã bốc cháy.*

*... Cái đau không còn thuần là cảm giác nữa, nó trở thành một hệ thống khống chế toàn bộ tư tưởng con người.*

Đó là cái đau vừa văn học vừa khoa học. Các mô tả như thế làm cho truyện trở nên gần gũi, sống động và thuyết phục vì người đọc cảm thấy mình đang được tiếp xúc với cuộc sống ở bề sâu của nó chứ không phải chỉ phơn phớt trên bề mặt qua một số nhận xét đầy cảm tính của một con người văn nghệ. Đây là một đặc điểm hết sức

đáng quý của Thơ Thơ, vì một người viết văn mà không có vốn kiến thức dồi dào thì không thể thành công một cách lâu dài và vững chắc được.

Nhưng cái thật và cái giả không bao giờ tách bạch thành hai khối riêng biệt trong truyện của Thơ Thơ. Cái thật là để làm nền cho cái giả, đó là những đám ruộng màu mỡ trên đó cây cối của sự tưởng tượng và hư cấu tha hồ trổ bông. Tìm hiểu, nghiên cứu là công phu của tác giả, nhưng bông hoa của tưởng tượng và hư cấu mới là tài năng. Chúng ta chứng kiến tài năng ấy trong tất cả mọi truyện. "Nhà trẻ" là một truyện chứng tỏ cái khả năng cụ thể của tác giả, đó là một hoạt cảnh đầy sống thực giữa đám nhóc con và các cô giữ trẻ, mà tác giả biết rõ đến từng chi tiết. Diễn tả tâm lý trẻ con là một trong những điểm đặc sắc của tác giả. Số truyện mà trẻ con đóng vai trò chính khá nhiều, như *Con yêu ai nhất, Ba sẽ về ngày mai, Nhà trẻ, Xin lỗi, Chuyện của Ti*, chiếm hơn một phần ba tổng số truyện. Truyện nào có dính dáng đến con nít đều rất thực, còn dính dáng đến người lớn thì rắc rối hơn, và thường lộ ra những mảng rất hư ảo.

"Vườn lan" là một chuyện tình giữa chú và cháu mà trước sau không một lần nhắc đến chữ 'yêu', chữ 'tình yêu' mà ai đọc cũng cảm thấy có một mối tình. "Mùa hè..., từng đoạn ngắn," chính là những bức tranh bằng chữ nghĩa, tả mùa hè còn thực hơn mùa hè chúng ta có trong đời nữa, nghĩa là phải đạt đến cái ảo cao độ, vì chỉ có sự trừu tượng mới thâu tóm được hết tinh thần của cái thực vào trong một bức tranh. "Một nơi để viết" là một truyện lạ lùng cho thấy khả năng đi giữa cái hư và cái thực của tác giả. Đó như là một bảng phân vai của một cuốn phim mà người ta chưa biết đích xác sẽ diễn tả cái gì, một chuyện có thực của đời sống hay là một chuyện không hề có trong đời này. Walt Disney có sản xuất một cuốn phim vẽ minh họa cho một số các bản nhạc cổ điển, trong đó có bản Symphonie Pastorale (tức Symphony số 6) của Beethoven. Chúng ta đều biết chủ đề của bản nhạc này là tả cảnh đồng quê, nhưng khi nghe nhạc, dĩ nhiên mỗi chúng ta tưởng tượng cảnh đồng quê ấy một cách. Khi coi phim của Disney thì tôi mới thấy những gì tôi đã tưởng tượng nó cụ thể quá, trong khi các hình tượng mà nhà làm phim vẽ ra để diễn tả từng đoạn nhạc nhuốm nhiều vẻ thần tiên, hư ảo, phù vân. Ngẫm lại thì chắc phải như thế thôi, tình ý của một bản nhạc cổ điển làm sao mà chỉ diễn tả bằng một cánh đồng với lúa, với cừu, với người chăn cừu và với nước mưa rơi ào ào từ một con giông? "Một nơi để viết" cũng thế, đó là thế giới sáng tác của một nhà văn, nó cũng phức tạp chẳng kém một bản nhạc cổ điển, cho nên nó cũng phải được diễn tả bằng cái ảo xen lẫn cái thực, có thể đây là chỗ tài năng của Thơ Thơ bộc lộ một cách kỳ lạ nhất.

Kể từ Tự Lực Văn Đoàn thì Thơ Thơ là thế hệ nhà văn thứ ba. Thế hệ này đã trưởng thành, đã đóng góp nhiều thành tựu về âm nhạc, hội họa, văn chương cùng nhiều lãnh vực khác. *Phòng triển lãm mùa đông* là một tác phẩm văn chương đáng kể, chứng tỏ là một sự tiếp nối xứng đáng.

### **Thiền**, *Chất liệu, Nuôi dưỡng, Trị liệu và Chuyển hóa*

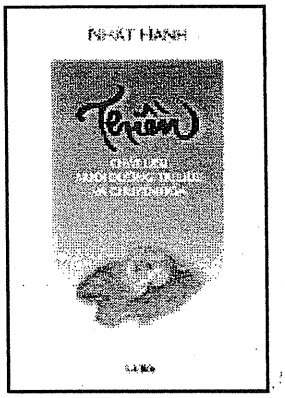


sách dạy thực hành thiền của **Nhất Hạnh**, Lá Bối xuất bản, 33 trang, giá US$6. Liên lạc: Lá Bối, 1037 E. Taylor, San Jose, CA 95112, USA. Tel: (408) 288-8873.

E-mail: laboi@langmai.org

Thiền sư Nhất Hạnh đã xuất bản rất nhiều sách về Thiền, nhưng có lẽ đây là cuốn sách mỏng nhất của ông về đề tài này. Tác giả tóm gọn một cách gọn ghẽ và dễ hiểu trong hơn mười trang định nghĩa và các ý niệm cơ bản về Thiền như niệm, định, tuệ, kết sử, tàng thức... với quá trình phát sinh và tác dụng của chúng trên con đường thực tập của một thiền giả. Tiếp theo là phần thực tập với năm bài tập về thở, như là những bước nhập môn căn bản để làm chủ cái tâm của mình và dần dần buông bỏ những yếu tố tiêu cực như đau buồn, oán giận. Phần sau cùng, như một phụ lục, là bức thư của bác sĩ Herbert Benson, người sáng lập và điều hành Viện Tâm/Thân Y Khoa (Mind/Body Medical Institute) thuộc trường đại học Y khoa Harvard, gửi cho thiền sư Nhất Hạnh. Thư có đoạn viết:

*"Trên 30 năm qua, các phòng thí nghiệm của trường Đại Học Y Khoa Harvard đã nghiên cứu một cách có hệ thống những lợi ích của sự hỗ tương ảnh hưởng giữa thân và tâm. Những cuộc nghiên cứu ấy đã chứng nghiệm rằng mỗi khi ta lặp lại liên tiếp nhiều lần một câu kinh, một câu thiền ngữ hay một âm thanh (linh chú, dharani) để cho trạng thái tán loạn của tâm ý không thể xâm nhập thì trong những lúc ấy sẽ có những biến chuyển sinh lý thuận lợi xảy ra: những biến chuyển này đi ngược chiều với những biến chuyển đã từ mang lại sự căng thẳng tâm trí."*

Cuốn sách mỏng này rõ ràng không phải là một cuốn sách dài dòng về lý thuyết, mà nhằm tới hướng dẫn việc tập thiền một cách thực tiễn. Có đoạn tác giả đã viết:

*"Đạo Bụt có khả năng đi đôi với tinh thần khoa học, hợp tác với khoa học trong lĩnh vực khám phá những sự thực tâm linh, sinh học và vật lý học. Đạo Bụt rất chuộng thực nghiệm và Bụt Thích Ca thường khuyên dạy đệ tử không nên mất thì giờ luận thuyết về những chuyện siêu hình."*

### Việt Nam Khát Vọng Tự Do Dân Chủ

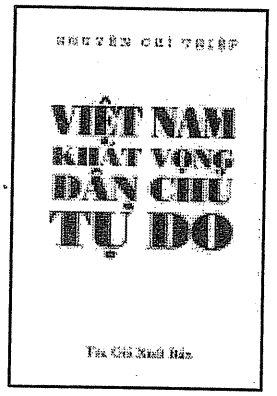


biên khảo của **Nguyễn Chí Thiệp,** tác giả xuất bản, 870 trang, giá US$28.00. Liên lạc: Thiep Nguyen, 10735 Fallsbridge Dr. Houston, TX 77065, USA. Tel: (281) 807-6410.

Tác giả sinh năm 1944 tại Quảng Nam, tốt nghiệp Học viện Quốc Gia Hành Chánh. Năm 1975 không trình diện tập trung, bị bắt tháng 9 năm 1976, bị giam tại các trại tù tại Sài Gòn, rồi Xuân Phước (Phú Yên), Long Khánh. Ra khỏi tù đầu năm 1988, tháng 5 năm đó ông đã vượt biên đến đảo Pulau Bidong, Mã Lai, và năm sau, đến Mỹ. Năm 1992 ông đã xuất bản cuốn *Hồi Ký Trại Kiên Giam.*

Cuốn sách đồ sộ này là những tìm hiểu của tác giả về những khát vọng tự do dân chủ của người dân Việt Nam, đặc biệt thể hiện nơi một số người cầm bút có dính líu đến chế độ cộng sản, hiện còn ở trong nước hay đã ra nước ngoài. Đây là một công việc tốn rất nhiều công sức và thì giờ, vì phải sưu tầm tương đối đầy đủ các tài liệu gọi là "văn thơ phản kháng" đã được xuất bản hay không được xuất bản trong nước hay tại hải ngoại, đọc, đánh giá và viết phần trình bày, nhận xét của mình.

Các tác giả được nghiên cứu gồm có: Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, Tiêu Dao Bảo Cự, Dương Thu Hương, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Hộ, Lưu Quang Vũ, Vũ Thư Hiên, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Trần Độ, Phan Đình Diệu. Mỗi tác giả được chọn một vài tác phẩm tiêu biểu để giới thiệu bằng cách lược tóm và giải thích nội dung. Lối trình bày này thích hợp cho đông đảo người đọc để hiểu được một cách khá cặn kẽ các tư tưởng chống đối và chỉ trích chế độ Cộng sản của các tác giả trên. Nguyễn Chí Thiệp đã có một cái nhìn khá công bằng và hiểu biết về những tác phẩm này, và sự giải thích nội dung của ông trở nên cần thiết đối với những cuốn sách nặng về lối ẩn dụ, tượng trưng để chỉ tính chất vô nhân và dối trá của chế độ cộng sản.

Tác giả cho rằng *"chế độ cộng sản còn tồn tại ở Việt Nam vì nhân dân Việt Nam tuy không thích chế độ cộng sản nhưng không tích cực tham gia vào phong trào tranh đấu dân chủ, hoặc ngược lại, chúng ta có thể nói, lực lượng dân chủ còn tản mác, chưa đủ sức để vận động nhân dân vững mạnh để đấu tranh cách mạng loại trừ chế độ cộng sản để thành lập chế độ dân chủ."* Với nhận xét như thế, cuốn biên khảo này coi như là một cố gắng giới thiệu một lần khá đầy đủ những khát vọng tự do dân chủ của một số người có thể xem là đại diện cho tiếng nói của đám đông thầm lặng trong xã hội Việt Nam. Khi các tiếng nói phản kháng cất lên tuy không phải là ít nhưng vẫn có tính cách tản mác vì vẫn chưa có một tổ chức đấu tranh thống nhất, thì một cuốn hợp tuyển như cuốn này sẽ có một vai trò tích cực là cho người dân một cái nhìn tổng hợp về những cố gắng trí tuệ mong muốn một nước Việt Nam được tự do dân chủ, hầu có cơ hội sánh vai với thế giới.

### Mây Trôi

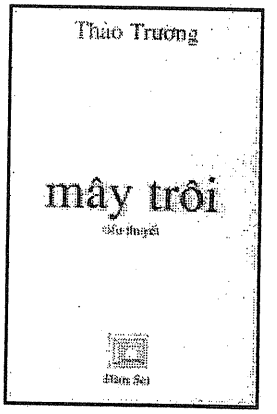


tiểu thuyết của **Thảo Trường**, Đầm Sét xuất bản, 114 trang, giá US$10.00. Liên lạc về phát hành: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster CA 92683, USA. Hoặc: thaotruong1@aol.com

Với cuốn tiểu thuyết không dài này, tác giả Thảo Trường chứng tỏ một lối viết mới: giản dị, tếu, nhiều chất tình dục. Vẫn là chuyện con người Việt Nam, thời sau chiến tranh, khoảng mươi nhân vật chính và phụ với cái đặc biệt là không người nào có tên cả, tác giả gọi họ bằng cái danh nói lên hiện trạng của họ, cái mà họ "đang là." Nhân vật then chốt của truyện được gọi là "bà" hoặc đôi khi là "nữ hoàng trầm hương" vì có dạo bà là người đứng đầu một đường dây buôn bán trầm hương có tầm cỡ. "Bà" là dân ở ngoài Bắc vào, sống ở Sài Gòn. Chồng của bà thì đơn giản là "chồng bà," một sĩ quan quân nhu Việt Cộng. Người tình của bà là "ông sĩ quan cộng hòa" hoặc "ông cựu tù." Con gái của bà mà bà gửi cho đi vượt biên sang Mỹ, sau học

đậu tiến sĩ thì có tên là "cô tiến sĩ." Các tình nhân của cô này gồm có một "ông giáo sư khoa trưởng," "một anh đồng nghiệp người da màu," "một anh học trò người Trung Đông," "chị bạn triệu phú và anh chồng bán thịt"... Ngay tên các lãnh tụ cộng sản Việt Nam cũng chỉ được gọi một cách đùa đùa là "các anh trên" theo như lối nói của cán bộ cộng sản. Cứ như thế truyện được kể, với những con người rất thật mà không bao giờ có tên. Có lẽ đã đến lúc tác giả nghĩ cái tên không cần, cái cần là chính các con người đó với cuộc sống chung quanh họ.

Một số các cảnh đời hậu 1975 tại miền Nam. Không nặng lắm về xã hội, mỗi nhân vật được khắc họa theo quan hệ của họ với nhân vật "đối tác" cho thấy hoàn cảnh cùng với quan niệm của họ trong một môi trường mà ai cũng thấy là những ràng buộc khắt khe của chế độ cộng sản đang dần dần trở thành lỗi thời. Và đặc biệt, mối quan hệ nào cũng là tình dục. Tình dục đơn phương, đa phương, kiểu ta, kiểu Tây, kiểu ông hoàng Trung Đông, kiểu người sáng, kiểu người mù... tất cả cũng chỉ nằm trên dòng câu chuyện được kể, một cách thản nhiên, giản dị, tếu tếu, nên cũng không tạo nơi người đọc một cảm giác nào... trầm trọng cả. Cái duyên kể chuyện có lẽ là điều đáng kể nhất về phương diện kỹ thuật của cuốn tiểu thuyết này.

Các cảnh đời và số phận khác nhau của cuốn sách rốt cuộc, có công dụng minh họa cho một số ý tưởng của tác giả. Chẳng hạn: "*... cuộc chiến không thể kéo dài mãi, cần phải chấm dứt nó, ở trong nước cũng như ở ngoài nước nhiều người đã nghĩ như vậy. Nhưng để chấm dứt cái cuộc chiến huynh đệ tương tàn đã tốn quá nhiều xương máu ấy thì phải có một bên thua. Ai chịu làm bên thua đây? Bên nào chịu nhục đây? Không tìm ra cách giải quyết! Cho đến năm 1975, tội lớn nhất của Việt Cộng là đã thắng trận, và chiến công lớn nhất của Việt Nam Cộng Hòa là thua trận!*"

## Giấc Mộng Đình Mai của Nguyễn Huy Hổ

tiểu luận của **Hạnh Cơ**, Làng Cây Phong xuất bản, 250 trang, không ghi giá bán và địa chỉ liên lạc.

Trong chương trình cổ văn bậc trung học ở miền Nam trước đây, chúng ta thường thấy liệt kê tác phẩm *Mai Đình Mộng Ký* của Nguyễn Huy Hổ, nhưng học sinh không mấy ai rõ về tác phẩm này, vì nó không được giảng dạy. Nhan đề của sách là Mai Đình Mộng Ký, Hạnh Cơ dịch ra thành *Giấc Mộng Đình Mai* thì có thể có người tưởng đây là một tác phẩm dịch từ Hán văn, kỳ thực nguyên bản được Nguyễn Huy Hổ viết bằng chữ nôm.

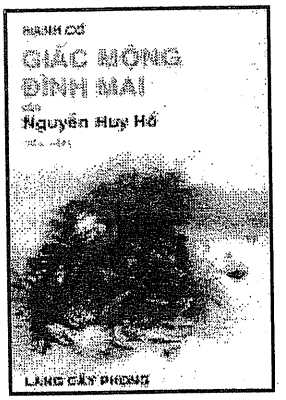


Các tác phẩm cổ của ta, dù viết bằng chữ nôm, muốn cho người thời nay hiểu được thì phải chú thích và giảng giải, vì văn ngày xưa dùng nhiều điển tích, nhiều chữ Hán, có khi là tiếng Việt cổ, mà nếu không có căn bản chữ Hán và sở học vững vàng thì khó mà nắm hết được ý nghĩa. Chính vì thế những tác phẩm được dạy trong trường như Đoạn Trường Tân Thanh, Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm v.v... đều đã được nhiều nhà biên khảo chú thích và bình giảng rất kỹ lưỡng. Riêng Mai Đình Mộng Ký thì trước đây đã có một số người chú giải như các giáo sư Hoàng Xuân Hãn và Nghiêm Toản (1951, Hà Nội), nhà văn Vũ Bằng (1956, Sài Gòn). Tác giả Hạnh Cơ thì viết xong cuốn tiểu luận này vào năm 1974, sau năm 1975 tác giả vượt biển qua Canada, gia đình gửi dần bản thảo sang, mãi đến năm 1995 ông mới đem ra sửa chữa, bổ túc để ngày nay in thành sách này.

Đây không phải đơn giản chỉ là một cuốn sách chú giải, hoặc ngay cả bình giảng, theo nghĩa thông thường của trường ốc, tác phẩm Mai Đình Mộng Ký. Đây là một cuốn tiểu luận, có phần chú giải, có phần bình giảng, nhưng viết theo một lối phóng túng với phong cách rất sáng tạo, vì thế không mang tính chất giáo khoa của các cuốn chú giải cổ văn mà ta thường thấy trước đây. Tác giả ngắt tác phẩm Mai Đình Mộng Ký ra từng đoạn, và bình giảng đoạn ấy với một lối viết vừa khảo luận vừa đầy cảm hứng, nhiều khi như là một thiên tùy bút, và đặt cho mỗi chương như thế một tên riêng, ví dụ như *Nỡ qua ngày bạc, Nghệ sĩ và say, Mĩ cảm hang động, Giai nhân trong mộng* v.v... Theo dõi những chương này, người đọc sẽ "hiểu" tác phẩm Mai Đình Mộng Ký không phải chỉ theo phong cách trường ốc, mà còn với cái tâm của một người được dẫn dắt bằng các cảm tính nghệ sĩ của một người khác.

Về phương diện nghiên cứu, Giấc Mộng Đình Mai là một cuốn sách rất tốt. Ngoài phần luận giảng nội dung tác phẩm, các phần tài liệu về tác giả và tác phẩm, các phụ lục "Khái quát về Tâm lý Văn nghệ," "Mai Đình Mộng Ký toàn văn," Mục biểu những nhân vật và tác phẩm được đề cập trong sách và mục Tài liệu tham khảo chứng tỏ tác giả là người nắm rất vững phương pháp nghiên cứu, và do đó, giúp ích cho người đọc rất

nhiều. Một cuốn sách rất giá trị trong việc tìm hiểu một án văn cổ Việt Nam.

### Ải Nam Quan

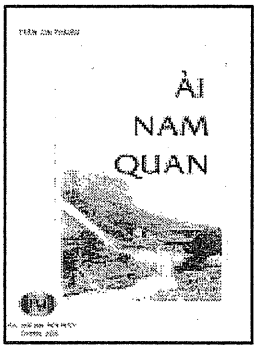


biên khảo của **Trần Gia Phụng**, Non Nước xuất bản, 135 trang, giá $8.00. Liên lạc: Trần Gia Phụng, P.O. Box 63015, 1655 Dufferin Street, Toronto, ON M6H 4H8, Canada.

Ải Nam Quan, cửa ải cực bắc của Việt Nam thông với nước Tàu, đã hiện diện trên thực địa cũng như trên bản đồ trải nhiều thế kỷ, gần đây bỗng nhiên thành một đề tài thời sự nóng bỏng, vì có tin Việt Nam đã bị mất cửa ải đó, do đảng cộng sản Việt Nam dâng nó và nhiều đất khác dọc biên giới cho Tàu. Suốt mấy tháng nay, tài liệu, bình luận, hình ảnh về cửa ải này được đưa ra công luận rất nhiều tại hải ngoại và trong nước, cả nhà cầm quyền Việt Nam cũng lên tiếng. Nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên sau biến cố "hiệp ước biên giới" bùng nổ, một quyển sách về ải Nam Quan được xuất bản với mục đích trình bày tổng quát vấn đề đang được chú ý này. Nội dung sách được tác giả tóm lược như sau:

"*Mở đầu, bài 'Ải Nam Quan trong lịch sử' viết về lịch sử ải Nam Quan và diễn tiến đưa đến việc nhà cầm quyền cộng sản trong nước nhượng ải Nam Quan cho bắc phương. Bài '30-4-1975: tiền đề đưa đến sự cố ải Nam Quan' phân tích nguyên nhân sâu xa và lâu dài của việc mất ải Nam Quan. Nhân cơ hội trình bày về biến cố 30-4-1975, đã đến lúc người Việt thử nhìn lại biến cố nầy để khẳng định 'ai thắng ai', và từ đó nhìn về tương lai của đất nước một cách lạc quan hơn. Bên cạnh ba bài chính, sách này sưu tầm lại hai áng thơ của Trần Tuấn Khải * và Hoàng Cầm về cậu chuyện hai cha con Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi từ biệt nhau ở ải Nam Quan, rất cảm động và hùng tráng.*"

Phần hình ảnh và bản đồ gồm có: Hình ải Nam Quan trước năm 1903; bản đồ các hướng tiến quân từ Trung Hoa tiến công nước ta; hình ải Nam Quan năm 2001; bản đồ phân chia vịnh Bắc Việt theo hiệp ước ngày 25-12-2000.

* *Trong Lời Nói Đầu ghi lầm là Trần Tuấn Kiệt (TK 21)*

### Từ Điển Tiếng Huế của Bùi Minh Đức

**Đoàn Thanh Liêm** giới thiệu

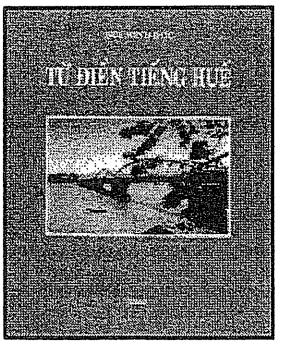


Cuốn Từ Điển Tiếng Huế của Bùi Minh Đức là món quà rất quý báu cho những ai có niềm say mê văn học, muốn tìm hiểu sự phong phú của ngôn ngữ. Đây là một công trình sưu tập rất công phu mà tác giả đã để tâm nghiên cứu, tìm tòi tra khảo suốt trên mười năm. Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, hiện là Viện Trưởng Viện Việt Học tại Quận Cam, đã đánh giá trong bài tựa: "*Cuốn từ điển phương ngữ của tác giả Bùi minh Đức là cuốn đầu tiên có quy mô trong loại từ điển phương ngữ ở Việt Nam.*"

Sách được in trên giấy khổ lớn, dày hơn 500 trang, bìa cứng với mẫu chữ trang nhã dễ đọc. Chỉ cần lướt qua phần trưng dẫn "Tài liệu tham khảo" ở cuối sách, người đọc đã cảm thấy yên tâm rằng tác giả họ Bùi đã cống hiến cho chúng ta một công trình nghiêm túc, đáng tin cậy. Riêng số các từ điển được tham khảo đã lên tới 40 cuốn, từ cuốn xưa nhất là "Từ điển Việt Bồ La" của Alexandre de Rhodes biên soạn năm 1651, cuốn "Tự Vị An Nam Latinh" của Giám mục Bá Đa Lộc in năm 1772, cho đến các từ điển gần đây nhất xuất bản năm 1998, 1999, 2000, và cả 2001 như cuốn "Tiếng Lóng Việt Nam" của Nguyễn Văn Khang do nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội ấn hành. Về sách báo tham khảo khác bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt thì có thể kể đến trên 300 cuốn, rất đa dạng uyên bác.

Do tham khảo rộng rãi như vậy nên tác giả đã trưng dẫn đầy ắp các dẫn giải, ví dụ trích từ các sách báo có độ khả tín cao. Các chi tiết phong phú dồi dào được trình bày khá gọn gàng sáng sủa.

Gọi là Từ Điển Tiếng Huế, chứ thật ra đây là một cuốn sưu tập bách khoa phổ thông, cung cấp cho ta rất nhiều kiến thức về địa lý, lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục của xứ Huế và của cả miền Trung từ năm thế kỷ qua, kể từ ngày chúa Nguyễn Hoàng khởi sự công trình khai ph đất Thuận Hóa.

Với lòng say mê nhiệt thành cộng với vốn liếng kiến thức vững chãi, tác giả Bùi Minh Đức đã miệt mài tìm kiếm, ghi chép, tra cứu, đối chiếu nơi nhiều nguồn tư liệu, trao đổi với các học giả chuyên gia khác, và nhất là về tận Huế để "minh xác tại chỗ" nữa. Nhờ lối làm việc thận trong nghiêm túc như vậy mà tác giả đã cống hiến cho chúng ta cuốn từ điển công phu này./.

# Kim Phú®

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY

GIAO DOLLAR TẬN NHÀ
LỆ PHÍ THẤP

*San Jose*
1716 Tully Road
(Góc Tully & King, gần chợ Lion Plaza)
Tel.: (408) 528-9860

*El Monte*
9611 E. Garvey Ave., #118
(Đầu Garvey Center, gần nhà hàng Mỹ Hạnh)
Tel.: (626) 444-5588

*San Gabriel*
120 E. Valley Blvd., Ste. H
(Góc Valley & Del Mar, khu chợ Newhill,
kế bên Phở 87)
Tel.: (626) 571-8707

*Westminster*
8860 Bolsa Ave., Ste A&B
(Góc Bolsa & Magnolia, khu chợ
ABC, kế bên Bank of America)
Tel.: (714) 899-3825

*San Diego*
4654 El Cajon Blvd.
(Bên cạnh nhà hàng Hương Sen)
Tel.: (619) 283-8700

TOLL FREE: 1-888-546-7489

Cần nhiều Đại Lý khắp các Tiểu Bang
Đại Lý cho Kim Phú sẽ được làm giấy tờ hợp
pháp cho khắp các Tiểu Bang tại Hoa Kỳ

Regent

*Nhà Hàng Buffet Việt Nam Kiểu Las Vegas*
*Độc Nhất Vô Nhị Tại Little Saigon*

*Muốn Có Tiệc Cưới*

# *Sang Trọng*

*tại* **Trung Tâm Little Saigon**

*Xin mời đến* **REGENT WEST**

**4717 W.First Street** *(Euclid & Newhope)*
**Santa Ana, CA 92703**

**Schedule & Price**

**From Monday through Sunday**
We apologize for some Wedding Saturdays
**DIMSUM:** 9:30 am 2:30 pm
Order Items
**From Monday to Sunday:** Breakfast and Lunch
**BUFFET:** Monday to Friday
**Lunch: $5.95 + $1** unlimited Drinks 11 am 3:00 pm
**Dinner: $8.95 + $1** unlimited Drinks 5:00 pm 10:00 pm
*Saturday & Sunday*
**Special Brunch: $8.95 + $1** Drinks 11:00 am 3:00 pm
**Special Dinner: $8.95 + $1** Drinks 5:00 pm 10:00 pm
Featuring Buffet "All You Can Eat"

LIVE MUSIC AT WEEKEND

*Regent West có những đặc điểm sau đây:*

* Thực đơn Việt Tây Tàu
* Buffet hoặc ăn cơm thổi
* Đầu bếp tàu 5 sao từ Hồng Kông, Bắc Kinh mới sang
* Phòng ăn sang trọng, sàn nhảy lộng lẫy
* Âm thanh nổi, hiện đại
* Ánh sáng tân kỳ với Laser Lights
* Sân Khấu 3D
* Bãi đậu xe rộng rãi, an ninh
* Có phòng trang điểm cho cô dâu
* Free bánh cưới Tiramisu độc nhất vô nhị
* Trang trí lộng lẫy
* Free Wedding consultation

Nhận tất cả các tiệc, thuê phòng hội họp, ra mắt CD, trình diễn kịch nghệ và cải lương.

*Mọi chi tiết xin liên lạc*

**Toll-Free 1 877 Yến Tiệc hoặc 1 877 936 8432 và (714) 531 5798**

# INTRALASIK™

## Vision Correction Redefined
## An entirely new level of Safety and Precision

*Each year, more than 1 million LASIK procedures are performed in the US. For many patients, LASIK surgery provides almost miraculous freedom from glasses or contact lenses.*

*Advances in laser technology make it possible to effectively correct an extensive range of vision disorder; however, the limitations of current LASIK technology can now be minimized with a greater safety platform.*

### VISION CORRECTION AT ITS SAFEST.

Now, precision laser technology is available to minimize the possibility of complication while maximizing comfort and safety. This breakthrough, computer-controlled, all-laser technology with its unique IntraLASIK™ software provides the surgeon with a minimally invasive approach to creating the corneal flap for laser vision correction surgery. The results are unparalleled safety for the patient and unprecedented control for the surgeon. Each corneal flap procedure is customized by the physician according to individual vision disorder and corneal anatomy. The patient may simply relax in comfort as the procedure is completed.

### SETTING NEW SIGHTS . . . SAFELY.

This new Pulsion™ FS (femtosecond) Laser from IntraLase Corp. of Irvine, California is a patented, FDA-cleared laser for the creation of precise corneal flaps. This all-laser approach is designed to replace the mechanical metal blade device used in traditional LASIK with a safe, bladeless alternative. The IntraLASIK approach is so precise that it may enable patients who have previously been dismissed as high risk to be re-evaluated for vision correction surgery. IntraLASIK not only reduces patient anxiety, but also significantly reduces or eliminates the possibility for complications that may occur with the traditional LASIK approach.

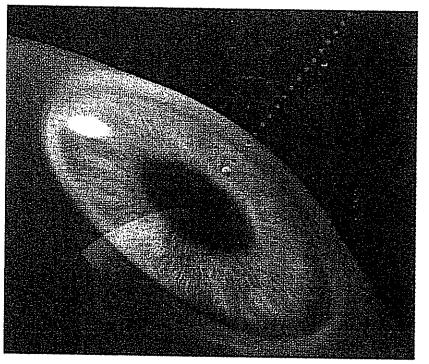

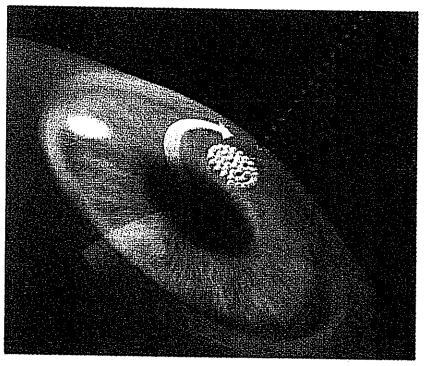

### HOW IT WORKS.

IntraLASIK guides the Pulsion™ FS Laser as it places ultra-fast, low energy laser pulses inside the cornea precisely as directed by the surgeon. The pulses gently and silently create the corneal flap, which features a unique shape designed to assist the surgeon in repositioning the flap for maximum security.

### SEEING IS BELIEVING.

Today, vision correction surgery should be one of the most rewarding decisions of your life. A choice to be made with confidence. For more information on the IntraLASIK approach to vision correction surgery, ask your eye care professional or go to www.irvinevision.com.

**(949) 453-4661**

**Dan B. Tran, M.D.** – *Diplomate American Board of Ophthalmology, Medical Director Irvine Vision Institute.*
*16300 Sand Canyon Ave*
*Irvine, CA 92618*

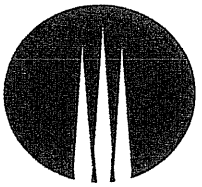


# VNCR
# VIETNAM
# CALIFORNIA
# RADIO
# 106.3 FM

**Phát thanh 5 ngày mỗi tuần**
**từ Thứ Hai đến Thứ Sáu**
**Buổi sáng: 5am đến 8am**
**Buổi chiều: 12pm đến 4pm**

**Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt**
**ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE**

*TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ*
*VĂN NGHỆ CHỌN LỌC*
*GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH*
*HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC*

**QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU**

**VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432**
Fax: (714) 534-9433 E-mail: vncr@pacbell.net
**Web page: http://kicon.com/VNCR**
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92840

# Bolsa Medical Center

**10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091**

***THUỘC TỔ HỢP Y TẾ HMO:* AMVI MEDICAL GROUP**
***CHƯƠNG TRÌNH CALOPTIMA:* AMVI/PROSPECT 27**

**Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa**
**Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn, Phòng Điều trị Khẩn Cấp & Quang Tuyến**

***Các bạn đi làm hay trong chương trình CalOptima xin hãy chọn các Bác Sĩ:***

*Bác Sĩ Gia Đình:*
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Bùi Thị Lãm Thúy, M.D.
Trần Lauren Yến Châu, M.D.

*Bác Sĩ Nội Khoa & Người Già*
Nguyễn Hữu Hùng, M.D.
Nguyễn Anh Tuấn, M.D.
Nguyễn Song Anh Tú, M.D.
Nguyễn Hữu Vượng, M.D.

*Bác Sĩ Sản Phụ Khoa*
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Vũ Quốc Định, M.D.
Hoàng Thảo Christine, M.D.

*Bác Sĩ Nhi Khoa*
Nguyễn Văn Lộc, M.D.
Hoàng Quý Minh, M.D.
Nguyễn Thanh Thùy, M.D.

*Bác sĩ Giải Phẫu Tổng Quát*
Văn Kỳ Chương, M.D.

*Bác Sĩ Đau Nhức & Gây Mê*
Paul Phạm Việt Anh, M.D.

*Bác Sĩ Tim Mạch*
Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, M.D.

*Bác Sĩ Đau nhức, Chỉnh Xương, Tai nạn Lao động*
Hinh Chris, M.D.

* Trung Tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà không cần ở lại đêm.

* Trung tâm được công nhận bởi cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

* Đầy đủ các máy Siêu Âm, Máy Tâm Đồ, Máy Đo Tim, Máy Đo Độ Cứng của Xương để phòng ngừa và truy tầm triệu chứng rỗng xương, một trường hợp rất nguy hiểm cho quý vị.

* Chuyên trị các bệnh Nội, Ngoại thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Bệnh Người Già. Đau Nhức, Tê Thấp, Mất Ngủ, Tiểu Đường, Cao Máu, Cao Mỡ, Tai Mũi Họng, Bệnh Ngoài Da, Dị Ứng, Truy Tầm Ung Thư.

* Khám tổng quát định kỳ hàng năm, khám nhập học, nhập tịch, khám sức khỏe về VN kết hôn.
* Mời quý vị đón nghe Chương Trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group hàng tuần vào mỗi trưa thứ tư, từ 2:15 - 3:15 P.M. trên băng tầng 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

***Trung Tâm Y Tế Bolsa nhận Medi-Cal, Medicare, CalOptima, và các bảo hiểm PPO.POS, EPO sau đây:***

* AETNA
* BLUE CROSS/BLUE SHIELD
* BPS HMO
* CALIFORNIA CARE
* CIGNA
* FOUNDATION HEALTH
* HEALTH NET
* INTERVALLEY HEALTH PLAN
* MAXICARE
* ONE HEALTH PLAN
* PACIFIC CARE
* PRO-PATIENT
* PRUDENTIAL/PRUCARE/PRU PLUS
* SECURE HORIZON'S
* TOWER HEALTH
* UNITED HEALTH
* UNIVERSAL CARE

**AMVI Medical Group, affiliated with Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center a TENETH HEALTH SYSTEM**

# CỬU LONG CẠN DÒNG
# BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

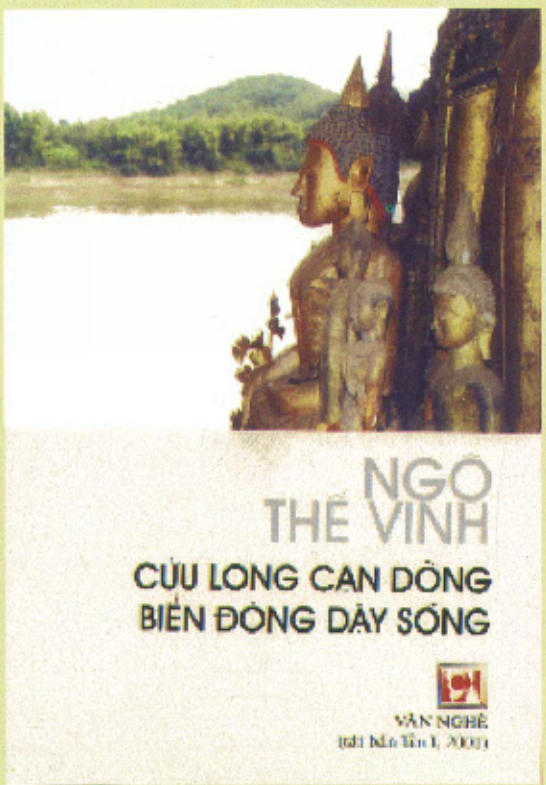


- Dữ kiện Tiểu Thuyết của Ngô Thế Vinh viết về con sông Mekong dài 4,350 Km khởi nguồn từ quốc gia Tây Tạng _ cũng là nơi đầu nguồn của 10 con sông lớn nhất Châu Á.
- Con sông Mekong dài thứ 11 của thế giới như Mạch Sống của các quốc gia Đông Nam Á với quá khứ bão bùng, tương lai thì bất trắc.
- **CỬU LONG CẠN DÒNG BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG** là tiếng chuông cảnh giác về **NGUY CƠ CẠN KIỆT** của một dòng sông vì những khai thác quá mức, điển hình là Chuỗi Những Con Đập Thủy Điện Vân Nam.
- Với điện khí hóa, kỹ nghệ hóa, đô thị hóa với chất phế thải kỹ nghệ đổ xuống sông gây ô nhiễm nguồn nước và hủy hoại hệ sinh thái của con sông mà Đồng Bằng Sông Cửu Long / Việt Nam là quốc gia cuối nguồn.
- **TINH THẦN SÔNG MEKONG** - phải là sợi dây nối kết thay vì chia rẽ do tranh chấp quyền lợi giữa các quốc gia trong lưu vực vì **"MỌI NGƯỜI ĐỀU SỐNG DƯỚI NGUỒN".**
- Cứu lấy dòng sông, cứu lấy hệ sinh thái phong phú của Đồng bằng Sông Cửu Long. **NGUY CƠ LÀ CÒN THỜI GIAN CỨU VÃN, TIÊU VONG LÀ MẤT ĐI VĨNH VIỄN.** Phải hành động trước khi trở thành quá trễ, hậu quả là gây di lụy cho thiên nhiên, con người và các thế hệ mai sau.
- Sách do **NXB VĂN NGHỆ** tái bản lần thứ nhất: 732 trang sách với nhiều hình ảnh mới và **MỘT BẢN ĐỒ MÀU ĐỊA LÝ SÔNG MEKONG VỚI CHUỖI NHỮNG CON ĐẬP VÂN NAM VÀ BIỂN ĐÔNG VỚI HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA** đang có nguy cơ vĩnh viễn đứt lìa khỏi Việt Nam.

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ 2002**
**P.O.BOX 2301**
**WESTMINSTER, CA 92683**
**Tel: (714) 934-8574, Fax: (714) 934-8514**
**E-mail: vannghe@pacbell.net**